

Số: 56/KH-THNL

Ngũ Lão, ngày 30 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH
Giáo dục Nhà trường Năm học 2024-2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 2 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ngoài giờ chính khóa; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Thực hiện Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 909/BGD&ĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 09/08/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Công văn số 357/GD&ĐT-GDTH ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thủy Nguyên V/v hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục Tiểu học;

Căn cứ điều kiện thực tế của Nhà trường trong năm học 2024-2025, trường Tiểu học Ngũ Lão xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương

1.1. Thuận lợi:

Xã Ngũ Lão nằm ở phía Đông Bắc huyện Thủy Nguyên, cách trung tâm huyện 7 km, phía Đông Bắc giáp xã Minh Tân và Thị trấn Minh Đức, phía Đông và Đông Nam giáp xã Tam Hưng - xã Phục Lễ, phía Nam giáp xã Lập Lễ, phía Tây và Tây Bắc giáp xã Thủy Triều - xã Trung Hà. Tổng diện tích tự nhiên là 525,59 ha. Khu dân cư chạy dài 2,2km theo tuyến tỉnh lộ 359. Tổng số thôn trên địa bàn xã là 11 thôn với 4 làng văn hóa. Dân số là 4.266 hộ với 14.195 nhân khẩu.

Tình hình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương tiếp tục ổn định và phát triển. Lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm; các chế độ, chính sách đối với người có công, người nghèo được thực hiện đầy đủ, kịp thời, chủ động vận động tốt các nguồn xã hội hoá xây sửa nhà cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ bảo trợ xã hội đảm bảo an sinh xã hội. Làm tốt các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ các ngày lễ lớn. Công tác cải cách hành chính có chuyển biến tích cực; tình hình an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, ngày càng được nâng lên. Xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 và đang tiếp tục hoàn thiện các chỉ tiêu nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Hoàn thiện tuyến đường trục liên thôn dài 2,25km, diện mạo nông thôn được thay đổi.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xã luôn quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

Trình độ dân trí cao, công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục, đặc biệt là năm nay - năm thứ hai triển khai tuyển sinh trực tuyến, nhà trường được sự ủng hộ nhiệt tình của các tầng lớp nhân dân và phụ huynh học sinh nên công tác tuyển sinh gặp nhiều thuận lợi và nhanh chóng.

1.2. Khó khăn

Là địa phương có quy mô hộ gia đình và nhân khẩu cao trong khu vực, địa bàn rộng và trải dài;

Mức thu nhập của Nhân dân trong xã có khoảng cách lớn. Nhiều hộ gia đình rất khó khăn;

Là địa phương có tập trung nhiều khu công nghiệp vì vậy số người địa phương khác tạm trú nhiều dẫn tới việc phát triển dân số cơ học cao;

Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên vẫn còn ở mức cao; mức sinh thay thế thấp, công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, xử lý rác thải còn chưa ổn định;

Công tác tuyên truyền các chế độ chính sách chưa sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, một số người dân chưa hiểu rõ về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nên việc yêu cầu giải thích chế độ chính sách gặp nhiều khó khăn;

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024-2025

2.1. Đặc điểm học sinh nhà trường:

Toàn trường có 34 lớp, 1341 học sinh (Khu A có 20 lớp, 805 học sinh; Khu B có 14 lớp, 536 học sinh)

Cụ thể như sau:

Khối	Số lớp	Học sinh									
		Tổng số học sinh	BQ học sinh/lớp	Nữ	Số HS lưu ban năm học trước	HS có hoàn cảnh KK	2 buổi/ngày	Bán trú	Khuyết tật	Dân tộc	Số HS nước ngoài chuyển về
1	7	281	40	113	5	5	281	78		3	1
2	7	257	37	125	1	13	257	42	2	2	1
3	6	240	40	118		8	240	57	1		
4	7	279	40	153		6	279	35	1	1	1
5	7	284	41	128		13	284	28	1	1	
Cộng	34	1341	39,5	637	6	45	1341	240	5	7	3

Tổng dân sinh 2018: 256 em.

Huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 học tại trường là 243 HS = 100% và 13 HS học nhờ .

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường

2.2.1. Thuận lợi:

Đội ngũ giáo viên tuổi đời khá trẻ. Đa số cán bộ giáo viên, nhân viên tâm huyết với nghề dạy học, có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, biết hợp tác và gắn bó với nhà trường mong muốn nhà trường phát triển. Chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm ngày một vững vàng hơn. Một số giáo viên có tay nghề tốt được Phòng GD&ĐT, Đồng nghiệp và Phụ huynh đánh giá cao.

Trường có các giáo viên được đào tạo chính quy về Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh nên thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học này một cách chủ động và hiệu quả.

2.2.2. Hạn chế:

Chưa có biên chế giáo viên dạy Tin học tại các trường tiểu học vì vậy việc triển khai dạy môn Tin bắt buộc đối với lớp 3,4,5 phải liên kết với các công ty dẫn đến gặp khó khăn trong việc thanh toán kinh phí và xếp thời khoá biểu.

Một số đồng chí trình độ chuyên môn vẫn còn hạn chế, ý thức học hỏi tự bồi dưỡng chưa cao, chưa đáp ứng tốt yêu cầu dạy học.

Trường còn thiếu giáo viên (*Tỉ lệ 1,32 GV/lớp*), chưa có giáo viên chuyên dạy Tin học và Giáo dục thể chất.

*** Về số lượng:**

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 55 đ/c (52 nữ). Trong đó : 3 CBQL, 44 giáo viên, 1 TPT kiêm Y tế, 1 Kế toán, 1 Thư viện, thiết bị kiêm thủ quỹ, 3 Bảo vệ, 2 Lao công.

*** Về chất lượng:**

Cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên có 48 đ/c = 95.8% đạt chuẩn đào tạo, trong đó: Thạc sĩ 5đ/c = 10.4%, Đại học: 41đ/c = 85.4%, Cao đẳng còn 2 đ/c = 4.2%;

Số lượng đảng viên là 25đ/c đạt tỷ lệ 52.1%.

2.3. Về cơ sở vật chất, khuôn viên

2.3.1. Thuận lợi, khó khăn

a) Thuận lợi:

Trường luôn nhận được sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND, UBND, của các Ban ngành và Phụ huynh học sinh;

Cảnh quan, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học của nhà trường đang dần hoàn thiện từng bước đáp ứng tốt yêu cầu dạy học.

b) Khó khăn:

Trường có 2 khu nên việc tổ chức hoạt động dạy học còn gặp nhiều khó khăn bất cập;

Là trường có quy mô lớn, cổng trường nằm trên hành lang 359 và đường Liên xã nên thường xuyên xảy ra tình trạng ùn tắc tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho học sinh;

Do số học sinh tăng nhanh nên hiện nay diện tích nhà trường không đáp ứng được yêu cầu tối thiểu 10m²/học sinh.

2.3.2. Thống kê số liệu cụ thể:

a) Khối phòng hành chính quản trị

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm	
Phòng Hiệu trưởng	1	1				
Phòng Phó hiệu trưởng	2	2				
Văn phòng						
Phòng Bảo vệ	2	2				
Khu vệ sinh của giáo viên	2	2				
Khu để xe của giáo viên	2				2	

b) Khối phòng học tập

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm	
Phòng học	36	36				
Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1				
Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1				
Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1	1				
Phòng học bộ môn Tin học	2	2				
Phòng học thông minh	2	2				
Phòng đa chức năng	0					1

c) Khối phòng hỗ trợ học tập

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm	
Phòng thư viện	1	1				
Phòng thiết bị	1				1	
Phòng tư vấn học đường	0					
Phòng truyền thống	0					
Phòng hoạt động Đội	1	1				

d) Khối phụ trợ

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm	
Phòng họp	1	1				
Phòng y tế trường học	1				1	
Nhà kho	1				1	
Khu để xe của học sinh	2				2	
Khu vệ sinh của học sinh	2	2				
Cổng, tường bao, hàng rào.	2	2				

2.4. Trang thiết bị

2.4.1. Hệ thống camera giám sát

Tổng số mắt thu	Năm lắp đặt	Tình trạng hoạt động	Nguồn kinh phí (triệu đồng)		Nhu cầu cần bổ sung
			Ngân sách	XHH	
12	2022	Tốt	19.090.000		
3	2023	Tốt	6.450.000		

24.2. Tivi, máy tính, máy chiếu, máy in, máy photocopy

Tên	Số lượng (chiếc, bộ)	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
Tivi dùng cho văn phòng	2	Tốt	
Tivi trên lớp học	39	Tốt	
Máy tính dùng cho văn phòng	7	Tốt	
Máy tính dùng cho học sinh	40	Tốt	
Máy chiếu	1	Tốt	
Máy in	7	Tốt	Đang hỏng 1
Máy photocopy	1	Đang hỏng	

d) Hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống nước sạch: Cả 2 điểm trường đều có hệ thống nước sạch và nhà trường đã dùng sử dụng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động, đảm bảo ổn định;

Hệ thống cấp điện: Cả 2 điểm trường đều có hệ thống điện và nhà trường đã dùng sử dụng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động, đảm bảo an toàn, ổn định;

Hệ thống phòng cháy: Cả 2 điểm trường chưa có đầy đủ các phương tiện thiết bị theo qui định. Hằng năm nhà trường có tổ chức tập huấn và xây dựng các phương án PCCC theo quy định;

Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: Nhà trường ký hợp đồng với nhà mạng VNPT, đảm bảo các lớp học, các phòng chức năng cơ bản đều kết nối internet;

Khu thu gom rác thải: Ký hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường thu gom thường xuyên.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 – 2025

A. Mục tiêu chung

1. Tổng kết đánh giá 5 năm thực hiện Chương trình GDPT 2018. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục theo điều 5,14, 99 của Luật giáo dục 2019 “Tất cả học sinh được học các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc”.

2. Thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số, Tiếp tục tập trung chỉ đạo triển khai tốt hệ thống CSDL ngành, học bạ số và quản lý hồ sơ chuyên môn trên không gian mạng, phục vụ cho việc đổi mới công tác quản lý.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để có đủ giáo viên bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý theo các chuẩn quy định.

4. Tiếp tục thực hiện chuyên đề: “Nâng cao năng lực viết văn cho học sinh Tiểu học” đảm bảo đúng năng lực của từng giáo viên và từng học sinh theo lộ trình hàng năm.

5. Tiếp tục thực hiện hiệu quả, hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; thực hiện hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm công tác truyền thông; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

6. Tiếp tục tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học.

7. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, triển khai dạy học Ngoại ngữ 1. Thực hiện xã hội hóa theo tinh thần tự nguyện trong dạy học ngoại ngữ có yếu tố nước ngoài, dạy học ngoại ngữ qua các chủ đề Toán và Khoa học;

8. Chú trọng các hoạt động thể chất nâng cao sức khỏe cho học sinh, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện thông qua các hoạt ngoài giờ học chính khóa. Phối hợp chỉ đạo công tác Đội và phong trào thiếu nhi trong các nhà trường....

9. Xây dựng trường học Hạnh Phúc. Rèn thói quen, ý thức xây dựng và bảo vệ môi trường Xanh-Sạch-Đẹp. Học sinh có ý thức phân loại rác thải cả ở trong và ngoài nhà trường.

B. Mục tiêu cụ thể

Triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với cả 5 khối lớp đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Trong năm học 2024-2025 nhà trường phấn đấu:

100 % học sinh các khối lớp được học 02 buổi/ngày;

100% học sinh toàn trường được học môn Tiếng Anh (tự chọn đối với lớp 1,2 thời lượng 2 tiết/tuần; bắt buộc đối với lớp 3,4,5 thời lượng 4 tiết/tuần);

100% học sinh lớp 3,4,5 được học môn Tin học bắt buộc (thời lượng 1 tiết/tuần);

100% học sinh lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

100% học sinh được giáo dục kỹ năng Công dân số; Hoạt động trải nghiệm; Giáo dục ATGT; GD ĐP, GDBVMT, ...

a) **Mức độ hoàn thành và phát triển phẩm chất và mức độ hoàn thành và phát triển năng lực:**

*** Mức độ hoàn thành và phát triển phẩm chất:**

Lớp	Số HS	Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
		T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ
1	281	281	212= 75,4%	69= 24,5%	202= 71,8%	79 28,1%	198= 70,4%	83= 29,6%	215= 76,5%	66= 23,4%	196= 69,7%
2	257 (2KT)	227= 88,3%	30= 11,7%	223= 86,7%	34= 13,3%	205= 79,7%	52= 20,3%	218= 84,8%	39= 15,2%	202= 78,5%	55= 21,5%
3	240 (1KT)	181= 75,4%	56= 23,3%	181= 75,4%	56= 23,3%	171= 71,3%	66= 27,5%	178= 74,2%	59= 24,6%	169= 70,4%	68= 28,3%
4	279 (1KT)	243= 87,1%	36= 12,9%	241= 86,4%	38= 13,6%	174= 62,4%	105= 37,4%	227= 81,4%	52= 18,6%	217= 77,8%	62= 22,2%
5	284 (1KT)	284= 100%	0	284= 100%	0	284= 100%	0	284= 100%	0	284%= 100	0

*** Mức độ hoàn thành và phát triển năng lực:**

Năng lực cốt lõi

Lớp	Số HS	Tự chủ và tự học		Giao tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo	
		T	Đ	T	Đ	T	Đ
1	281	183= 65,2%	98= 34,8%	179= 63,7%	102= 36,3%	182= 64,7%	99= 35,3%
2	257 (2KT)	193= 75%	64= 25%	195= 75,8%	61= 24,2%	195= 75,8%	61= 24,2%
3	240 (1KT)	166= 69,1%	71= 29,6%	167= 69,6%	70= 29,2%	165= 68,8%	72= 30%
4	279 (1KT)	212= 76%	67= 24%	216= 77,4%	63= 22,6%	211= 75,6%	68= 24,4
5	284 (1KT)	226= 79,6%	57= 20,4%	220= 77,7%	63= 22,3%	203= 71,7%	80= 28,3%

Năng lực đặc thù

Lớp	Số HS	Ngôn ngữ		Tinh toán		Khoa học		Thẩm mỹ		Thể chất		Tin học		Công nghệ	
		T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ
1	281	183= 65,2%	98= 34,8%	179= 63,7%	102= 36,3	178= 63,3%	103= 36,6%	176= 62,6%	105= 37,3%	179= 63,7%	102= 36,3%				
2	257 (2KT)	197= 76,6%	60= 23,4%	209= 81,3%	48= 18,7%	199= 77,4%	58= 22,6%	193= 75%	64= 25%	207= 80,5%	50= 19,5%				
3	240 (1KT)	165= 68,8%	72= 30%	167= 69,6%	70= 29,2%	166= 69,1%	71= 29,6%	166= 69,1%	71= 29,6%	171= 71,3%	66= 27,5%	166= 69,1%	71= 29,6%	166= 69,1%	71= 29,6%
4	279 (1KT)	212= 76%	67= 24%	204= 73,1%	75= 26,9%	206= 73,9%	73= 26,1%	207= 74,2%	72= 25,8%	218= 78,1%	61= 21,9%	208= 74,6%	71= 25,4%	212= 76%	67= 24%
5	284 (1KT)	208= 73,5%	75= 26,5%	206= 72,8%	77= 27,2%	218= 77%	65= 3%	208= 73,5%	75= 26,5%	234= 82,7%	49= 17,3%	227= 80,2%	56= 19,8%	223= 78,8%	60= 21,2%

e) Khen thưởng, hoàn thành chương trình lớp học

Đánh giá	Tổng số		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	SL	Tỷ lệ	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Xuất sắc	480	35,8	121	43%	130	50,5	112	46,6	135	48,4	104	36,7
Tiêu biểu (vượt trội)	300	22,8	55	19,5	45	17,5	47	19,6	77	28	76	26,85
HS HTCT lớp học	1341	100	281	100%	257	100%	240	100%	279	100%	283	100%

b) Đánh giá quá trình học tập tất cả các môn học, hoạt động giáo dục:

Lớp	Số HS	Tiếng Việt		Toán		TNXH /Khoa		LS&ĐL		Ngoại ngữ		Tin học		GDTC	
		HTT	HT	HTT	HT	HTT	HT	HTT	HT	HTT	HT	HTT	HT	HTT	HT
1	281	165= 58,7%	116= 41,3%	175= 62,3%	106= 37,7%	173= 61,6%	108= 38,4%			170= 60,5%	111= 39,5%			178= 63,3%	103= 36,7%
2	257 (2KT)	181= 70,4%	76= 29,6%	200= 77,8%	57= 22,2%	201= 78,2%	56= 21,8%			200= 77,8%	57= 22,2%			200= 77,8%	57= 22,2%
3	240 (1KT)	167= 69,6%	70= 29,2%	169= 70,4%	68= 28,3%	182= 75,8%	56= 23,3%			179= 74,6%	58= 24,2%	178= 74,2%	60= 25%	182= 75,8%	56= 23,3%
4	279 (1KT)	194= 69,5%	85= 30,5%	198= 71%	81= 2 9%	205= 73,5%	26= 26,5%	209= 75%	70= 2 5%	194= 69,5%	85= 30,5%	209= 75%	70= 25%	221= 79,2%	58= 20,8%
5	284 (1KT)	186 =65,7%	97= 34,3%	195 = 69%	88= 31%	203= 71,7%	80= 28,3%	212 = 75%	71= 25%	179 = 63,3 %	104- 36,7	219 = 77,4%	64= 22,6 %	226= 79,8 %	57= 20,2 %

Lớp	Số HS	Âm nhạc		Mĩ thuật		HĐTN		Đạo đức		Công nghệ	
		HTT	HT	HTT	HT	HTT	HT	HTT	HT	HTT	HT
1	281	169= 60,1%	112= 39,8%	175= 62,3%	106= 37,7%	173= 61,5%	108= 38,4%	184= 65,5%	97= 34,5%		
2	257 (2KT)	192 =74,13%	65 =25,1%	195 =75,8%	62 =24,2%	201 =78,2%	56 =21,8%	204 =79,3%	53 =20,7%		
3	240 (1KT)	178 =74,2%	60 =25%	185 =77,1%	53 =22,1%	173 =72,1%	64 =26,7%	187 =77,9%	50 =20,8%	178 =74,2%	60 =25%
4	279 (1KT)	207= 74,2%	72= 25,8%	201= 72%	78= 28%	211= 75,6%	68= 24,4%	218= 78,1%	61= 21,9%	209= 75%	70= 25%
5	284 (1KT)	195= 69%	88= 31%	200= 70,6%	83= 29,4%	223= 78,8%	60= 21,2%	248= 87,6%	35= 12,4%	216= 76,3%	67= 23,7%

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

Căn cứ khung phân phối chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị của các Tổ chuyên môn, trường Tiểu học Ngũ Lão ban hành kế hoạch dạy học đối với từng khối lớp cho các môn học bắt buộc: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên xã hội (lớp 1,2,3), Khoa học (lớp 4, 5), LS&ĐL (lớp 4,5), Nghệ thuật, Giáo dục thể chất, Hoạt Động trải nghiệm, Công nghệ (lớp 3,4,5), Tin học (lớp 3, 4,5), Tiếng Anh (lớp 3,4,5); Các môn tăng cường, củng cố/tự chọn: Tiếng Anh tự chọn (lớp 1,2), Tiết Đọc thư viện (lớp 1,2), Bổ sung Toán (lớp 1,2,3,4,5), Bổ sung Tiếng Việt (lớp 1,2,3,4,5).

Đảm bảo việc rà soát, điều chỉnh phân phối chương trình trên cơ sở đảm bảo chuẩn các phẩm chất và năng lực của học sinh phù hợp với đối tượng, cấp

học trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế theo khung thời gian 35 tuần thực học (*học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần*).

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (Phụ lục 1.1)

2. Các hoạt động giáo dục tập thể theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (Phụ lục 1.2)

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày theo nhu cầu của người học (Phụ lục 1.3):

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Căn cứ Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 09/08/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng:

Ngày tựu trường: Bắt đầu từ 29/8/2024. Riêng đối với lớp 1 tựu trường bắt đầu từ ngày 22/8/2024

Ngày khai giảng: 05/9/2024.

Học kỳ I: Từ ngày 6/9/2024 đến trước ngày 18/01/2025 đảm bảo 18 tuần thực học.

Học kỳ II: Từ ngày 18/01/2025 đến trước ngày 25/5/2025 đảm bảo 17 tuần thực học.

Thời điểm kết thúc năm học: trước ngày 31/5/2025.

Hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu cấp trước ngày 31/7/2025.

Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 30/6/2025.

Căn cứ vào quy định về Lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn huyện năm học 2024-2025, trường tiểu học Ngũ Lão quy định lịch họp hội đồng và sinh hoạt chuyên môn như sau:
Tuần 1: Họp Hội đồng, Tuần 2,3: Sinh hoạt chuyên môn khối/tổ (Tổ 2,3: chiều thứ 3; Tổ 1 và 4,5: chiều thứ 4); Tuần 4: Sinh hoạt chuyên môn trường (sáng thứ 7)

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học:

*** Học kì I:**

Tuần 1: Tổ chức “Vui hội trăng rằm” (*chiều thứ 6, ngày 13/9- Tức 11/8 Âm*).

Tuần 9: Kiểm tra giữa học kỳ 1 (*sáng thứ Sáu, ngày 08/11/2024*);

Tuần 11: Chuyên đề Đội “Tri ân thầy cô” (*chiều thứ Tư, ngày 20/11/2024*).

Tuần 15: Hội khỏe Phù Đổng (*chiều thứ Sáu/20/12/2024*).

Tuần 18: Nghỉ Tết Dương lịch (*thứ Hai, ngày 01/01/2025*); Kiểm tra cuối

học kỳ 1 (sáng thứ Sáu, ngày 10/01/2025).

*** Học kì II:**

Tuần 19: Festival Tiếng Anh (chiều thứ Sáu, ngày 24/01/2025).

Tuần 24: Chuyên đề Đội cấp huyện “Giờ ra chơi trải nghiệm sáng tạo” (chiều thứ Sáu, ngày 07/3/2025).

Tuần 27: Kiểm tra giữa học kỳ 2 (Sáng thứ Sáu, ngày 28/3/2025).

Tuần 29: Nghỉ ngày Giỗ tổ Hùng Vương (thứ Hai, ngày 07/4/2025).

Tuần 32: Nghỉ lễ 2 ngày (thứ Tư, thứ Năm ngày 30/4 và 01/5/2025).

Tuần 35: Kiểm tra đánh giá cuối năm (Khối 1,2,3,4: sáng thứ Năm, ngày 22/5/2025; Khối 5: sáng thứ Sáu, ngày 23/5/2025)

Căn cứ vào đặc điểm, tình hình nhà trường trong năm học 2024-2025.

Tại trường Tiểu học Ngũ Lão, thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

3.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số tiết học thực hiện các môn học theo tuần trong năm học đối với từng khối lớp (Phụ lục 1.4).

3.2. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đối với từng khối lớp (Phụ lục 2).

QUY ĐỊNH THỜI GIAN BIỂU

BUỔI SÁNG		BUỔI CHIỀU	
Tiết	Thời gian	Tiết	Thời gian
TD buổi sáng, truy bài đầu giờ	7 giờ 15' – 7 giờ 30'	Ổn định TC	13 giờ 55' – 14 giờ 00'
1	7 giờ 30' – 8 giờ 5'	1	14 giờ 00' – 14 giờ 35'
2	8 giờ 10' – 8 giờ 45'	2	14 giờ 40' – 15 giờ 15'
Ra chơi	8 giờ 45' – 9 giờ 5'	Ra chơi	15 giờ 15' – 15 giờ 35'
3	9 giờ 10' – 9 giờ 45'	3	15 giờ 40' – 16 giờ 15'
4	9 giờ 50' – 10 giờ 25'	HĐSGCK	16 giờ 15' – 17 giờ 00'

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

V.1. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

V.1.1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Tổ chức thực hiện hiệu quả, thiết thực công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn trường học, nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án tổ chức dạy học linh hoạt, phù hợp với học sinh và điều kiện thực tiễn, đề phòng trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại địa phương, trên cơ sở đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm từ các năm học trước;

kiểm tra, rà soát, đánh giá lại chất lượng các công trình trường học, không đưa vào sử dụng các công trình không bảo đảm an toàn theo quy định khi chưa được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp. Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

V.1.2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Năm học 2024-2025 là năm đầu tiên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cả 5 khối lớp. Thực hiện theo công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Cụ thể:

a. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học.

Hiệu trưởng tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo quy định; bố trí thời gian thực hiện chương trình hiệu quả bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, bảo đảm cuối năm học học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

b. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành, đảm bảo các yêu cầu sau:

Bảo đảm tỷ lệ 1 phòng học/lớp; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đủ cơ cấu giáo viên để dạy các môn học, hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục tăng cường, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần; kế hoạch giáo dục bảo đảm phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; sắp xếp thời khóa biểu một cách khoa học, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục,

phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, có sự thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý; việc tổ chức hoạt động bán trú cần linh hoạt, bảo đảm các quy định về an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh.

Tổ chức các hoạt động cho học sinh ngoài giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà với hình thức đa dạng, linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường, nhu cầu của học sinh bảo đảm hiệu quả, thiết thực và đúng quy định.

V.1.3. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình cấp tiểu học

a. Tổ chức dạy học các môn Ngoại Ngữ 1

Đối với lớp 1 và lớp 2: tiếp tục triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, căn cứ vào điều kiện triển khai của cơ sở giáo dục và nhu cầu của học sinh và cha mẹ học sinh, nhà trường chủ động thực hiện dạy học tự chọn ở lớp 1 và lớp 2 và thực hiện lựa chọn tài liệu dạy học theo quy định của Bộ GDĐT.

Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5: triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học Tiếng Anh bắt buộc đảm bảo các yêu cầu được quy định trong chương trình các môn ngoại ngữ và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT.

Tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học ngoại ngữ qua truyền hình, các phương tiện truyền thông, các nguồn học liệu phù hợp khác. Đẩy mạnh thực hành ngoại ngữ qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, tạo môi trường ngoại ngữ ngoài lớp học, các sân chơi, giao lưu cho học sinh theo chỉ đạo tại Công văn số 3818/BGDĐT-GDTH ngày 31/07/2023 của Bộ GDĐT. Tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học; từng bước ứng dụng công nghệ (trí tuệ nhân tạo) vào các hoạt động dạy học và đánh giá để nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT.

b. Tổ chức dạy học môn Tin học

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho tất cả học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Tham gia công tác tập huấn, hướng dẫn để thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số để thực hiện “*hình thành sớm các kỹ năng công dân số cho học sinh tiểu học*” đồng thời làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

V.1.4. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương

Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo quy định; thực hiện hiệu quả công tác tập huấn giúp giáo viên xác định được cách thức xây dựng kế hoạch, thực hiện nội dung giáo dục địa phương bảo đảm quy định theo Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với đặc thù của môn học, cấp học, lớp học.

V.1.5. Thực hiện giáo dục STEM

Tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; chú trọng công tác tổ chức tập huấn, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, tổ chức chuyên đề, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm đảm bảo triển khai thực hiện giáo dục STEM tại nhà trường đạt chất lượng, hiệu quả và thiết thực; tranh thủ nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong nhà trường; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh về vai trò của giáo dục STEM. Trong quá trình triển khai thực hiện giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ [website https://stemtieuhoc.edu.vn](https://stemtieuhoc.edu.vn) và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định.

V.1.6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

a. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống; dạy học tích hợp các nội dung giáo dục ở cấp tiểu học linh hoạt với các hình thức tổ chức phù hợp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai hiệu quả phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học, học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy

học; tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hiện tiến trình dạy học mỗi bài học thành các hoạt động học với sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành; cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của trường, của PGD, của Bộ GDĐT để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.

Thực hiện hiệu quả chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ (trí tuệ nhân tạo AI) trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

b. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT; thực hiện đánh giá học sinh phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Nhà trường xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.

V.1.7. Thực hiện chương trình liên kết, có yếu tố nước ngoài

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục tích hợp theo quy định; áp dụng những mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế để đáp ứng nhu cầu học tập đang dạng của người học.

Chủ động rà soát các điều kiện đảm bảo triển khai liên kết giáo dục và chương trình giáo dục tích hợp theo đúng quy định.

Liên kết với các trung tâm để dạy vào buổi học thứ 10 với những học sinh

có nhu cầu: Trung tâm ngoại ngữ Newsky dạy Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài (TANN); Trung tâm đào tạo I-Living dạy Toán tư duy (TTD); Công ty TNHH đầu tư Châu Á Thái Bình Dương dạy Tiếng Anh tích hợp (THTH): 2 tiết/tuần

Tổ chức các hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày với những phụ huynh có nhu cầu (*Thời gian từ 16 giờ 15 phút đến 17 giờ 00 phút các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần*).

V.1.8. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật học hoà nhập

Tiếp nhận tất cả các học sinh khuyết tật, hòa nhập theo nguyện vọng của phụ huynh và học sinh.

Lập hồ sơ theo dõi giáo dục đối với học sinh hòa nhập (đối với học sinh không đánh giá bằng điểm số).

Đánh giá mức độ hiểu được kiến thức của học sinh khuyết tật để có phương pháp giảng dạy, giáo dục, hỗ trợ và đánh giá phù hợp.

Phối hợp thường xuyên với phụ huynh trong việc giáo dục học sinh khuyết tật.

V.2. củng cố và tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

V.2.1. Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên

Thực hiện các giải pháp để bảo đảm có đủ giáo viên dạy học các môn văn hoá, môn Tiếng Anh, môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

Tiếp tục đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong các biên bản họp tổ. Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn 2 lần/tháng. Tăng cường hoạt động dự giờ, thăm lớp; đảm bảo nền nếp, chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 4 chuyên đề/năm (trong đó có 1 chuyên đề về dạy học STEM, 1 chuyên đề về Ứng dụng công nghệ (trí tuệ nhân tạo) vào các hoạt động dạy học). Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực để đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

Các chuyên đề chuyên môn thực hiện trong năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

01 chuyên đề cấp cụm: *Nâng cao năng lực viết văn cho học sinh thông qua môn Tiếng Việt lớp 5 (Tháng 12)*

04 chuyên đề cấp trường:

Chuyên đề 01: Ứng dụng công nghệ (trí tuệ nhân tạo) vào các hoạt động dạy học thông qua môn Toán lớp 5 (Tháng 10)

Chuyên đề 02: Ứng dụng CNTT trong thiết kế trò chơi học tập tạo hứng thú cho học sinh thông qua môn Toán lớp 2 (Tháng 11)

Chuyên đề 03: Ứng dụng dạy học STEM phát huy tính tích cực, năng lực hợp tác, trách nhiệm của HS qua môn Công nghệ 4 (Tháng 3)

Chuyên đề 04: Vận dụng linh hoạt các PP và KT dạy học tích cực vào dạy học thông qua môn TV lớp (Tháng 4)

Tham gia sinh hoạt chuyên môn cấp cụm, huyện để giáo viên có cơ hội giao lưu, học hỏi, chia sẻ và giúp đỡ nhau làm tốt công tác chuyên môn.

Tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, tuyển chọn giáo viên xuất sắc tham dự kỳ thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện vào học kỳ 2 năm học 2024-2025 (Cấp trường: Từ tháng 10 đến tháng 12, Cấp huyện: Học kỳ 2).

V.2.2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

a) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Tích cực tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, đảm bảo các yêu cầu, điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục.

Thực hiện mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học theo đúng quy định, bảo đảm có đủ thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có. Công khai danh mục, thiết bị đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường vào thời điểm đầu năm, chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học với mục tiêu kiên quyết không để tình trạng “*thiết bị đến trường mà không ra lớp*”; rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

b) Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

Tiếp tục chủ động triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; xây dựng thời khóa biểu dành cho tiết đọc thư viện và tiết học thư viện theo quy định; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện, đặc biệt là phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

Khuyến khích triển khai mô hình thư viện thân thiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Triển khai hiệu quả các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư

viện trong các trường tiểu học, trong đó bảo đảm thư viện lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

V.2.3. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Chủ động tham gia kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030”.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến (tổ chức các tiết dạy học, các hoạt động giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn... bằng hình thức trực tuyến) đạt tối thiểu từ 2% đến 5% ở cấp tiểu học; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trực tuyến trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

Thực hiện một số nội dung chuyển đổi số (Thư viện số, Quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường số) theo kế hoạch của Bộ GDĐT. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; bồi dưỡng đội ngũ về kỹ năng công nghệ thông tin sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

b) Đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học

Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

c) Triển khai thực hiện Học bạ số

Thực hiện triển khai Học bạ số từ năm học 2024-2025 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT: Nhà trường ban hành Quy chế sử dụng và quản lý Học bạ số tại đơn vị; thực hiện và tổ chức triển khai, quản lý sử dụng Học bạ số theo thẩm quyền quy định.

V.3. Tăng cường thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục và huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục

Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục tiểu học theo quy định, trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

1. Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu về lớp, học sinh, giáo viên và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo.

2. Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường.

3. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo, trong đó chú trọng các nội dung kiểm tra: việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; hoạt động dạy học; dạy thêm học thêm.

4. Thực hiện nghiêm túc công tác công khai trong lĩnh vực giáo dục theo hướng dẫn của các văn bản và chỉ đạo của các cấp.

V.4. Đẩy mạnh công tác truyền thông

Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông về đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông, tổ chức triển khai sách giáo khoa cấp tiểu học. Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông tại nhà trường; nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông của Ngành; đẩy mạnh truyền thông về nội dung, giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông để tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Khuyến khích đội ngũ CBQL, giáo viên viết bài và đưa tin các hoạt động của nhà trường, của Ngành về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của trường học, của cấp học,... để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

V.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Kiểm tra, dự giờ 100% giáo viên dự thi GVG.

Kiểm tra toàn diện 45 đ/c giáo viên.

Kiểm tra việc thực hiện chuyên đề của các tổ: 12 chuyên đề (mỗi tổ ít nhất 4 chuyên đề).

100% giáo viên được kiểm tra theo từng mặt:

+Thực hiện chương trình, thời khóa biểu; Thực hiện quy chế chuyên môn: Soạn bài, chữa bài.

+ Thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy và sử dụng đồ dùng dạy học, UDCNTT khi lên lớp có hiệu quả.

+ Đánh giá xếp loại học sinh theo văn bản

+ Chất lượng buổi học thứ 2 trong ngày.

+ Công tác chủ nhiệm lớp, công tác bán trú, công tác Đội.

+ KT chất lượng VSCĐ (2 lần/học kì).

Công tác kiểm tra nội bộ trong nhà trường: Xếp loại Tốt

Thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra nghiêm túc.

V.6. Công tác thông tin, báo cáo

Cập nhật, lưu trữ đầy đủ các thông tin về giáo dục (các văn bản, các công văn đi, đến...).

Nhập dữ liệu đầy đủ: Hồ sơ trường, hồ sơ học sinh...

Cập nhật kịp thời các thông tin đưa lên trang web của trường.

Căn cứ vào kế hoạch năm học 2024 – 2025 của nhà trường, các tổ chuyên môn, từng cá nhân giáo viên, nhân viên trong trường chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện nhiệm vụ năm học.

Nội dung báo cáo của giáo viên phải đúng thời gian, chính xác các số liệu về học sinh, chất lượng kiểm tra định kỳ trong năm và các thông tin khác.

Nhà trường nộp báo cáo lên cấp trên đúng thời gian, đủ thông tin, chính xác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

Phụ trách chung toàn trường, chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cấp trên về thực hiện nhiệm vụ.

Phụ trách công tác tư tưởng chính trị, tổ chức, tài chính, CSVC.

Lãnh đạo và điều hành công việc của nhà trường, có trách nhiệm giải quyết công việc được quy định trong chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền.

Trực tiếp chỉ đạo, giải quyết những vấn đề quan trọng cấp bách, những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực giáo dục thuộc nhà trường trong phạm vi quản lý.

Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, phát triển nhà trường.

Chỉ đạo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh, tiêm phòng vắc xin cho học sinh trong nhà trường.

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Công tác kiểm tra nội bộ; Tổ chức Cán bộ, Kế hoạch Tài chính, Pháp chế.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó.

Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển; khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định.

Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường.

Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường; tiếp nhận, giới thiệu học sinh chuyển trường; quyết định khen thưởng, kỷ luật, phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp; tổ chức kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn, xét duyệt và kí học bạ các khối lớp.

Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn trong nhà trường. Phụ trách chuyên môn tổ 1.

Chủ tịch các Hội đồng trong nhà trường và thực hiện (theo qui định của Điều lệ trường tiểu học và các qui định khác).

- Giải quyết công việc của Phó hiệu trưởng khi Phó hiệu trưởng đi vắng.
- Trực tiếp giảng dạy các môn văn hóa: 2 tiết/tuần.

2. Đoàn Thị Minh Dự – Phó Hiệu trưởng

a. Nhiệm vụ chung:

Phụ trách điểm trường khu B.

Tổ chức các sự kiện trong nhà trường.

Tổ chức phòng chống bão, PCCC điểm trường khu B.

Quản lý các trang thông tin điện tử, cập nhật thông tin, số liệu chính xác, kịp thời.

Quản lý, kiểm tra và đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin của CB-GV-NV trong nhà trường.

Chỉ đạo các hoạt động của Công đoàn, Đoàn TNCS HCM; Đội Thiếu niên tiền phong HCM.

Tổ chức, quản lý nhân sự của tổ hành chính - văn phòng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các thành viên trong tổ.

Quản lý, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện, chấp hành pháp luật, nội quy, quy định của Ngành và của đơn vị.

Xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần và kế hoạch khác. Tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch.

Trực lãnh đạo theo lịch phân công.

b. Nhiệm vụ cụ thể:

Công tác tuyển sinh lớp 1.

Công tác phổ cập giáo dục Tiểu học, giáo dục hòa nhập.

Công tác cơ sở vật chất; Công tác chủ nhiệm; Hoạt động Ngoài giờ lên lớp, Ngoại khóa; giáo dục kỹ năng sống; các câu Lạc bộ (khối bộ môn), các phong trào thi đua "Xây dựng trường học hạnh phúc", Trường học đạt chuẩn "An toàn về an ninh trật tự".

Chỉ đạo công tác thư viện-Thiết bị trường học.

Công tác Y tế trường học, Chữ thập đỏ, lao động, vệ sinh trường - lớp; Đội Tự vệ, công tác Phòng cháy chữa cháy, công tác phòng, chống dịch bệnh

Xây dựng kế hoạch chuyên đề đội cùng với TPT: Chợ quê ngày tết.

Phụ trách và chỉ đạo hoạt động chuyên môn tổ 2-3.

Chịu trách nhiệm PCGDTH, trường học kết nối.

Phụ trách các phong trào: Trường học Thân thiện - Học sinh tích cực; Đọc, viết báo, tạp chí; Chỉ đạo hoạt động ngoài giờ lên lớp và các phong trào khác ...

Chịu trách nhiệm phần mềm Smat; phần mềm Temis; Phổ cập, Cơ sở dữ liệu ngành...

Trực tiếp giảng dạy các môn văn hóa: 4 tiết/tuần.

Thực hiện một số công việc khác khi được Hiệu trưởng phân công, ủy quyền.

3. Đỗ thị Kim Oanh- Phó hiệu trưởng

a. Nhiệm vụ chung

Phụ trách điểm trường khu A.

Xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bồi dưỡng giáo viên và bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Công tác xây dựng, phát triển và hoạt động Thư viện, Thiết bị.

Công tác Kiểm định chất lượng giáo dục.

Phụ trách công tác kiểm tra định kì.

Xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần và kế hoạch giáo dục. Tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch.

Tổ chức phòng chống bão, lụt, PCCC điểm trường khu A.

Xây dựng kế hoạch hội thi giao lưu cấp trường về các môn học, Chuyên đề: Festival Tiếng anh.

Trực lãnh đạo theo lịch phân công.

b. Nhiệm vụ cụ thể:

Phụ trách, chỉ đạo công tác chuyên môn trường.

Phụ trách và chỉ đạo chuyên môn tổ 4-5,

Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu kém.

Phụ trách, chỉ đạo, kiểm tra giám sát các hoạt động của các câu lạc bộ sau giờ chính thức. Các hoạt động dạy liên kết Tiếng anh tự chọn lớp 1,2, Tiếng anh tích hợp, Toán tư duy, Tiếng anh có yếu tố người nước ngoài,.....

Phụ trách phần mềm hồ sơ điện tử.

Quản lý, dự giờ, kiểm tra, khảo sát, nhận xét các loại hồ sơ thuộc lĩnh vực chuyên môn phụ trách.

Xây dựng kế hoạch hội thi giáo viên dạy giỏi, kế hoạch bồi dưỡng giáo viên.

Chịu trách nhiệm tổng hợp, làm báo cáo về chuyên môn trường.

Trực tiếp giảng dạy 4 tiết/ tuần.

Thực hiện một số công việc khác khi được Hiệu trưởng phân công, ủy quyền.

Phụ trách công tác kiểm định chất lượng.

4. Nguyễn Thị Tuyết – TPT Đội

Chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác đội –Sao nhi đồng.

Kết hợp với BGH đăng các bài viết trên trang Web của trường.

Trực, chỉ đạo tại khu A: 3 buổi/tuần, Khu B: 2 buổi/tuần

Trưởng ban hoạt động ngoài giờ lên lớp và Hoạt động trải nghiệm.

Hàng tháng vào thứ 2 đầu tuần tổ chức nghi lễ chào cờ và kết hợp với BGH, giáo viên Tiếng Anh tổ chức giao lưu văn hóa, Tiếng Anh, chiều thứ 4 của tuần 3,4 tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ tuyên truyền măng non, tập huấn công tác đội.

Bồi dưỡng đội tuyển tham gia các câu lạc bộ, các cuộc giao lưu của Đội và tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp trường, Huyện.

Dạy nghĩa vụ 2 tiết Âm nhạc/tuần.

Ngoài ra, khi có công tác đột xuất hiệu trưởng sẽ phân công, điều động thêm.

Hoàn thiện các hồ sơ trên phần mềm quản lí hồ sơ điện tử thuộc lĩnh vực được phân công.

5. Tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn

Xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, khối, kế hoạch bồi dưỡng giáo viên về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, dạy học giáo dục Stem, ứng dụng chuyển đổi số và bồi dưỡng đại trà, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên trẻ.

Xây dựng kế hoạch chuyên môn tổ và điều hành các hoạt động của tổ khối mà mình phụ trách, xây dựng kế hoạch sử dụng đồ dùng dạy học, kế hoạch sử dụng và khai thác có hiệu quả các phòng chức năng, phát hiện và bồi dưỡng học năng khiếu; thành lập các câu Lạc bộ của khối.

Giúp tổ viên xây dựng kế hoạch cá nhân theo kế hoạch dạy học và các hoạt động khác của nhà trường; kiểm tra đôn đốc tổ viên thực hiện đúng kế hoạch đã đề ra, thảo luận - nhận định tình hình và đánh giá kết quả giáo dục học sinh thuộc phạm vi của tổ phụ trách, trao đổi và đề ra các biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Chịu trách nhiệm chính trong việc soạn phân phối chương trình, kế hoạch giảng dạy. Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn qui định các yêu cầu cần báo cáo.

Trao đổi và đánh giá Biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, sáng kiến kinh nghiệm, tổ chức dự giờ - hội giảng - thao giảng, tổ chức sinh hoạt và báo cáo chuyên đề, tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ tổ viên.

Tham gia cùng Ban lãnh đạo nhà trường trong công tác kiểm tra hồ sơ, hoạt động dạy - học.

Tổ chức phong trào thi đua trong tổ, nhận xét đánh giá tổ viên theo chuẩn nghề nghiệp và quy định hiện hành, đề nghị khen thưởng và kỷ luật đối với tổ viên.

Xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần và kế hoạch khác và thực hiện nghiêm túc kế hoạch.

Thực hiện việc theo dõi, ký duyệt hồ sơ điện tử của tổ khối mình

Thực hiện một số công việc khác khi được Ban lãnh đạo phân công.

6. Tổ trưởng tổ Văn phòng

Xây dựng kế hoạch chung của tổ, chỉ đạo tổ viên thực hiện theo kế hoạch tổ, kế hoạch chung của trường cũng như các công việc do Hiệu trưởng phân công sau đây:

Tổ chức giao tiếp đối nội và đối ngoại, với vai trò là cầu nối với các bộ phận, đơn vị trong và ngoài nhà trường và với người dân.

Thực hiện công tác văn thư - lưu trữ; giúp lãnh đạo giải quyết văn bản và theo dõi việc giải quyết các văn bản đó.

Quản lý hồ sơ và cập nhật phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện nhiệm vụ tư vấn văn bản cho lãnh đạo, chịu trách nhiệm về tính pháp lý, kỹ thuật soạn thảo văn bản do nhà trường ban hành.

Có kế hoạch, tham mưu cho hiệu trưởng về thu chi các khoản quỹ của nhà trường hợp lý và tiết kiệm.

Đề xuất phương án và thảo các hợp đồng lao động trong nhà trường.

Theo dõi và cập nhật sổ Bảo hiểm của CB-GV-NV trong trường.

Tham gia các hoạt động khác khi Ban lãnh đạo phân công.

Xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần và kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch.

Hoàn thiện các hồ sơ trên phần mềm quản lý hồ sơ điện tử thuộc lĩnh vực được phân công.

7. Giáo viên chủ nhiệm

Tham gia các lớp bồi dưỡng và tập huấn về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2024- 2025.

Xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm, hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh.

Phụ trách dạy các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, HĐTrải nghiệm,...

Phối hợp với các giáo viên khác, gia đình học sinh, Đoàn - Đội, các tổ chức xã hội có liên quan trong việc hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh lớp mình chủ nhiệm.

Tuyên truyền cho học sinh thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, Mô hình công trường ATGT .

Nhận xét, đánh giá và xếp loại học sinh cuối kỳ và cuối năm học; đề nghị khen thưởng và kỷ luật học sinh; đề nghị danh sách học sinh được lên lớp thẳng, phải kiểm tra lại, phải rèn luyện trong hè, phải ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi sổ theo dõi chất lượng và học bạ học sinh.

Báo cáo thường kỳ hoặc đột xuất về chất lượng giáo dục và tình hình của lớp với Ban lãnh đạo.

Hoàn thiện các hồ sơ trên phần mềm quản lý hồ sơ điện tử theo nhiệm vụ được phân công.

8. Giáo viên bộ môn

Thực hiện dạy học theo kế hoạch và phân công chuyên môn của nhà trường; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục; tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng về Chương trình GDPT 2018 và bồi dưỡng nâng cao năng lực và kỹ năng sư phạm.

Tham gia công tác phổ cập giáo dục của địa phương, công tác phòng, chống dịch bệnh trong nhà trường, mô hình công trường ATGT,.....

Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, gương mẫu trước học sinh; thương yêu, tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; tạo dựng môi trường học tập và làm việc dân chủ, thân thiện, hợp tác, an toàn và lành mạnh.

Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên khác, gia đình học sinh, Đoàn - Đội trong dạy học và giáo dục học sinh.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

9. Kế toán- Văn Thư: đc Huân

Thực hiện nghiêm túc các quy định về tài chính. Thanh quyết toán theo chế độ nhà nước kịp thời; vào sổ kế toán hàng ngày.

Thực hiện các chế độ báo cáo tài chính, bảo hiểm xã hội đúng quy định.

Thực hiện nghiêm túc chế độ quản lý tài chính: mua sắm tài sản phải được duyệt kế hoạch của trường, làm thủ tục nhập kho, xuất kho theo quy định.

Chịu trách nhiệm tham mưu với hiệu trưởng về mọi mặt hoạt động tài chính.

Bảo quản, theo dõi cơ sở vật chất cho nhà trường.

Soạn thảo các văn bản tài chính, hợp đồng, bảo hiểm học sinh, giáo viên.

Nhận công văn đến, đánh, phát công văn đi.

Chuyển tải các thông tin kịp thời đến các bộ phận bằng mọi hình thức, đồng thời báo cáo kịp thời với hiệu trưởng những vấn đề không giải quyết được theo yêu cầu của hiệu trưởng.

Lưu các công văn đến, đi vào sổ theo dõi công văn.

Cùng hiệu trưởng giải quyết các loại hồ sơ như: Xin cấp, rút học bạ, xác nhận điểm, sao y các loại giấy chứng nhận do trường cấp, sao y học bạ.

Kiểm tra các loại hồ sơ kèm theo khi chuyển đi, chuyển đến như: bằng cấp, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình, khai sinh... Phối hợp với lãnh đạo giải quyết thủ tục hành chính cho các trường hợp nhập học của học sinh đã được hiệu trưởng tiếp nhận.

Thông kê số liệu học sinh năng khiếu, học sinh chưa đạt chuẩn hàng năm, thống kê số liệu học sinh hàng tháng lập báo cáo thống kê.

Nhận hồ sơ học sinh chuyển trường đến, học sinh lưu ban xin học lại, trình hiệu trưởng ký duyệt rồi mới phân công vào lớp.

Bảo quản hồ sơ các loại như: học bạ, sổ đăng bộ, sổ phổ cập...

Lập hồ sơ theo dõi học sinh chuyển đến, chuyển đi, theo dõi sĩ số học sinh, ghi chép cập nhật vào sổ đăng bộ kịp thời.

Thông kê số học sinh có hoàn cảnh khó khăn, diện mồ côi, hs nghèo... Theo dõi số HS đã được nhận hỗ trợ, học bổng...

Cùng thực hiện những nhiệm vụ khác được giao.

10. Thủ quỹ: Đc Vân

Đảm bảo các hồ sơ giấy tờ, chứng từ rõ ràng, chính xác, giáo viên ký nhận ghi rõ họ tên.

Thu giữ lập hồ sơ sổ sách các loại, các khoản thu.

Mua sắm các loại dụng cụ sinh hoạt hàng ngày trong cơ quan.

Đối chiếu sổ sách hàng tháng với kế toán và trình hiệu trưởng ký duyệt.

Báo cáo hiệu trưởng 1 tháng.lần các khoản thu chi ngân sách và ngoài ngân sách.

Theo dõi học sinh thu trên phần mềm thu MI SA

11. Thư kí HĐSP: Phạm Thảo

Chịu trách nhiệm chi chép toàn bộ nội dung của các cuộc họp HĐSP, thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Hiệu trưởng phân công.

Thực hiện nhiệm vụ đóng dấu cho các file sổ trên phần mềm eDoc.

12. Thư viện- Thiết bị: Đc Vân

Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ SGK, sách giáo viên, sách nghiệp vụ, sách tham khảo, ĐDDH, TBTN phục vụ cho mọi hoạt động giảng dạy của giáo viên và công tác quản lý của BGH.

Thực hiện việc theo dõi thường xuyên, cập nhật kịp thời các số liệu về số lượng, chủng loại: sách, ĐDDH, TBTN đã có, mới được cấp, mới mua thêm hoặc tự làm.

Thực hiện việc phân loại sách ĐDDH, TBTN của GV trong sổ mượn sách, ĐDDH, TBTN. Quản lý chặt chẽ mượn - trả, tránh thất thoát, hỏng hóc trang thiết bị dạy học của nhà trường.

Sắp xếp, bảo quản các dụng cụ thí nghiệm thực hành sau khi giáo viên sử dụng trên lớp thao giảng.

Báo cáo kịp thời tình hình sử dụng sách, ĐDDH, TBTN của GV với BGH; chủ động đề xuất các biện pháp hoặc kiến nghị nhằm quản lý, khai thác tối đa các trang thiết bị dạy học.

Tổ chức các hoạt động đọc, giới thiệu sách, thiết bị ; tham mưu, dự toán việc mua sắm, thanh lý sách, thiết bị.

Xây dựng kế hoạch phát triển thư viện và hoạt động có hiệu quả đối với thư viện đạt chuẩn.

Xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần và kế hoạch khác và thực hiện nghiêm túc kế hoạch.

Chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được phân công trước Tổ trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách

13. Y tế học đường- Đc Tuyết

Thực hiện đầy đủ các quy chế, tiêu chuẩn vệ sinh trường học do Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tổ chức giáo dục về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho học sinh. Phòng chống các bệnh học đường, các bệnh truyền nhiễm, các tai nạn và thương tích, cung cấp kỹ năng, kiến thức bảo vệ sức khỏe cho công chức, viên chức và HS, các biện pháp phòng bệnh, phát hiện bệnh sớm và điều trị kịp thời các dịch bệnh...

Phối hợp với trạm y tế để xử lý môi trường, phòng chống các dịch bệnh.

Tổ chức cho người học tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường, an toàn cuộc sống.

Kiểm tra việc lưu và hủy thức ăn theo đúng quy định.

Tham mưu trung tâm y tế khám sức khỏe đầu vào cho HS, sơ cứu kịp thời các trường hợp tai nạn, ốm đau của công chức, viên chức và hs toàn trường.

Theo dõi, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho học sinh, đặc biệt nhằm giảm tỉ lệ mắc một số bệnh đang phổ biến hiện nay (tay, chân, miệng; sốt xuất huyết...).

Tăng cường và thường xuyên tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, thực hiện nghiêm túc có hiệu quả các biện pháp để đảm bảo chất lượng.

14. Bảo vệ:

Đảm bảo an ninh an toàn cơ sở vật chất nhà trường 24/24, không để khách, học sinh ra vào tự do, đi lại tự do trong trường; đặc biệt khi đang trong giờ làm việc, trông giữ xe học sinh.

Đảm bảo việc an ninh trật tự, mô hình cổng trường ATGT,...

Chăm sóc hệ thống cây xanh, cây cảnh đảm bảo xanh tốt và mỹ quan.

Phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại khi có sự cố xảy ra do bản thân gây nên hoặc thiếu trách nhiệm.

Phục vụ nước uống kịp thời cho CBGV- HS và khách đến.

Cùng thực hiện những nhiệm vụ khác được giao.

15. Lao công - Nhân viên Phục vụ

Đảm bảo vệ sinh các phòng hành chính.

Thường xuyên vệ sinh các khuôn viên nhà trường đảm bảo tốt công tác phòng dịch.

Vệ sinh các phòng hiệu bộ, chức năng và xung quanh trường lớp.

- Chuẩn bị văn phòng tiếp khách, quét dọn vệ sinh sân trường, nhà vệ sinh nhân viên – học sinh.

Giúp nhà trường những việc khi cần.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường Tiểu học Ngũ Lão./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để Báo cáo)
- Đảng ủy, UBND xã (chỉ đạo);
- Ban đại diện CMHS } (phối hợp);
- Công đoàn trường;
- Tổ trưởng chuyên môn; GV (t/h)
- Lưu: hồ sơ, VT.

**HIỆU TRƯỞNG****Đào Thị Thu Hợp**

Ký bởi: Đào Thị Thu Hợp
 Thời gian ký: 12/09/2024
 15:20:54
 Tổ chức xác thực: VNPT
 SmartCA RS

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 09:16 02/10/2024
bởi Đoàn Thị Minh Dự (th_nl_dudm) – Trường Tiểu học Ngũ Lão

Phụ lục 1.

MÔN/ TUẦN		Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4,5		
		HKI	HKII	Tổng	HKII	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng
MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BẮT BUỘC	T. Việt	216	204	420	180	170	350	126	119	245	126	119	245
	Toán	54	51	105	90	85	175	90	85	175	90	85	175
	Đạo đức	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
	TNXH/ KHOA	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
	LS&DL										36	34	70
	GDTC	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
	C.nghệ							18	17	35	18	17	35
	Tin học							18	17	35	18	17	35
	T. Anh							72	68	140	72	68	140
	ÂN	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
	MT	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
	HĐTN	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
	TỔNG	450	425	875	450	425	875	504	476	980	540	510	1050
MÔN TĂNG CƯỜNG /TỰ CHỌN	Tiếng Anh	36	34	70	36	34	70						
	Toán*	36	34	70	36	34	70	36	34	70	18	17	35
	T. Việt*	36	34	70	36	34	70	36	34	70	18	17	35
	ĐTV	18	17	35	18	17	35						
	TỔNG	126	119	245	126	119	245	72	68	140	36	34	70
TỔNG CHUNG		576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120

Phụ lục 1.2

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trong tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Mái trường mến yêu	Vui hội trăng rằm	Toàn trường	TUẦN 1 Chiều thứ 6, ngày 13/9 (Tức 11/8 ÂL)	TPT	BGH, GV, NV, PHHS
		SHDC Đội: Tuyên truyền về truyền thống nhà trường, ATTH, ATGT	Toàn trường	TUẦN 2 Thứ 2/16/9	TPT	BGH, GV, NV
Tháng 10	Truyền thống quê hương	SHDC trường	Toàn trường	TUẦN 5 Thứ 2/07/10	Hiệu trưởng	TPT, GV, NV
		SHDC Đội: Tuyên truyền về 25/10; PCCC	Toàn trường	TUẦN 7 Thứ 2/21/10	TPT	BGH, GV, NV
Tháng 11	Tôn sư trọng đạo	SHDC trường	Toàn trường	TUẦN 9 Thứ 2/14/11	Hiệu trưởng	TPT, GV, NV
		SHDC Đội: Tuyên truyền về ngày 20/11	Toàn trường	TUẦN 11 Thứ 2/18/11	TPT	BGH, GV, NV
		Chuyên đề Đội cấp trường	Toàn trường	TUẦN 11 Chiều thứ 4/20/11	TPT	BGH, GV, NV
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	SHDC trường	Toàn trường	TUẦN 13 Thứ 2/02/12	Hiệu trưởng	TPT, GV, NV
		SHDC Đội: Tuyên truyền về ngày 22/12; PCMT	Toàn trường	TUẦN 15 Thứ 2/16/12	TPT	BGH, GV, NV

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trong tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
		Hội khoẻ Phù Đổng	Toàn trường	TUẦN 15 Chiều thứ Sáu, ngày 20/12)	TPT	BGH, GV, NV
Tháng 1/2025	Mừng Đảng mừng xuân	SHDC trường	Toàn trường	TUẦN 18 Thứ 2/6/1	TPT	BGH, GV, NV
		SHDC Đội: Tuyên truyền Tết cổ truyền, VSATTP, PCCC, ATGT	Toàn trường	TUẦN 19 Thứ 2/20/1	TPT	BGH, GV, NV
		Festival Tiếng Anh		TUẦN 19 Chiều thứ 6	Trung tâm ngoại ngữ Newsky	CB, GV, NV
Tháng 2	Xuân về trên quê hương em	SHDC trường	Toàn trường	TUẦN 20 Thứ 2/3/2	Hiệu trưởng	TPT, GV, NV
		SHDC Đội: Tuyên truyền lễ hội quê hương, trò chơi dân gian, phòng bệnh theo mùa	Toàn trường	TUẦN 22 Thứ 2/17/2	TPT	BGH, GV, NV
Tháng 3	Chăm ngoan học giỏi	SHDC trường	Toàn trường	TUẦN 24 Thứ 2/3/3	Hiệu trưởng	TPT, GV, NV
		Chuyên đề Đội cấp huyện: Giờ ra chơi trải nghiệm sáng tạo	Toàn trường	TUẦN 24 Chiều thứ 6/7/3	TPT	BGH, GV, NV
		SHDC Đội: Văn nghệ chủ đề “mẹ và cô”	Toàn trường	TUẦN 26 Thứ 2/17/3	TPT	BGH, GV, NV
Tháng 4	Hoà bình hữu nghị	SHDC trường	Toàn trường	TUẦN 30 Thứ 2/14/4	Hiệu trưởng	TPT, GV, NV

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trong tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
		SHDC Đội: Tuyên truyền về 30/4; 1/5	Toàn trường	TUẦN 32 Thứ 2/28/4	TPT	BGH, GV, NV
Tháng 5	Bác Hồ kính yêu	SHDC trường	Toàn trường	TUẦN 33 Thứ 2/5/5	Hiệu trưởng	TPT, GV, NV
		SHDC Đội: Kể chuyện về Bác Hồ; PTĐN, PCDB mùa hè	Toàn trường	TUẦN 34 Thứ 2/12/5	TPT	BGH, GV, NV

Phu lục 1.3:

Stt	Nội dung	Nội dung	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm
1	Hoạt động ngoài giờ chính khoá	Đọc thư viện lớp; Trò chơi dân gian; Múa hát; vẽ, Thể dục thể thao...	Lớp 1-5 Lớp/Nhóm lớp	16h15' -> 17h	Trong lớp, trên sân trường, thư viện trường

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
 Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 09:16/02/10/2024
 bởi Đoàn Thị Minh Dự (th_nl_dudum) – Trường Tiểu học Nguyễn Trãi

Phụ lục 1.4:

KHỎI 1

HỌC KỲ I

TUẦN 1A

THỜI GIAN	Ngày dương	02/09	03/09	04/09	05/09	06/09	07/09	08/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	30/07	01/08	02/08	03/08	04/08	05/08	06/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1			TẬP TRUNG HS	KHAI GIẢNG	LL	HỌP HĐQT		
	2					LL			
	3					LL			
	4					LL			
Chiều	5								
	6								
	7								
Tổng số tiết/tuần		4 TIẾT							

HỌC KỲ I

TUẦN 1B

THỜI GIAN	Ngày dương	09/09	10/09	11/09	12/09	13/09	14/09	15/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	07/08	08/08	09/08	10/08	11/08	12/08	13/08		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	VUI HỘI TRĂNG RẰM				
	6	LL	LL		LL					
	7	LL	LL		LL					
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

HỌC KỲ I

TUẦN 2

THỜI GIAN	Ngày dương	16/09	17/09	18/09	19/09	20/09	21/09	22/09
	Ngày âm	14/08	15/08	16/08	17/08	18/08	19/08	20/08
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL		
	2	LL	LL	LL	LL	LL		
	3	LL	LL	LL	LL	LL		
	4	LL	LL	LL	LL	LL		
Chiều	5	LL	LL		LL	LL		
	6	LL	LL		LL	LL		
	7	LL	LL		LL	LL		
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT						

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

HỌC KỲ I

TUẦN 3

THỜI GIAN	Ngày dương	23/09	24/09	25/09	26/09	27/09	28/09	29/09
	Ngày âm	21/08	22/08	23/08	24/08	25/08	26/08	27/08
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HNVC	
	2	LL	LL	LL	LL	LL		
	3	LL	LL	LL	LL	LL		
	4	LL	LL	LL	LL	LL		
Chiều	5	LL	LL		LL	LL		
	6	LL	LL		LL	LL		
	7	LL	LL		LL	LL		
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT						

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	30/09	01/10	02/10	03/10	04/10	05/10	06/10
	Ngày âm	28/08	29/08	30/08	01/09	02/09	03/09	04/09
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ	
	2	LL	LL	LL	LL	LL		
	3	LL	LL	LL	LL	LL		
	4	LL	LL	LL	LL	LL		
Chiều	5	LL	LL		LL	LL		
	6	LL	LL		LL	LL		
	7	LL	LL		LL	LL		
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT						

TỔNG HỌP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	07/10	08/10	09/10	10/10	11/10	12/10	13/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	05/09	06/09	07/09	08/09	09/09	10/09	11/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HDTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 6

THỜI GIAN	Ngày dương	14/10	15/10	16/10	17/10	18/10	19/10	20/10	Điều chỉnh
	Ngày âm	12/09	13/09	14/09	15/09	16/09	17/09	18/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 7

THỜI GIAN	Ngày dương	21/10	22/10	23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	19/09	20/09	21/09	22/09	23/09	24/09	25/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 8

THỜI GIAN	Ngày dương	28/10	29/10	30/10	31/10	01/11	02/11	03/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	26/09	27/09	28/09	29/09	01/10	02/10	03/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 9

THỜI GIAN	Ngày dương	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	09/11	10/11	
	Ngày âm	04/10	05/10	06/10	07/10	08/10	09/10	10/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 10

THỜI GIAN	Ngày dương	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	16/11	17/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	11/10	12/10	13/10	14/10	15/10	16/10	17/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 11

THỜI GIAN	Ngày dương	18/11	19/11	20/11	21/11	22/11	23/11	24/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	18/10	19/10	20/10	21/10	22/10	23/10	24/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	CĐ" Tri ân thầy cô"	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		35 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	TiếngAnh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11	30/11	01/12
	Ngày âm	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	01/11
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL		
	2	LL	LL	LL	LL	LL		
	3	LL	LL	LL	LL	LL		
	4	LL	LL	LL	LL	LL		
Chiều	5	LL	LL		LL	LL		
	6	LL	LL		LL	LL		
	7	LL	LL		LL	LL		
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT						

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 13

THỜI GIAN	Ngày dương	02/12	03/12	04/12	05/12	06/12	07/12	08/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 14

THỜI GIAN	Ngày dương	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12	14/12	15/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	09/11	10/11	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 15

THỜI GIAN	Ngày dương	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11	22/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	HKPD			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	23/11	24/11	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	30/12	31/12	01/01	02/01	03/01	04/01	05/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	30/11	01/12	02/12	03/12	04/12	05/12	06/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	Dạy bù TKB ngày thứ 4 sang tuần 1A	
Sáng	1	LL	LL	NGHỈ TẾT DL	LL	LL	HỌP HD			
	2	LL	LL		LL	LL				
	3	LL	LL		LL	LL				
	4	LL	LL		LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		28 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	06/01	07/01	08/01	09/01	10/01	11/01	12/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	07/12	08/12	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6		CN		
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	KT, ĐG CUỐI HK 1				
	2	LL	LL	LL	LL					
	3	LL	LL	LL	LL					
	4	LL	LL	LL	LL					
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 18B

THỜI GIAN	Ngày dương	13/01	14/01	15/01	16/01	17/01	18/01	19/01
	Ngày âm	14/12	15/12	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
Sáng	1	LL	LL	LL		SƠ KẾT TRƯỜNG		
	2	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL			SƠ KẾT TỔ			
	6	LL						
	7	LL						
Tổng số tiết/tuần		15 TIẾT						

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	20/01	21/01	22/01	23/01	24/01	25/01	26/01
	Ngày âm	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL		
	2	LL	LL	LL	LL	LL		
	3	LL	LL	LL	LL	LL		
	4	LL	LL	LL	LL	LL		
Chiều	5	LL	LL		LL	Festival Tiếng Anh		
	6	LL	LL		LL			
	7	LL	LL		LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT						

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	03/02	04/02	05/02	06/02	07/02	08/02	09/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	06/01	07/01	08/01	09/01	10/01	11/01	12/01	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	10/02	11/02	12/02	13/02	14/02	15/02	16/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	13/01	14/01	15/01	16/01	17/01	18/01	19/01	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02	23/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	20/01	21/01	22/01	23/01	24/01	25/01	26/01	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	01/03	02/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	27/01	28/01	29/01	30/01	01/02	02/02	03/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	03/03	04/03	05/03	06/03	07/03	08/03	09/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	04/02	05/02	06/02	07/02	08/02	09/02	10/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	CĐ ĐỘI CẤP HUYỆN			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	11/02	12/02	13/02	14/02	15/02	16/02	17/02		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02	23/02	24/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	TiếngAnh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	25/02	26/02	27/02	28/02	29/2/2025	01/03	02/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	31/03	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	03/03	04/03	05/03	06/03	07/03	08/03	09/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	TiếngAnh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	07/04	08/04	09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	NGHỈ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG	LL	LL	LL	LL			
	2		LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5		LL		LL	LL			
	6		LL		LL	LL			
	7		LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		25 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	14/04	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	21/04	22/04	23/04	24/04	25/04	26/04	27/04
	Ngày âm	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG	
	2	LL	LL	LL	LL	LL		
	3	LL	LL	LL	LL	LL		
	4	LL	LL	LL	LL	LL		
Chiều	5	LL	LL		LL	LL		
	6	LL	LL		LL	LL		
	7	LL	LL		LL	LL		
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT						

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	
	Ngày âm	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04	07/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	NGHỈ LỄ 30/4	NGHỈ LỄ 1/5	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL			LL			
	3	LL	LL			LL			
	4	LL	LL			LL			
Chiều	5	LL	LL				LL		
	6	LL	LL				LL		
	7	LL	LL				LL		
Tổng số tiết/tuần		21 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	08/04	09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	12/05	13/05	14/05	15/05	16/05	17/05	18/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học	
		Tổng	G
1	Tiếng Việt		
2	Toán		
3	Đạo đức		
4	TNXH		
5	Âm nhạc		
6	Mĩ thuật		
7	HĐTN		
8	Tiếng Anh		
9	Toán*		
10	Tiếng Việt*		
11	Độc thư viện		
TỔNG			

TUẦN 35

THỜI GIAN	Ngày dương	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05	24/05	26/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	KT, ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM	LL	HOÀN THÀNH Đ/G CUỐI NĂM			
	2	LL	LL	LL		LL				
	3	LL	LL	LL		LL				
	4	LL	LL	LL		LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

KHỎI 2

HỌC KỲ I

TUẦN 1A

THỜI GIAN	Ngày dương	02/09	03/09	04/09	05/09	06/09	07/09	08/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	30/07	01/08	02/08	03/08	04/08	05/08	06/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1			TẬP TRUNG HS	KHAI GIẢNG	LL	HỌP HĐ		
	2					LL			
	3					LL			
	4					LL			
Chiều	5				LL				
	6				LL				
	7				LL				
Tổng số tiết/tuần		7 TIẾT							

HỌC KỲ I

TUẦN 1B

THỜI GIAN	Ngày dương	09/09	10/09	11/09	12/09	13/09	14/09	15/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	07/08	08/08	09/08	10/08	11/08	12/08	13/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	VUI HỘI TRĂNG RẰM			
	6	LL		LL	LL				
	7	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

HỌC KỲ I

TUẦN 2

THỜI GIAN	Ngày dương	16/09	17/09	18/09	19/09	20/09	21/09	22/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	14/08	15/08	16/08	17/08	18/08	19/08	20/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

HỌC KỲ I

TUẦN 3

THỜI GIAN	Ngày dương	23/09	24/09	25/09	26/09	27/09	28/09	29/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	21/08	22/08	23/08	24/08	25/08	26/08	27/08		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HNVC			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 4

THỜI GIAN	Ngày dương	30/09	01/10	02/10	03/10	04/10	05/10	06/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	28/08	29/08	30/08	01/09	02/09	03/09	04/09		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HQP HĐ			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 5

THỜI GIAN	Ngày dương	07/10	08/10	09/10	10/10	11/10	12/10	13/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	05/09	06/09	07/09	08/09	09/09	10/09	11/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 6

THỜI GIAN	Ngày dương	14/10	15/10	16/10	17/10	18/10	19/10	20/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	12/09	13/09	14/09	15/09	16/09	17/09	18/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 7

THỜI GIAN	Ngày dương	21/10	22/10	23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	19/09	20/09	21/09	22/09	23/09	24/09	25/09		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 8

THỜI GIAN	Ngày dương	28/10	29/10	30/10	31/10	01/11	02/11	03/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	26/09	27/09	28/09	29/09	01/10	02/10	03/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 9

THỜI GIAN	Ngày dương	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	09/11	10/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	04/10	05/10	06/10	07/10	08/10	09/10	10/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 10

THỜI GIAN	Ngày dương	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	16/11	17/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	11/10	12/10	13/10	14/10	15/10	16/10	17/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 11

THỜI GIAN	Ngày dương	18/11	19/11	20/11	21/11	22/11	23/11	24/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	18/10	19/10	20/10	21/10	22/10	23/10	24/10		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		CĐ" Tri ân thầy cô"	LL	LL				
	6	LL			LL	LL				
	7	LL			LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 12

THỜI GIAN	Ngày dương	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11	30/11	01/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	01/11		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 13

THỜI GIAN	Ngày dương	02/12	03/12	04/12	05/12	06/12	07/12	08/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 14

THỜI GIAN	Ngày dương	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12	14/12	15/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	09/11	10/11	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 15

THỜI GIAN	Ngày dương	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11	22/11		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	HKPD				
	6	LL		LL	LL					
	7	LL		LL	LL					
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 16

THỜI GIAN	Ngày dương	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	23/11	24/11	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	30/12	31/12	01/01	02/01	03/01	04/01	05/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	30/11	01/12	02/12	03/12	04/12	05/12	06/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	Dạy bù TKB ngày thứ 4 sang tuần 1A	
Sáng	1	LL	LL	NGHỈ TẾT DL	LL	LL	HỌP HĐ			
	2	LL	LL		LL	LL				
	3	LL	LL		LL	LL				
	4	LL	LL		LL	LL				
Chiều	5	LL			LL	LL				
	6	LL			LL	LL				
	7	LL			LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		25 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	06/01	07/01	08/01	09/01	10/01	11/01	12/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	07/12	08/12	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6		CN		
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	KT, ĐG CUỐI HK 1				
	2	LL	LL	LL	LL					
	3	LL	LL	LL	LL					
	4	LL	LL	LL	LL					
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

TUẦN 18B

THỜI GIAN	Ngày dương	13/01	14/01	15/01	16/01	17/01	18/01	19/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	14/12	15/12	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	SƠ KẾT TRƯỜNG			
	2	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL					
Chiều	5	LL		LL	SƠ KẾT TỔ				
	6	LL		LL					
	7	LL		LL					
Tổng số tiết/tuần		21 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	20/01	21/01	22/01	23/01	24/01	25/01	26/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL			LL	Festival Tiếng Anh				
	6	LL			LL		LL			
	7	LL		LL	LL					
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HDTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	03/02	04/02	05/02	06/02	07/02	08/02	09/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	06/01	07/01	08/01	09/01	10/01	11/01	12/01		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL	HỌP HD			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	10/02	11/02	12/02	13/02	14/02	15/02	16/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	13/01	14/01	15/01	16/01	17/01	18/01	19/01	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02	23/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	20/01	21/01	22/01	23/01	24/01	25/01	26/01	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	01/03	02/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	27/01	28/01	29/01	30/01	01/02	02/02	03/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	03/03	04/03	05/03	06/03	07/03	08/03	09/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	04/02	05/02	06/02	07/02	08/02	09/02	10/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL			LL	CĐ ĐỘI CẤP HUYỆN			
	6	LL			LL				
	7	LL		LL					
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	11/02	12/02	13/02	14/02	15/02	16/02	17/02		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02	23/02	24/02		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỞNG			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	25/02	26/02	27/02	28/02	29/2/2025	01/03	02/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	31/03	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	03/03	04/03	05/03	06/03	07/03	08/03	09/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	07/04	08/04	09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	NGHỈ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG	LL	LL	LL	LL				
	2		LL	LL	LL	LL				
	3		LL	LL	LL	LL				
	4		LL	LL	LL	LL				
Chiều	5			LL	LL	LL				
	6			LL	LL	LL				
	7			LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		25 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	14/04	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	21/04	22/04	23/04	24/04	25/04	26/04	27/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	TiếngAnh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04	07/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	NGHỈ LỄ 30/4	NGHỈ LỄ 1/5	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL			LL			
	3	LL	LL			LL			
	4	LL	LL			LL			
Chiều	5	LL				LL			
	6	LL				LL			
	7	LL				LL			
Tổng số tiết/tuần		18 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	08/04	09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	12/05	13/05	14/05	15/05	16/05	17/05	18/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

THỜI GIAN	Ngày dương	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05	24/05	26/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	KT, ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM	LL	HOÀN THÀNH Đ/G CUỐI NĂM			
	2	LL	LL	LL		LL				
	3	LL	LL	LL		LL				
	4	LL	LL	LL		LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Âm nhạc			
6	Mĩ thuật			
7	HĐTN			
8	Tiếng Anh			
9	Toán*			
10	Tiếng Việt*			
11	Độc thư viện			
TỔNG				

KHỎI 3

HỌC KỲ I

TUẦN 1A

THỜI GIAN	Ngày dương	02/09	03/09	04/09	05/09	06/09	07/09	08/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	30/07	01/08	02/08	03/08	04/08	05/08	06/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1			TẬP TRUNG HS	KHAI GIẢNG	LL	HỌP HĐ		
	2					LL			
	3					LL			
	4					LL			
Chiều	5					LL			
	6					LL			
	7					LL			
Tổng số tiết/tuần		7 TIẾT							

HỌC KỲ I

TUẦN 1B

THỜI GIAN	Ngày dương	09/09	10/09	11/09	12/09	13/09	14/09	15/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	07/08	08/08	09/08	10/08	11/08	12/08	13/08		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	VUI HỘI TRĂNG RẰM				
	6	LL		LL	LL					
	7	LL		LL	LL					
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

HỌC KỲ I

TUẦN 2

THỜI GIAN	Ngày dương	16/09	17/09	18/09	19/09	20/09	21/09	22/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	14/08	15/08	16/08	17/08	18/08	19/08	20/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học				
		Tổng	GVCN			
1	Tiếng Việt					
2	Toán					
3	Đạo đức					
4	TNXH					
5	Tiếng Anh					
6	Tin học					
7	Công nghệ					
8	Âm nhạc					
9	Mĩ thuật					
10	HĐTN					
11	Toán*					
12	Tiếng Việt*					
TỔNG						

HỌC KỲ I

TUẦN 3

THỜI GIAN	Ngày dương	23/09	24/09	25/09	26/09	27/09	28/09	29/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	21/08	22/08	23/08	24/08	25/08	26/08	27/08		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HNVC			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 4

THỜI GIAN	Ngày dương	30/09	01/10	02/10	03/10	04/10	05/10	06/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	28/08	29/08	30/08	01/09	02/09	03/09	04/09		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HD			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 5

THỜI GIAN	Ngày dương	07/10	08/10	09/10	10/10	11/10	12/10	13/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	05/09	06/09	07/09	08/09	09/09	10/09	11/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDCTRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Công nghệ			
7	Tin học			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 6

THỜI GIAN	Ngày dương	14/10	15/10	16/10	17/10	18/10	19/10	20/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	12/09	13/09	14/09	15/09	16/09	17/09	18/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 7

THỜI GIAN	Ngày dương	21/10	22/10	23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	19/09	20/09	21/09	22/09	23/09	24/09	25/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 8

THỜI GIAN	Ngày dương	28/10	29/10	30/10	31/10	01/11	02/11	03/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	26/09	27/09	28/09	29/09	01/10	02/10	03/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 9

THỜI GIAN	Ngày dương	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	09/11	10/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	04/10	05/10	06/10	07/10	08/10	09/10	10/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 10

THỜI GIAN	Ngày dương	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	16/11	17/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	11/10	12/10	13/10	14/10	15/10	16/10	17/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 11

THỜI GIAN	Ngày dương	18/11	19/11	20/11	21/11	22/11	23/11	24/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	18/10	19/10	20/10	21/10	22/10	23/10	24/10		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		CĐ" Tri ân thầy cô"	LL	LL				
	6	LL			LL	LL				
	7	LL			LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 12

THỜI GIAN	Ngày dương	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11	30/11	01/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	01/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 13

THỜI GIAN	Ngày dương	02/12	03/12	04/12	05/12	06/12	07/12	08/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 14

THỜI GIAN	Ngày dương	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12	14/12	15/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	09/11	10/11	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 15

THỜI GIAN	Ngày dương	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11	22/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	HKPD			
	6	LL		LL	LL				
	7	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 16

THỜI GIAN	Ngày dương	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	23/11	24/11	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 17

THỜI GIAN	Ngày dương	30/12	31/12	01/01	02/01	03/01	04/01	05/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	30/11	01/12	02/12	03/12	04/12	05/12	06/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	Dạy bù TKB ngày thứ 4 sang tuần 1A	
Sáng	1	LL	LL	NGHỈ TẾT DL	LL	LL	HỌP HD			
	2	LL	LL		LL	LL				
	3	LL	LL		LL	LL				
	4	LL	LL		LL	LL				
Chiều	5	LL			LL	LL				
	6	LL			LL	LL				
	7	LL			LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		25 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 18

THỜI GIAN	Ngày dương	06/01	07/01	08/01	09/01	10/01	11/01	12/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	07/12	08/12	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6		CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	KT, ĐG CUỐI HK 1			
	2	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 18B

THỜI GIAN	Ngày dương	13/01	14/01	15/01	16/01	17/01	18/01	19/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	14/12	15/12	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	SƠ KẾT TRƯỜNG			
	2	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL					
Chiều	5	LL		LL	SƠ KẾT TỔ				
	6	LL		LL					
	7	LL		LL					
Tổng số tiết/tuần		21 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 19

THỜI GIAN	Ngày dương	20/01	21/01	22/01	23/01	24/01	25/01	26/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL			LL	Festival Tiếng Anh			
	6	LL			LL				
	7	LL		LL					
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 20

THỜI GIAN	Ngày dương	03/02	04/02	05/02	06/02	07/02	08/02	09/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	06/01	07/01	08/01	09/01	10/01	11/01	12/01	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 21

THỜI GIAN	Ngày dương	10/02	11/02	12/02	13/02	14/02	15/02	16/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	13/01	14/01	15/01	16/01	17/01	18/01	19/01		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 22

THỜI GIAN	Ngày dương	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02	23/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	20/01	21/01	22/01	23/01	24/01	25/01	26/01	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 23

THỜI GIAN	Ngày dương	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	01/03	02/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	27/01	28/01	29/01	30/01	01/02	02/02	03/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 24

THỜI GIAN	Ngày dương	03/03	04/03	05/03	06/03	07/03	08/03	09/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	04/02	05/02	06/02	07/02	08/02	09/02	10/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL			LL	CĐ ĐỘI CẤP HUYỆN			
	6	LL			LL				
	7	LL		LL					
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 25

THỜI GIAN	Ngày dương	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	11/02	12/02	13/02	14/02	15/02	16/02	17/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 26

THỜI GIAN	Ngày dương	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02	23/02	24/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 27

THỜI GIAN	Ngày dương	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	25/02	26/02	27/02	28/02	29/2/2025	01/03	02/03		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HDTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 28

THỜI GIAN	Ngày dương	31/03	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	03/03	04/03	05/03	06/03	07/03	08/03	09/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 29

THỜI GIAN	Ngày dương	07/04	08/04	09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	NGHỈ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG	LL	LL	LL	LL			
	2		LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5			LL	LL	LL			
	6			LL	LL	LL			
	7			LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		25 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 30

THỜI GIAN	Ngày dương	14/04	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 31

THỜI GIAN	Ngày dương	21/04	22/04	23/04	24/04	25/04	26/04	27/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL		LL	LL	LL				
	6	LL		LL	LL	LL				
	7	LL		LL	LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 32

THỜI GIAN	Ngày dương	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04	07/04		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	NGHỈ LỄ 30/4	NGHỈ LỄ 1/5	LL	HỌP HĐ			
	2	LL	LL			LL				
	3	LL	LL			LL				
	4	LL	LL			LL				
Chiều	5	LL			LL					
	6	LL			LL					
	7	LL			LL					
Tổng số tiết/tuần		18 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 33

THỜI GIÂN	Ngày dương	05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	08/04	09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 34

THỜI GIAN	Ngày dương	12/05	13/05	14/05	15/05	16/05	17/05	18/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 35

THỜI GIAN	Ngày dương	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05	24/05	26/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	KT, ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM	LL	HOÀN THÀNH Đ/G CUỐI NĂM		
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	LL		LL	LL	LL			
	6	LL		LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	TNXH			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

KHỎI 4

HỌC KỲ I

TUẦN 1A

THỜI GIAN	Ngày dương	02/09	03/09	04/09	05/09	06/09	07/09	08/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	30/07	01/08	02/08	03/08	04/08	05/08	06/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1			TẬP TRUNG HS	KHAIGIẢNG	LL	HỌP HĐ		
	2					LL			
	3					LL			
	4					LL			
Chiều	5								
	6								
	7								
Tổng số tiết/tuần		4 TIẾT							

HỌC KỲ I

TUẦN 1B

THỜI GIAN	Ngày dương	09/09	10/09	11/09	12/09	13/09	14/09	15/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	07/08	08/08	09/08	10/08	11/08	12/08	13/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	VUI HỘI TRĂNG RẰM			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

HỌC KỲ I			TUẦN 2						
THỜI GIAN	Ngày dương	16/09	17/09	18/09	19/09	20/09	21/09	22/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	14/08	15/08	16/08	17/08	18/08	19/08	20/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

HỌC KỲ I

TUẦN 3

THỜI GIAN	Ngày dương	23/09	24/09	25/09	26/09	27/09	28/09	29/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	21/08	22/08	23/08	24/08	25/08	26/08	27/08		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HNVC			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 4

THỜI GIAN	Ngày dương	30/09	01/10	02/10	03/10	04/10	05/10	06/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	28/08	29/08	30/08	01/09	02/09	03/09	04/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 5

THỜI GIAN	Ngày dương	07/10	08/10	09/10	10/10	11/10	12/10	13/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	05/09	06/09	07/09	08/09	09/09	10/09	11/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDCTRUỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Công nghệ			
8	Tin học			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 6

THỜI GIAN	Ngày dương	14/10	15/10	16/10	17/10	18/10	19/10	20/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	12/09	13/09	14/09	15/09	16/09	17/09	18/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 7

THỜI GIAN	Ngày dương	21/10	22/10	23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	19/09	20/09	21/09	22/09	23/09	24/09	25/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
	LS&ĐL			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 8

THỜI GIAN	Ngày dương	28/10	29/10	30/10	31/10	01/11	02/11	03/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	26/09	27/09	28/09	29/09	01/10	02/10	03/10		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HD			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 9

THỜI GIAN	Ngày dương	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	09/11	10/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	04/10	05/10	06/10	07/10	08/10	09/10	10/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	KTGHK1			
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 10

THỜI GIAN	Ngày dương	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	16/11	17/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	11/10	12/10	13/10	14/10	15/10	16/10	17/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 11

THỜI GIAN	Ngày dương	18/11	19/11	20/11	21/11	22/11	23/11	24/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	18/10	19/10	20/10	21/10	22/10	23/10	24/10		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	CĐ" Tri ân thầy cô"	LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		35 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&DL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 12

THỜI GIAN	Ngày dương	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11	30/11	01/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	01/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 13

THỜI GIAN	Ngày dương	02/12	03/12	04/12	05/12	06/12	07/12	08/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỞNG	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 14

THỜI GIAN	Ngày dương	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12	14/12	15/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	09/11	10/11	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 15

THỜI GIAN	Ngày dương	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11	22/11		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	HKPD				
	6	LL	LL		LL					
	7	LL	LL		LL					
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 16

THỜI GIAN	Ngày dương	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	23/11	24/11	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 17

THỜI GIAN	Ngày dương	30/12	31/12	01/01	02/01	03/01	04/01	05/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	30/11	01/12	02/12	03/12	04/12	05/12	06/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	Dạy bù TKB ngày thứ 4 sang tuần 1A	
Sáng	1	LL	LL	NGHỈ TẾT DL	LL	LL	HỌP HD			
	2	LL	LL		LL	LL				
	3	LL	LL		LL	LL				
	4	LL	LL		LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		28 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&DL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 18

THỜI GIAN	Ngày dương	06/01	07/01	08/01	09/01	10/01	11/01	12/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	07/12	08/12	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6		CN		
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	KT, ĐG CUỐI HK 1				
	2	LL	LL	LL	LL					
	3	LL	LL	LL	LL					
	4	LL	LL	LL	LL					
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 18B

THỜI GIAN	Ngày dương	13/01	14/01	15/01	16/01	17/01	18/01	19/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	14/12	15/12	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL		SƠ KẾT TRƯỜNG				
	2	LL	LL	LL						
	3	LL	LL	LL						
	4	LL	LL	LL						
Chiều	5	LL			SƠ KẾT TỔ					
	6	LL								
	7	LL								
Tổng số tiết/tuần		21 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 19

THỜI GIAN	Ngày dương	20/01	21/01	22/01	23/01	24/01	25/01	26/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	Festival Tiếng Anh				
	6	LL	LL		LL					
	7	LL	LL		LL					
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 20

THỜI GIAN	Ngày dương	03/02	04/02	05/02	06/02	07/02	08/02	09/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	06/01	07/01	08/01	09/01	10/01	11/01	12/01	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 21

THỜI GIAN	Ngày dương	10/02	11/02	12/02	13/02	14/02	15/02	16/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	13/01	14/01	15/01	16/01	17/01	18/01	19/01		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 22

THỜI GIAN	Ngày dương	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02	23/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	20/01	21/01	22/01	23/01	24/01	25/01	26/01	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 23

THỜI GIAN	Ngày dương	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	01/03	02/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	27/01	28/01	29/01	30/01	01/02	02/02	03/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 24

THỜI GIAN	Ngày dương	03/03	04/03	05/03	06/03	07/03	08/03	09/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	04/02	05/02	06/02	07/02	08/02	09/02	10/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	CĐ ĐỘI CẤP HUYỆN			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 25

THỜI GIAN	Ngày dương	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	11/02	12/02	13/02	14/02	15/02	16/02	17/02		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 26

THỜI GIAN	Ngày dương	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02	23/02	24/02		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 27

THỜI GIAN	Ngày dương	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	25/02	26/02	27/02	28/02	29/2/2025	01/03	02/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	KT CHK 1			
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 28

THỜI GIAN	Ngày dương Ngày âm	31/03 03/03	01/04 04/03	02/04 05/03	03/04 06/03	04/04 07/03	05/04 08/03	06/04 09/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 29

THỜI GIAN	Ngày dương	07/04	08/04	09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	NGHỈ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG	LL	LL	LL	LL				
	2		LL	LL	LL	LL				
	3		LL	LL	LL	LL				
	4		LL	LL	LL	LL				
Chiều	5		LL		LL	LL				
	6		LL		LL	LL				
	7		LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		25 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 30

THỜI GIAN	Ngày dương	14/04	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 31

THỜI GIAN	Ngày dương Ngày âm	21/04 24/03	22/04 25/03	23/04 26/03	24/04 27/03	25/04 28/03	26/04 29/03	27/04 30/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 32

THỜI GIAN	Ngày dương	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04	07/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	NGHỈ LỄ 30/4	NGHỈ LỄ 1/5	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL			LL			
	3	LL	LL			LL			
	4	LL	LL			LL			
Chiều	5	LL	LL			LL			
	6	LL	LL			LL			
	7	LL	LL			LL			
Tổng số tiết/tuần		18 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 33

THỜI GIAN	Ngày dương	05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	08/04	09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỞNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&DL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 34

THỜI GIAN	Ngày dương Ngày âm	12/05 15/04	13/05 16/04	14/05 17/04	15/05 18/04	16/05 19/04	17/05 20/04	18/05 21/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 35

THỜI GIAN	Ngày dương	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05	24/05	26/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	KT, ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM	LL	HOÀN THÀNH Đ/G CUỐI NĂM			
	2	LL	LL	LL		LL				
	3	LL	LL	LL		LL				
	4	LL	LL	LL		LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

KHỎI 5

HỌC KỲ I

TUẦN 1A

THỜI GIAN	Ngày dương	02/09	03/09	04/09	05/09	06/09	07/09	08/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	30/07	01/08	02/08	03/08	04/08	05/08	06/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1			TẬP TRUNG HS	KHAI GIẢNG	LL	HỌP HĐ		
	2					LL			
	3					LL			
	4					LL			
Chiều	5								
	6								
	7								
Tổng số tiết/tuần		4 TIẾT							

HỌC KỲ I

TUẦN 1B

THỜI GIAN	Ngày dương	09/09	10/09	11/09	12/09	13/09	14/09	15/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	07/08	08/08	09/08	10/08	11/08	12/08	13/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	VUI HỘI TRĂNG RẰM			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

HỌC KỲ I

TUẦN 2

THỜI GIAN	Ngày dương	16/09	17/09	18/09	19/09	20/09	21/09	22/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	14/08	15/08	16/08	17/08	18/08	19/08	20/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học				
		Tổng	GVCN			
1	Tiếng Việt					
2	Toán					
3	Đạo đức					
4	Khoa học					
5	LS&ĐL					
6	Tiếng Anh					
7	Tin học					
8	Công nghệ					
9	Âm nhạc					
10	Mĩ thuật					
11	HĐTN					
12	Toán*					
13	Tiếng Việt*					
TỔNG						

HỌC KỲ I

TUẦN 3

THỜI GIAN	Ngày dương	23/09	24/09	25/09	26/09	27/09	28/09	29/09	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	21/08	22/08	23/08	24/08	25/08	26/08	27/08	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HNVC		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 4

THỜI GIAN	Ngày dương	30/09	01/10	02/10	03/10	04/10	05/10	06/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	28/08	29/08	30/08	01/09	02/09	03/09	04/09		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HD			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 5

THỜI GIAN	Ngày dương	07/10	08/10	09/10	10/10	11/10	12/10	13/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	05/09	06/09	07/09	08/09	09/09	10/09	11/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDCTRUỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Công nghệ			
8	Tin học			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 6

THỜI GIAN	Ngày dương	14/10	15/10	16/10	17/10	18/10	19/10	20/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	12/09	13/09	14/09	15/09	16/09	17/09	18/09	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 7

THỜI GIAN	Ngày dương	21/10	22/10	23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	19/09	20/09	21/09	22/09	23/09	24/09	25/09		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
	LS&ĐL			
5	Tiếng Anh			
6	Tin học			
7	Công nghệ			
8	Âm nhạc			
9	Mĩ thuật			
10	HĐTN			
11	Toán*			
12	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 8

THỜI GIAN	Ngày dương	28/10	29/10	30/10	31/10	01/11	02/11	03/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	26/09	27/09	28/09	29/09	01/10	02/10	03/10		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HD			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 9

THỜI GIAN	Ngày dương	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	09/11	10/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	04/10	05/10	06/10	07/10	08/10	09/10	10/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	KTGHK1			
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 10

THỜI GIAN	Ngày dương	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	16/11	17/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	11/10	12/10	13/10	14/10	15/10	16/10	17/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 11

THỜI GIAN	Ngày dương	18/11	19/11	20/11	21/11	22/11	23/11	24/11	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	18/10	19/10	20/10	21/10	22/10	23/10	24/10	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	CĐ" Tri ân thầy cô"	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		35 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&DL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 12

THỜI GIAN	Ngày dương	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11	30/11	01/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	01/11		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 13

THỜI GIAN	Ngày dương	02/12	03/12	04/12	05/12	06/12	07/12	08/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỞNG	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 14

THỜI GIAN	Ngày dương	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12	14/12	15/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	09/11	10/11	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 15

THỜI GIAN	Ngày dương	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	16/11	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11	22/11		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	HKPD				
	6	LL	LL		LL					
	7	LL	LL		LL					
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 16

THỜI GIAN	Ngày dương	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	23/11	24/11	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 17

THỜI GIAN	Ngày dương	30/12	31/12	01/01	02/01	03/01	04/01	05/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	30/11	01/12	02/12	03/12	04/12	05/12	06/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	Dạy bù TKB ngày thứ 4 sang tuần 1A	
Sáng	1	LL	LL	NGHỈ TẾT DL	LL	LL	HỌP HĐ			
	2	LL	LL		LL	LL				
	3	LL	LL		LL	LL				
	4	LL	LL		LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		28 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&DL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 18

THỜI GIAN	Ngày dương	06/01	07/01	08/01	09/01	10/01	11/01	12/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	07/12	08/12	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	KT, ĐG CUỐI HK 1				
	2	LL	LL	LL	LL					
	3	LL	LL	LL	LL					
	4	LL	LL	LL	LL					
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 18B

THỜI GIAN	Ngày dương	13/01	14/01	15/01	16/01	17/01	18/01	19/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	14/12	15/12	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL		SƠ KẾT TRƯỜNG			
	2	LL	LL	LL					
	3	LL	LL	LL					
	4	LL	LL	LL					
Chiều	5	LL			SƠ KẾT TỔ				
	6	LL							
	7	LL							
Tổng số tiết/tuần		21 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 19

THỜI GIAN	Ngày dương	20/01	21/01	22/01	23/01	24/01	25/01	26/01	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	Festival Tiếng Anh				
	6	LL	LL		LL					
	7	LL	LL		LL					
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 20

THỜI GIAN	Ngày dương	03/02	04/02	05/02	06/02	07/02	08/02	09/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	06/01	07/01	08/01	09/01	10/01	11/01	12/01	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 21

THỜI GIAN	Ngày dương	10/02	11/02	12/02	13/02	14/02	15/02	16/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	13/01	14/01	15/01	16/01	17/01	18/01	19/01		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG			
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 22

THỜI GIAN	Ngày dương	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02	23/02	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	20/01	21/01	22/01	23/01	24/01	25/01	26/01	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 23

THỜI GIAN	Ngày dương	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	01/03	02/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	27/01	28/01	29/01	30/01	01/02	02/02	03/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 24

THỜI GIAN	Ngày dương	03/03	04/03	05/03	06/03	07/03	08/03	09/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	04/02	05/02	06/02	07/02	08/02	09/02	10/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	CĐ ĐỘI CẤP HUYỆN			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 25

THỜI GIAN	Ngày dương	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	11/02	12/02	13/02	14/02	15/02	16/02	17/02		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 26

THỜI GIAN	Ngày dương	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02	23/02	24/02	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 27

THỜI GIAN	Ngày dương	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	25/02	26/02	27/02	28/02	29/2/2025	01/03	02/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	KT CHK 1			
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 28

THỜI GIAN	Ngày dương	31/03	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	03/03	04/03	05/03	06/03	07/03	08/03	09/03	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 29

THỜI GIAN	Ngày dương	07/04	08/04	09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	NGHỈ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG	LL	LL	LL	LL				
	2		LL	LL	LL	LL				
	3		LL	LL	LL	LL				
	4		LL	LL	LL	LL				
Chiều	5		LL		LL	LL				
	6		LL		LL	LL				
	7		LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		25 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 30

THỜI GIAN	Ngày dương	14/04	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần	
	Ngày âm	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	22/03	23/03		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC TRƯỜNG	LL	LL	LL	LL				
	2	LL	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL				
	6	LL	LL		LL	LL				
	7	LL	LL		LL	LL				
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT								

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 31

THỜI GIAN	Ngày dương Ngày âm	21/04 24/03	22/04 25/03	23/04 26/03	24/04 27/03	25/04 28/03	26/04 29/03	27/04 30/03	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL	SHCM TRƯỜNG		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 32

THỜI GIAN	Ngày dương	28/04	29/04	30/04	01/05	02/05	03/05	04/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04	07/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	NGHỈ LỄ 30/4	NGHỈ LỄ 1/5	LL	HỌP HĐ		
	2	LL	LL			LL			
	3	LL	LL			LL			
	4	LL	LL			LL			
Chiều	5	LL	LL			LL			
	6	LL	LL			LL			
	7	LL	LL			LL			
Tổng số tiết/tuần		18 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 33

THỜI GIAN	Ngày dương	05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	08/04	09/04	10/04	11/04	12/04	13/04	14/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC TRƯỞNG	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&DL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 34

THỜI GIAN	Ngày dương Ngày âm	12/05 15/04	13/05 16/04	14/05 17/04	15/05 18/04	16/05 19/04	17/05 20/04	18/05 21/04	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC ĐỘI	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

TUẦN 35

THỜI GIAN	Ngày dương	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05	24/05	26/05	Điều chỉnh kế hoạch tuần
	Ngày âm	15/04	16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	LL	LL	LL	LL		HOÀN THÀNH Đ/G CUỐI NĂM		
	2	LL	LL	LL	LL	KT,Đ/C CUỐI NĂM			
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL			
Tổng số tiết/tuần		32 TIẾT							

TỔNG HỢP

STT	Nội dung	Số lượng tiết học		Ghi chú
		Tổng	GVCN	
1	Tiếng Việt			
2	Toán			
3	Đạo đức			
4	Khoa học			
5	LS&ĐL			
6	Tiếng Anh			
7	Tin học			
8	Công nghệ			
9	Âm nhạc			
10	Mĩ thuật			
11	HĐTN			
12	Toán*			
13	Tiếng Việt*			
TỔNG				

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
KHỐI 1 - NĂM HỌC 2024 -2025

1. MÔN: TOÁN:

Cấu trúc nội dung SGK Toán 1 gồm 41bài = 105 tiết.

- Học kì I: 20 bài gồm 54 tiết.
- Học kì II: 21 bài gồm 51 tiết.

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

NỘI DUNG		YÊU CẦU CẦN ĐẠT
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
<i>Số tự nhiên</i>		
Số tự nhiên	<i>Đếm, đọc, viết các số trong phạm vi 100</i>	- Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10; trong phạm vi 20; trong phạm vi 100. - Nhận biết được chục và đơn vị, số tròn chục.
	<i>So sánh các số trong phạm vi 100</i>	Nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 100 (ở các nhóm có không quá 4 số).
Các phép tính với số tự nhiên	<i>Phép cộng, phép trừ</i>	- Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng, phép trừ. - Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100. - Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).
	<i>Tính nhẩm</i>	- Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10. - Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục.
	<i>Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính cộng, trừ</i>	- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ) thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn. - Nhận biết và viết được phép tính (cộng, trừ) phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.

NỘI DUNG		YÊU CẦU CẦN ĐẠT
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
Hình học trực quan		
Hình phẳng và hình khối	<i>Quan sát, nhận biết hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản</i>	- Nhận biết được vị trí, định hướng trong không gian: trên - dưới, phải - trái, trước - sau, ở giữa. - Nhận dạng được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật. - Nhận dạng được khối lập phương, khối hộp chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.
	<i>Thực hành lắp ghép, xếp hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đơn giản</i>	Nhận biết và thực hiện được việc lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.
Đo lường		
Đo lường	<i>Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng</i>	- Nhận biết được về “dài hơn”, “ngắn hơn”. - Nhận biết được đơn vị đo độ dài: cm (xăng-ti-mét); đọc và viết được số đo độ dài trong phạm vi 100cm. - Nhận biết được mỗi tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần lễ. - Nhận biết được giờ đúng trên đồng hồ.
	Thực hành đo đại lượng	- Thực hiện được việc đo và ước lượng độ dài theo đơn vị đo tự quy ước (gang tay, bước chân,...). - Thực hiện được việc đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo là cm. - Thực hiện được việc đọc giờ đúng trên đồng hồ. - Xác định được thứ, ngày trong tuần khi xem lịch (loại lịch tờ hàng ngày). - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài, đọc giờ đúng và xem lịch (loại lịch tờ hằng ngày).
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM		
Nhà trường tổ chức cho học sinh một số hoạt động sau và có thể bổ sung các hoạt động khác tùy vào điều kiện cụ thể.		

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
<i>Hoạt động 1:</i> Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn, chẳng hạn: - Thực hành đếm, nhận biết số, thực hiện phép tính trong một số tình huống thực tiễn hằng ngày (ví dụ: đếm số bàn học và số cửa sổ trong lớp học,...). - Thực hành các hoạt động liên quan đến vị trí, định hướng không gian (ví dụ: xác định được một vật ở trên hoặc dưới mặt bàn, một vật cao hơn hoặc thấp hơn vật khác,...). - Thực hành đo và ước lượng độ dài một số đồ vật trong thực tế gắn với đơn vị đo cm; thực hành đọc giờ đúng trên đồng hồ, xem lịch loại lịch tờ hằng ngày. <i>Hoạt động 2:</i> Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá (ví dụ: các trò chơi học toán,...) liên quan đến ôn tập, củng cố các KTCB.	

b. Kế hoạch dạy học cụ thể

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
1	1- Các số từ 0 đến 10 (20 tiết)	Tiết học đầu tiên	1	
		Bài 1: Các số 0, 1, 2, 3, 4, 5	3 tiết	
		Bài 1: Các số 0, 1, 2, 3, 4, 5 (Tiết 1)	2	
		Bài 1: Các số 0, 1, 2, 3, 4, 5 (Tiết 2)	3	
2		Bài 1: Các số 0, 1, 2, 3, 4, 5 (Tiết 3)	4	
		Bài 2: Các số 6, 7, 8, 9, 10	3 tiết	
		Bài 2: Các số 6, 7, 8, 9, 10 - Tiết 1	5	
		Bài 2: Các số 6, 7, 8, 9, 10 - Tiết 2	6	Thay thế bằng bài học Stem Trải nghiệm cùng khay 10 học Toán
3		Bài 2: Các số 6, 7, 8, 9, 10 - Tiết 3	7	
		Bài 3: Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau	2 tiết	
		Bài 3: Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau - Tiết 1	8	

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
		Bài 3: Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau - Tiết 2	9	
4	1- Các số từ 0 đến 10 (20 tiết)	Bài 4: So sánh số	4 tiết	Thay thế bằng bài học Stem Dụng cụ so sánh số trong phạm vi 10
		Bài 4: So sánh số - Tiết 1	10	
		Bài 4: So sánh số - Tiết 2	11	
		Bài 4: So sánh số - Tiết 3	12	
5		Bài 4: So sánh số - Tiết 4	13	
		Bài 5: Mấy và mấy	3 tiết	
		Bài 5: Mấy và mấy - Tiết 1	14	
		Bài 5: Mấy và mấy - Tiết 2	15	
6		Bài 5: Mấy và mấy - Tiết 3	16	
		Bài 6: Luyện tập chung	4 tiết	
		Bài 6: Luyện tập chung - Tiết 1	17	
		Bài 6: Luyện tập chung - Tiết 2	18	
7		Bài 6: Luyện tập chung - Tiết 3	19	
		Bài 6: Luyện tập chung - Tiết 4	20	
		Bài 7: Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật	2 Tiết	
		Bài 7: Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật - Tiết 1	21	CDS
8			Bài 7: Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật - Tiết 2	22

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
	2- Làm quen với một số hình phẳng (5 tiết)	Bài 8: Thực hành lắp ghép, xếp hình	2 Tiết	Thay thế bằng bài học Stem - Bài 4: Thực hành trang trí lớp bằng các hình học
		Bài 8: Thực hành lắp ghép, xếp hình - Tiết 1	23	
		Bài 8: Thực hành lắp ghép, xếp hình - Tiết 2	24	
9		Bài 9: Luyện tập chung	1 Tiết	
		Bài 9: Luyện tập chung	25	
		Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10	6 Tiết	
10	3- Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10	Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10 - Tiết 1	26	
		Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10 - Tiết 2	27	
		Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10 - Tiết 3	28	
		Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10 - Tiết 4	29	
		Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10 - Tiết 5	30	
11		Bài 10: Phép cộng trong phạm vi 10 - Tiết 6	31	
		Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10	6 Tiết	
		Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10 - Tiết 1	32	
12		Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10 - Tiết 2	33	
		Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10 - Tiết 3	34	
		Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10 - Tiết 4	35	
			Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10 - Tiết 5	36

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
13		Bài 11: Phép trừ trong phạm vi 10 - Tiết 6	37	
		Bài 12: Bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10	3 Tiết	
		Bài 12: Bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10 - Tiết 1	38	
		Bài 12: Bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10 - Tiết 2	39	
14		Bài 12: Bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10 - Tiết 3	40	
		Bài 13: Luyện tập chung	3 Tiết	
		Bài 13: Luyện tập chung - Tiết 1	41	
		Bài 13: Luyện tập chung - Tiết 2	42	
15	4- Làm quen với một số hình khối (5	Bài 13: Luyện tập chung - Tiết 3	43	
		Bài 14: Khối lập phương, khối hộp chữ nhật	2 Tiết	
		Bài 14: Khối lập phương, khối hộp chữ nhật - Tiết 1	44	CDS Sưu tầm các đồ vật khối hộp chữ nhật, khối lập phương.
		Bài 14: Khối lập phương, khối hộp chữ nhật - Tiết 2	45	GD stem: Tạo sản phẩm yêu thích.
16		Bài 15: Vị trí, định hướng trong không gian	2 Tiết	
		Bài 15: Vị trí, định hướng trong không gian - Tiết 1	46	
		Bài 15: Vị trí, định hướng trong không gian - Tiết 2	47	
		Bài 16: Luyện tập chung	1 Tiết	
	Bài 16: Luyện tập chung	48		
17	5 -Ôn tập Học kì I (6 tiết)	Bài 17: Ôn tập các số trong phạm vi 10	2 Tiết	
		Bài 17: Ôn tập các số trong phạm vi 10 - Tiết 1	49	

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
18		Bài 17: Ôn tập các số trong phạm vi 10 - Tiết 2	50	
		Bài 18: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10	2 Tiết	
		Bài 18: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10 - Tiết 1	51	
		Bài 18: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10 - Tiết 2	52	
		Bài 19: Ôn tập hình học	1 Tiết	
		Bài 19: Ôn tập hình học	53	
		Bài 20: Ôn tập chung	1 Tiết	
		Bài 20: Ôn tập chung KT đánh giá cuối HK1	54	
19		Bài 21: Số có hai chữ số	6 Tiết	
		Bài 21: Số có hai chữ số - Tiết 1	55	
		Bài 21: Số có hai chữ số - Tiết 2	56	
		Bài 21: Số có hai chữ số - Tiết 3	57	
20		Bài 21: Số có hai chữ số - Tiết 4	58	
		Bài 21: Số có hai chữ số - Tiết 5	59	
		Bài 21: Số có hai chữ số - Tiết 6	60	
21		6 - Các số đến 100 (12 tiết)	Bài 22: So sánh số có hai chữ số	3 Tiết
	Bài 22: So sánh số có hai chữ số - Tiết 1		61	
	Bài 22: So sánh số có hai chữ số - Tiết 2		62	
	Bài 22: So sánh số có hai chữ số - Tiết 3		63	

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
22		Bài 23: Bảng các số từ 1 đến 100	1 Tiết	Thay thế bằng bài học Stem – Bài 10: Bảng các số từ 1 đến 100
		Bài 23: Bảng các số từ 1 đến 100	64	
		Bài 24: Luyện tập chung	2 Tiết	
		Bài 24: Luyện tập chung - Tiết 1	65	
		Bài 24: Luyện tập chung - Tiết 2	66	
23	7- Độ dài và đo độ dài (8 tiết)	Bài 25: Dài hơn, ngắn hơn	2 Tiết	
		Bài 25: Dài hơn, ngắn hơn - Tiết 1	67	HS thực hành đo các đồ vật xung quanh.
		Bài 25: Dài hơn, ngắn hơn - Tiết 2	68	HS thực hành đo các đồ vật xung quanh.
		Bài 26: Đơn vị đo độ dài	2 Tiết	
		Bài 26: Đơn vị đo độ dài - Tiết 1	69	
24		Bài 26: Đơn vị đo độ dài - Tiết 2	70	
		Bài 27: Thực hành ước lượng và đo độ dài	2 Tiết	
		Bài 27: Thực hành ước lượng và đo độ dài - Tiết 1	71	HS thực hành đo các đồ vật xung quanh.
		Bài 27: Thực hành ước lượng và đo độ dài - Tiết 2	72	HS thực hành đo các đồ vật xung quanh.
		Bài 28: Luyện tập chung (2 Tiết)		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
25		Bài 28: Luyện tập chung - Tiết 1	73	
		Bài 28: Luyện tập chung - Tiết 2	74	
		Bài 29: Phép cộng số có hai chữ số với số có một chữ số	2 Tiết	
		Bài 29: Phép cộng số có hai chữ số với số có một chữ số - Tiết 1	75	
26	8- Phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100 (14 tiết)	Bài 29: Phép cộng số có hai chữ số với số có một chữ số - Tiết 2	76	
		Bài 30: Phép cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số	2 Tiết	
		Bài 30: Phép cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số - Tiết 1	77	
		Bài 30: Phép cộng số có hai chữ số với số có hai chữ số - Tiết 2	78	
27		Bài 31: Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số	3 Tiết	
		Bài 31: Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số - Tiết 1	79	
		Bài 31: Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số - Tiết 2	80	
		Bài 31: Phép trừ số có hai chữ số cho số có một chữ số - Tiết 3	81	
28		Bài 32: Phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số	3 Tiết	
		Bài 32: Phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số - Tiết 1	82	
		Bài 32: Phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số - Tiết 2	83	

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
29		Bài 32: Phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số - Tiết 3	84	
		Bài 33: Luyện tập chung	4 Tiết	
		Bài 33: Luyện tập chung - Tiết 1	85	
		Bài 33: Luyện tập chung - Tiết 2	86	
		Bài 33: Luyện tập chung - Tiết 3	87	
30		Bài 33: Luyện tập chung - Tiết 4	88	
		Bài 34: Xem giờ đúng trên đồng hồ	2 Tiết	Thay thế bằng bài học Stem - Bài 14: Đồng hồ tiện ích
		Bài 34: Xem giờ đúng trên đồng hồ - Tiết 1	89	
		Bài 34: Xem giờ đúng trên đồng hồ - Tiết 2	90	
		Bài 35: Các ngày trong tuần	2 Tiết	
31		Bài 35: Các ngày trong tuần - Tiết 1	91	HS thực hành xem lịch
		Bài 35: Các ngày trong tuần - Tiết 2	92	HS thực hành xem lịch
		Bài 36: Thực hành xem lịch và giờ	2 Tiết	
31	9 - Thời gian, giờ và lịch (8 tiết)	Bài 36: Thực hành xem lịch và giờ - Tiết 1	93	HS thực hành xem lịch và xem đồng hồ.
32		Bài 36: Thực hành xem lịch và giờ - Tiết 2	94	HS thực hành xem lịch và xem đồng hồ.
		Bài 37: Luyện tập chung	2 Tiết	
		Bài 37: Luyện tập chung - Tiết 1	95	

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
		Bài 37: Luyện tập chung - Tiết 2	96	
33	10 - Ôn tập cuối năm (9 tiết)	Bài 38: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 10	3 Tiết	
		Bài 38: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 10 - Tiết 1	97	
		Bài 38: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 10 - Tiết 2	98	
		Bài 38: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 10 - Tiết 3	99	
34		Bài 39: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 100	3 Tiết	
		Bài 39: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 100 - Tiết 1	100	
		Bài 39: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 100 - Tiết 2	101	
		Bài 39: Ôn tập các số và phép tính trong phạm vi 100 - Tiết 3	102	
35		Bài 40: Ôn tập hình học và đo lường	2 Tiết	
		Bài 40: Ôn tập hình học và đo lường - Tiết 1	103	
		Bài 40: Ôn tập hình học và đo lường - Tiết 2	104	
		Bài 41: Ôn tập chung (1 Tiết) KT ĐG CUỐI HKII	105	

2. MÔN: TIẾNG VIỆT

* Cấu trúc nội dung SGK Tiếng Việt 1

- Học kì I: 18 tuần = 83 bài trong đó có 3 bài ôn tập cuối kì và KTDK

- Học kì II: 17 tuần = 45 bài (8 chủ đề) + 3 bài ôn tập và đánh giá cuối năm

TS tiết: 420 tiết/ 35 tuần; Số tiết trên tuần: 12 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1.1. Âm, vần, thanh; chữ và dấu thanh 1.2. Quy tắc chính tả phân biệt: <i>c</i> và <i>k</i> , <i>g</i> và <i>gh</i> , <i>ng</i> và <i>ngh</i> 1.3. Quy tắc viết hoa: viết hoa chữ cái đầu câu, viết hoa tên riêng 2. Vốn từ theo chủ điểm: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm gần gũi 3. Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi: đánh dấu kết thúc câu 4.1. Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà và ở trường 4.2. Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép 5. Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) KIẾN THỨC VĂN HỌC 1. Câu chuyện, bài thơ 2. Nhân vật trong truyện NGŨ LIỆU 1.1. Văn bản văn học - Cô tích, ngụ ngôn, truyện ngắn, truyện tranh, đoạn văn miêu tả - Đoạn thơ, bài thơ (gồm cả đồng dao) Độ dài của văn bản: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 - 130 chữ, thơ khoảng 50 - 70 chữ	ĐỌC KỸ THUẬT ĐỌC - Ngồi (hoặc đứng) thẳng lưng; sách, vở mở rộng trên mặt bàn (hoặc trên hai tay). Giữ khoảng cách giữa mắt với sách, vở khoảng 25cm. - Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). - Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 40 - 60 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ. - Bước đầu biết đọc thầm. - Nhận biết được bìa sách và tên sách. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. - Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được hình dáng, hành động của nhân vật thể hiện qua một số từ ngữ trong câu chuyện dựa vào gợi ý của giáo viên. - Nhận biết được lời nhân vật trong truyện dựa vào gợi ý của giáo viên. Liên hệ, so sánh, kết nối - Liên hệ được tranh minh họa với các chi tiết trong văn bản. - Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao. Đọc mở rộng - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 10 văn bản văn học có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Thuộc lòng 4 - 5 đoạn thơ hoặc bài thơ đã học, mỗi đoạn thơ, bài thơ có độ dài khoảng 30 - 40 chữ.

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
1.2. Văn bản thông tin: giới thiệu những sự vật, sự việc gần gũi với học sinh Độ dài của văn bản: khoảng 90 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý 3. Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực, phù hợp với học sinh lớp 1	Văn bản thông tin Đọc hiểu nội dung - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản về các chi tiết nổi bật trong văn bản. - Trả lời được câu hỏi: “Văn bản này viết về điều gì?” với sự gợi ý, hỗ trợ. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được trình tự của các sự việc trong văn bản. - Hiểu nghĩa của một số tín hiệu đơn giản, gần gũi với học sinh. Đọc mở rộng Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 5 văn bản thông tin có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.
	VIẾT KĨ THUẬT VIẾT - Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc với mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa). - Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); biết viết chữ hoa. - Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ <i>c, k, g, gh, ng, ngh</i>. - Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 - 35 chữ theo các hình thức nhìn - viết (tập chép), nghe - viết. Tốc độ viết khoảng 30 - 35 chữ trong 15 phút. VIẾT CÂU, ĐOẠN VĂN NGẮN Quy trình viết Bước đầu trả lời được những câu hỏi như: Viết về ai? Viết về cái gì, việc gì? Thực hành viết - Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. - Điền được vào phần thông tin còn trống, viết câu nói về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật dưới tranh trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý. - Điền được phần thông tin còn trống, viết câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.
	NÓI VÀ NGHE

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
	Nói - Nói rõ ràng, thành câu. Biết nhìn vào người nghe khi nói. - Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. - Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. - Biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý. - Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh hoạ và lời gợi ý dưới tranh). Nghe - Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. - Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học. - Nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu? Nói nghe tương tác - Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. - Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản

b. Kế hoạch dạy học cụ thể:

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
1 - Làm quen					
		Bài 1: Làm quen với trường lớp, bạn bè	1		
		Bài 2: Làm quen với đồ dùng học tập	2		
		Bài 3: Làm quen với tư thế đọc viết nói nghe	2 Tiết		
		Làm quen với tư thế đọc viết nói nghe - Tiết 1	3		
		Làm quen với tư thế đọc viết nói nghe - Tiết 2	4		
		Bài 4: Làm quen với các nét cơ bản, các chữ số và dấu thanh	2 Tiết		
		Làm quen với các nét cơ bản, các chữ số, bảng chữ cái, dấu thanh - Tiết 1	5		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Làm quen với các nét cơ bản, các chữ số, bảng chữ cái, dấu thanh - Tiết 2	6		
		Làm quen với các nét cơ bản, các chữ số, bảng chữ cái, dấu thanh - Tiết 3	7		
		Làm quen với các nét cơ bản, các chữ số, bảng chữ cái, dấu thanh - Tiết 4	8		
		Làm quen với các nét cơ bản, các chữ số, bảng chữ cái, dấu thanh - Tiết 5	9		
		Làm quen với các nét cơ bản, các chữ số, bảng chữ cái, dấu thanh - Tiết 6	10		
		Làm quen với các quy ước -1 Tiết	1 Tiết		
		Làm quen với các quy ước.	11		
		Ôn luyện viết các nét cơ bản, các chữ số. 1 Tiết	1 Tiết		
		Ôn luyện viết các nét cơ bản, các chữ số.	12		
2		Bài 1: A a -	2 Tiết		
		Bài 1: A a - Tiết 1	13		
		Bài 1: A a - Tiết 2	14		
		Bài 2: B b \ -	2 Tiết		
		Bài 2: B b \ - Tiết 1	15		
		Bài 2: B b \ - Tiết 2	16		
		Bài 3: C c /	2 Tiết		
		Bài 3: C c / - Tiết 1	17		
		Bài 3: C c / - Tiết 2	18		
		Bài 4: E e Ê ê	2 Tiết		HD 5: Nói " Trên sân trường" GV giảng giải, nếu thời tiết thuận lợi có thể cho HS ra ngoài sân trường quan
		Bài 4: E e Ê ê - Tiết 1	19		
		Bài 4: E e Ê ê - Tiết 2	20		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
					sát thực tế và chỉ ra những khu vực nếu vui chơi ở đó có thể dẫn đến tai nạn thương tích
		Bài 5: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 5: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	21		
		Bài 5: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	22		
		Luyện viết nâng cao: Bài 1+ Bài 2	23		
		Luyện viết nâng cao: Bài 3+ Bài 4	24		
3		Bài 6: O o ?	2 Tiết		
		Bài 6: O o ? - Tiết 1	25		
		Bài 6: O o ? - Tiết 2	26		
		Bài 7: Ô ô .	2 Tiết		
		Bài 7: Ô ô . - Tiết 1	27		
		Bài 7: Ô ô . - Tiết 2	28		Dạy tích hợp ATGT ở hoạt động luyện nói: GDHS chấp hành tốt an toàn giao thông khi tham gia giao thông
		Bài 8: D d Đ d	2 Tiết		
		Bài 8: D d Đ d - Tiết 1	29		
		Bài 8: D d Đ d - Tiết 2	30		
		Bài 9: Ở ơ	2 Tiết		HD 5: Nói " Phương tiện giao thông", GV sưu tầm
		Bài 9: Ở ơ - Tiết 1	31		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Bài 9: Ở σ - Tiết 2	32		tranh, ảnh minh họa khi tham gia giao thông nếu không có ý thức tuân thủ luật giao thông sẽ dẫn đến tai nạn.
		Bài 10: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 10: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	33		
		Bài 10: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	34		
		Luyện viết nâng cao: Bài 6+ Bài 7	35		
		Luyện viết nâng cao: Bài 8+ Bài 9	36		
4		Bài 11: I I K k	2 Tiết		
		Bài 11: I I K k - Tiết 1	37		
		Bài 11: I I K k - Tiết 2	38		
		Bài 12: H h L l	2 Tiết		
		Bài 12: H h L l - Tiết 1	39		
		Bài 12: H h L l - Tiết 2	40		
		Bài 13: U u Ư ư	2 Tiết		
		Bài 13: U u Ư ư - Tiết 1	41		
		Bài 13: U u Ư ư - Tiết 2	42		
		Bài 14: Ch ch Kh kh	2 Tiết		
		Bài 14: Ch ch Kh kh - Tiết 1	43		
		Bài 14: Ch ch Kh kh - Tiết 2	44		
		Bài 15: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 15: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	45		
		Bài 15: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	46		
		Luyện viết nâng cao: Bài 11+ Bài 12	47		
		Luyện viết nâng cao: Bài 13+ Bài 14	48		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
5		Bài 16: M m N n	2 Tiết		
		Bài 16: M m N n - Tiết 1	49		
		Bài 16: M m N n - Tiết 2	50		
		Bài 17: G g Gi gi	2 Tiết		
		Bài 17: G g Gi gi - Tiết 1	51		
		Bài 17: G g Gi gi - Tiết 2	52		Lồng ghép GD: Bảo vệ và chăm sóc vật nuôi
		Bài 18: Gh gh Nh nh	2 Tiết		
		Bài 18: Gh gh Nh nh - Tiết 1	53		
		Bài 18: Gh gh Nh nh - Tiết 2	54		
		Bài 19: Ng ng Ngh ngh	2 Tiết	.	HĐ 5: Nói " Thăm vườn bách thú" Gv giảng giải cho HS khi đi chơi, thăm vườn bách thú phải tuân thủ quy định, không lại gần hay trêu chọc các con thú sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng...HS cần có ý thức bảo vệ nơi công cộng
		Bài 19: Ng ng Ngh ngh - Tiết 1	55		
5		Bài 19: Ng ng Ngh ngh - Tiết 2	56		
		Bài 20: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 20: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	57		
		Bài 20: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	58		
		Luyện viết nâng cao: Bài 16+ Bài 17	59		
6		Luyện viết nâng cao: Bài 18+ Bài 19	60		
		Bài 21: R r S s	2 Tiết		
		Bài 21: R r S s- Tiết 1	61		
		Bài 21: R r S s- Tiết 2	62		
		Bài 22: T t Tr tr	2 Tiết		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Bài 22: T t Tr tr - Tiết 1	63		
		Bài 22: T t Tr tr - Tiết 2	64		
		Bài 23: Th th ia	2 Tiết		
		Bài 23: Th th ia - Tiết 1	65		
		Bài 23: Th th ia - Tiết 2	66		
		Bài 24: ua ưa	2 Tiết		
		Bài 24: ua ưa - Tiết 1	67		
		Bài 24: ua ưa - Tiết 2	68		
		Bài 25: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 25: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	69		
		Bài 25: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	70		
		Luyện viết nâng cao: Bài 21+ Bài 22	71		
		Luyện viết nâng cao: Bài 23+ Bài 24	72		
7		Bài 26: Ph ph Qu qu	2 Tiết		
		Bài 26: Ph ph Qu qu - Tiết 1	73		
		Bài 26: Ph ph Qu qu - Tiết 2	74		
		Bài 27: V v X x	2 Tiết		
		Bài 27: V v X x - Tiết 1	75		
		Bài 27: V v X x - Tiết 2	76		
		Bài 28: Y y	2 Tiết		
		Bài 28: Y y - Tiết 1	77		

HO 5: Nói " Giúp mẹ" Gv
 cho HS thảo luận nhóm nên
 giúp mẹ bằng những việc
 làm an toàn, không nghịch
 dao, chơi đùa với những đồ
 dùng, vật dụng nguy hiểm
 như kéo, bật lửa, các đồ dùng
 điện....

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Bài 28: Y y - Tiết 2	78		
		Bài 29: Luyện tập chính tả	2 Tiết		
		Bài 29: Luyện tập chính tả - Tiết 1	79		
		Bài 29: Luyện tập chính tả - Tiết 2	80		
		Bài 30: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 30: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	81		
		Bài 30: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	82		
		Luyện viết nâng cao: Bài 26+ Bài 27	83		
8		Luyện viết nâng cao: Bài 28+ Bài 29	84		
		Bài 31: an ăn ân	2 Tiết		
		Bài 31: an ăn ân - Tiết 1	85		
		Bài 31: an ăn ân - Tiết 2	86		
		Bài 32: on ôn ơn	2 Tiết		
		Bài 32: on ôn ơn - Tiết 1	87		
		Bài 32: on ôn ơn - Tiết 2	88		
		Bài 33: en ên in un	2 Tiết		
		Bài 33: en ên in un - Tiết 1	89		
		Bài 33: en ên in un - Tiết 2	90		
		Bài 34: am ăm âm	2 Tiết		HD 5: Nói "Môi trường sống của loài vật" GV sử dụng thêm tranh, ảnh cho HS quan sát, thảo luận về môi trường và các biện pháp để bảo vệ môi trường sống của loài vật, đảm bảo an toàn cho loài vật.
		Bài 34: am ăm âm - Tiết 1	91		
		Bài 34: am ăm âm - Tiết 2	92		
		Bài 35: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 35: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	93		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
9		Bài 35: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	94		
		Luyện viết nâng cao: Bài 31+ Bài 32	95		
		Luyện viết nâng cao: Bài 33+ Bài 34	96		
		Bài 36: om ôm ơm	2 Tiết		
		Bài 36: om ôm ơm - Tiết 1	97		
		Bài 36: om ôm ơm - Tiết 2	98		
		Bài 37: em êm im um	2 Tiết		
		Bài 37: em êm im um - Tiết 1	99		
		Bài 37: em êm im um - Tiết 2	100		
		Bài 38: ai ay ây	2 Tiết		
		Bài 38: ai ay ây - Tiết 1	101		HD 5: Nói " Xin lỗi" gv giảng giải cho HS không nên chơi thả diều ở vườn hoa, công viên, nơi có đường điện, những nơi đông người vì sẽ gây mất an toàn cho mình và người khác.
		Bài 38: ai ay ây - Tiết 2	102		
		Bài 39: oi ôi ời	2 Tiết		
		Bài 39: oi ôi ời - Tiết 1	103		
		Bài 39: oi ôi ời - Tiết 2	104		Dạy tích hợp ATGT ở hoạt động luyện nói: GDHS chấp hành tốt an toàn giao thông khi tham gia giao thông
		Bài 40: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 40: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	105		
		Bài 40: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	106		
		Luyện viết nâng cao: Bài 36+ Bài 37	107		
9		Luyện viết nâng cao: Bài 38+ Bài 39	108		
10		Bài 41: ui ui	2 Tiết		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
11		Bài 41: ui uri - Tiết 1	109		
		Bài 41: ui uri - Tiết 2	110		
		Bài 42: ao eo	2 Tiết		
		Bài 42: ao eo - Tiết 1	111		
		Bài 42: ao eo - Tiết 2	112		
		Bài 43: au âu êu	2 Tiết		
		Bài 43: au âu êu - Tiết 1	113		
		Bài 43: au âu êu - Tiết 2	114		
		Bài 44: iu ưu	2 Tiết		
		Bài 44: iu ưu - Tiết 1	115		
		Bài 44: iu ưu - Tiết 2	116		
		Bài 45: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 45: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	117		
		Bài 45: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	118		
		Luyện viết nâng cao: Bài 41+ Bài 42	119		
		Luyện viết nâng cao: Bài 43+ Bài 44	120		
		Bài 46: ac ăc êc	2 Tiết		
		Bài 46: ac ăc êc - Tiết 1	121		
		Bài 46: ac ăc êc - Tiết 2	122		
		Bài 47: oc ôc ưc ưc	2 Tiết		
Bài 47: oc ôc ưc ưc - Tiết 1	123				
Bài 47: oc ôc ưc ưc - Tiết 2	124				
Bài 48: at ăt ât	2 Tiết				
Bài 48: at ăt ât - Tiết 1	125				
Bài 48: at ăt ât - Tiết 2	126				
Bài 49: ot ôt ơt	2 Tiết				
Bài 49: ot ôt ơt - Tiết 1	127				

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Bài 49: ot ôt ot - Tiết 2	128		
		Bài 50: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 50: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	129		
		Bài 50: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	130		
		Luyện viết nâng cao: Bài 46+ Bài 47	131		
		Luyện viết nâng cao: Bài 48+ Bài 49	132		
12		Bài 51: et êt it	2 Tiết		
		Bài 51: et êt it - Tiết 1	133		
		Bài 51: et êt it - Tiết 2	134		HD 5: Nói " Đá bóng" GV sưu tầm các tranh ảnh minh họa chơi thể thao rất tốt song cần lưu ý cẩn thận nếu không dễ xảy ra tai nạn thương tích.
		Bài 52: ut ưt	2 Tiết		
		Bài 52: ut ưt - Tiết 1	135		
		Bài 52: ut ưt - Tiết 2	136		
		Bài 53: ap ăp âp	2 Tiết		
		Bài 53: ap ăp âp - Tiết 1	137		
		Bài 53: ap ăp âp - Tiết 2	138		
		Bài 54: op ôp ơp	2 Tiết		HD 5: Nói " Ao hồ" GV đưa tranh ảnh minh họa, cho HS thảo luận để rút ra KL không nên tập bơi, chơi đùa ở ao hồ vì dễ xảy ra đuối nước rất nguy hiểm.
		Bài 54: op ôp ơp - Tiết 1	139		
		Bài 54: op ôp ơp - Tiết 2	140		
		Bài 55: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 55: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	141		
		Bài 55: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	142		
		Luyện viết nâng cao: Bài 51+ Bài 52	143		
		Luyện viết nâng cao: Bài 53+ Bài 54	144		
		Bài 56: ep êp ip up	2 Tiết		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
13		Bài 56: ep êp ip up - Tiết 1	145		
		Bài 56: ep êp ip up - Tiết 2	146		
		Bài 57: anh ênh inh	2 Tiết		
		Bài 57: anh ênh inh - Tiết 1	147		
		Bài 57: anh ênh inh - Tiết 2	148		
		Bài 58: ach êch ich	2 Tiết		
		Bài 58: ach êch ich - Tiết 1	149		
		Bài 58: ach êch ich - Tiết 2	150		
		Bài 59: ang ăng âng	2 Tiết		HĐ 5: Nói " Mặt trăng và mặt trời" GV cho HS thảo luận, rút ra KL không nên nhìn trực tiếp vào mặt trời, nhất là khi trời nắng sẽ có hại cho mắt.
		Bài 59: ang ăng âng - Tiết 1	151		
		Bài 59: ang ăng âng - Tiết 2	152		
		Bài 60: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 60: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	153		
		Bài 60: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	154		
		Luyện viết nâng cao: Bài 56+ Bài 57	155		
		Luyện viết nâng cao: Bài 58+ Bài 59	156		
		Bài 61: ong ông ung ung	2 Tiết		HĐ 5: Nói " Chợ và siêu thị" GV giảng giải HS phải đi cùng người ớn, không nên nô nghịch, leo trèo ở những khu vực nguy hiểm như cầu thang máy, khu vực chế biến đồ ăn.. để gây tai nạn
		Bài 61: ong ông ung ung - Tiết 1	157		
		Bài 61: ong ông ung ung - Tiết 2	158		
		Bài 62: iêc iên iêp	2 Tiết		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
14		Bài 62: iêc iên iệp - Tiết 1	159		
		Bài 62: iêc iên iệp - Tiết 2	160		
		Bài 63: iêng iêm iệp	2 Tiết		
		Bài 63: iêng iêm iệp - Tiết 1	161		
		Bài 63: iêng iêm iệp - Tiết 2	162		Lồng ghép GDĐP: HP thành phố ven biển.
		Bài 64: iêt iêu yêu	2 Tiết		
		Bài 64: iêt iêu yêu - Tiết 1	163		
		Bài 64: iêt iêu yêu - Tiết 2	164		
		Bài 65: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 65: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	165		
		Bài 65: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	166		
		Luyện viết nâng cao: Bài 61+ Bài 62	167		
		Luyện viết nâng cao: Bài 63+ Bài 64	168		
15		Bài 66: uôt uôm	2 Tiết		HD 5: Nói " Đi lại trên biển" GV có thể cho HS chia sẻ về việc đi biển, thảo luận về các phương tiện đi lại trên biển và giảng giải cho HS không nô nghịch chạy nhẩy trên boong tàu hay cúi xuống nghịch nước... dễ dẫn đến tai nạn đuối nước. Cho HS quan sát một số hình ảnh biển của nước ta và nhắc học sinh ý thức bảo vệ vùng biển.
		Bài 66: uôi uôm - Tiết 1	169		
		Bài 66: uôi uôm - Tiết 2	170		
		Bài 67: uộc uôt	2 Tiết		
		Bài 67: uộc uôt - Tiết 1	171		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Bài 67: uộc uôt - Tiết 2	172		
15		Bài 68: uôn uông	2 Tiết		
		Bài 68: uôn uông - Tiết 1	173		
		Bài 68: uôn uông - Tiết 2	174		
		Bài 69: ươi ươu	2 Tiết		
		Bài 69: ươi ươu - Tiết 1	175		
		Bài 69: ươi ươu - Tiết 2	176		
		Bài 70: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 70: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	177		
		Bài 70: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	178		
		Luyện viết nâng cao: Bài 66+ Bài 67	179		
		Luyện viết nâng cao: Bài 68+ Bài 69	180		
16		Bài 71: ược ươt	2 Tiết		
		Bài 71: ược ươt - Tiết 1	181		
		Bài 71: ược ươt - Tiết 2	182		
		Bài 72: ươn ươp	2 Tiết		
		Bài 72: ươn ươp - Tiết 1	183		
		Bài 72: ươn ươp - Tiết 2	184		
		Bài 73: ươn ương	2 Tiết		
		Bài 73: ươn ương - Tiết 1	185		
		Bài 73: ươn ương - Tiết 2	186		
		Bài 74: oa oe	2 Tiết		
		Bài 74: oa oe - Tiết 1	187		
		Bài 74: oa oe - Tiết 2	188		
16		Bài 75: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 75: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	189		
		Bài 75: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	190		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
17		Luyện viết nâng cao: Bài 71+ Bài 72	191		
		Luyện viết nâng cao: Bài 73+ Bài 74	192		
		Bài 76: oan oăn oat oắt	2 Tiết		
		Bài 76: oan oăn oat oắt - Tiết 1	193		
		Bài 76: oan oăn oat oắt - Tiết 2	194		
		Bài 77: oai uê uy	2 Tiết		
		Bài 77: oai uê uy - Tiết 1	195		
		Bài 77: oai uê uy - Tiết 2	196		
		Bài 78: uân uât	2 Tiết		HĐ đọc, từ " võ thuật" GV giảng giải cho HS tập võ rất tốt cho sức khỏe nhưng nếu không có sự tập luyện cẩn thận rất dễ bị tai nạn thương tích.
		Bài 78: uân uât - Tiết 1	197		
		Bài 78: uân uât - Tiết 2	198		
		Bài 79: uyên uyêt	2 Tiết		
		Bài 79: uyên uyêt - Tiết 1	199		
		Bài 79: uyên uyêt - Tiết 2	200		
		Bài 80: Ôn tập và kể chuyện	2 Tiết		
		Bài 80: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 1	201		
		Bài 80: Ôn tập và kể chuyện - Tiết 2	202		
		Luyện viết nâng cao: Bài 76+ Bài 77	203		
		Luyện viết nâng cao: Bài 78+ Bài 79	204		
18		Bài 81: Ôn tập	2 Tiết		
		Bài 81: Ôn tập - Tiết 1	205		
		Bài 81: Ôn tập - Tiết 2	206		
		Bài 82: Ôn tập	2 Tiết		
		Bài 82: Ôn tập - Tiết 1	207		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Bài 82: Ôn tập - Tiết 2	208		
		Bài 83: Ôn tập	2 Tiết		
		Bài 83: Ôn tập - Tiết 1	209		
		Bài 83: Ôn tập - Tiết 2	210		
		KT, Đánh giá cuối kì	211,212		
		Vận dụng, thực hành kiến thức	2 Tiết		
		Vận dụng, thực hành kiến thức - Tiết 1	213		
		Vận dụng, thực hành kiến thức - Tiết 2	214		
		Tổng kết (Ôn tập hoặc dự trữ)	2 Tiết		
		Tổng kết (Ôn tập hoặc dự trữ) Tiết 1	215		
		Tổng kết (Ôn tập hoặc dự trữ) Tiết 2	216		
19	1 – Tôi và các bạn – 20 tiết	Bài 1: Tôi là học sinh lớp 1- 4 Tiết	4 Tiết		
		Bài 1: Tôi là học sinh lớp 1- Tiết 1	1		
		Bài 1: Tôi là học sinh lớp 1- Tiết 2	2		
		Bài 1: Tôi là học sinh lớp 1- Tiết 3	3		
		Bài 1: Tôi là học sinh lớp 1- Tiết 4	4		
		Bài 2: Đôi tai xấu xí	4 Tiết		
		Bài 2: Đôi tai xấu xí - Tiết 1	5		
		Bài 2: Đôi tai xấu xí - Tiết 2	6		Tích hợp QCN: HĐ Trả lời câu hỏi: GV liên hệ: Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân, quyền được tôn trọng được điểm và giá trị của bản thân.

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
20		Bài 2: Đôi tai xấu xí - Tiết 3	7		
		Bài 2: Đôi tai xấu xí - Tiết 4	8		
		Bài 3: Bạn của gió	2 Tiết		
		Bài 3: Bạn của gió - Tiết 1	9		
		Bài 3: Bạn của gió - Tiết 2	10		
		Ôn luyện tuần 19	2 Tiết		
		Ôn luyện tuần 19 - tiết 1	11		
		Ôn luyện tuần 19 - tiết 2	12		
		Bài 4: Giải thưởng tình bạn	4 Tiết		
		Bài 4: Giải thưởng tình bạn - Tiết 1	13		
		Bài 4: Giải thưởng tình bạn - Tiết 2	14		
		Bài 4: Giải thưởng tình bạn - Tiết 3	15		
		Bài 4: Giải thưởng tình bạn - Tiết 4	16		
		Bài 5: Sinh nhật của voi con	4 Tiết		
		Bài 5: Sinh nhật của voi con - Tiết 1	17		
		Bài 5: Sinh nhật của voi con - Tiết 2	18		
		Bài 5: Sinh nhật của voi con - Tiết 3	19		
		Bài 5: Sinh nhật của voi con - Tiết 4	20		
		Ôn tập	2 Tiết		
Ôn tập - Tiết 1	21				
20	2 – Mái ấm gia đình – 20 tiết	Ôn tập - Tiết 2	22		
		Ôn luyện tuần 20	2 Tiết		
		Ôn luyện tuần 20 - tiết 1	23		
		Ôn luyện tuần 20 - tiết 2	24		
21		Bài 1: Nụ hôn trên đôi bàn tay	4 Tiết		
		Bài 1: Nụ hôn trên đôi bàn tay - Tiết 1	25		
		Bài 1: Nụ hôn trên đôi bàn tay - Tiết 2	26		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Bài 1: Nụ hôn trên đôi bàn tay - Tiết 3	27		
		Bài 1: Nụ hôn trên đôi bàn tay - Tiết 4	28		
		Bài 2: Làm Anh	2 Tiết		
		Bài 2: Làm Anh - Tiết 1	29		
		Bài 2: Làm Anh - Tiết 2	30		
		Bài 3: Cả nhà đi chơi núi	4 Tiết		Liên hệ giáo dục cho học sinh khi đi chơi núi phải đi cùng người lớn, không được tự ý đi một mình sẽ nguy hiểm đến tính mạng,
		Bài 3: Cả nhà đi chơi núi - Tiết 1	31		
		Bài 3: Cả nhà đi chơi núi - Tiết 2	32		
		Bài 3: Cả nhà đi chơi núi - Tiết 3	33		
		Bài 3: Cả nhà đi chơi núi - Tiết 4	34		
		Ôn luyện tuần 21	2 Tiết		
		Ôn luyện tuần 21 - tiết 1	35		
		Ôn luyện tuần 21 - tiết 2	36		
		22		Bài 4: Quạt cho bà ngủ	2 Tiết
Bài 4: Quạt cho bà ngủ - Tiết 1	37				
Bài 4: Quạt cho bà ngủ - Tiết 2	38				
22		Bài 5: Bữa cơm gia đình	4 Tiết		
		Bài 5: Bữa cơm gia đình - Tiết 1	39		
		Bài 5: Bữa cơm gia đình - Tiết 2	40		
		Bài 5: Bữa cơm gia đình - Tiết 3	41		
		Bài 5: Bữa cơm gia đình - Tiết 4	42		
		Bài 6: Ngôi nhà	2 Tiết		
		Bài 6: Ngôi nhà - Tiết 1	43		
		Bài 6: Ngôi nhà - Tiết 2	44		
		Ôn tập	4 Tiết		
		Ôn tập - Tiết 1	45		
		Ôn tập - Tiết 2	46		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Ôn luyện tuần 22	2 Tiết		
		Ôn luyện tuần 22 - tiết 1	47		
		Ôn luyện tuần 22 - tiết 2	48		
23		Bài 1: Tôi đi học	4 Tiết		
		Bài 1: Tôi đi học - Tiết 1	49		
		Bài 1: Tôi đi học - Tiết 2	50		
		Bài 1: Tôi đi học - Tiết 3	51		
		Bài 1: Tôi đi học - Tiết 4	52		
		Bài 2: Đi học	2 Tiết		
		Bài 2: Đi học- Tiết 1	53		
		Bài 2: Đi học- Tiết 2	54		
		Bài 3: Hoa yêu thương	4 Tiết		
		Bài 3: Hoa yêu thương - Tiết 1	55		
23		Bài 3: Hoa yêu thương - Tiết 2	56		
		Bài 3: Hoa yêu thương - Tiết 3	57		
		Bài 3: Hoa yêu thương - Tiết 4	58		
		Ôn luyện tuần 23	2 Tiết		
		Ôn luyện tuần 23 - Tiết 1	59		
		Ôn luyện tuần 23 - tiết 2	60		
24	3 – Mái trường mến yêu - 20 tiết	Bài 4: Cây bàng và lớp học- 2 Tiết	2 Tiết		
		Bài 4: Cây bàng và lớp học- Tiết 1	61		
		Bài 4: Cây bàng và lớp học- Tiết 2	62		
		Bài 5: Bác trồng trường	4 Tiết		
		Bài 5: Bác trồng trường - Tiết 1	63		
		Bài 5: Bác trồng trường - Tiết 2	64		
		Bài 5: Bác trồng trường - Tiết 3	65		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
24		Bài 5: Bác trồng trường - Tiết 4	66		
		Bài 6: Giờ ra chơi	2 Tiết		Liên hệ giáo dục cho học sinh xem tranh ảnh về các hoạt động nên chơi trong giờ ra chơi, không chơi các trò chơi nguy hiểm.
		Bài 6: Giờ ra chơi - Tiết 1	67		
		Bài 6: Giờ ra chơi - Tiết 2	68		
		Ôn tập	2 Tiết		
		Ôn tập - Tiết 1	69		
		Ôn tập - Tiết 2	70		
		Luyện tập tuần 24	2 Tiết		
		Luyện tập tuần 24 - Tiết 1	71		
		Luyện tập tuần 24 - Tiết 2	72		
25	4 – Điều em cần biết - 20 tiết	Bài 1: Rửa tay trước khi ăn	4 Tiết		Liên hệ giáo dục cho học sinh phải thường xuyên rửa tay, Tích hợp QCN: HĐ Trả lời câu hỏi: GV liên hệ: Học sinh có quyền được chăm sóc sức khỏe, được giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất.
		Bài 1: Rửa tay trước khi ăn - Tiết 1	73		
		Bài 1: Rửa tay trước khi ăn - Tiết 2	74		
		Bài 1: Rửa tay trước khi ăn - Tiết 3	75		
		Bài 1: Rửa tay trước khi ăn - Tiết 4	76		
		Bài 2: Lời chào	2 Tiết		Tích hợp QCN: GV liên hệ: Học sinh có quyền được chăm sóc sức khỏe, được giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất.
		Bài 2: Lời chào đi trước - Tiết 1	77		
		Bài 2: Lời chào đi trước - Tiết 2	78		
		Bài 3: Khi mẹ vắng nhà	4 Tiết		Liên hệ giáo dục cho học sinh phải biết vâng lời ông
		Bài 3: Khi mẹ vắng nhà - Tiết 1	79		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Bài 3: Khi mẹ vắng nhà - Tiết 2	80		bà, bố mẹ... Khi ở nhà một mình thì không mở cửa cho người lạ, nếu mở cửa cho người lạ có thể dẫn đến nguy hại đến bản thân Tích hợp QCN: GV liên hệ: học sinh có quyền được bảo vệ để không bị bạo lực.
		Bài 3: Khi mẹ vắng nhà - Tiết 3	81		
		Bài 3: Khi mẹ vắng nhà - Tiết 4	82		
		Luyện tập tuần 25	4 Tiết		
		Luyện tập tuần 25 - Tiết 1	83		Liên hệ giáo dục cho học sinh khi đi chơi phải đi cùng người lớn. Hướng dẫn học sinh xử lý các tình huống khi bị lạc. Tích hợp QCN: GV liên hệ: học sinh có quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, không bị bắt cóc.
		Luyện tập tuần 25 - Tiết 2	84		
		Bài 4: Nếu không may bị lạc	4 Tiết		
		Bài 4: Nếu không may bị lạc - Tiết 1	85		
		Bài 4: Nếu không may bị lạc - Tiết 2	86		
		Bài 4: Nếu không may bị lạc - Tiết 3	87		
		Bài 4: Nếu không may bị lạc - Tiết 4	88		
		Bài 5: Đèn giao thông - 4 Tiết	4 Tiết		
26		Bài 5: Đèn giao thông - Tiết 1	89		Liên hệ giáo dục cho học sinh khi tham gia giao thông phải thực hiện đúng các quy định về an toàn giao thông. Cho học sinh xem 1 số clip về các trường hợp không
		Bài 5: Đèn giao thông - Tiết 2	90		
		Bài 5: Đèn giao thông - Tiết 3	91		
		Bài 5: Đèn giao thông - Tiết 4	92		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
					thực hiện đúng luật giao thông.
		Ôn tập	2 Tiết		
		Ôn tập - Tiết 1	93		
		Ôn tập - Tiết 2	94		
		Luyện tập tuần 26	2 Tiết		
		Luyện tập tuần 26 - Tiết 1	95		
		Luyện tập tuần 26 - Tiết 2	96		
27	5 – Bài học từ cuộc sống - 20 tiết	Bài 1: Kiến và chim bồ câu	4 Tiết		
		Bài 1: Kiến và chim bồ câu - Tiết 1	97		
		Bài 1: Kiến và chim bồ câu - Tiết 2	98		
		Bài 1: Kiến và chim bồ câu - Tiết 3	99		
		Bài 1: Kiến và chim bồ câu - Tiết 4	100		
		Bài 2: Câu chuyện của rế	2 Tiết		
		Bài 2: Câu chuyện của rế - Tiết 1	101		
		Bài 2: Câu chuyện của rế - Tiết 2	102		
		Bài 3: Câu hỏi của sói	4 Tiết		
		Bài 3: Câu hỏi của sói - Tiết 1	103		
		Bài 3: Câu hỏi của sói - Tiết 2	104		
		Bài 3: Câu hỏi của sói - Tiết 3	105		
		Bài 3: Câu hỏi của sói - Tiết 4	106		
27		Luyện tập tuần 27	2 Tiết		
		Luyện tập tuần 27 - Tiết 1	107		
		Luyện tập tuần 27 - Tiết 2	108		
28		Bài 4: Chú bé chăn cừu	4 Tiết		Liên hệ giáo dục cho học sinh không được nói dối, nếu bản thân mình nói dối sẽ dẫn
		Bài 4: Chú bé chăn cừu - Tiết 1	109		
		Bài 4: Chú bé chăn cừu - Tiết 2	110		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Bài 4: Chú bé chăn cừu - Tiết 3	111		đến nguy hại cho người khác và cho chính bản thân mình.
		Bài 4: Chú bé chăn cừu - Tiết 4	112		
		Bài 5: Tiếng vọng của núi	4 Tiết		
		Bài 5: Tiếng vọng của núi - Tiết 1	113		
		Bài 5: Tiếng vọng của núi - Tiết 2	114		
		Bài 5: Tiếng vọng của núi - Tiết 3	115		
		Bài 5: Tiếng vọng của núi - Tiết 4	116		
		Ôn tập	2 Tiết		
		Ôn tập - Tiết 1	117		
		Ôn tập - Tiết 2	118		
		Luyện tập tuần 28	2 Tiết		
		Luyện tập tuần 28 - Tiết 1	119		
		Luyện tập tuần 28 - Tiết 2	120		
29	6 – Thiên nhiên kì thú- 20 tiết	Bài 1: Loài chim của biển cả	4 Tiết		
		Bài 1: Loài chim của biển cả - Tiết 1	121		
		Bài 1: Loài chim của biển cả - Tiết 2	122		
		Bài 1: Loài chim của biển cả - Tiết 3	123		
		Bài 1: Loài chim của biển cả - Tiết 4	124		
		Bài 2: Bầy sắc cầu vồng	4 Tiết		
		Bài 2: Bầy sắc cầu vồng - Tiết 1	125		
		Bài 2: Bầy sắc cầu vồng - Tiết 2	126		
		Bài 3: Chúa tể rừng xanh - Tiết 1	127		
		Bài 3: Chúa tể rừng xanh - Tiết 2	128		
		Bài 3: Chúa tể rừng xanh - Tiết 3	129		
		Bài 3: Chúa tể rừng xanh - Tiết 4	130		
		Luyện tập tuần 29	2 Tiết		
		Luyện tập tuần 29 - Tiết 1	131		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Luyện tập tuần 29 - Tiết 2	132		
30		Bài 4: Cuộc thi tài năng rừng xanh	4 Tiết		
		Bài 4: Cuộc thi tài năng rừng xanh	133		
		Bài 4: Cuộc thi tài năng rừng xanh	134		
		Bài 4: Cuộc thi tài năng rừng xanh	135		CDS
		Bài 4: Cuộc thi tài năng rừng xanh	136		
		Bài 5: Cây liễu dẻo dai	4 Tiết		
		Bài 5: Cây liễu dẻo dai - Tiết 1	137		
		Bài 5: Cây liễu dẻo dai - Tiết 2	138		
		Bài 5: Cây liễu dẻo dai - Tiết 3	139		
		Bài 5: Cây liễu dẻo dai - Tiết 4	140		
		Ôn tập	2 Tiết		
		Ôn tập- Tiết 1	141		
		Ôn tập- Tiết 2	142		
30		Luyện tập tuần 30	2 Tiết		
		Luyện tập tuần 30 - Tiết 1	143		
		Luyện tập tuần 30 - Tiết 2	144		
31	7 – Thế giới trong mắt em - 20 tiết	Bài 1: Tia nắng đi đâu?	2 Tiết		
		Bài 1: Tia nắng đi đâu? - Tiết 1	145		
		Bài 1: Tia nắng đi đâu? - Tiết 1	145		
		Bài 2: Trong giấc mơ buổi sáng - 2 Tiết	2 Tiết		
		Bài 2: Trong giấc mơ buổi sáng - Tiết 1	147		
		Bài 2: Trong giấc mơ buổi sáng - Tiết 2	148		
		Bài 3: Ngày mới bắt đầu	4 Tiết		
		Bài 3: Ngày mới bắt đầu - Tiết 1	149		
		Bài 3: Ngày mới bắt đầu - Tiết 2	150		
		Bài 3: Ngày mới bắt đầu - Tiết 3	151		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
32		Bài 3: Ngày mới bắt đầu - Tiết 4	152		
		Bài 4: Hỏi mẹ	2 Tiết		
		Bài 4: Hỏi mẹ - Tiết 1	153		CDS
		Bài 4: Hỏi mẹ - Tiết 2	154		
		Luyện tập tuần 31	2 Tiết		
		Luyện tập tuần 31 - Tiết 1	155		
		Luyện tập tuần 31 - Tiết 2	156		
		Bài 5: Những cánh cò	4 Tiết		
		Bài 5: Những cánh cò - Tiết 1	157		
		Bài 5: Những cánh cò - Tiết 2	158		
		Bài 5: Những cánh cò - Tiết 3	159		
		Bài 5: Những cánh cò - Tiết 4	160		
		Bài 6: Buổi trưa hè	2 Tiết		
		Bài 6: Buổi trưa hè - Tiết 1	161		
		Bài 6: Buổi trưa hè - Tiết 2	162		
		Bài 7: Hoa phượng	4 Tiết		
		Bài 7: Hoa phượng - Tiết 1	163		
		Bài 7: Hoa phượng - Tiết 2	164		
		Ôn tập	2 Tiết		
		Ôn tập - Tiết 1	165		
		Ôn tập - Tiết 2	166		
		Luyện tập tuần 32	2 Tiết		
		Luyện tập tuần 32 - Tiết 1	167		
		Luyện tập tuần 32 - Tiết 2	168		
33	8 – Đất nước và con	Bài 1: Cậu bé thông minh	4 Tiết		
		Bài 1: Cậu bé thông minh - Tiết 1	169		
		Bài 1: Cậu bé thông minh - Tiết 2	170		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
	người- 20 tiết	Bài 1: Cậu bé thông minh - Tiết 3	171		
		Bài 1: Cậu bé thông minh - Tiết 4	172		
		Bài 2: Lính cứu hỏa	4 Tiết		
		Bài 2: Lính cứu hỏa - Tiết 1	173		
		Bài 2: Lính cứu hỏa - Tiết 2	174		
33		Bài 2: Lính cứu hỏa - Tiết 3	175		
		Bài 2: Lính cứu hỏa - Tiết 4	176		
		Bài 3: Lớn lên bạn làm gì?	2 Tiết		
		Bài 3: Lớn lên bạn làm gì? - Tiết 1	177		
		Bài 3: Lớn lên bạn làm gì? - Tiết 2	178		
		Luyện tập tuần 33	2 Tiết		
		Luyện tập tuần 33 - Tiết 1	179		
		Luyện tập tuần 33 - Tiết 2	180		
34		Bài 4: Ruộng bậc thang ở Sa Pa	2 Tiết		
		Bài 4: Ruộng bậc thang ở Sa Pa - Tiết 1	181		
		Bài 4: Ruộng bậc thang ở Sa Pa - Tiết 2	182		
		Bài 5: Nhớ ơn	2 Tiết		
		Bài 5: Nhớ ơn - Tiết 1	183		
		Bài 5: Nhớ ơn - Tiết 2	184		
		Bài 6: Du lịch biển Việt Nam	4 Tiết		
		Bài 6: Du lịch biển Việt Nam - Tiết 1	185		
		Bài 6: Du lịch biển Việt Nam - Tiết 2	186		
		Bài 6: Du lịch biển Việt Nam - Tiết 3	187		
		Bài 6: Du lịch biển Việt Nam - Tiết 4	188		

Liên hệ giáo dục cho học sinh không sử dụng những đồ vật dễ gây cháy như: bật lửa, diêm.... Hướng dẫn học sinh xử lý khi có cháy, ghi nhớ số 114.

Liên hệ giáo dục cho học sinh khi đi biển phải đi cùng người lớn và vui chơi các trò chơi an toàn. Hướng dẫn học sinh ghi nhớ số 112. Cho học sinh quan sát hình ảnh vùng

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
					biển Việt Nam, từ đó giáo dục tình yêu biển đảo.
		Ôn tập	2 Tiết		
		Ôn tập - Tiết 1	189		
		Ôn tập - Tiết 2	190		
		Luyện tập tuần 34	2 Tiết		
34		Luyện tập tuần 34 - Tiết 1	191		
		Luyện tập tuần 34 - Tiết 2	192		
35	Ôn tập và đánh giá - 12 tiết	Bài 1	2 Tiết		
		Bài 1 - Tiết 1	193		
		Bài 1 - Tiết 2	194		
		Bài 2	2 Tiết		
		Bài 2 - Tiết 1	195		
		Bài 2 - Tiết 2	196		
		Bài 3	2 Tiết		
		Bài 3 - Tiết 1	197		
		Bài 3 - Tiết 2	198		
		Luyện tập tuần 35	2 Tiết		
		Luyện tập tuần 35 - Tiết 1	199		
		Luyện tập tuần 35 - Tiết 2	200		
		Kiểm tra	201		
		Kiểm tra	202		
		Kiểm tra	203		
		Đánh giá cuối năm	204		

3. MÔN: TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

TS tiết: 70 tiết/ năm. HKI: 18 tuần, HKII: 17 tuần

Số tiết trên tuần: 2 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
GIA ĐÌNH	
Thành viên và mối quan hệ giữ các thành viên trong gia đình	- Giới thiệu được bản thân và các thành viên trong gia đình. - Nêu được ví dụ về bản thân và các thành viên trong gia đình làm công việc nhà và chia sẻ thời gian nghỉ ngơi, vui chơi cùng nhau. - Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với các thành viên trong gia đình.
Nhà ở, đồ dùng trong nhà; sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà	- Nêu được địa chỉ nơi gia đình đang ở. - Nêu được một số đặc điểm của ngôi nhà hoặc căn hộ nơi gia đình đang ở, các phòng trong ngôi nhà hoặc căn hộ và một số đặc điểm xung quanh nơi ở. - Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về một số đồ dùng, thiết bị trong gia đình. - Chỉ ra hoặc nêu được tên đồ dùng, thiết bị trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm. - Nêu được cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong gia đình và lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.
Sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp	- Nêu được sự cần thiết phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp. - Làm được một số việc phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.
TRƯỜNG HỌC	
Cơ sở vật chất của lớp học và trường học	- Nói được tên trường, địa chỉ của trường, tên lớp học. - Xác định được vị trí của lớp học, các phòng chức năng, một số khu vực khác của nhà trường như sân chơi, bãi tập, vườn trường, khu vệ sinh,... - Kể được tên một số đồ dùng, thiết bị có trong lớp học. - Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách các đồ dùng, thiết bị của lớp học và trường học.
Các thành viên và nhiệm vụ của một số thành viên trong lớp học, trường học	- Xác định được các thành viên trong lớp học, trường học và nhiệm vụ của một số thành viên. - Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè, giáo viên và các thành viên khác trong nhà trường.
Hoạt động chính của học sinh ở lớp học và trường học	- Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học và trường học; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó.
An toàn khi vui chơi ở trường và giữ lớp học sạch đẹp	- Nói được về hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ; biết lựa chọn và chơi những trò chơi an toàn. - Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch đẹp.

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
CỘNG ĐỒNG, ĐỊA PHƯƠNG	
Quang cảnh làng xóm, đường phố	- Giới thiệu được một cách đơn giản về quang cảnh làng xóm, đường phố qua quan sát thực tế cuộc sống hằng ngày và tranh ảnh hoặc video. - Bày tỏ được sự gắn bó, tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình.
Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng	- Nêu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội qua quan sát cuộc sống hằng ngày và tranh ảnh hoặc video. - Nhận biết được bất kì công việc nào đem lại lợi ích cho cộng đồng đều đáng quý. - Nêu được một số việc học sinh có thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương. - Giới thiệu được tên, thời gian diễn ra một lễ hội truyền thống có sự tham gia của học sinh, gia đình và người dân ở cộng đồng. - Kể được một số công việc của các thành viên trong gia đình và người dân cho lễ hội đó. - Nêu được cảm xúc khi tham gia lễ hội đó.
An toàn trên đường	- Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường và nêu được cách phòng tránh thông qua quan sát thực tế cuộc sống hằng ngày và tranh ảnh hoặc video. - Nói được tên và ý nghĩa của một số biển báo và đèn hiệu giao thông. - Thực hành đi bộ qua đường theo sơ đồ: đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông; đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông.
THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	
Thực vật và động vật xung quanh	- Nêu tên và đặt được câu hỏi để tìm hiểu về một số đặc điểm bên ngoài nổi bật của cây và con vật thường gặp. - Vẽ hoặc sử dụng được sơ đồ có sẵn để chỉ và nói (hoặc viết) được tên các bộ phận bên ngoài của một số cây và con vật. - Phân biệt được một số cây theo nhu cầu sử dụng của con người (cây bóng mát, cây ăn quả, cây hoa,...). - Phân biệt được một số con vật theo ích lợi hoặc tác hại của chúng đối với con người.
Chăm sóc và bảo vệ cây trồng và vật nuôi	- Nêu được việc làm phù hợp để chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi. - Làm được một số việc phù hợp để chăm sóc, bảo vệ cây trồng ở trường hoặc ở nhà và đối xử tốt với vật nuôi. - Có ý thức giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số cây, con vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.
CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE	

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể	- Xác định được tên, hoạt động các bộ phận bên ngoài của cơ thể; phân biệt được con trai và con gái. - Nêu được tên, chức năng của các giác quan. - Giải thích được ở mức độ đơn giản tại sao cần phải bảo vệ các giác quan. - Thực hiện được việc làm để bảo vệ các giác quan trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt biết cách phòng tránh cận thị học đường.
Giữ cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn	- Nêu được những việc cần làm để giữ vệ sinh cơ thể và ích lợi của việc làm đó; thực hiện đúng các quy tắc giữ vệ sinh cơ thể; tự đánh giá được việc thực hiện giữ vệ sinh cơ thể. - Nêu được số bữa cần ăn trong ngày và tên một số thức ăn, đồ uống giúp cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn qua quan sát tranh ảnh và (hoặc) video; tự nhận xét được thói quen ăn uống của bản thân. - Xác định được các hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ qua quan sát tranh ảnh và (hoặc) video; liên hệ với những hoạt động hằng ngày của bản thân và đưa ra được hoạt động nào cần dành nhiều thời gian để cơ thể khoẻ mạnh. - Nhận biết được vùng riêng tư của cơ thể cần được bảo vệ. - Thực hành nói không và tránh xa người có hành vi động chạm hay đe dọa đến sự an toàn của bản thân. - Thực hành nói với người lớn tin cậy để được giúp đỡ khi cần.
TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI	
Bầu trời ban ngày, ban đêm	- Mô tả được bầu trời ban ngày và ban đêm qua quan sát thực tế, tranh ảnh hoặc video. - So sánh được ở mức độ đơn giản bầu trời ban ngày và ban đêm; bầu trời ban đêm vào các ngày khác nhau (nhìn thấy hay không nhìn thấy Mặt Trăng và các vì sao). - Nêu được ví dụ về vai trò của Mặt Trời đối với Trái Đất (sưởi ấm và chiếu sáng). - Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.
Thời tiết	- Mô tả được một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió,... ở mức độ đơn giản. - Nêu được sự cần thiết phải theo dõi dự báo thời tiết hằng ngày. - Thực hiện được việc sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh để giữ cho cơ thể khoẻ mạnh.

b. Kế hoạch dạy học cụ thể

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
1	Chủ đề 1: Gia đình - 11 TIẾT	Bài 1: Kể về gia đình	2 Tiết		CDS
		Bài 1: Kể về gia đình - Tiết 1	1		
		Bài 1: Kể về gia đình - Tiết 2	2		
2		Bài 2: Ngôi nhà của em	2 Tiết		CDS
		Bài 2: Ngôi nhà của em - Tiết 1	3		
		Bài 2: Ngôi nhà của em - Tiết 2	4		
3		Bài 3: Đồ dùng trong nhà	2 Tiết		CDS
		Bài 3: Đồ dùng trong nhà - Tiết 1	5		
		Bài 3: Đồ dùng trong nhà - Tiết 2	6		
4		Bài 4: An toàn khi sử dụng đồ dùng trong nhà	2 Tiết		CDS
		Bài 4: An toàn khi sử dụng đồ dùng trong nhà - Tiết 1	7		- Xử lý tình huống khi dùng đồ dùng bằng sành, thủy tinh bị vỡ, GV cho HS xem các vật: Cốc, bát, đĩa. HD cách xử lý khi các đồ vật bị vỡ để tránh bị đứt tay hoặc chân...
	Bài 4: An toàn khi sử dụng đồ dùng trong nhà - Tiết 2	8			
5	Bài 5: Ôn tập Chủ đề Gia đình	3 Tiết		CDS	
	Bài 5: Ôn tập chủ đề Gia đình - Tiết 1	9		- Xử lý tình huống khi bị xây sát ở trường.	
	Bài 5: Ôn tập chủ đề Gia đình - Tiết 2	10			
6		Bài 5: Ôn tập chủ đề Gia đình - Tiết 3	11		- GV đưa các hình ảnh những trò chơi có thể gây mất an toàn: trèo cây, đuổi nhau bắn nịt gây mất an toàn

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
					- GV hướng dẫn cách xử lý nếu bị ngã, xây sát.
	Chủ đề 2: Trường học	Bài 6: Lớp học của em	3 Tiết		CDS
		Bài 6: Lớp học của em - Tiết 1	12		
7		Bài 6: Lớp học của em - Tiết 2	13		
		Bài 6: Lớp học của em - Tiết 3	14		
8		Bài 7: Cùng khám phá trường học	3 Tiết		CDS
		Bài 7: Cùng khám phá trường học - Tiết 1	15		
		Bài 7: Cùng khám phá trường học - Tiết 2	16		
		Bài 7: Cùng khám phá trường học - Tiết 3	17		
9		Bài 8: Cùng vui ở trường	2 Tiết		CDS
		Bài 8: Cùng vui ở trường - Tiết 1	18		
		Bài 8: Cùng vui ở trường - Tiết 2	19		
10		Bài 9: Ôn tập chủ đề Trường học	3 Tiết		CDS
		Bài 9: Ôn tập chủ đề Trường học - Tiết 1	20		
11		Bài 9: Ôn tập chủ đề Trường học - Tiết 2	21		
		Bài 9: Ôn tập chủ đề Trường học - Tiết 3	22		
12	Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương - 11 tiết	Bài 10: Cùng khám phá quang cảnh xung quanh	2 Tiết		CDS
		Bài 10: Cùng khám phá quang cảnh xung quanh - Tiết 1	23		
		Bài 10: Cùng khám phá quang cảnh xung quanh - Tiết 2	24		Thay thế bằng bài học Stem: trang trí cảnh quan nơi em sống (1 tiết)
		Bài 11: Con người nơi em sống	2 Tiết		CDS
13		Bài 11: Con người nơi em sống - Tiết 1	25		

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép	
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng			
	Chủ đề 4: Thực vật và động vật - 13 tiết	Bài 11: Con người nơi em sống - Tiết 2	26		CDS - Ăn uống an toàn trong dịp Tết. GV cho HS xem hình ảnh món ăn - H lựa chọn các thức ăn an toàn, đảm bảo sức khỏe, tránh ngộ độc.	
14		Bài 12: Vui đón Tết	2 Tiết			
		Bài 12: Vui đón Tết - Tiết 1	27			
		Bài 12: Vui đón Tết - Tiết 2	28			
15		Bài 13: An toàn trên đường	2 Tiết		CDS Thay thế bằng bài học Stem – bài 7: Đèn hiệu và biển báo giao thông	
		Bài 13: An toàn trên đường - Tiết 1	29			
		Bài 13: An toàn trên đường - Tiết 2	30			
16		Bài 14: Ôn tập về CD Cộng đồng địa phương	2 Tiết		CDS	
		Bài 14: Ôn tập về CD Cộng đồng địa phương - Tiết 1	31			
		Bài 14: Ôn tập về CD Cộng đồng địa phương - Tiết 2	32			
17			Ôn tập cuối HK I	33		
18		Bài 15: Cây xung quanh em	3 Tiết		CDS	
		Bài 15: Cây xung quanh em - Tiết 1	34			
	Bài 15: Cây xung quanh em - Tiết 2	35				
	Bài 15: Cây xung quanh em - Tiết 3	36				
	Bài 16: Chăm sóc và bảo vệ cây trồng	2 Tiết		Tích hợp QCN: HĐ khám phá: GV liên hệ về quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường của học sinh.		
	Bài 16: Chăm sóc và bảo vệ cây trồng - Tiết 1	37				
19		Bài 16: Chăm sóc và bảo vệ cây trồng - Tiết 2	38			

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
					- GV đưa hình ảnh một số cây có gai, cây hoa hồng, cây xương rồng. - Giảng giải để HS biết cây sẽ làm em bị đau nếu chẳng may va vào => cần cẩn thận khi tiếp xúc.
		Bài 17: Con vật quanh em	3 Tiết		CDS
20		Bài 17: Con vật quanh em - Tiết 1	39		- GV cho H xem hình ảnh một số con vật có thể gây nguy hiểm: rắn, chuột, ong, cua.. - Hướng dẫn HS cần tránh xa không lại gần, không tiếp xúc
		Bài 17: Con vật quanh em - Tiết 2	40		
21		Bài 17: Con vật quanh em - Tiết 3	41		
		Bài 18: Chăm sóc và bảo vệ vật nuôi	2 Tiết		Tích hợp QCN: HĐ khám phá: GV liên hệ về quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường của học sinh
		Bài 18: Chăm sóc và bảo vệ vật nuôi - Tiết 1	42		
22		Bài 18: Chăm sóc và bảo vệ vật nuôi - Tiết 2	43		.- Giới thiệu cho HS biết một số bệnh có thể mắc do vật nuôi gây ra: sâu,
					bọ chét, bệnh dại... khi chúng bị ốm.
		Bài 19: Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật	3 Tiết		CDS
		Bài 19: Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật - Tiết 1	44		

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
23		Bài 19: Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật - Tiết 2	45		
		Bài 19: Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật - Tiết 3	46		
24	Chủ đề 5: Con người và sức khỏe - 15 tiết	Bài 20: Cơ thể em	3 Tiết		
		Bài 20: Cơ thể em - Tiết 1	47		
		Bài 20: Cơ thể em - Tiết 2	48		
25		Bài 20: Cơ thể em - Tiết 3	49		
		Bài 21: Các giác quan của cơ thể	3 Tiết		
		Bài 21: Các giác quan của cơ thể - Tiết 1	50		
26		Bài 21: Các giác quan của cơ thể - Tiết 2	51		
		Bài 21: Các giác quan của cơ thể - Tiết 3	52		
27		Bài 22: Ăn, uống hằng ngày	2 Tiết		CDS
27		Bài 22: Ăn, uống hằng ngày- Tiết 1	53		
		Bài 22: Ăn, uống hằng ngày- Tiết 2	54		
28		Bài 23: Vận động và nghỉ ngơi	2 Tiết		CDS
		Bài 23: Vận động và nghỉ ngơi - Tiết 1	55		
		Bài 23: Vận động và nghỉ ngơi - Tiết 2	56		
29		Bài 24: Tự bảo vệ mình	2 Tiết		- GV cho H ghi nhớ số điện thoại 111 -> HD học sinh gọi số này nếu bị bạo hành, bị xâm hại.
	Bài 24: Tự bảo vệ mình - Tiết 1	57			
	Bài 24: Tự bảo vệ mình - Tiết 2	58			
30					
	Bài 25: Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe	3 Tiết		CDS	
		Bài 25: Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe - Tiết 1	59		

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
	Chủ đề 6: Trái đất và bầu trời - 9 tiết	Bài 25: Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe - Tiết 2	60		
31		Bài 25: Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe - Tiết 3	61		
		Bài 26: Cùng khám phá bầu trời	3 Tiết		Thay thế bằng bài học Stem – Bài 15: Bầu trời ban ngày và ban đêm.
		Bài 26: Cùng khám phá bầu trời - Tiết 1	62		
32		Bài 26: Cùng khám phá bầu trời - Tiết 2	63		
		Bài 26: Cùng khám phá bầu trời - Tiết 3	64		
33		Bài 27: Thời tiết luôn thay đổi	3 Tiết		- GV hướng dẫn cách mặc quần áo khi thời tiết nóng và lạnh cho phù hợp
		Bài 27: Thời tiết luôn thay đổi - Tiết 1	65		
		Bài 27: Thời tiết luôn thay đổi - Tiết 2	66		
		Bài 27: Thời tiết luôn thay đổi - Tiết 3	67		
34		Bài 28: Ôn tập chủ đề Trái đất và bầu trời	2 Tiết		
		Bài 28: Ôn tập chủ đề Trái đất và bầu trời – Tiết 1	68		
35		Bài 28: Ôn tập chủ đề Trái đất và bầu trời - Tiết 2	69		
		Ôn tập cuối kì 2 KT, đánh giá cuối năm	70		

4. MÔN : ĐẠO ĐỨC

TS tiết : 35 tiết. HKI: 18 tiết, HKII: 17 tiết. Số tiết trên tuần: 1 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Yêu thương gia đình	Nêu được những biểu hiện của tình yêu thương trong gia đình em. - Nhận biết được sự cần thiết của tình yêu thương gia đình. - Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương người thân trong gia đình.

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
	- Đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương trong gia đình; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu thương gia đình.
Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình	- Nhận biết được biểu hiện của sự quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình. - Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi. - Lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ, anh chị; hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ.
Tự giác làm việc của mình	- Nêu được những việc cần tự giác làm ở nhà, ở trường. - Biết vì sao phải tự giác làm việc của mình. - Thực hiện được hành động tự giác làm việc của mình ở nhà, ở trường
Thật thà	- Nêu được một số biểu hiện của tính thật thà. - Biết vì sao phải thật thà. - Thực hiện được lời nói và việc làm thật thà như: không nói dối; nhận được của rơi trả lại người đánh mất; không lấy đồ dùng của người khác; biết nhận lỗi khi nói hoặc làm sai;... - Đồng tình với những thái độ, hành vi thật thà; không đồng tình với những thái độ, hành vi không thật thà.
Sinh hoạt nề nếp	- Nêu được một số biểu hiện của sinh hoạt nề nếp. - Biết vì sao phải sinh hoạt nề nếp. - Bước đầu hình thành được một số nề nếp như: gọn gàng, ngăn nắp; học tập, sinh hoạt đúng giờ;...
Thực hiện nội quy trường, lớp	- Nêu được những biểu hiện thực hiện đúng nội quy trường, lớp. - Biết vì sao phải thực hiện đúng nội quy trường, lớp. - Thực hiện đúng nội quy của trường, lớp. - Nhắc nhở bạn bè thực hiện đúng nội quy trường, lớp.
Tự chăm sóc bản thân	-Nêu được những việc làm tự chăm sóc bản thân như: vệ sinh răng, miệng, tóc, cơ thể; ăn mặc chỉnh tề;... - Biết vì sao phải biết tự chăm sóc bản thân. - Tự làm được các việc chăm sóc bản thân vừa sức của mình.
Phòng, tránh tai nạn, thương tích	-Nêu được một số tai nạn, thương tích trẻ em thường gặp (đuối nước, bỏng, ngộ độc thực phẩm, ngã, điện giật, tai nạn giao thông,...). - Nhận biết được nguyên nhân và hậu quả của tai nạn, thương tích.

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
	- Thực hiện được một số cách đơn giản và phù hợp để phòng, tránh tai nạn, thương tích.

b. Kế hoạch dạy học cụ thể

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
1	1- Tự chăm sóc bản thân	Bài 1: Em giữ sạch đôi tay	1		
2		Bài 2: Em giữ sạch răng miệng	2		
3		Bài 3: Em tắm, gội sạch sẽ	3		
4		Bài 4: Em giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ	4		
5	2 - Yêu thương gia đình	Bài 5: Gia đình của em - Tiết 1	5		
6		Bài 5: Gia đình của em - Tiết 2	6		
7		Bài 6: Lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ, anh chị	7		Tích hợp QCN: HĐ khám phá: GV liên hệ bốn phần của trẻ em đối với gia đình.
8	3- Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình	Bài 7: Quan tâm, chăm sóc ông bà	8		
9		Thực hành kỹ năng giữa Học kì 1	9		
10		Bài 8: Quan tâm, chăm sóc cha mẹ	10		
11		Bài 9: Chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ	11		
12	4- Thực hiện nội quy trường, lớp	Bài 10: Đi học đúng giờ	12		
13		Bài 11: Học bài và làm bài đầy đủ	13		
14		Bài 12: Giữ trật tự trong trường, lớp	14		
15		Bài 13: Giữ gìn tài sản của trường, lớp	15		Tích hợp QCN: HĐ luyện tập: GV liên hệ bốn phần trẻ

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
					em đối với cộng đồng xã hội.
16		Bài 14: Giữ vệ sinh trường, lớp	16		Tích hợp QCN: HĐ khám phá: GV liên hệ Trẻ em có quyền được tham gia các hoạt động chung của lớp, của trường
17	5 - Sinh hoạt nền nếp	Bài 15: Gọn gàng, ngăn nắp	17		
18		Ôn tập - Đánh giá cuối HK 1	18		
19		Bài 16: Học tập, sinh hoạt đúng giờ	19		
20	6- Tự giác làm việc của mình	Bài 17: Tự giác học tập	20		
21		Bài 18: Tự giác tham gia các hoạt động ở trường	21		Tích hợp QCN: HĐ khám phá: GV liên hệ Trẻ em có quyền được tham gia các hoạt động chung của lớp, của trường
22		Bài 19: Tự giác làm việc nhà	22		
23	7 - Thật thà	Bài 20: Không nói dối	23		
24		Bài 21: Không tự ý lấy và sử dụng đồ của người khác	24		
25		Bài 22: Nhặt được của rơi trả lại người đánh mất	25		
26		Bài 23: Biết nhận lỗi	26		
27		Thực hành kỹ năng giữa Học kì 2	27		

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
28	8 - Phòng, tránh tai nạn, thương tích	Bài 24: Phòng, tránh tai nạn giao thông	28		Tích hợp dạy ATGT. HS Chấp hành tốt quy định ATGT
29		Bài 25: Phòng, tránh đuối nước	29		
30		Bài 26: Phòng, tránh bỏng	30		
31		Bài 27: Phòng, tránh thương tích do ngã	31		
32		Bài 28: Phòng, tránh điện giật	32		
33		Bài 29: Phòng, tránh ngộ độc thực phẩm	33		
34		Bài 30: Phòng, tránh xâm hại	34		
35		Ôn tập - Đánh giá cuối HK 2	35		

5. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

TS tiết: 105 tiết/ năm. HKI 18 tuần. HKII: 17 tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung hoạt động	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	Mô tả được hình thức bên ngoài của bản thân. Thể hiện được một số biểu hiện cảm xúc và hành vi yêu thương phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp thông thường.

Hoạt động rèn luyện bản thân	Thực hiện được một số việc tự chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi. Nêu được những hành động an toàn, không an toàn khi vui chơi và thực hiện được một số hành vi tự bảo vệ.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	Thực hiện được lời nói, việc làm thể hiện tình yêu thương với các thành viên trong gia đình phù hợp với lứa tuổi. Biết tham gia sắp xếp nhà cửa gọn gàng. Biết cách sử dụng một số dụng cụ gia đình một cách an toàn.
Hoạt động xây dựng nhà trường	Làm quen được với bạn mới, thể hiện sự thân thiện với bạn bè, thầy cô. Nhận biết được những việc nên làm vào giờ học, những việc nên làm vào giờ chơi và thực hiện được những việc đó. Tham gia các hoạt động giáo dục của Sao Nhi đồng và của nhà trường.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	Biết thiết lập các mối quan hệ với hàng xóm. Tham gia một số hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống. Biết bảo vệ vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống.

Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	Nhận biết được thế nào là môi trường sạch, đẹp và chưa sạch, đẹp. Thực hiện được một số việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi để bảo vệ môi trường xung quanh luôn sạch, đẹp.

b. Kế hoạch dạy học cụ thể

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Loại hình	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Quy mô	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Nội dung tích hợp, lồng ghép
1	Chủ đề 1: Chào năm học mới	HĐTNT CĐ	Bài 1: Làm quen với bạn mới	1	Trường		Tích hợp QCN: HĐ 3: GV liên hệ HS có quyền tự do biểu đạt và nên tôn trọng bản thân và người khác
		SHL	Sinh hoạt lớp + VUI HỘI TRĂNG RẰM	2,3,4	Lớp		GDĐP: Trung thu trên quê hương HP. Tích hợp QCN: HĐ bày mâm cỗ: GV liên hệ: Quyền được tham gia vào các hoạt động văn hoá.
SHDC		Chào cờ Đội	5	Trường			
HĐTNT CĐ		Bài 2: Những việc nên làm trong giờ học, giờ chơi (Tiết 1)	6	Lớp		- Lồng ghép vào HĐ1: GV đưa tranh ảnh, chiếu hình ảnh về những việc không nên làm trong giờ học, giờ chơi	
SHL		SHL + Xếp chỗ ngồi, bầu Ban cán sự lớp.	7	Lớp			
3		SHDC	Chào cờ lớp + ATGT Bài 1 (Tiết 1)	8	Lớp		LG ATGT
		HĐTNT CĐ	Bài 2: Những việc nên làm trong giờ học, giờ chơi (Tiết 2)	9	Lớp		Tích hợp QCN: HĐ2: GV liên hệ HS nên có trách

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Loại hình	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Quy mô	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Nội dung tích hợp, lồng ghép
							nhiệm với bản thân và trách nhiệm khi học tập ở trường
4	Chủ đề 1: Chào năm học mới	SHDC	Chào cờ lớp + ATGT Bài 1 (Tiết 2)	10	Lớp		Lồng ghép ATGT
		HĐTNT CĐ	Bài 3: Cảm xúc của em	11	Lớp		Tích hợp QCN: HĐ2: Tập thể hiện cảm xúc: GV liên hệ :Quyền được bày tỏ ý -
		HĐTN TCĐ	Bài 2: Những việc nên làm trong giờ học, giờ chơi (Tiết 3)	12	Lớp		
5	Chủ đề 2: Em biết yêu thương	SHDC	Chào cờ trường	13	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 4: Yêu thương con người (Tiết 1)	14	Lớp		kiến. Quyền được tôn trọng bản thân, và nghĩa vụ tôn trọng người khác.
		SHL	Chào cờ lớp + Đổi chỗ ngồi cho HS.	15	Lớp		
6		SHDC	Chào cờ lớp + Tuyên truyền ý nghĩa ngày 20/10, 25/10	16	Lớp		
		HĐTNT CĐ	Bài 4: Yêu thương con người (Tiết 2)	17	Lớp		
		SHL	SHL + Văn nghệ CĐ Mẹ và Cô	18	Lớp		
7		SHDC	Chào cờ Đội:	19	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 4: Yêu thương con người (Tiết 3)	20	Lớp		
		SHL	SHL + Văn nghệ CĐ Em yêu quê hương.	21	Lớp		
8			SHDC	Chào cờ lớp + ATGT Bài 2 (Tiết 1)	22	Lớp	

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Loại hình	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Quy mô	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Nội dung tích hợp, lồng ghép
		HĐTNT CĐ	Bài 5: Thân thiện với bạn bè	23	Lớp		
		SHL	Sinh hoạt lớp + ATGT Bài 2 (Tiết 2)	24	Lớp		Lồng ghép ATGT
9	Chủ đề 3: Truyền thống trường em	SHDC	Chào cờ trường	25	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 7: Kính yêu thầy cô (Tiết 1)	26	Lớp		
10		SHDC	Chào cờ lớp + TT 20/11	27	Lớp		
		HĐTNT CĐ	Bài 7: Kính yêu thầy cô (Tiết 2)	28	Lớp		
		SHL	Sinh hoạt lớp + Tập luyện VN chào mừng 20/11.	29	Lớp		
11	Chủ đề 3: Truyền thống trường em	SHDC	Chào cờ Đội	30	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 6: Thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy	31	Lớp		
		SHL	Chuyên đề Đội:	32,33,34	Trường		
12		SHDC	Chào cờ lớp + TH truyền thống nhà trường.	35	Lớp		
		HĐTNT CĐ	Bài 8: An toàn khi vui chơi (Tiết 1)	36	Lớp		- Lồng ghép vào HĐ1: GV đưa tranh ảnh, chiếu hình ảnh mở rộng về hành động không an toàn khi vui chơi ở nhà, ở trường.
		SHL	Sinh hoạt lớp + Đổi chỗ Ngồi cho HS	37	Lớp		
13		SHDC	Chào cờ trường	38	Trường		

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Loại hình	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Quy mô	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Nội dung tích hợp, lồng ghép
	Chủ đề 4: An toàn cho em Chủ đề 4: An toàn cho em	HĐTNT CĐ	Bài 8: An toàn khi vui chơi (Tiết 2)	39	Lớp		
14		SHDC	Chào cờ lớp + TT ý nghĩa ngày 22/12	40	Lớp		
		HĐTNT CĐ	Bài 9: Phòng tránh bị bắt nạt	41	Lớp		
15			Chào cờ Đội	42	Trường		
		SHL	CĐ Đội: HKPĐ	43,44,45	Trường		
16		SHDC	Chào cờ lớp + Đổi chỗ ngồi cho HS	46	Lớp		
		HĐTNT CĐ	Bài 10: Sử dụng an toàn đồ dùng trong gia đình	47	Lớp		Lồng ghép vào HĐ1+HĐ2: GV đưa tranh ảnh, chiếu hình ảnh mở rộng về hành động không an toàn khi sử dụng đồ dùng trong gia đình
		SHL	Sinh hoạt lớp + ATGT Bài 3 (Tiết 2)	48	Lớp		
17	Chủ đề 5: Em quý trong bản thân	SHDC	Chào cờ lớp	49	Lớp		
		HĐTNT CĐ	Bài 15: Sắp xếp nhà cửa gọn gàng để đón Tết (Tiết 1)	50	Lớp		.
		SHL	Sinh hoạt lớp + GDDP CĐ: Hoạt động nhân ái tại HP (tiết 1)	51	Lớp		Lồng ghép GDDP
18		SHDC	Chào cờ trường	52	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 15: Sắp xếp nhà cửa gọn gàng để đón Tết (Tiết 2)	53	Lớp		

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Loại hình	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Quy mô	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Nội dung tích hợp, lồng ghép
18B		SHL	Sinh hoạt lớp + GDDP CĐ: Hoạt động nhân ái tại HP (tiết 2)	54	Lớp		
		SHDC	Chào cờ lớp + TT ý nghĩa ngày tết Nguyên Đán	55	Lớp		
		SHL	SƠ KẾT HK 1	56	Lớp		
19	Chủ đề 5: Em quý trong bản thân	SHDC	Chào cờ Đội	57	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 16: Ứng xử khi được nhận quà ngày tết (Tiết 1)	58	Lớp		
SHL		Festival TA	59,60,61	Trường			
20		SHDC	Chào cờ trường.	62	Lớp		
		HĐTNT CĐ	Bài 16: Ứng xử khi được nhận quà ngày tết (Tiết 2)	63	Lớp		
21		SHDC	Chào cờ lớp + GDĐP	64	Lớp		
		HĐTNT CĐ	Bài 11: Chân dung của em	65	Lớp		
22	Chủ đề 6: Vui đón mùa xuân	SHDC	Chào cờ Đội	66	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 12: Giữ vệ sinh cá nhân	67	Lớp		
		SHL	Sinh hoạt lớp +	68	Lớp		
23		SHDC	Chào cờ lớp + GDDP CĐ: Hoạt động nhân ái tại HP (tiết 3)	69	Lớp		
		HĐTNT CĐ	Bài 13: Ăn uống hợp lí	70	Lớp		- Lồng ghép HĐ1: GV đưa tranh ảnh chiếu hình ảnh mở rộng về việc vệ sinh cá nhân.

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Loại hình	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Quy mô	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Nội dung tích hợp, lồng ghép
		SHL	Sinh hoạt lớp + TT ý nghĩa ngày 8/3	71	Lớp		
24		SHDC	Chào cờ trường	72	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 17: Hàng xóm nhà em (Tiết 1)	73	Lớp		
		SHL	CĐ ĐỘI	74,75,76	Trường		
25		SHDC	Chào cờ lớp: ATGT Bài 4 (Tiết 1)	77	Lớp		Lồng ghép ATGT
		HĐTNT CĐ	Bài 17: Hàng xóm nhà em (Tiết 1)	78	Lớp		
26		SHDC	Chào cờ Đội:	79	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 17: Hàng xóm nhà em (Tiết 2)	80	Lớp		
27		SHDC	Chào cờ lớp : ATGT Bài 4 (Tiết 2)	81	Lớp		Lồng ghép ATGT
		HĐTNT CĐ	Bài 18: Em tham gia các hoạt động xã hội (Tiết 1)	82	Lớp		Tích hợp QCN: HĐ vận dụng. GV liên hệ: HS có quyền được tham gia các hoạt động xã hội
		SHL	Sinh hoạt lớp + ATGT Bài 5 (Tiết 1)	83	Lớp		Lồng ghép ATGT
28		SHDC	Chào cờ lớp + ATGT Bài 5 (Tiết 2)	84	Lớp		
		HĐTNT CĐ	Bài 18: Em tham gia các hoạt động xã hội (Tiết 2)	85	Lớp		
		SHL	Sinh hoạt lớp + Đổi chỗ ngồi cho HS	86	Lớp		
29		HĐTNT CĐ	Bài 19: Thiên nhiên tươi đẹp quê em (Tiết 1)	87	Lớp		

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Loại hình	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Quy mô	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Nội dung tích hợp, lồng ghép
		SHL	Sinh hoạt lớp + GDĐP	88	Lớp		
30		SHDC	Chào cờ Trường	89	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 19: Thiên nhiên tươi đẹp quê em (Tiết 2)	90	Lớp		
		SHL	Sinh hoạt lớp + GDĐP	91	Lớp		
31		SHDC	Chào cờ lớp + TT ý nghĩa 30/4, 1/5	92	Lớp		
		HĐTNT CĐ	Bài 20: Em bảo vệ cảnh quan thiên nhiên (Tiết 1)	93	Lớp		
		SHL	Sinh hoạt lớp + VN: em yêu quê em.	94	Lớp		
32	Chủ đề 9: Em bảo vệ môi trường	SHDC	Chào cờ Đội:	95	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 20: Em bảo vệ cảnh quan thiên nhiên (Tiết 2)	96	Lớp		Tích hợp QCN: HĐ vận dụng. GV liên hệ: HS có quyền sống trong môi trường trong lành và nghĩa vụ bảo vệ môi trường
33		SHDC	Chào cờ trường	97	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 21: Giữ gìn môi trường sạch, đẹp (Tiết 1)	98	Lớp		
		SHL	Sinh hoạt lớp + TT ý nghĩa ngày 13/5	99	Lớp		
34		SHDC	Chào cờ Đội	100	Trường		
		HĐTNT CĐ	Bài 21: Giữ gìn môi trường sạch, đẹp (Tiết 2)	101	Lớp		
		SHL	Sinh hoạt lớp + VN Bác kính yêu.	102	Lớp		

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Loại hình	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Quy mô	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Nội dung tích hợp, lồng ghép
35	Chủ đề 9: Em bảo vệ môi trường	SHDC	Chào cờ lớp + TT phòng tránh đuối nước.	103	Lớp		
		HĐTNT CĐ	Bài 21: Giữ gìn môi trường sạch, đẹp (Tiết 3)	104	Lớp		
		SHL	Tổng kết lớp	105	Lớp		

6. MÔN : ÂM NHẠC

TS tiết trên năm: 35 tiết.

HKI: 18 tiết. HKII: 17 tiết

Số tiết trên tuần: 1 tiết/ tuần

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔN ÂM NHẠC LỚP 1:

1. Mục tiêu:

Môn Âm nhạc lớp 1 giúp học sinh:

- Trải nghiệm và khám phá nghệ thuật âm nhạc thông qua nhiều hình thức hoạt động; phát triển cảm xúc, ngôn ngữ, năng lực giao tiếp hợp tác;
- Cảm thực được yếu tố cơ bản, đơn giản của các âm thanh và hình tượng âm nhạc gần gũi trong cuộc sống, hình thành tình yêu với nghệ thuật âm nhạc;
- Thể hiện được các kỹ năng thực hành âm nhạc ở các mạch nội dung, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, bước đầu hình thành khả năng tự chủ và tự học, cảm thụ và thưởng thức âm nhạc;
- Hứng thú tham gia các hoạt động âm nhạc, bước đầu thể hiện năng lực, sự sáng tạo khi thể hiện âm nhạc cá nhân và hoạt động trong nhóm, tập thể.

2. Yêu cầu cần đạt theo khung năng lực đặc thù:

Để đánh giá mức độ nhận thức và khả năng thể hiện của Học sinh, Giáo viên sẽ căn cứ theo 3 mức độ sau:

- **Biết:** Gọi được tên hình thức biểu diễn, kể được tên một số nhạc sĩ tiêu biểu, liệt kê được một số loại nhạc cụ, thuộc lời ca; nhận biết các nốt nhạc.

- Hiểu: Mô tả được động tác chơi nhạc cụ, nhắc lại được nội dung bài hát, bước đầu hát đúng được tính chất âm nhạc, đọc đúng cao độ và trường độ các nốt nhạc,...
- Vận dụng – Sáng tạo: Biểu diễn được các tiết mục âm nhạc; điều chỉnh được giọng hát để tạo nên sự hài hòa; thực hiện được hoạt động âm nhạc phù hợp với lứa tuổi; có ý tưởng sáng tạo trong học tập, trình diễn và thực hiện cùng nhóm; bước đầu nhận xét được kĩ năng thể hiện âm nhạc của bản thân và bạn bè.

II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN ÂM NHẠC LỚP 1:

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
1	Chủ đề 1: Âm thanh kì diệu	- Thường thức âm nhạc: Âm thanh kì diệu - Học hát: Vào rừng hoa	1	
2		- Ôn hát: Vào rừng hoa - Đọc nhạc: Bậc thang Đô – Rê – Mi	2	
3		- Ôn hát: Vào rừng hoa - Ôn đọc nhạc: Bậc thang Đô-Rê-Mi	3	
4	Chủ đề 1: Âm thanh kì diệu	- Ôn hát: Vào rừng hoa - Ôn đọc nhạc: Bậc thang Đô-Rê-Mi - Vận dụng – sáng tạo: To- Nhỏ	4	
5	Chủ đề 2: Việt Nam yêu thương	- Hát: Tổ quốc ta <i>Nhạc và lời: Mộng Lân</i>	5	Tích hợp nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh: Giáo dục HS biết yêu quê hương đất nước, con người Việt Nam
6		- Ôn hát: Tổ quốc ta - Nhạc cụ: Trống con	6	Tích hợp GDĐP Chủ đề 1: Trung thu trên quê hương Hải Phòng.
7		- Nghe nhạc: Bài hát: Quốc ca - Nhạc cụ: Trống con	7	Tích hợp GDANQP: Giúp HS biết được ý nghĩa của bài hát, đây là niềm tự hào của

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
				mỗi người dân Việt Nam. Khơi dậy tình yêu quê hương đất nước.
8		- Ôn hát: Tổ quốc ta - Vận dụng – sáng tạo: Cao- Thấp	8	
9	Chủ đề 3: Mái trường thân yêu	- Học hát: Lớp Một thân yêu	9	
10		- Ôn hát: Lớp Một thân yêu - Đọc nhạc: Ban nhạc Đô – Rê - Mi	10	
11		- Ôn nhạc: Ban nhạc Đô – Rê - Mi - Nghe nhạc: Bài hát Những bông hoa những bài ca	11	
12		- Ôn hát: Lớp Một thân yêu - Ôn tập đọc nhạc: Ban nhạc Đô – Rê – Mi - Vận dụng – sáng tạo: To- Nhỏ, Cao- Thấp	12	
13		Học hát: Chào người bạn mới đến <i>Nhạc và lời: Lương Bằng Vinh</i>	13	
14	Chủ đề 4: Vòng tay bè bạn	- Ôn hát: Chào người bạn mới đến - Nhạc cụ: Trống con	14	Tích hợp GDĐP Chủ đề 1: Trung thu trên quê hương Hải Phòng.
15		- Thường thức âm nhạc: Trống cái - Nghe nhạc: Vũ khúc thiên Nga	15	Tích hợp GDĐP Chủ đề 1: Trung thu trên quê hương Hải Phòng.
16	Ôn tập và đánh giá cuối kì I	Ôn bài đọc nhạc: Ban nhạc Đô Rê Mi. Gõ theo tiết tấu.	16	
17		Ôn tập cuối học kỳ 1	17	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
18		Đánh giá cuối kì I	18	
19	Chủ đề 5: Nhịp điệu mùa xuân	Học hát: Xúc xắc xúc xê. <i>Nhạc: Nguyễn Ngọc Thiện</i>	19	Tích hợp GDĐP Chủ đề 4: Biết được các trang phục, món ăn, nghi lễ,... truyền thống của địa phương; Có ý thức giữ gìn một số phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương Tích hợp GDĐP Chủ đề 7: Thực hành chơi các trò chơi dân gian.
20		- Ôn hát: Xúc xắc xúc xê - Đọc nhạc: Những người bạn Đô- Rê- Mi	20	
21		- Ôn đọc nhạc: Những người bạn Đô- Rê- Mi - Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Vôn-gang A- ma-đót Mô-Da	21	
22		- Ôn hát và đọc nhạc - Vận dụng – sáng tạo: Dài- Ngắn	22	
23		Học hát: Gà gáy <i>Nhạc: Dân ca Cống Khao</i>	23	
24	Chủ đề 6: Về miền dân ca	- Ôn hát: Gà gáy - Nhạc cụ: Thanh phách	24	Tích hợp liên môn: Hướng dẫn HS biết cách làm và sử dụng thanh phách an toàn.
25		- Thường thức âm nhạc: Câu chuyện về Thanh phách - Vận dụng – sáng tạo: Dài- Ngắn	25	
26		- Ôn hát: Gà gáy	26	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
		- Nghe nhạc: Lý cây bông		
27	Chủ đề 7: Gia đình	Học hát: Cây gia đình <i>Nhạc: Quỳnh hợp</i> <i>Lời: thơ Nguyễn Thị Mai</i>	27	Tích hợp GDĐP Chủ đề 4: Có ý thức giữ gìn một số phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương. Yêu quý gia đình và quê hương mình.
28		- Ôn hát: Cây gia đình - Đọc nhạc: Hát cùng Đô- Rê-Mi- Pha- Son	28	
29		- Ôn đọc nhạc: Hát cùng Đô- Rê-Mi- Pha- Son - Nghe nhạc: Bài hát Con chim vành khuyên	29	Tích hợp GDĐP Chủ đề 4: Có ý thức giữ gìn một số phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương.
30		VD-ST: Góc âm nhạc	30	
31	Chủ đề 8: Vui đón hè	Học hát: Ngôi sao lấp lánh <i>Lời: Thanh Vân</i>	31	
32		- Ôn hát: Ngôi sao lấp lánh - Nhạc cụ: Trai-en-gô	32	
33	Ôn tập và Đánh giá cuối năm	Ôn các bài đọc nhạc đã học ở lớp 1	33	
34		Biểu diễn với các bài hát đã học ở lớp 1.	34	
35		Đánh giá cuối năm	35	

7. MÔN: MĨ THUẬT

TS tiết trên năm: 35 tiết.

HKI: 18 tiết. HK II: 17 tiết

Số tiết trên tuần: 1 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
MĨ THUẬT TẠO HÌNH Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: - Biết được mỹ thuật có ở xung quanh. - Biết được một số đồ dùng, màu vẽ và vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo. - Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: - Đọc được tên một số màu trong thực hành, sáng tạo. - Tạo được chấm bằng nhiều cách khác nhau, biết sử dụng chấm trong tạo hình và trang trí sản phẩm. - Tạo được một số loại nét khác nhau, biết sử dụng nét để mô phỏng đối tượng. - Tạo được hình, khối dạng cơ bản. - Sử dụng được vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo. - Sắp xếp được sản phẩm của cá nhân tạo thành sản phẩm nhóm học tập. - Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, đất nặn, giấy màu,... trong thực hành, sáng tạo. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: - Trưng bày và nêu được tên sản phẩm, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của cá nhân, của bạn bè. - Nêu được tên một số màu; bước đầu mô tả, chia sẻ được cảm nhận về hình ảnh chính ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	Yếu tố và nguyên lý tạo hình Lựa chọn, kết hợp: Yếu tố tạo hình - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. Nguyên lý tạo hình - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thể loại Lựa chọn, kết hợp: - Lí luận và lịch sử mỹ thuật - Hội hoạ - Đồ hoạ (tranh in) - Điêu khắc Hoạt động thực hành và thảo luận Thực hành - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. Thảo luận Lựa chọn, kết hợp: - Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. - Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề Lựa chọn, kết hợp: - Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: - Nêu được tên một số công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo. - Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu ở sản phẩm thủ công. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:	Yếu tố và nguyên lý tạo hình Lựa chọn, kết hợp: Yếu tố tạo hình - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. Nguyên lý tạo hình

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
- Biết cách sử dụng công cụ phù hợp với vật liệu và an toàn trong thực hành, sáng tạo. - Thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm. - Vận dụng được nét để tạo nên sản phẩm. - Tạo được sản phẩm từ vật liệu dạng hình, khối. - Sử dụng được chấm, nét, màu sắc khác nhau để trang trí sản phẩm. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: - Trưng bày, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm. - Biết chia sẻ ý định sử dụng sản phẩm và bảo quản một số đồ dùng học tập.	- Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thế loại: Thủ công Lựa chọn, kết hợp: - Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. - Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. - Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. Hoạt động thực hành và thảo luận <i>Thực hành</i> - Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. - Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: - Sản phẩm thủ công. - Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề Lựa chọn, kết hợp:- Đồ chơi, đồ dùng học tập.

b. Kế hoạch dạy học cụ thể

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
1	Chủ đề 1	Mỹ thuật trong nhà trường	1	
2	Chủ đề 2	Sáng tạo từ những chấm màu	2	
3			3	
4	Chủ đề 2	Sáng tạo từ những chấm màu	4	
5			5	
6	Chủ đề 3	Nét vẽ của em	6	
7			7	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
8			8	
9	Chủ đề 4	Sáng tạo từ những hình cơ bản	9	
10			10	
11			11	
12			12	
13	Chủ đề 5	Màu cơ bản trong mỹ thuật	13	
14			14	
15			15	
16			16	
17	Cuối kì I	Đánh giá cuối học kỳ I	17	
18	Chủ đề 6	Sáng tạo từ những khối cơ bản	18	Tích hợp môn Toán: Chủ đề 4: Làm quen với một số hình khối.
19			19	
20			20	
21			21	
22	Chủ đề 7	Hoa quả	22	Tích hợp giáo dục địa phương chủ đề 1: Trưng thu trên quê hương HP; chủ đề 2: Ngày Tết quê em.
23			23	
24			24	
25			25	
26	Chủ đề 8	Người thân của em	26	Tích hợp môn TNXH: Chủ đề 1: Gia đình; môn Đạo đức: Chủ đề 2: Yêu thương gia đình.
27			27	
28			28	
29			29	
30	Chủ đề 9	Em là học sinh lớp 1	30	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
31			31	Tích hợp môn Đạo đức: Chủ đề 1: Tự chăm sóc bản thân.
32			32	
33			33	
34		Đánh giá định kì cuối năm	34	
35		Trung bày sản phẩm (có thể điều chỉnh ở cuối học kỳ I cho đủ 18 tuần)	35	

8. Môn Tiếng Anh (Bộ sách English Discovery 1)

Tuần/ Tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ Thời lượng	Tiết thứ		
Tuần 1	CHÀO HỎI	Welcome - Lesson 1	2 tiết	1		
		Welcome - Lesson 2		2		
Tuần 2	NGÀY SINH NHẬT	Unit 1: My birthday - Lesson 1	8 tiết	3		
		Unit 1: My birthday - Lesson 2		4		
Tuần 3		Unit 1: My birthday - Lesson 3		5		

		Unit 1: My birthday - Lesson 4		6		
Tuần 4		Unit 1: My birthday - Lesson 5		7		
		Unit 1: My birthday - Lesson 6		8		
Tuần 5		Unit 1: My birthday - Lesson 7		9		
		Unit 1: My birthday - Lesson 8		10		
Tuần 6	Ở TRƯỜNG	Unit 2: At school - Lesson 1	8 tiết	11		
		Unit 2: At school - Lesson 2		12		
Tuần 7		Unit 2: At school - Lesson 3		13		
		Unit 2: At school - Lesson 4		14		
Tuần 8		Unit 2: At school - Lesson 5		15		
		Unit 2: At school - Lesson 6		16		
Tuần 9		Unit 2: At school - Lesson 7		17		
		Unit 2: At school - Lesson 8		18		
Tuần 10	GIA ĐÌNH	Unit 3: My family - Lesson 1	8 tiết	19		
		Unit 3: My family - Lesson 2		20		
Tuần 11		Unit 3: My family - Lesson 3		21		
		Unit 3: My family - Lesson 4		22		

Tuần 12		Unit 3: My family - Lesson 5		23		
		Unit 3: My family - Lesson 6		24		
Tuần 13		Unit 3: My family - Lesson 7		25		
		Unit 3: My family - Lesson 8		26		
Tuần 14	CƠ THỂ	Unit 4: My body - Lesson 1	8 tiết	27		
		Unit 4: My body - Lesson 2		28		
Tuần 15		Unit 4: My body - Lesson 3		29		
		Unit 4: My body - Lesson 4		30		
Tuần 16		Unit 4: My body - Lesson 5		31		
		Unit 4: My body - Lesson 6		32		
Tuần 17		Unit 4: My body - Lesson 7		33		
		Unit 4: My body - Lesson 8		34		
Tuần 18		Revision 1	1 tiết	35		
		The first – term test	1 tiết	36		
Tuần 19	THÚ CÙNG	Unit 5: Pets - Lesson 1	8 tiết	37		
		Unit 5: Pets - Lesson 2		38		
		Unit 5: Pets - Lesson 3		39		

Tuần 20		Unit 5: Pets - Lesson 4		40		
Tuần 21		Unit 5: Pets - Lesson 5		41		
		Unit 5: Pets - Lesson 6		42		
Tuần 22		Unit 5: Pets - Lesson 7		43		
		Unit 5: Pets - Lesson 8		44		
Tuần 23	NHÀ	Unit 6: My house - Lesson 1	8 tiết	45		
Tuần 24		Unit 6: My house - Lesson 2		46		
		Unit 6: My house - Lesson 3		47		
		Unit 6: My house - Lesson 4		48		
Tuần 25		Unit 6: My house - Lesson 5		49		
Tuần 26		Unit 6: My house - Lesson 6		50		
		Unit 6: My house - Lesson 7		51		
		Unit 6: My house - Lesson 8		52		
Tuần 27	ĐỒ ĂN	Unit 7: Food - Lesson 1	8 tiết	53		
Tuần 28		Unit 7: Food - Lesson 2		54		
		Unit 7: Food - Lesson 3		55		
		Unit 7: Food - Lesson 4		56		

Tuần 29		Unit 7: Food - Lesson 5		57		
		Unit 7: Food - Lesson 6		58		
Tuần 30		Unit 7: Food - Lesson 7		59		
		Unit 7: Food - Lesson 8		60		
Tuần 31		Unit 8: I'm happy! - Lesson 1		61		
		Unit 8: I'm happy! - Lesson 2		62		
Tuần 32		Unit 8: I'm happy! - Lesson 3		63		
		Unit 8: I'm happy! - Lesson 4		64		
Tuần 33		Unit 8: I'm happy! - Lesson 5	8 tiết	65		
		Unit 8: I'm happy! - Lesson 6		66		
Tuần 34		Unit 8: I'm happy! - Lesson 7		67		
		Unit 8: I'm happy! - Lesson 8		68		
Tuần 35		Revision 2	1 tiết	69		
		End-of-year test	1 tiết	70		

9. MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TS tiết trên năm: 70 tiết. HKI: 18 tiết. HKII: 17 tiết. Số tiết trên tuần: 2 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
1	1- Đội hình đội ngũ	Bài 1: Các tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ	3 Tiết	
		Bài 1: Các tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ	1	
		Bài 1: Tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số	2	
2		Bài 1: Ôn tập, củng cố các tư thế	3	
		Bài 2: Tập hợp đội hình hàng dọc, dóng hàng và điểm số	4 Tiết	
2		Bài 2: Tập hợp đội hình hàng dọc, dóng hàng và điểm số hàng dọc	4	
3		Bài 2: Ôn tập hợp hàng dọc, dóng hàng dọc, điểm số hàng dọc	5	
		Bài 2: Ôn tập hợp hàng dọc, dóng hàng dọc, điểm số hàng dọc	6	
4		Bài 2: Củng cố tập hợp đội hình hàng dọc, dóng hàng, điểm số	7	
		Bài 3: Tập hợp đội hình hàng ngang, dóng hàng và điểm số, dàn hàng, dồn hàng	4 Tiết	
		Bài 3: Tập hợp đội hình hàng ngang, dóng hàng và điểm số	8	
5		Bài 3: Dàn hàng ngang, dồn hàng ngang, điểm số	9	
		Bài 3: Ôn tập dàn hàng ngang, dồn hàng ngang, điểm số	10	
6		Bài 3: Củng cố đội hình hàng ngang, dóng hàng, điểm số	11	
		Bài 4: Động tác quay các hướng	3Tiết	
		Bài 4: Động tác quay trái, quay phải, quay sau	12	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
7		Bài 4: Động tác quay trái, quay phải, quay sau	13	
		Bài 4: Ôn tập, củng cố động tác quay các hướng	14	
8		Kiểm tra đánh giá chủ đề đội hình đội ngũ	15	
		Bài 1: Động tác vươn thở, động tác tay	1 Tiết	
		Bài 1: Động tác vươn thở, động tác tay	16	
9		Bài 2: Học động tác vận mình, động tác bụng, động tác phối hợp, động tác điều hoà	3 Tiết	
		Bài 2: Học động tác vận mình. Ôn động tác vươn thở, động tác tay, động tác chân	17	
		Bài 2: Học động tác bụng. Ôn động tác chân, động tác vận mình	18	
10		Bài 2: Học động tác phối hợp, động tác điều hoà	19	
10		Bài 3: Ôn động tác phối hợp, động tác điều hoà. Ôn năm động tác đã học	2 Tiết	
		Bài 3: Ôn động tác phối hợp, động tác điều hoà. Ôn năm động tác đã học	20	
		Bài 3: Ôn củng cố toàn bài thể dục	21	
11		Kiểm tra đánh giá chủ đề Bài thể dục		
		Bài 1: Vận động của đầu, cổ	3 Tiết	
		Bài 1: Vận động của đầu, cổ	22	
12		Bài 1: Ôn tư thế vận động của đầu, cổ	23	
		Bài 1: Củng cố tư thế vận động của đầu cổ	24	
13		Bài 2: Vận động của tay	4 Tiết	
		Bài 2: Vận động của tay	25	
		Bài 2: Ôn vận động của tay	26	
14		Bài 2: Vận động của tay - Tiết 3	27	
		Bài 2: Vận động của tay - Tiết 4	28	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
15	3 - Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản	Bài 3: Vận động của chân	4 Tiết	
		Bài 3: Vận động của chân - Tiết 1	29	
		Bài 3: Vận động của chân - Tiết 2	30	
16		Bài 3: Vận động của chân - Tiết 3	31	
		Bài 3: Vận động của chân - Tiết 4	32	
17		Bài 4: Vận động phối hợp của cơ thể	6 Tiết	
		Bài 4: Vận động phối hợp của cơ thể - Tiết 1	33	
		Bài 4: Vận động phối hợp của cơ thể - Tiết 2	34	
18		Bài 4: Vận động phối hợp của cơ thể - Tiết 3	35	
		Bài 4: Vận động phối hợp của cơ thể - Tiết 4	36	
19		Bài 4: Vận động phối hợp của cơ thể - Tiết 5	37	
		Bài 4: Vận động phối hợp của cơ thể - Tiết 6	38	
20		Bài 5: Vận động phối hợp của cơ thể (tiếp theo)	6 Tiết	
		Bài 5: Vận động phối hợp của cơ thể (tiếp theo) - Tiết 1	39	
		Bài 5: Vận động phối hợp của cơ thể (tiếp theo) - Tiết 2	40	
21			Bài 5: Vận động phối hợp của cơ thể (tiếp theo) - Tiết 3	41
21	3 - Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản	Bài 5: Vận động phối hợp của cơ thể (tiếp theo) - Tiết 4	42	
22		Bài 5: Vận động phối hợp của cơ thể (tiếp theo) - Tiết 5	43	
		Bài 5: Vận động phối hợp của cơ thể (tiếp theo) - Tiết 6	44	
23		Bài 1: Làm quen với bóng	6 Tiết	
		Bài 1: Làm quen với bóng - Tiết 1	45	
		Bài 1: Làm quen với bóng - Tiết 2	46	
24		Bài 1: Làm quen với bóng - Tiết 3	47	
		Bài 1: Làm quen với bóng - Tiết 4	48	
		Bài 1: Làm quen với bóng - Tiết 5	49	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	
25	4. Thể thao tự chọn: Môn bóng rổ	Bài 1: Làm quen với bóng - Tiết 6	50	
26		Bài 2: Động tác di chuyển không bóng	6 Tiết	
		Bài 2: Động tác di chuyển không bóng - Tiết 1	51	
		Bài 2: Động tác di chuyển không bóng - Tiết 2	52	
27		Bài 2: Động tác di chuyển không bóng - Tiết 3	53	
		Bài 2: Động tác di chuyển không bóng - Tiết 4	54	
28		Bài 2: Động tác di chuyển không bóng - Tiết 5	55	
		Bài 2: Động tác di chuyển không bóng - Tiết 6	56	
29		Bài 3: Động tác dẫn bóng - 8 Tiết	8 Tiết	
		Bài 3: Động tác dẫn bóng - Tiết 1	57	
		Bài 3: Động tác dẫn bóng - Tiết 2	58	
30		Bài 3: Động tác dẫn bóng - Tiết 3	59	
		Bài 3: Động tác dẫn bóng - Tiết 4	60	
31		Bài 3: Động tác dẫn bóng - Tiết 5	61	
		Bài 3: Động tác dẫn bóng - Tiết 6	62	
32		Bài 3: Động tác dẫn bóng - Tiết 7	63	
		Bài 3: Động tác dẫn bóng - Tiết 8	64	
33		Bài 4: Động tác ném rổ 2 tay trước ngực	6 Tiết	
		Bài 4: Động tác ném rổ 2 tay trước ngực - Tiết 1	65	
		Bài 4: Động tác ném rổ 2 tay trước ngực - Tiết 2	66	
34		Bài 4: Động tác ném rổ 2 tay trước ngực - Tiết 3	67	
	4. Thể thao tự chọn: Môn bóng rổ	Bài 4: Động tác ném rổ 2 tay trước ngực - Tiết 4	68	
35		Bài 4: Động tác ném rổ 2 tay trước ngực - Tiết 5	69	
		Bài 4: Động tác ném rổ 2 tay trước ngực - Tiết 6	70	

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 2
Năm học 2024 – 2025

1. MÔN TIẾNG VIỆT

a) Nội dung, yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KỸ THUẬT ĐỌC - Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó, ít dùng). Thuộc bảng chữ cái tiếng Việt; biết phân biệt tên chữ cái (a, bê, xê,...) và âm (a, bờ, cờ,...) mà chữ cái và con chữ biểu hiện.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Bảng chữ cái tiếng Việt, sự khác nhau giữa tên chữ cái (a, bê, xê,...) và âm (a, bờ, cờ,...) 2. Vốn từ theo chủ điểm 3.1. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất 3.2. Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than: đánh dấu kết thúc câu; dấu phẩy: tách các bộ phận đồng chức trong câu

- Đọc đúng và rõ ràng các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, văn bản thông tin ngắn. Tốc độ đọc khoảng 60 – 70 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ. - Bước đầu phân biệt được lời nhân vật trong đối thoại và lời người kể chuyện để đọc với ngữ điệu phù hợp. - Biết đọc thầm. - Nhận biết được thông tin trên bìa sách: tranh minh họa, tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản. - Điền được những thông tin quan trọng vào phiếu đọc sách. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung - Biết nêu và trả lời câu hỏi về một số chi tiết nội dung trong văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao? - Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản đơn giản dựa vào gợi ý. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được địa điểm, thời gian, các sự việc chính của câu chuyện. - Nhận biết được hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh. - Nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời thoại. - Nhận biết được vần trong thơ. Liên hệ, so sánh, kết nối - Nêu được nhân vật yêu thích nhất và giải thích được vì sao. Đọc mở rộng - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Thuộc lòng ít nhất 6 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 45 chữ. Văn bản thông tin Đọc hiểu nội dung	4.1.Hội thoại: lắng nghe, nói theo lượt lời 4.2.Đoạn văn Đoạn văn kể lại một sự việc Đoạn văn miêu tả ngắn, đơn giản theo gợi ý Đoạn văn nói về tình cảm của mình với những người thân yêu Đoạn văn giới thiệu loài vật, đồ vật; văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động, bưu thiếp, danh sách, mục lục sách, thời khoá biểu, thời gian biểu 5. Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) KIẾN THỨC VĂN HỌC - Đề tài (viết, kể về điều gì) - Hình dáng, điệu bộ, lời thoại của nhân vật - Tình cảm, thái độ giữa các nhân vật - Vần trong thơ NGŨ LIỆU 1.1. Văn bản văn học - Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả - Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè Độ dài của văn bản: truyện khoảng

- Biết nêu và trả lời được câu hỏi về các chi tiết nổi bật của văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao? - Dựa vào gợi ý, trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý dựa vào gợi ý. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được một số loại văn bản thông tin đơn giản, thông dụng qua đặc điểm của văn bản: mục lục sách, danh sách học sinh, thời khoá biểu, thời gian biểu, văn bản giới thiệu loài vật, đồ vật hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động. Nhận biết được trình tự các sự việc, hiện tượng nêu trong văn bản. Liên hệ, so sánh, kết nối - Nêu được các thông tin bổ ích đối với bản thân từ văn bản. - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thể hiện qua nhan đề, hình ảnh minh hoạ và chú thích hình ảnh. Đọc mở rộng - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học. VIẾT KĨ THUẬT VIẾT - Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa. - Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương. - Nghe – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 – 55 chữ, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. VIẾT ĐOẠN VĂN NGẮN Quy trình viết - Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: “Viết về cái gì?”; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của giáo viên, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ. Thực hành viết	180 – 200 chữ, bài miêu tả khoảng 150 – 180 chữ, thơ khoảng 70 – 90 chữ 1.2. Văn bản thông tin - Văn bản giới thiệu về loài vật, đồ dùng; văn bản hướng dẫn một hoạt động đơn giản bao gồm cả dạng kí hiệu - Danh sách học sinh; mục lục sách; thời khoá biểu; thời gian biểu Độ dài của văn bản: khoảng 110 – 140 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý

- Viết được 4 – 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 – 5 câu tả một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 – 5 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 – 5 câu giới thiệu về một đồ vật quen thuộc dựa vào gợi ý.
- Biết đặt tên cho một bức tranh.
- Biết viết thời gian biểu, bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi.

NÓI VÀ NGHE

Nói

- Nói rõ ràng, có thói quen nhìn vào người nghe.
- Biết nói và đáp lại lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, lời mời, lời đề nghị, chúc mừng, chia buồn, an ủi, khen ngợi, bày tỏ sự ngạc nhiên; đồng ý, không đồng ý, từ chối phù hợp với đối tượng người nghe.
- Kể được một câu chuyện đơn giản (có hình ảnh) đã đọc, nghe, xem.
- Nói ngắn gọn về một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên văn bản, nội dung văn bản, nhân vật yêu thích).

Nghe

- Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói. Đặt được câu hỏi về những gì chưa rõ khi nghe.
- Nghe một bài thơ hoặc bài hát, dựa vào gợi ý, nói một vài câu nêu cảm nhận của mình về bài thơ hoặc bài hát đó.
- Nghe câu chuyện, dựa vào gợi ý, nêu ý kiến về nhân vật chính hoặc một sự việc trong câu chuyện.

Nói nghe tương tác

- Biết trao đổi trong nhóm về các nhân vật trong một câu chuyện dựa vào gợi ý.
- Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề: chú ý lắng nghe người khác, đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói.

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 09:16 02/10/2024
bởi Đoàn Thị Minh Dự (th_nl_dudum) – Trường Tiểu học Ngõ Lảo

b) KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
1	Em lớn lên từng ngày	BÀI 1: TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2	4 tiết	GDDP: Vườn Quốc gia Cát Bà Dạy lồng ghép Hoạt động KĐ và Bài tập1 (Tiết 4/12) . Xem tranh ảnh, video về một số trường hợp bị đuối nước để giúp HS tránh được tai nạn có thể xảy ra.	
		Đọc: Tôi là học sinh lớp 2	2		
		Viết: Chữ hoa A	1		
		Nói và nghe: Những ngày hè của em	1		
		BÀI 2: NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI	6 tiết		
		Đọc: Ngày hôm qua đâu rồi?	2		
		Viết: Nghe -viết: Ngày hôm qua đâu rồi? Bảng chữ cái	1		
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ sự vật, HĐ. Câu giới thiệu	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn giới thiệu về bản thân	1	Ảnh, vật làm bằng sành, sứ và vật dùng điện giúp HS tránh làm rơi vỡ gây tai nạn và tránh bị điện giật.	
2	Em lớn lên từng ngày	Đọc mở rộng	1		
		BÀI 3: NIỀM VUI CỦA BI VÀ BÓNG	4 tiết	GDKNS: Kể chuyện nói về tình bạn là phải biết giúp đỡ bảo vệ nhau nhất là khi gặp hoạn nạn.	
		Đọc: Niềm vui của Bi và Bóng	2		
		Viết: Chữ hoa Ǻ, Ǻ	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Niềm vui của Bi và Bóng	1		
		BÀI 4: LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI	6 tiết		
		Đọc: Làm việc thật là vui	2		
		Viết: Nghe -viết: Làm việc thật là vui; Bảng chữ cái	1		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động. Câu nêu hoạt động	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể một việc làm ở nhà	1		
		Đọc mở rộng	1		
3	Em lớn lên từng ngày	BÀI 5: EM CÓ XINH KHÔNG ?	4 tiết		
		Đọc: Em có xinh không?	2		
		Viết: Chữ hoa B	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Em có xinh không?	1		
		BÀI 6: MỘT GIỜ HỌC	6 tiết		
		Đọc: Một giờ học	2	Tích hợp QCN :Giáo dục quyền được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục, quyền được tạo cơ hội, điều kiện để nỗ lực phát triển bản thân.	
		Viết: Nghe -viết: Một giờ học. Bảng chữ cái	1		
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể việc thường làm	1		
		Đọc mở rộng	1		
4	Em lớn lên từng ngày	BÀI 7: CÂY XẤU HỔ	4 tiết		
		Đọc: Cây xấu hổ	2	Xem tranh ảnh một số cây có gai giúp HS tránh bị thương tích do gai đâm.	
		Viết: Chữ hoa C	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Chú đồ con	1		
		BÀI 8: CẦU THỦ DỤ BỊ	6 tiết		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Đọc: Cầu thủ dự bị	2	Xem tranh, ảnh đá bóng dưới lòng đường giúp HS tránh gây tai nạn cho bản thân và người đi đường.	
		Viết: Nghe -viết: Cầu thủ dự bị. Viết hoa tên người	1		
		Luyện tập: MRVT về hoạt động trò chơi và vui chơi; Câu nêu hoạt động	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể về một hoạt động thể thao hoặc trò chơi	1		
		Đọc mở rộng	1		
5	Đi học vui sao	BÀI 9: CÔ GIÁO LỚP EM	4 tiết		
		Đọc: Cô giáo lớp em	2		
		Viết: Chữ hoa D	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Cậu bé ham học	1		
		BÀI 10: THỜI KHÓA BIỂU	6 tiết		
		Đọc: Thời khóa biểu	2		
		Viết: Nghe -viết: Thời khóa biểu Phân biệt: c/k, ch/tr	1		
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ sự vật, HĐ; Câu nêu hoạt động	1		
		Luyện tập: Viết thời gian biểu	1		
		Đọc mở rộng	1		
6	Đi học vui sao	BÀI 11: CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM	4 tiết		
		Đọc: Cái trống trường em	2		
		Viết: Chữ hoa Đ	1		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Nói và nghe: Ngôi trường của em	1	Tích hợp QCN : <i>Giáo dục quyền phát biểu ý kiến, thể hiện ước mong về ngôi trường thân yêu của mình,</i>	
		BÀI 12: DANH SÁCH HỌC SINH	6 tiết		
		Đọc: Danh sách học sinh	2		
		Viết: Nghe -viết: Cái trống trường em.Phân biệt: g/gh	1		
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ SV, đặc điểm; Câu nêu Đ Đ	1		
		Luyện tập: Lập danh sách học sinh (tổ)	1		
		Đọc mở rộng	1		
7	Đi học vui sao	BÀI 13: YÊU LẮM TRƯỜNG OI	4 tiết	Kể về truyền thống tốt đẹp của trường TH Ngũ Lão	
		Đọc: Yêu lắm trường ơi!	2		
		Viết: Chữ hoa E, Ê	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Bữa ăn trưa	1		
		BÀI 14: EM HỌC VẼ	6 tiết		
		Đọc: Em học vẽ	2		
		Viết: Nghe -viết: Em học vẽ. Phân biệt: ng/ngh, r/d/gi	1		
		Luyện tập: MRVT về chỉ đồ dùng học tập; Dấu chấm, dấu chấm hỏi	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn giới thiệu một đồ vật	1		
		Đọc mở rộng	1		
8		BÀI 15: CUỐN SÁCH CỦA EM	4 tiết		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Đi học vui sao	Đọc: Cuốn sách của em	2		
		Viết: Chữ hoa G	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Họa mi, vẹt và quạ	1		
		BÀI 16: KHI TRANG SÁCH MỞ RA	6 tiết		
		Đọc: Khi trang sách mở ra	2		
		Viết: Nghe -viết: Khi trang sách mở ra.Viết hoa tên người - Phân biệt: l/n, ăn/ăng, ân/âng	1		
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn tả đồ dùng học tập	1		
		Đọc mở rộng	1		
9	Ôn tập giữa học kỳ I	ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1	10 tiết		
		Ôn tập tiết (1+2)	2		
		Ôn tập tiết (3+4)	2		
		Ôn tập tiết (5+6)	2		
		Ôn tập tiết (7+8)	2		
		Ôn tập tiết (9+10)	2		
10	Niềm vui tuổi thơ	BÀI 17: GỌI BẠN	4 tiết	Lồng ghép GDKNS: Kể chuyện nói về tình bạn là phải biết giúp đỡ, bảo vệ nhau nhất là khi gặp hoạn nạn.	
		Đọc: Gọi bạn	2		
		Viết: Chữ hoa H	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Gọi bạn	1		
		BÀI 18: TỚ NHỚ CẬU	6 tiết		
		Đọc: Tớ nhớ cậu	2		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Viết: Nghe -viết: Tớ nhớ cậu. Phân biệt: c/k, iêu/ ươu	1		
		Luyện tập: MRVT về tình cảm bạn bè. Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể về một hoạt động em tham gia cùng bạn	1		
		Đọc mở rộng	1		
11	Niềm vui tuổi thơ	BÀI 19: CHỮ A VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN	4 tiết		
		Đọc: Chữ A và những người bạn	2		
		Viết: Chữ hoa J, K	1		
		Nói và nghe: Niềm vui của em	1		
		BÀI 20: NHÍM NÂU KẾT BẠN	6 tiết		
		Đọc: Nhím nâu kết bạn	2		
		Viết: Nghe -viết: Nhím nâu kết bạn.Phân biệt: g/gh	1		
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ về đặc điểm, HĐ. Câu nêu HĐ	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể về một giờ gia chơi	1	Tích hợp QCN: <i>Giáo dục quyền được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí.</i>	
		Đọc mở rộng	1		
12	Niềm vui tuổi thơ	BÀI 21: THẢ ĐIỀU	4 tiết	Tích hợp QCN: <i>Giáo dục quyền</i>	
		Đọc: Thả điều	2		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Viết: Chữ hoa L	1	<i>quyền được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí.</i>	
		Nói và nghe: Kể chuyện Chúng mình là bạn	1	GD ĐP HP: CĐ1: Trò chơi dân gian trong lễ hội: Lồng ghép vào HĐKD/94. Hình ảnh thả diều của các bạn nhỏ giúp HS không thả diều những nơi không an toàn: bờ đê, bờ sông, mái nhà, sân thượng, nơi có đường điện... tránh tai nạn thương tích. (Tiết 2)	
		BÀI 22: TỚ LÀ LÊ – GÔ	6 tiết		
		Đọc: Tớ là lê – gô	2	Tích hợp QCN : <i>Tích hợp giáo dục quyền được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí.</i>	
		Viết: Nghe -viết: Đồ chơi yêu thích.Phân biệt: ng/ngh; ch/tr	1		
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm; Câu nêu đặc điểm	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn giới thiệu một đồ chơi	1		
		Đọc mở rộng	1		
13	Niềm vui tuổi thơ	BÀI 23: RỒNG RẦN LÊN MÂY	4 tiết		
		Đọc: Rồng rần lên mây	2	Tích hợp QCN: <i>quyền được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí.</i>	
		Viết: Chữ hoa M	1	GD ĐP HP: CĐ1: Trò chơi dân gian trong lễ hội: Lồng ghép vào HĐKD/101	

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
14		Nói và nghe: Kể chuyện Búp bê biết khóc	1	GD ĐP HP: CĐ1: Trò chơi dân gian trong lễ hội: Lồng ghép vào HĐKD/104 Video, hình ảnh nặn đồ chơi bằng đất nặn giúp HS chơi an toàn: không bôi bẩn, không cho đất nặn vào miệng, vào lỗ mũi, lỗ tai.(Tiết 2)	
		BÀI 24: NẶN ĐỒ CHƠI	6 tiết		
		Đọc: Nặn đồ chơi	2		
		Viết: Nghe -viết: Nặn đồ chơi. Phân biệt: d/gi, s/x	1		
		Luyện tập: MRVT về đồ chơi; Dấu phẩy	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn tả đồ chơi	1		
		Đọc mở rộng	1		
	Mái ấm gia đình	BÀI 25: SỰ TÍCH HOA TỬ MUỘI	4 tiết	Tích hợp QCN: <i>Tích hợp giáo dục quyền được thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, quyền vui chơi, giải trí lành mạnh...</i>	
		Đọc: Sự tích hoa tử muội	2		
		Viết: Chữ hoa N	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Hai anh em	1		
		BÀI 26: EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG	6 tiết		
		Đọc: Em mang về yêu thương	2		
		Viết: Nghe -viết: Em mang về yêu thương.	1		
		Luyện tập: MRVT về gia đình, từ ngữ chỉ đặc điểm; câu nêu đặc điểm	1		
		Luyện tập: Viết ĐV kể 1 việc ng thân đã làm cho em	1		
		Đọc mở rộng	1		
15		BÀI 27: MẸ	4 tiết		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Mái ấm gia đình	Đọc: Mẹ	2	Tích hợp QCN : <i>Tích hợp giáo dục quyền được thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, quyền vui chơi, giải trí lành mạnh...</i>	
		Viết: Chữ hoa O	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Sự tích cây vú sữa	1		
		BÀI 28: TRÒ CHƠI CỦA BỐ	6 tiết		
		Đọc: Trò chơi của bố	2	Tích hợp QCN: <i>Tích hợp giáo dục quyền được thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, quyền vui chơi, giải trí lành mạnh...</i> GD ĐP HP: CD1: Trò chơi dân gian trong lễ hội: Lồng ghép vào HĐ TLCH/120	
		Viết: Nghe -viết: Trò chơi của bố. Viết hoa tên riêng ...	1		
		Luyện tập: MRVT về tình cảm gia đình; Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than	1		
		Luyện tập: Viết ĐV thể hiện tình cảm đối với người thân	1		
		Đọc mở rộng	1		
16	Mái ấm gia đình	BÀI 29: CÁNH CỬA NHỚ BÀ	4 tiết		
		Đọc: Cánh cửa nhớ bà	2	Tích hợp QCN : <i>Tích hợp giáo dục Quyền được thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc</i>	
		Viết: Chữ hoa Ô, Ơ	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Bà cháu	1		
		BÀI 30: THƯƠNG ÔNG	6 tiết		
		Đọc: Thương ông	2		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Viết: Nghe -viết: Thương ông. Phân biệt: ch/tr, at/ac	1		
		Luyện tập: Từ chỉ SV, hoạt động; Câu nêu hoạt động	1		
		Luyện tập: Viết ĐV kể việc đã làm cùng người thân	1		
		Đọc mở rộng	1		
17	Mái ấm gia đình	BÀI 31: ÁNH SÁNG CỦA YÊU THƯƠNG	4 tiết		
		Đọc: Ánh sáng của yêu thương	2		
		Viết: Chữ hoa P	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Ánh sáng của yêu thương	1		
		BÀI 32: CHƠI CHONG CHÓNG	6 tiết		
		Đọc: Chơi chong chóng	2	Video, hình ảnh chơi chong chóng giúp HS chơi an toàn: Không chạy chơi dưới lòng đường, trên mái nhà tránh tai nạn thương tích. GD ĐP HP: CĐ1: Trò chơi dân gian trong lễ hội: Lồng ghép vào HĐ KĐ/133 (Tiết 1,2)	
		Viết: Nghe -viết: Chơi chong chóng.Phân biệt: iu/uru...	1		
		Luyện tập: MRVT về tình cảm gia đình; Dấu phẩy	1		
		Luyện tập: Viết tin nhắn	1		
		Đọc mở rộng	1		
18		ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ	10 tiết		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Ôn tập và đánh giá cuối học kì I	Ôn tập tiết (1+2)	2		
		Ôn tập tiết (3+4)	2		
		Ôn tập tiết (5+6)	2		
		Ôn tập tiết (7)	1		
		Ôn tập tiết (8)	1		
		Ôn tập và kiểm tra (9+10)	2		
19	Vẽ đẹp quanh em	BÀI 1: CHUYỆN BỐN MÙA	4 tiết		
		Đọc: Chuyện bốn mùa	2		
		Viết: Chữ hoa Q	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Chuyện bốn mùa	1		
		BÀI 2: MÙA NƯỚC NỔI	6 tiết		
		Đọc: Mùa nước nổi	2	Mọi học sinh phải tập bơi và biết bơi. Cho Hs xem tranh ảnh, video về một số vụ việc đuối nước để giúp các em tránh được tai nạn có thể xảy ra. Giáo dục kỹ năng sống về phòng tai nạn đuối nước. (Tiết 1,2)	
		Viết: Nghe -viết: Mùa nước nổi. Phân biệt: c/k, ch/tr	1		
		Luyện tập: MRVT về các mùa; Dấu chấm, dấu chấm hỏi	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn tả một đồ vật	1		
		Đọc mở rộng	1		
20	Vẽ đẹp quanh em	BÀI 3: HỌA MI HÓT	4 tiết		
		Đọc: Họa mi hót	2		
		Viết: Chữ hoa R	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Hồ nước và mây	1		
		BÀI 4: TẾT ĐẾN RỒI	6 tiết		
		Đọc: Tết đến rồi	2	Ảnh một số hoạt động trong dịp Tết, giáo dục Hs đi lại an toàn khi tham gia giao thông. (Tiết 1,2)	
		Viết: Nghe -viết: Tết đến rồi. Phân biệt: g/gh, s/x...	1		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Luyện tập: MRVT về ngày Tết; Dấu chấm, dấu chấm hỏi	1	GD lồng ghép chủ đề: ngày Tết quê em HĐKD và HĐ TLCH/ 19, 20.	
		Luyện tập: Viết thiệp chúc Tết	1		
		Đọc mở rộng	1		
21	Vẽ đẹp quanh em	BÀI 5: GIỌT NƯỚC VÀ BIỂN LỚN	4 tiết		
		Đọc: Giọt nước và biển lớn	2		
		Viết: Chữ hoa S	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Chiếc đèn lồng	1		
		BÀI 6: MÙA VÀNG	6 tiết		
		Đọc: Mùa vàng	2		
		Viết: Nghe -viết: Mùa vàng PB: ng/ngh, r/d/gi, ưc/ưt	1		
		Luyện tập: MRVT về cây cối	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể về việc chăm sóc cây cối	1	Xem tranh ảnh, quan sát hình ảnh minh họa về việc chăm sóc cây, nhắc nhở Hs không nô đùa, nghịch ngợm khi cầm các dụng cụ để tránh xảy ra tai nạn thương tích.	
22	Vẽ đẹp quanh em	Đọc mở rộng	1		
		BÀI 7: HẠT THÓC	4 tiết		
		Đọc: Hạt thóc	2		
		Viết: Chữ hoa T	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Sự tích cây khoai lang	1		
		BÀI 8: LŨY TRE	6 tiết		
		Đọc: Lũy tre	2		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Viết: Nghe -viết: Lũy tre . Phân biệt: uynh/uych, l/n, iê/iêc	1		
		LT: MRVT về thiên nhiên; Câu nêu đặc điểm	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia	1		
		Đọc mở rộng	1		
23	Hành tinh xanh của em	BÀI 9: VỀ CHIM	4 tiết		
		Đọc: Về chim	2		
		Viết: Chữ hoa U,Ư	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Cảm ơn họa mi	1		
		BÀI 10: KHỦNG LONG	6 tiết		
		Đọc: Khủng long	2		
		Viết: Nghe -viết: Khủng long PB: uya/uyu, iêu/ươu..	1		
		Luyện tập: MRVT về muông thú; Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than	1		
		LT: Viết ĐV giới thiệu tranh ảnh về một con vật	1		
		Đọc mở rộng	1		
24	Hành tinh xanh của em	BÀI 11: SỰ TÍCH CÂY THÌ LÀ	4 tiết		
		Đọc: Sự tích cây thì là	2		
		Viết: Chữ hoa V	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Sự tích cây thì là	1		
		BÀI 12: BỜ TRE ĐÓN KHÁCH	6 tiết		
		Đọc: Bờ tre đón khách	2		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Viết: Nghe -viết: Bờ tre đón khách Phân biệt: d/gi, iu.uru, ươc/ươt	1		
		Luyện tập: MRVT về vật nuôi; Câu nêu đặc điểm của các loài vật	1	Hình ảnh một số con vật nuôi trong gia đình. Giáo dục Hs không trêu chọc vật nuôi tránh bị chúng cắn thương tích.	
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể về hoạt động của con vật	1		
		Đọc mở rộng	1		
25	Hành tinh xanh của em	BÀI 13: TIẾNG CHỞI TRE	4 tiết		
		Đọc: Tiếng chổi tre	2		
		Viết: Chữ hoa X	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Hạt giống nhỏ	1		
		BÀI 14: CỎ NON CƯỜI RỒI	6 tiết		
		Đọc: Cỏ non cười rồi	2		
		Viết: Nghe -viết: Cỏ non cười rồi .Phân biệt: ng/ngh, tr/ch, êt/êch	1		
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ bảo vệ môi trường. Dấu phẩy	1	Từ những hình ảnh minh họa trong SGK hoặc ảnh sưu tầm về các hoạt động bảo vệ môi trường, đưa ra những tác hại nguy hiểm khi trèo cây, thu gom rác thải ở ao, hồ, sông suối, ...	
		Luyện tập: Viết xin lỗi	1		
		Đọc mở rộng	1		
26	Hành tinh xanh của em	BÀI 15: NHỮNG CON SAO BIỂN	4 tiết	Tích hợp QCN : <i>Tích hợp giáo dục ý thức trách nhiệm với môi trường, quyền được bảo vệ khỏi những tác hại của ô nhiễm môi trường.</i>	
		Đọc: Những con sao biển	2		
		Viết: Chữ hoa Y	1		
		Nói và nghe: Bảo vệ môi trường	1		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
				Giáo dục bảo vệ môi trường	
		BÀI 16: TẠM BIỆT CÁCH CAM	6 tiết	Tích hợp với TNXH bài 9: Giữ vệ sinh trường học vào HĐ2(Tiết 5)	
		Độc: Tạm biệt cánh cam	2		
		Viết: Nghe -viết: Tạm biệt cánh cam Phân biệt:: oanh/oach, s/x...	1		
		Luyện tập: MRVT về các loài vật nhỏ bé; Dấu chấm, dấu chấm hỏi	1		
		LT: Viết đoạn văn kể về việc làm bảo vệ môi trường	1		
		Độc mở rộng	1		
27	Ôn tập giữa kì II	ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2	10 tiết		
28	Giao tiếp và kết nối	BÀI 17: NHỮNG CÁCH CHÀO ĐỘC ĐÁO	4 tiết		
		Độc: Những cách chào độc đáo	2		
		Viết: Chữ hoa A (kiểu 2)	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Lớp học viết thư	1		
		BÀI 18: THƯ VIỆN BIẾT ĐI	6 tiết		
		Độc: Thư viện biết đi	2		
		Viết: Nghe -viết: Thư viện biết đi PB: d/gi, ch/tr, dấu hỏi/dấu ngã	1		
		Luyện tập: Luyện tập sử dụng dấu câu: dấu chấm, dấu chấm than, dấu phẩy	1		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Luyện tập: Viết đoạn văn giới thiệu một đồ dùng học tập	1		
		Đọc mở rộng	1		
		BÀI 19: CẢM ƠN ANH HÀ MÃ	4 tiết		
		Đọc: Cảm ơn anh hà mã	2		
		Viết: Chữ hoa M (kiểu 2)	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Cảm ơn anh hà mã	1		
		BÀI 20: TỪ CHÚ BỒ CÂU ĐẾN IN-TƠ-NET	6 tiết		
		Đọc: Từ chú bồ câu đến in-tơ-nét	2		
		Viết: Nghe -viết: Từ chú bồ câu đến in-tơ-nét. Phân biệt: eo/oe, l/n, ên/ênh	1		
		Luyện tập: MRVT về giao tiếp kết nối; Dấu chấm, dấu phẩy	1		
		LT: Viết đoạn văn tả một đồ dùng trong gia đình	1		
		Đọc mở rộng	1		
29	Giao tiếp và kết nối	BÀI 21: MAI AN TIÊM	4 tiết		
		Đọc: Mai An Tiêm	2		
		Viết: Chữ hoa N (kiểu 2)	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Mai An Tiêm	1		
		BÀI 22: THƯ GỬI BỐ NGOÀI ĐẢO	6 tiết		
		Đọc: Thư gửi bố ngoài đảo	2	GD, lồng ghép về biển đảo HP: DL Đồ Sơn, Cát Bà.	
		Viết: Nghe -viết: Thư gửi bố ngoài đảo. Phân biệt: d/gi, s/x, ip/iêp	1		
30	Con người V.Nam				

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Luyện tập: MRVT nghề nghiệp	1		
		Luyện tập: Viết lời cảm ơn các chú bộ đội hải quân	1		
		Đọc mở rộng	1		
31	Con người Việt Nam	BÀI 23: BÓP NÁT QUẢ CAM	4 tiết		
		Đọc: Bóp nát quả cam	2	GD ĐP HP CD4: Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh: HĐ: TLCH/111; GD tình yêu quê hương đất nước. Tích hợp QCN: Điều 16: Quyền được giáo dục học tập và phát triển năng khiếu	
		Viết: Chữ hoa Q (kiểu 2)	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Bóp nát quả cam	1		
		BÀI 24: CHIẾC RỄ ĐÀ TRÒN	6 tiết		
		Đọc: Chiếc rễ đa tròn	2		
		Viết: Nghe -viết: Chiếc rễ đa tròn. Viết hoa tên riêng người ...	1		
		Luyện tập: MRVT về Bác Hồ và nhân dân	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể về một sự việc	1		
		Đọc mở rộng	1	ANQP: Kể chuyện sự chịu đựng gian khổ của Bác Hồ và các chú bộ đội trong kháng chiến. Tích hợp tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.	
32	Việt Nam quê hương em	BÀI 25: ĐẤT NƯỚC CHÚNG MÌNH	4 tiết		
		Đọc: Đất nước chúng mình	2		
		Viết: Chữ hoa V (kiểu 2)	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Thánh Gióng	1		
		BÀI 26: TRÊN CÁC MIỀN ĐẤT NƯỚC	6 tiết		
		Đọc: Trên các miền đất nước	2		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Viết: Nghe-viết: Trên các miền đất nước; Viết hoa tên địa lí ...	1		
		Luyện tập: MRVT về sản phẩm các miền đất nước; Câu giới thiệu	1		
		Luyện tập: Viết ĐV giới thiệu một sản phẩm được làm từ tre hoặc gỗ	1		
		Đọc mở rộng	1		
33	Việt Nam quê hương em	BÀI 27: CHUYỆN QUẢ BẦU	4 tiết	ANQP: Kể chuyện về sự đoàn kết giữa các dân tộc anh em làm nên sức mạnh to lớn để chiến thắng kẻ thù xâm lược.	
		Đọc: Chuyện quả bầu	2		
		Viết: Chữ hoa A, M, N (kiểu 2)	1		
		Nói và nghe: Kể chuyện Chuyện quả bầu	1		
		BÀI 28: KHÁM PHÁ ĐÁY BIỂN Ở TRƯỜNG SA	6 tiết	ANQP: GD HS có ý thức chủ quyền biển đảo. Bảo vệ môi trường biển để cải thiện khí hậu giảm thiểu thiên tai. (Tiết 1,2)	
		Đọc: Khám phá đáy biển ở Trường Sa	2		
		Viết: Nghe -viết: Khám phá đáy biển ở Trường Sa Phân biệt: it/uyt	1		
		Luyện tập: MRVT về các loài vật dưới biển; Dấu chấm, dấu phẩy	1		
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể s về một buổi đi chơi	1		
		Đọc mở rộng	1		
34	Việt Nam quê hương em	BÀI 29: HỒ GƯƠM	4 tiết		
		Đọc: Hồ Gươm	2		
		Viết: Chữ hoa Q,V (kiểu 2)	1		
		Nói và nghe: Nói về quê hương, đất nước em	1	Tích hợp QCN : <i>Tích hợp giáo dục quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát</i>	

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
				<i>huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình</i>	
		BÀI 30: CÁNH ĐỒNG QUÊ EM	6 tiết		
		Đọc: Cánh đồng quê em	2		
		Viết: Nghe-v: Cánh đồng quê em. Viết hoa tên địa lí	1		
		Luyện tập: MRVT: Nghề nghiệp,	1		
		LT: Viết đoạn văn kể công việc của một người	1		
		Đọc mở rộng	1		
35	Ôn tập và đánh giá cuối kì II	ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II	10 tiết		
		Ôn tập (Tiết 1)	1		
		Ôn tập (Tiết 2)	1		
		Ôn tập (Tiết 3)	1		
		Ôn tập (Tiết 4)	1		
		Ôn tập (Tiết 5)	1		
		Ôn tập (Tiết 6)	1		
		Ôn tập (Tiết 7)	1		
		Ôn tập (Tiết 8)	1		
		Kiểm tra, đánh giá	2		

2. MÔN TOÁN

a) Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH	
<i>Số tự nhiên</i>	

Số tự nhiên	<i>Số và cấu tạo thập phân của một số</i>	- Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 1000. - Nhận biết được số tròn trăm. - Nhận biết được số liền trước, số liền sau của một số. - Thực hiện được việc viết số thành tổng của trăm, chục, đơn vị. - Nhận biết được tia số và viết được số thích hợp trên tia số.
	<i>Sự so sánh các số</i>	- Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 1000. - Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 1000). - Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 1000).
	<i>Ước lượng số đồ vật</i>	- Làm quen với việc ước lượng số đồ vật theo các nhóm 1 chục.
Các phép tính với số tự nhiên	<i>Phép cộng, phép trừ</i>	- Nhận biết được các thành phần của phép cộng, phép trừ. - Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ, có nhớ không quá một lượt) các số trong phạm vi 1000. - Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).
	<i>Phép nhân, phép chia</i>	- Nhận biết được ý nghĩa của phép nhân, phép chia. - Nhận biết được các thành phần của phép nhân, phép chia. - Vận dụng được bảng nhân 2 và bảng nhân 5 trong thực hành tính. - Vận dụng được bảng chia 2 và bảng chia 5 trong thực hành tính.
	<i>Tính nhẩm</i>	- Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 20. - Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm trong phạm vi 1000.
	<i>Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép ...</i>	- Nhận biết ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ, nhân, chia) thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn. - Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có một bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tế của phép tính (ví dụ: bài toán về thêm, bớt một số đơn vị; bài toán về nhiều hơn, ít hơn một ô đơn vị).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG	
<i>Hình học trực quan</i>	

Hình phẳng và hình khối	<i>Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản</i>	- Nhận biết được điểm, đoạn thẳng, đường cong, đường thẳng, đường gấp khúc, ba điểm thẳng hàng thông qua hình ảnh trực quan. - Nhận dạng được hình tứ giác thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật. - Nhận dạng được khối trụ, khối cầu thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.
	<i>Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học</i>	- Thực hiện được việc vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước. - Nhận biết và thực hiện được việc gấp, cắt, ghép, xếp và tạo hình gắn với việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến hình phẳng và hình khối đã học.
Đo lường		
Đo lường	<i>Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng</i>	- Nhận biết được về “nặng hơn”, “nhẹ hơn”. - Nhận biết được đơn vị đo khối lượng: <i>kg</i> (ki-lô-gam); đọc và viết được số đo khối lượng trong phạm vi 1000<i>kg</i>. - Nhận biết được đơn vị đo dung tích: <i>l</i> (lít); đọc và viết được số đo dung

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		tích trong phạm vi 1000 lít. - Nhận biết được các đơn vị đo độ dài <i>dm</i> (đề-xi-mét), <i>m</i> (mét), <i>km</i> (ki-lô-mét) và quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài đã học. - Nhận biết được một ngày có 24 giờ; một giờ có 60 phút.

		- Nhận biết được số ngày trong tháng, ngày trong tháng (ví dụ: tháng Ba có 31 ngày; sinh nhật Bác Hồ là ngày 19 tháng 5). - Nhận biết được tiền Việt Nam thông qua hình ảnh một số tờ tiền.
	<i>Thực hành đo đại lượng</i>	- Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng (một số loại cân thông dụng, thước thẳng có chia vạch đến xăng-ti-mét,...) để thực hành cân, đo, đong, đếm. - Đọc được giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6.
	<i>Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng</i>	- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài, khối lượng, dung tích đã học. - Thực hiện được việc ước lượng các số đo trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: cột cờ trường em cao khoảng 6m, cửa ra vào của lớp học cao khoảng 2m,...). - Tính được độ dài đường gấp khúc khi biết độ dài các cạnh. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường các đại lượng đã học.
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
<i>Một số yếu tố thống kê</i>		
Một số yếu tố thống kê	<i>Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu</i>	Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm các đối tượng thống kê (trong một số tình huống đơn giản).
	<i>Đọc biểu đồ tranh</i>	Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ tranh.
	<i>Nhận xét về các số liệu trên biểu đồ tranh</i>	Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh.

Một số yếu tố xác suất		
Một số yếu tố xác suất	<i>Làm quen với các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện</i>	Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể, thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi, hoặc xuất phát từ thực tiễn.
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM		
Nhà trường tổ chức cho học sinh một số hoạt động sau và có thể bổ sung các hoạt động khác tùy vào điều kiện cụ thể. <i>Hoạt động 1:</i> Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn, chẳng hạn: - Thực hành tính toán, đo lường và ước lượng độ dài, khối lượng, dung tích một số đồ vật trong thực tiễn; thực hành đọc giờ trên đồng hồ, xem lịch; thực hành sắp xếp thời gian biểu học tập và sinh hoạt của cá nhân hằng ngày, trong tuần,... - Thực hành thu thập, phân loại, ghi chép, kiểm đếm một số đối tượng thống kê trong trường, lớp. <i>Hoạt động 2:</i> Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khóa (ví dụ: trò chơi học toán hoặc các hoạt động “Học vui – Vui học”,...) liên quan đến ôn tập, củng cố các kiến thức cơ bản.		

b) Kế hoạch môn học

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
1	Chủ đề 1: Ôn tập và bổ sung	Bài 1: Ôn tập các số đến 100	3 tiết		
		Luyện tập	1		
		Luyện tập	2		
		Luyện tập	3		
		Bài 2: Tia số. Số liền trước, số liền sau	2 tiết	Stem: Tia số của em	

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
2		Tia số. Số liền trước, số liền sau	4		
		Luyện tập	5		
		Bài 3: Các thành phần của phép cộng, phép trừ.	3 tiết		
		Số hạng, tổng	6		
		Số bị trừ, số trừ, hiệu	7		
		Luyện tập	8		
		Bài 4: Hơn kém nhau bao nhiêu	2 tiết		
		Hơn, kém nhau bao nhiêu	9		
		Luyện tập	10		
		Bài 5: Ôn tập phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100	3 tiết		
3		Luyện tập	11		
		Luyện tập	12		
		Luyện tập	13		
		Bài 6: Luyện tập chung	2 tiết		
		Luyện tập	14		
		Luyện tập	15		
		Bài 7: Phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20	5 tiết		
4	Chủ đề 2: Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20	Phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20	16		
		Luyện tập	17		
		Luyện tập	18		
		Luyện tập	19	Stem: Thanh cộng trong pv 20	
		Luyện tập	20		
5		Bài 8: Bảng cộng (qua 10)	2 tiết		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
6		Bảng cộng (qua 10)	21		
		Luyện tập	22		
		Bài 9: Bài toán về thêm, bớt một số đơn vị	3 tiết		
		Giải bài toán về thêm một số đơn vị	23		
		Giải bài toán về bớt một số đơn vị	24		
		Bài 10: Luyện tập chung	2 tiết		
		Luyện tập	25		
		Luyện tập	26		
		Bài 11: Phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.	5 tiết		
		Phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20	27		
		Luyện tập	28		
		Luyện tập	29		
		Luyện tập	30		
		Luyện tập	31		
7		Bài 12: Bảng trừ (qua 10)	2 tiết		
		Bảng trừ (qua 10)	32		
		Luyện tập	33		
		Bài 13: Bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị	3 tiết		
		Giải bài toán về nhiều hơn một số đơn vị	34		
		Giải bài toán về ít hơn một số đơn vị	35		
8		Bài 14: Luyện tập chung	3 tiết		
		Luyện tập	36		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
9	Chủ đề 3: Làm quen với khối lượng, dung tích	Luyện tập	37		
		Luyện tập	38		
		Bài 15: Ki - lô- gam	3 tiết		
		Nặng hơn, nhẹ hơn	39		
		Ki - lô – gam	40		
		Luyện Tập	41		
		Bài 16: Lít	2 tiết		
		Lít	42		
		Luyện tập	43		
		Bài 17: Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị Ki - lô - gam, Lít	2 tiết		
		Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị ki- lô-gam, lít	44		
		Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị ki- lô-gam, lít (tiếp theo)	45		
		Bài 18: Luyện tập chung	1 tiết		
		Luyện tập	46		
10	Chủ đề 4: Phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100	Bài 19: Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số	3 tiết		
		Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số	47		
		Luyện tập	48		
		Luyện tập	49		
		Bài 20: Phép cộng (có nhớ) số có 2 chữ số với số có 2 chữ số	4 tiết		
11		Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số	50		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
12		Luyện tập	51		
		Luyện tập	52		
		Luyện tập	53		
		Bài 21: Luyện tập chung	2 tiết		
		Luyện tập	54		
		Luyện tập	55		
		Bài 22: Phép trừ (có nhớ) số có 2 chữ số với số có 1 chữ số	4 tiết		
		Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số	56		
		Luyện tập	57		
		Luyện tập	58		
		Luyện tập	59		
		Bài 23: Phép trừ (có nhớ) số có 2 chữ số với số có 2 chữ số	5 tiết		
13		Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số	60		
		Luyện tập	61		
		Luyện tập	62		
		Luyện tập	63		
		Luyện tập	64		
		Bài 24: Luyện tập chung	2 tiết		
14	Chủ đề 5: Làm quen	Luyện tập	65		
		Luyện tập	66		
14	Chủ đề 5: Làm quen	Bài 25: Điểm, đoạn thẳng, đường thẳng, đường cong, ba điểm thẳng hàng	2 tiết		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú	
	với hình phẳng	Điểm, đoạn thẳng	67			
		Đường thẳng, đường cong, ba điểm thẳng hàng	68			
		Bài 26: Đường gấp khúc. Hình tứ giác	2 tiết			
		Đường gấp khúc. Hình tứ giác	69			
		Luyện tập	70			
15		Bài 27: Thực hành gấp, cắt, ghép, xếp hình. Vẽ đoạn thẳng	2 tiết			
		Thực hành gấp, cắt, ghép, xếp hình	71			
		Vẽ đoạn thẳng	72			
		Bài 28: Luyện tập chung	1tiết			
		Luyện tập	73			
		Bài 29: Ngày - giờ, giờ - phút	2 tiết			
		Ngày - giờ, giờ - phút	74			
		Xem đồng hồ	75			
		Bài 30: Ngày – tháng	2 tiết			
		Ngày – tháng	76			
16	Chủ đề 6: Ngày – Giờ, Giờ - Phút, Ngày- Tháng	Luyện tập	Tiết 77			
		Bài 31: Thực hành và trải nghiệm xem đồng hồ, xem lịch	2 tiết	Stem:Lịch để bàn tiện ích		
		Thực hành và trải nghiệm xem đồng hồ	78			
		Thực hành và trải nghiệm xem lịch	79			
		Bài 32: Luyện tập chung	1 tiết			
		Luyện tập	80			
		17		Bài 33: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20, 100	3 tiết	

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
18	Chủ đề 7: Ôn tập học kì I	Luyện tập - Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20	81		
		Luyện tập	82		
		Luyện tập - Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100	83		
		Bài 34: Ôn tập hình phẳng	2 tiết		
		Luyện tập	84		
		Luyện tập	85		
		Bài 35: Ôn tập đo lường	2 tiết		
		Luyện tập	86		
		Luyện tập	87		
		Bài 36: Ôn tập chung	2 tiết		
		Luyện tập	88		
		Luyện tập	89		
		KTĐK cuối kỳ I	90		
19	Chủ đề 8: Phép nhân, phép chia	Bài 37: Phép nhân	2 tiết		
		Phép nhân	91		
		Luyện tập	92		
		Bài 38: Thừa số, tích	2 tiết		
		Thừa số, tích	93		
		Luyện tập	94		
		Bài 39: Bảng nhân 2	2 tiết		
		Bảng nhân 2	95		
20		Luyện tập	96		
		Bài 40: Bảng nhân 5	2 tiết		
		Bảng nhân 5	97		
	Luyện tập	98			

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
21		Bài 41: Phép chia	2 tiết		
		Phép chia	99		
		Luyện tập	100		
		Bài 42: Số bị chia, số chia, thương	2 tiết		
		Số bị chia, số chia, thương	101		
		Luyện tập	102		
		Bài 43: Bảng chia 2	2 tiết		
		Bảng chia 2	103		
		Luyện tập	104		
		Bài 44: Bảng chia 5	2 tiết		
		Bảng chia 5	105		
		Luyện tập	106		
22		Bài 45: Luyện tập chung	5 tiết		
		Luyện tập	107		
		Luyện tập	108		
		Luyện tập	109		
		Luyện tập	110		
		Luyện tập	111		
23	Chủ đề 9: làm quen với hình khối	Bài 46: Khối trụ, khối cầu	2 tiết		
		Khối trụ, khối cầu	112		
		Luyện tập	113		
		Bài 47: Luyện tập chung	2 tiết	Stem: Trải nghiệm thành phố hình học	
		Luyện tập	114		
24	Chủ đề 10: Các số	Bài 48: Đơn vị, chục, trăm, nghìn	2 tiết		
		Đơn vị, chục, trăm, nghìn	116		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú	
25	trong phạm vi 1000	Luyện tập	117			
		Bài 49: Các số tròn trăm, tròn chục	2 tiết			
		Các số tròn trăm	118			
		Các số tròn chục	119			
		Bài 50: So sánh các số tròn trăm, tròn chục	2 tiết			
		So sánh các số tròn trăm, tròn chục	120			
		Luyện tập	121			
		Bài 51: Số có ba chữ số	3 tiết			
		Số có ba chữ số	122			
		Luyện tập	123			
		Luyện tập	124			
		Bài 52: Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị	2 tiết			
		Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị	125			
		Luyện tập	126			
		Bài 53: So sánh các số có ba chữ số	2 tiết			
		So sánh các số có ba chữ số	127			
		Luyện tập	128			
26	Bài 54: Luyện tập chung	2 tiết				
	Luyện tập	129				
	Luyện tập	130				
	27	Chủ đề 11: Độ dài và đơn vị đo độ dài.	Bài 55: Đề - xi - mét. Mét. Ki-lô-mét	3 tiết	GDĐP HP CD 2: Trò chơi dân gian trong lễ hội ở Hải Phòng (Nhảy dây)	Thay thế bằng bài học
			Đề-xi-mét. Mét	131		
Luyện tập			132			
Ki-lô-mét			133			

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú	
28	Tiền Việt Nam				STEM: Thước gấp	
		Bài 56: Giới thiệu Tiền Việt Nam	1 tiết	GDDP HP CĐ 3: Một số đặc sản Hải Phòng (mua bán đặc sản HP sử dụng tiền)		
		Giới thiệu tiền Việt Nam	134			
		Bài 57: Thực hành và trải nghiệm đo độ dài	2 tiết			
		Hoạt động	135			
	Hoạt động	136				
	Bài 58: Luyện tập chung	2 tiết				
	Luyện tập	137				
	Luyện tập	138				
	Chủ đề 12: Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000	Bài 59: Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000	2 tiết			
		Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000	139			
		Luyện tập	140			
		Bài 60: Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000	3 tiết			
		Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000	141			
	29	Chủ đề 12: Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000	Luyện tập	142		
			Luyện tập	143		
Bài 61: Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000			3 tiết			
Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000			144			
Luyện tập			145			

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
30		Luyện tập	146		
		Bài 62: Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000	4 tiết		
		Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000	147		
		Luyện tập	148		
		Luyện tập	149		
		Luyện tập	150		
31		Bài 63: Luyện tập chung	2 tiết		
		Luyện tập	151		
		Luyện tập	152		
		Bài 64: Thu thập, phân loại, kiểm đếm số liệu	1 tiết		
		Thu thập, phân loại, kiểm đếm số liệu	153		
		Bài 65: Biểu đồ tranh	2 tiết		
	Biểu đồ tranh	154		Thay thế bằng bài học STEM: Biểu đồ tranh	
	Luyện tập	155			
	32	Bài 66: Chắc chắn, có thể, không thể	1 tiết		
Chắc chắn, có thể, không thể		156			
Bài 67: Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân loại, kiểm đếm số liệu		1 tiết			

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân loại, kiểm đếm số liệu	157		
		Bài 68: Ôn tập các số trong phạm vi 1000	2 tiết		
		Luyện tập	158		
		Luyện tập	159		
		Bài 69: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100	3 tiết		
33	Chủ đề 14: Ôn tập cuối năm	Luyện tập	160		
		Luyện tập	161		
		Luyện tập	162		
		Bài 70: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000	3 tiết		
		Luyện tập	163		
		Luyện tập	164		
		Luyện tập	165		
		Bài 71: Ôn tập phép nhân, phép chia	3 tiết		
		Luyện tập	166		
		Luyện tập	167		
34		Luyện tập	168		
		Bài 72: Ôn tập hình học	2 tiết		
		Luyện tập	169		
		Luyện tập	170		
		Bài 73: Ôn tập đo lường	2 tiết		
35		Luyện tập	171		
		Luyện tập	172		

STT	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Bài 74: Ôn tập kiểm đếm số liệu và lựa chọn khả năng	1 tiết		
		Luyện tập	173		
		Bài 75: Ôn tập chung	2 tiết		
		Luyện tập	174		
		Luyện tập	175		
		KTĐK cuối kỳ II			

3. MÔN ĐẠO ĐỨC

a) Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Quê hương em	- Nêu được địa chỉ của quê hương. - Bước đầu nhận biết được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người ở quê hương mình. - Thực hiện được việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi thể hiện tình yêu quê hương: yêu thương gia đình; chăm sóc, bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên của quê hương; kính trọng, biết ơn những người có công với quê hương;...

Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	- Nêu được một số biểu hiện của sự kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè. – Thực hiện được hành động và lời nói thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè. - Sẵn sàng tham gia hoạt động phù hợp với lứa tuổi để giúp đỡ các bạn gặp khó khăn hoặc có hoàn cảnh không may mắn, các bạn ở vùng sâu vùng xa hoặc vùng bị thiệt hại vì thiên tai.
Quý trọng thời gian	- Nêu được một số biểu hiện của việc quý trọng thời gian. – Biết vì sao phải quý trọng thời gian. - Thực hiện được việc sử dụng thời gian hợp lí.
Nhận lỗi và sửa lỗi	- Nêu được một số biểu hiện của nhận lỗi, sửa lỗi. - Biết vì sao phải nhận lỗi, sửa lỗi. - Thực hiện được việc nhận lỗi và sửa lỗi. - Đồng tình với việc biết nhận lỗi và sửa lỗi; không đồng tình với việc không biết nhận lỗi, sửa lỗi.
Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	- Nêu được một số biểu hiện của việc biết bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình. - Biết vì sao phải bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình. - Thực hiện được việc bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình. Nhắc nhở bạn bè, người thân bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Thể hiện cảm xúc bản thân	- Phân biệt được cảm xúc tích cực (thích, yêu, tự tin, vui vẻ, vui sướng, phấn khởi,...), cảm xúc tiêu cực (giận dữ, buồn chán, sợ hãi, tự ti, thất vọng,...). - Biết được ảnh hưởng của cảm xúc tích cực, cảm xúc tiêu cực đối với bản thân và mọi người xung quanh. - Biết kiểm chế các cảm xúc tiêu cực.

Tìm kiếm sự hỗ trợ	- Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ. - Biết vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ. - Biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.
Tuân thủ quy định nơi công cộng	- Nêu được một số quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng. – Biết vì sao phải tuân thủ quy định nơi công cộng.
	- Thực hiện được các hành vi phù hợp để tuân thủ quy định nơi công cộng. - Đồng tình với những lời nói, hành động tuân thủ quy định nơi công cộng; không đồng tình với những lời nói, hành động vi phạm quy định nơi công cộng.

b) Kế hoạch môn học

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng			
1	Quê hương em	Bài 1: Vẻ đẹp quê hương	Tiết 1	1	- Tích hợp QCN: Quyền được tham gia các hoạt động văn hoá.	
2			Tiết 2	2		
3		Bài 2: Em yêu quê hương	Tiết 1	3	Lồng ghép giáo dục An ninh-Quốc phòng	
4			Tiết 2	4		
5	Kính trọng thầy giáo, cô giáo	Bài 3: Kính trọng thầy giáo, cô giáo	Tiết 1	5		
6			Tiết 2	6	- Tích hợp QCN: Tích hợp QCN: Quyền được bảo vệ chống lại bạo lực, lạm dụng. - Quyền được giáo dục.	
7	Yêu quý bạn bè	Bài 4: Yêu quý bạn bè	Tiết 1	7	- Tích hợp QCN:Quyền được kết giao bạn bè. - Quyền được bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử.	
8			Tiết 2	8		
9		Kiểm tra đánh giá kết quả học tập giữa kì I	1 tiết	9		
10	Quý trọng thời gian	Bài 5: Quý trọng thời gian	Tiết 1	10		
11			Tiết 2	11		
12	Nhận lỗi và sửa lỗi	Bài 6: Nhận lỗi và sửa lỗi	Tiết 1	12		
13			Tiết 2	13		
14		Bài 7: Bảo quản đồ dùng cá nhân	Tiết 1	14		

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
15	Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình		Tiết 215	- GV cho HS xem vật thật: áo đồng phục được ghi tên, lớp đầy đủ, khi mất có thể dễ dàng tìm trả lại. Hướng dẫn HS ghi tên vào các đồ dùng cá nhân. Nhắc nhở HS cần có ý thức giữ gìn và bảo quản đồ dùng CN đặc biệt ở nơi đông người, tránh bị mất cắp hoặc nhầm lẫn. - Tích hợp QCN: Quyền được bảo vệ chống lại sự can thiệp vào đời tư. Bồn phận trẻ em đối với gia đình.	
16		Bài 8: Bảo quản đồ dùng gia đình	Tiết 116	GV nhắc nhở HS khi thực hiện dọn dẹp, sắp xếp đồ dùng trong phòng, với những đồ dễ vỡ cần nhẹ tay, cẩn thận khi sử dụng. Với các đồ dùng phòng bếp, cần chú ý dao, kéo, không sử dụng đồ nhựa để đựng thức ăn nóng,	
17			Tiết 217		

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
				không phơi đồ gần nguồn điện. GV trình chiếu hình ảnh về các cạnh bàn, tủ ghế,...các góc nhọn thường thấy có trong nhà. Lưu ý HS tránh leo trèo, chạy nhảy.	
18		Kiểm tra đánh giá kết quả học tập cuối kì I	1 tiết 18		
19	Thể hiện cảm xúc bản thân	Bài 9: Cảm xúc của em	Tiết 1 19		
20			Tiết 2 20		
21		Bài 10: Kiểm chế cảm xúc tiêu cực	Tiết 1 21		
22			Tiết 2 22	- Tích hợp QCN: Quyền được bảo vệ chống lại bạo lực, lạm dụng.-Quyền được kết giao bạn bè.	
23	Tìm kiếm sự hỗ trợ	Bài 11: Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà	Tiết 1 23	GV cho HS xem 1 số hình ảnh về hậu quả của cháy nổ. Cung cấp số điện thoại cứu hỏa: 114 Nhắc nhở HS 1 số lưu ý khi sử dụng các thiết bị điện, dụng cụ nổ.	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
24		Bài 12: Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở trường	Tiết 2	24	Hướng dẫn 1 số kỹ năng ứng phó đơn giản khi xảy ra hỏa hoạn, GV giới thiệu "Quy tắc 4:4" sẵn sàng đối phó với người lạ. Nhắc nhở HS có ý thức tự bảo vệ bản thân, tránh nguy cơ bị bắt cóc, xâm hại,...
25			Tiết 1	25	Lồng ghép giáo dục địa phương: - Học sinh kể được các thành viên ở trường Tiểu học Ngũ Lão, nơi em học. - Nêu được các công việc cụ thể của các thành viên trong trường Tiểu học. GV trình chiếu hình ảnh về bạo lực học đường, nhắc nhở HS có ý thức tự bảo vệ bản thân, tập thể cần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, không chia bè, chia phái, kì thị,....
26			Tiết 2	26	- Cho HS vẽ tranh về phòng chống bạo lực học đường. Tích hợp QCN: Nguyên tắc quyền con người.

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng			
						- Quyền được đảm bảo an toàn.
27		Bài 13: Tìm kiếm sự hỗ trợ nơi công cộng	Tiết 1	27	GV cho HS xem video: 1 số kĩ năng ứng phó đơn giản khi xảy ra mưa dông, sấm sét, mưa đá khi ở ngoài trời.	
28			Tiết 2	28	Cho HS xem video về kĩ năng phòng chống xâm hại. Cung cấp số điện thoại của tổng đài bảo vệ trẻ em: 111 Trình chiếu hình ảnh 1 số tình huống giao thông nguy hiểm. GV giới thiệu: "Quy luật 4 vòng tròn" bảo vệ bản thân.	
29		Kiểm tra đánh giá kết quả học tập giữa kì II	1 tiết	29		
30	Tuân thủ quy định nơi công cộng	Bài 14: Tìm hiểu quy định nơi công cộng	Tiết 1	30	Trình chiếu hình ảnh 1 số tình huống có thể gây đuối nước, nhắc nhở HS không được nô nghịch gần khu vực ao, hồ, sông, suối,...	
31			Tiết 2	31		

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú	
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng			
						Giảng giải: Khi tham quan, vui chơi tại các bãi biển, bãi tắm,... cần tuân thủ quy định của bãi tắm, luôn mặc áo phao và có người lớn đi cùng, không chơi quá xa bờ,...
32		Bài 15: Em tuân thủ quy định nơi công cộng	Tiết 1	32	Cho HS xem video về 1 buổi tan trường, nhắc nhở HS cần có ý thức xếp hàng, không chen lấn, xô đẩy khi ra về. Khi tham gia giao thông, không nô đùa, tránh tai nạn đáng tiếc, ảnh hưởng đến giao thông. GV kể câu chuyện "Trận bóng dưới lòng đường", nhắc nhở HS không nô đùa tại các địa điểm công cộng, đặc biệt gần lòng đường. Cho HS đóng tình huống giao thông giả định, yêu cầu HS xử lí. - Tích hợp QCN: Nguyên tắc quyền con người. - Quyền được sống trong	GD kỹ năng CDS
33			Tiết 2	33		

Giảng giải: Khi tham quan, vui chơi tại các bãi biển, bãi tắm,... cần tuân thủ quy định của bãi tắm, luôn mặc áo phao và có người lớn đi cùng, không chơi quá xa bờ,...

Cho HS xem video về 1 buổi tan trường, nhắc nhở HS cần có ý thức xếp hàng, không chen lấn, xô đẩy khi ra về. Khi tham gia giao thông, không nô đùa, tránh tai nạn đáng tiếc, ảnh hưởng đến giao thông.
GV kể câu chuyện "Trận bóng dưới lòng đường", nhắc nhở HS không nô đùa tại các địa điểm công cộng, đặc biệt gần lòng đường.
Cho HS đóng tình huống giao thông giả định, yêu cầu HS xử lý.

- Tích hợp QCN: Nguyên tắc quyền con người.
- Quyền được sống trong

GDKỹ năng
CDS

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú	
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng			
				môi trường trong lành. Bổn phận trẻ em đối với cộng đồng, xã hội.		
34			Ôn tập cuối năm	Tiết 1	34	
35			Kiểm tra đánh giá kết quả học tập cuối năm	Tiết 2	35	

4. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

a) Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung hoạt động	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	Nhận diện được hình ảnh thân thiện, luôn vui vẻ của bản thân. Thể hiện được sự khéo léo, cẩn thận của bản thân thông qua sản phẩm tự làm.

Nội dung hoạt động	Yêu cầu cần đạt
Hoạt động rèn luyện bản thân	Biết sắp xếp đồ dùng sinh hoạt cá nhân ngăn nắp, gọn gàng. Thực hiện được một số công việc tự phục vụ phù hợp với lứa tuổi. Nhận biết được những tình huống có nguy cơ bị lạc, bị bắt cóc và thực hiện được những việc làm để phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc. Nhận biết đồng tiền được sử dụng trong trao đổi hàng hoá.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	Thực hiện được một số việc làm thể hiện sự quan tâm chăm sóc, lòng biết ơn đến các thành viên trong gia đình phù hợp với lứa tuổi. Trao đổi được với người thân về một số hoạt động chung trong gia đình.
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Nhận diện được những việc làm để thể hiện tình bạn và biết nói những lời phù hợp khi giao tiếp với bạn.
	Biết tìm kiếm sự hỗ trợ từ thầy cô, bạn bè khi tự mình không giải quyết được vấn đề trong mối quan hệ với bạn. Biết thể hiện lòng biết ơn với thầy cô. Tham gia hoạt động lao động giữ gìn cảnh quan nhà trường. Tham gia hoạt động giáo dục của Sao Nhi Đồng, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	Làm quen được với những người bạn hàng xóm, tạo được quan hệ gần gũi, thân thiện với bạn bè trong cộng đồng. Biết thể hiện sự đồng cảm và chia sẻ với người gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống và trong hoạt động vì cộng đồng. Tham gia vào một số hoạt động hướng đến cộng đồng do nhà trường tổ chức.

Nội dung hoạt động	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan ở địa phương. – Biết cách chăm sóc, bảo vệ cảnh quan xung quanh nơi mình sinh sống.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh môi trường xung quanh. Thực hiện được những việc làm phù hợp với lứa tuổi để giữ gìn vệ sinh môi trường ở nhà trường.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	
Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	Tìm hiểu được công việc của bố mẹ hoặc người thân. Nêu được một số đức tính của bố, mẹ, người thân có liên quan đến nghề nghiệp của họ. Biết cách sử dụng an toàn một số dụng cụ lao động quen thuộc.

b) Kế hoạch môn học

Tuần	Tiết thứ	Chủ đề/ Mạch nội dung	Loại hình	Tên bài học/chủ đề	Thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Mô hình
1	1	Khám phá bản thân	HĐGDTCD	Bài 5: Vui Trung thu	1 tiết	GV cho HS xem clip một buổi vui Tết Trung thu, nhắc nhở các em giữ an toàn khi tham gia Tết Trung thu ở trường hoặc ở địa phương. Tích hợp GDĐP: Trò chơi dân gian trong lễ hội ở Hải Phòng	Lớp
	2,3,4		SHL	Chuyên đề : VUI HỘI TRĂNG RẰM	3 tiết		Trường

2	5		SHDC	Chào cờ Đội			Trường
	6		HĐGDTCD	Bài 1: Hình ảnh của em”	1 tiết	Tích hợp QCN: Quyền được tôn trọng và lắng nghe ý kiến.	Lớp
	7		SHL	SH lớp & Học nội quy trường lớp	1 tiết		Lớp
3	8		SHDC	Chào cờ lớp & Giáo dục ATGT(Bài1)	1 tiết	Tích hợp giáo dục ATGT	Lớp
	9		HĐGDTCD	Bài 2 : Nụ cười thân thiện	1 tiết		Lớp
	10		SHL	Sinh hoạt lớp:Tham gia tổ chức “ Ngày hội nụ cười”	1 tiết	Dạy lồng ghép: Trò chơi dân gian trong lễ hội ở HP Tích hợp QCN: Quyền được tự do biểu đạt	Lớp
4	11		SHDC	Chào cờ lớp& Giáo dục ATGT(Bài1 –T2)	1 tiết		Lớp
	12		HĐGDTCD	Bài 3: Luyện tay cho khéo	1 tiết		Lớp
	13		SHL	SH lớp: Chia sẻ về việc nhà mà em đã làm.	1 tiết		Lớp
5	14		SHDC	Chào cờ trường	1 tiết		Trường
	15		HĐGDTCD	Bài 4: Tay khéo tay đảm	1 tiết	GV cho HS xem vật thật (tre, nứa), nhắc nhở các em khi sử dụng cần cẩn thận để tránh bị đứt tay, chân.	Lớp
	16		SHL	SH lớp: Chia sẻ về việc nhà mà em đã làm.	1 tiết		Lớp
6	17	Rèn nếp sống	SHDC	Chào cờ lớp -Đổi chỗ ngồi cho HS	1 tiết		Lớp
	18		HĐGDTCD	Bài 6: Góc học tập của em	1 tiết		Lớp

	19		SHL	Sinh hoạt lớp & Chia sẻ về những việc em đã làm để góc học tập gọn gàng, sạch đẹp.	1 tiết		Lớp
7	20		SHDC	Chào cờ Đội : Tuyên truyền về ngày 20/10; 25/10.PCCC	1 tiết		Trường
	21		HĐGDTCD	Bài 7: Gọn gàng, ngăn nắp	1 tiết	GV chiếu hình ảnh một buổi tan học tại lớp, nhắc nhở HS cần phải có ý thức giữ gìn và sắp xếp đồ dùng gọn gàng ngăn nắp tránh bị mất cắp hoặc nhầm lẫn.	Lớp
	22		SHL	Sinh hoạt lớp Sắp xếp gọn gàng đồ dùng cá nhân ở lớp.	1 tiết		Lớp
8	23		SHDC	Chào cờ lớp& Giáo dục ATGT(Bài2 -T1)	1 tiết		Lớp
	24		HĐGDTCD	Bài 8: Quý trọng đồng tiền	1 tiết	Cho HS quan sát mệnh giá đồng tiền và nhắc nhở học sinh phải có ý thức cẩn thận khi mang tiền đi mua đồ tránh bị mất cắp.	Lớp
	25		SHL	Sinh hoạt lớp và gấp ví đựng tiền.	1 tiết	Tích hợp giáo dục ATGT	Lớp
9	26	Em yêu trường em	SHDC	Chào cờ trường	1 tiết	Tích hợp QCN: Quyền được tham gia vào các hoạt động văn hóa.	Trường
	27		HĐGDTCD	Bài 9: Có bạn thật	1 tiết	Tích hợp QCN :Quyền tự do kết giao, hội họp tụ tập một cách hòa bình.	Lớp

	28		SHL	Sinh hoạt lớp và gấp ví đựng tiền.	1 tiết	Tích hợp giáo dục ATGT	Lớp
10	29		SHDC	Chào cờ lớp và tham dự phát động phong trào góp sách cho “ Tủ sách anh em”.	1 tiết		Lớp
	30		HĐGDTCD	Bài 10: Tìm sự trợ giúp để giữ gìn tình bạn.	1 tiết		Lớp
	31		SHL	Sinh hoạt lớp Tìm hiểu ngày 20/11	1 tiết		Lớp
11	32		SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết		Trường
	33		HĐGDTCD	Bài 12: Biết ơn thầy cô.	1 tiết		Lớp
	34,35,36		SHL	CD Đội: Tri ân thầy cô	3 tiết		
12	37		SHDC	Chào cờ lớp Tuyên truyền bảo vệ môi trường	1 tiết		Lớp
	38		HĐGDTCD	Bài 11: Trường học hạnh phúc.	1 tiết	Tích hợp QCN: Quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường.	Lớp
13	39	Tự phục vụ bản thân	SHDC	Chào cờ trường	1 tiết	Tích hợp QCN: Quyền được tham gia vào các hoạt động văn hóa.	Trường
	40		HĐGDTCD	Bài 13: Em tự làm lấy việc của mình.	1 tiết		Lớp
	41		SHL	SHL: Sinh hoạt theo chủ đề: Em tự làm lấy việc của mình	1 tiết		Lớp
14	42		SHDC	Chào cờ lớp & và học tập rèn luyện tác phong anh bộ đội.	1 tiết		Lớp
	43		HĐGDTCD	Bài 14: Nghĩ nhanh, làm giỏi.	1 tiết		Lớp
	44		SHL	Sinh hoạt lớp & Tìm hiểu 22/12	1 tiết		Lớp
	45 46		SHDC	Chào cờ Đội: Báo cáo việc làm tốt thể hiện lòng biết ơn thầy cô.	1 tiết		Trường

15			HĐGDTCD	Bài 15: Việc của mình không cần ai nhắc.	1 tiết	Tích hợp QCN– Quyền được sống. – Quyền được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe.	Lớp	
	42,48,49		CD	Hội khoẻ Phù Đổng	3 tiết			
16	50		SHDC	Chào cờ lớp & Phòng tránh xâm hại	1 tiết			
	51		HĐGDTCD	Bài 16: Lựa chọn trang phục.	1 tiết		Lớp	
17	52		HĐGDTCD	Bài 17: Hành trang lên đường.	1 tiết		Lớp	
18	53		SHDC	Chào cờ toàn trường	1 tiết		Trường	
	54		HĐGDTCD	Bài 18: Người trong một nhà.	1 tiết	Tích hợp QCN– Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha mẹ. – Quyền được tôn trọng và lắng nghe ý kiến.	Lớp	
19	55	Gia đình thân thương Tự chăm sóc và phục vụ bản thân	SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết		Trường	
	56		HĐGDTCD	Bài 19: Tết Nguyên đán.	1 tiết	Cho HS xem clip về các hoạt động đêm giao thừa, nhắc nhở HS không được đốt pháo để phòng tránh cháy nổ và đảm bảo an toàn giao thông trong những ngày Tết.	Lớp	
	57,58,59		SHL	FESTIVAL TIẾNG ANH	3 tiết		Trường	
	20		60	SHDC	Chào cờ toàn trường	1 tiết		Trường
61		HĐGDTCD	Bài 20: Ngày đáng nhớ của gia đình.	1 tiết		Lớp		
62		SHL	Sinh hoạt lớp & chia sẻ về những ngày đáng nhớ của gia đình em.	1 tiết	Tích hợp QCN	Lớp		

	63		SHDC	Chào cờ lớp và nhận diện nguy cơ xâm hại trẻ em .	1 tiết		Lớp
	64		HĐGDTCD	Bài 21: Tự chăm sóc sức khỏe bản thân.	1 tiết	Tích hợp QCN :Quyền được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; nhóm quyền được phát triển: Quyền được tôn trọng và lắng nghe ý kiến.	Lớp
21	65	Tự chăm sóc và phục vụ bản thân Chia sẻ cộng đồng	SHL	SH lớp & GD phòng tránh tai nạn đuối nước (T 2)	1 tiết		Lớp
22	66		SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết		Trường
	67		HĐGDTCD	Bài 22: Những vật dụng bảo vệ em.	1 tiết	Tích hợp QCN :Quyền được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; nhóm quyền được phát triển: Quyền được tôn trọng và lắng nghe ý kiến.	Lớp
	68		SHL	Sinh hoạt lớp + Gd quyền và bổn phận trẻ em	1 tiết		Lớp
23	69		SHDC	Chào cờ lớp: Tham gia văn nghệ chào mừng ngày quốc tế Phụ nữ 8/3.	1 tiết		Lớp
	70		HĐGDTCD	Bài 23: Câu chuyện lạc đường	1 tiết	GV kể một câu chuyện về buổi đi dã ngoại, nhắc nhở học sinh cần đảm bảo an toàn, thực hiện đúng các nội quy của buổi dã ngoại để tránh bị lạc đường. Tích hợp QCN:Nhóm quyền được bảo vệ: bảo vệ trẻ em khỏi bị buôn bán và bắt cóc; nhóm quyền được	Lớp

						phát triển: Quyền được tôn trọng và lắng nghe ý kiến.	
	71		SHL	Sinh hoạt lớp + Gd quyền và bổn phận trẻ em	1 tiết		Lớp
24	72		SHDC	Chào cờ trường	1 tiết		
	73		HĐGDTCD	Bài 24: Phòng tránh bị bắt cóc	1 tiết	Tích hợp QCN: Quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt (Điều 28 Luật Trẻ em và Điều 35 của CÔNG ƯỚC LHQ VỀ QTE)	Lớp
	74,75,76	Chia sẻ cộng đồng	SHL	Chuyên đề Đội CH	3 tiết		Trường
25	77	Môi trường xung quanh	SHDC	Chào cờ lớp - GD phòng tránh tai nạn đuối nước	1 tiết		Trường
	78		HĐGDTCD	Bài 25: Những người hàng xóm	1 tiết	Tích hợp QCN: Quyền tự do kết giao, hội họp tụ tập một cách hòa bình.	Lớp
	79		SHL	SH lớp & GD phòng bệnh theo mùa .	1 tiết		Lớp
26	80		SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết		Lớp
	81		HĐGDTCD	Bài 26: Tôi luôn bên bạn	1 tiết	Cho HS quan sát clip về những khó khăn khi gặp phải, nhắc nhở HS cách xử lý tình huống khi gặp khó khăn.	Lớp
	82		SHL	Chia sẻ hành động, việc làm thể hiện tình cảm yêu quý mẹ và cô	1 tiết		Lớp
27	83		SHDC	Chào cờ lớp	1 tiết		Lớp

	84	Môi trường xung quanh Em tìm hiểu nghề nghiệp	HĐGDTCD	Bài 27: Chia sẻ khó khăn với người khuyết tật.	1 tiết	Lồng ghép GDĐP: Chia sẻ với trẻ em khuyết tật ở Hải Phòng	Lớp
	85		SHL	SH lớp &GD quyền và bổn phận trẻ em	1tiết		Khối
28	86		SHDC	Chào cờ lớp- Giáo dục bảo vệ môi trường	1 tiết		Lớp
	87		HĐGDTCD	Bài 28: Cảnh đẹp quê hương	1 tiết		Lớp
	88		SHL	Sinh hoạt lớp & Chủ đề Mẹ và cô giáo.	1 tiết		Lớp
29	89		HĐGDTCD	Bài 29: Bảo vệ cảnh quan quê em	1 tiết	Tích QCN : Quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Cho Hs quan sát tranh cảnh vùng quê : ao , hồ, sông suối, nhắc nhở các em cần cẩn thận khi bị đuối nước.	Lớp
30	90		SHDC	Chào cờ trường	1 tiết		Trường
	91		HĐGDTCD	Bài 30: Giữ gìn vệ sinh môi trường	1 tiết	Cho hs quan sát tranh dọn vệ sinh lớp học, nhắc nhở HS cần cẩn thận khi tham gia lao động.	Lớp

	92		SHL	Sinh hoạt lớp: Thực hành vệ sinh trường lớp.	1 tiết		Lớp
31	93		SHDC	Chào cờ lớp – Tìm hiểu ý nghĩa ngày 30/4	1 tiết		Lớp
	94		HĐGDTCD	Bài 31: Lớp học xanh	1 tiết		Lớp
32	95		SHDC	Chào cờ Đội : Tuyên truyền ý nghĩa ngày 30/4; 1/5	1 tiết		Trường
	96		HĐGDTCD	Bài 32: Nghề của mẹ, nghề của cha	1 tiết	Tích hợp QCN: Quyền được tiếp cận thông tin thích hợp.	Lớp
33	97		SHDC	Chào cờ trường	1 tiết		Trường
	98		HĐGDTCD	Bài 33: Nghề nào tình này	1 tiết		Lớp
	99	Em tìm hiểu nghề nghiệp	SHL	Sinh hoạt lớp + TT ý nghĩa ngày 13/5	1 tiết		Lớp
34	100		SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết		Trường
	101		HĐGDTCD	Bài 34: Lao động an toàn	1 tiết	Cho hs xem một số dụng cụ lao động , nhắc nhở các em cẩn thận với	Lớp
	102		SHL	Sinh hoạt lớp + VN Bác Hồ kính yêu	1 tiết		Lớp
35	103		SHDC	Chào cờ lớp	1 tiết		Lớp
	104		HĐGDTCD	Bài 35: Đón mùa hè trải nghiệm	1 tiết		Lớp
	105		SHL	Sinh hoạt lớp + dọn vệ sinh lớp học	1 tiết		Lớp

5. MÔN TỰ NHIÊN XÃ HỘI

a) Nội dung, yêu cầu cần đạt

Chủ đề/ Mạch nội dung	Yêu cầu cần đạt
GIA ĐÌNH	
Các thế hệ trong gia đình	- Nêu được các thành viên trong gia đình hai thế hệ, ba thế hệ và (hoặc) bốn thế hệ. - Vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh gia đình có hai thế hệ, ba thế hệ vào sơ đồ cho trước. - Nói được sự cần thiết của việc chia sẻ, dành thời gian quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình. - Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc yêu thương của bản thân với các thế hệ trong gia đình.
Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình	- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu thông tin về tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình và ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội. - Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện không nhận lương. - Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này.

Chủ đề/ Mạch nội dung	Yêu cầu cần đạt
Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà	- Kể được tên một số đồ dùng và thức ăn, đồ uống nếu không được cất giữ, bảo quản cẩn thận có thể gây ngộ độc. - Thu thập được thông tin về một số lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống. - Đề xuất được những việc bản thân và các thành viên trong gia đình có thể làm để phòng tránh ngộ độc. - Đưa ra được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc.
Giữ vệ sinh nhà ở	- Giải thích được tại sao phải giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh). - Làm được một số việc phù hợp để giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).
TRƯỜNG HỌC	
Một số sự kiện thường được tổ chức ở trường học	- Nêu được tên, một số hoạt động và ý nghĩa của một đến hai sự kiện thường được tổ chức ở trường (ví dụ: lễ khai giảng; văn nghệ đầu tuần; ngày kỉ niệm 20/11, 8/3; hội chợ xuân, hội chợ sách,...).
	- Nhận xét được về sự tham gia của học sinh trong những sự kiện đó và chia sẻ cảm nhận của bản thân.
An toàn khi tham gia một số hoạt động ở trường và giữ vệ sinh trường học	- Xác định được một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trong khi tham gia những hoạt động ở trường và cách phòng tránh. - Thực hiện được việc giữ vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở trường.
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	
Hoạt động mua bán hàng hoá	- Kể được tên một số hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày. - Nêu được cách mua, bán hàng hoá trong cửa hàng, chợ, siêu thị hoặc trung tâm thương mại. - Nêu được lí do vì sao phải lựa chọn hàng hoá trước khi mua. - Thực hành (theo tình huống giả định) lựa chọn hàng hoá phù hợp về giá cả và chất lượng.

Chủ đề/ Mạch nội dung	Yêu cầu cần đạt
Hoạt động giao thông	- Kể được tên các loại đường giao thông. - Nêu được một số phương tiện giao thông và tiện ích của chúng. - Phân biệt được một số loại biển báo giao thông (biển báo chỉ dẫn; biển báo cấm; biển báo nguy hiểm) qua hình ảnh. - Giải thích được sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông. - Nêu được quy định khi đi trên một số phương tiện giao thông (ví dụ: xe máy, xe buýt, đò, thuyền,...) và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.
THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	
Môi trường sống của thực vật và động vật	- Đặt và trả lời được câu hỏi về nơi sống của thực vật và động vật thông qua quan sát thực tế, tranh ảnh và (hoặc) video. - Nêu được tên và nơi sống của một số thực vật, động vật xung quanh. - Phân loại được thực vật, động vật theo môi trường sống. - Tìm hiểu, điều tra một số thực vật và động vật có ở xung quanh và mô tả được môi trường sống của chúng.
Bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật	- Thu thập được thông tin về một số việc làm của con người có thể làm thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật. - Giải thích được ở mức độ đơn giản sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật. - Nêu được những việc có thể làm để bảo vệ, hạn chế sự thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.
CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	
Một số cơ quan bên trong cơ thể: vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu	- Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của các cơ quan vận động, hô hấp và bài tiết nước tiểu trên sơ đồ, tranh ảnh.

Chủ đề/ Mạch nội dung	Yêu cầu cần đạt
	- Nhận biết được chức năng của các cơ quan nêu trên ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động hằng ngày của bản thân (ví dụ: nhận biết chức năng của xương và cơ qua hoạt động vận động; chức năng của cơ quan hô hấp qua hoạt động thở ra và hít vào; chức năng của cơ quan bài tiết qua việc thải ra nước tiểu).
Một số cơ quan bên trong cơ thể: vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu	- Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của các cơ quan vận động, hô hấp và bài tiết nước tiểu trên sơ đồ, tranh ảnh. - Nhận biết được chức năng của các cơ quan nêu trên ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động hằng ngày của bản thân (ví dụ: nhận biết chức năng của xương và cơ qua hoạt động vận động; chức năng của cơ quan hô hấp qua hoạt động thở ra và hít vào; chức năng của cơ quan bài tiết qua việc thải ra nước tiểu). - Đưa ra được dự đoán điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu một trong các cơ quan trên không hoạt động.
Chăm sóc, bảo vệ các cơ quan trong cơ thể	- Nhận biết và thực hiện được đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống. - Nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi để bảo vệ cơ quan hô hấp. - Nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận.
TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI	
Các mùa trong năm	- Nêu được tên và một số đặc điểm của các mùa trong năm (ví dụ: mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông; mùa mưa và mùa khô). - Lựa chọn được trang phục phù hợp theo mùa để giữ cơ thể khoẻ mạnh.

Chủ đề/ Mạch nội dung	Yêu cầu cần đạt
Một số thiên tai thường gặp	- Nhận biết và mô tả được một số hiện tượng thiên tai (ví dụ: bão, lũ, lụt, giông sét, hạn hán,...) ở mức độ đơn giản. - Nêu được một số rủi ro dẫn đến các thiệt hại về tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra. - Đưa ra được một số ví dụ về thiệt hại tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra. - Nêu và luyện tập được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương. - Chia sẻ với những người xung quanh và cùng thực hiện phòng tránh rủi ro thiên tai.

b) Kế hoạch môn học

Tuần, tháng	Tiết thứ	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
1	1	Gia đình	Bài 1: Các thế hệ trong gia đình	Tiết 1	ANQP: Lễ phép chào hỏi người lớn tuổi.. QCN: Quyền được chỉ bảo, hướng dẫn của cha mẹ. (Hoạt động khám phá trang 8)	
	2			Tiết 2		
2	3		Bài 2: Nghề nghiệp của người lớn trong GD	Tiết 1	Định hướng phát triển năng lực số.	
	4			Tiết 2		

Tuần, tháng	Tiết thứ	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
3	5		Bài 3: Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà	Tiết 1	Đưa hình ảnh các loại thức ăn, đồ vật không an toàn: thức ăn, hoa quả ôi thiu; chai lọ dầu hỏa, thuốc trừ sâu, nước xịt vệ sinh, các loại thuốc chỉ định... - Nhớ số cứu thương: 115 Định hướng phát triển năng lực số.	
	6			Tiết 2		
4	7		Bài 4: Giữ sạch nhà ở	Tiết 1		
	8			Tiết 2		
5	9		Bài 5: Ôn tập chủ đề về gia đình	Tiết 1		
	10			Tiết 2		
6	11			Tiết 3		
	12	Trường học	Bài 6: Chào đón ngày khai giảng	Tiết 1	Giới thiệu cho HS ngày khai giảng của nhà trường những năm học trước- QCN:Quyền được học tập.(Hoạt động khám phá trang 24)	
7	13		Bài 6: Chào đón ngày khai giảng	Tiết 2		
	14		Bài 7: Ngày hội đọc sách của chúng em	Tiết 1	QCN:Quyền được vui chơi, giải trí. (Hoạt động khám phá trang 28)	
8	15			Tiết 2		

Tuần, tháng	Tiết thứ	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
	16		Bài 8: An toàn khi ở trường	Tiết 1	Đưa một số tình huống nguy hiểm từng gặp: leo trèo cây, chạy nhảy, chơi trò chơi nguy hiểm... QCN: Quyền được chăm sóc sức khỏe. (Hoạt động khám phá trang 32)	
9	17			Tiết 2		
	18		Bài 9: Giữ vệ sinh trường học	Tiết 1	QCN: Quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường. (Hoạt động khám phá trang 36)	
10	19		Bài 10: Ôn tập chủ đề Trường học	Tiết 2		
	20			Tiết 1		
11	20			Tiết 2		
	22			Tiết 3	QCN: Bỏ phạt của trẻ em với nhà trường. (Hoạt động vận dụng trang 41)	
12	23	Cộng đồng địa phương	Bài 11: Hoạt động mua bán hàng hóa	Tiết 1	Định hướng phát triển năng lực số.	
	24			Tiết 2		

Tuần, tháng	Tiết thứ	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
13	25		Bài 12: Thực hành mua bán hàng hóa	1 Tiết	GDDP HP CĐ 2: Một số đặc sản HP lồng ghép vào HĐ TH/HĐ1/46.	
	26		Bài 13: Hoạt động giao thông	Tiết 1	Xem vi deo: bến xe, bến tàu, sân bay	
14	27		Bài 14: Cùng tham gia giao thông	Tiết 2		
	28			Tiết 1	Đưa hình ảnh một số phương tiện giao thông tham gia: xe đạp, xe máy, ô tô, tàu thủy, tàu hỏa, máy ba. nhắc nhở H khi tham gia giao thông cần thực hiện theo luật GT...	
15	29			Tiết 2		
	30					
16	31		Bài 15: Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương	Tiết 1		
	32			Tiết 2		
17	33		Bài 16: Thực vật sống ở đâu?	Tiết 1	GDDP HP CĐ 5: Vườn quốc gia Cát Bà lồng ghép vào HĐ TH/HĐ3/60. GDKỹ năng CDS	
	34			Tiết 2		
18	35	THực vật và động vật	Bài 17: Động vật sống ở đâu?	Tiết 1	GDDP HP CĐ 5: Vườn quốc gia Cát Bà lồng ghép vào HĐ TH/HĐ3/64. GDKỹ năng CDS	StemNơi sống của động vật
	36			Tiết 2		

Tuần, tháng	Tiết thứ	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
19	37		Bài 18: Cần làm gì để bảo vệ môi trường sống của động vật và thực vật?	Tiết 1	GDDP HP CD 5: Vườn quốc gia Cát Bà lồng ghép vào HĐ KP/68. QCN: Quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường. (Hoạt động khám phá trang 68) Định hướng phát triển năng lực số.	
	38			Tiết 2		
20	39			Tiết 3		
	40		Bài 19: Thực vật và động vật quanh em	Tiết 1		
21	41			Tiết 2		
	42			Tiết 3		
22	43		Bài 20: Ôn tập chủ đề Động vật và thực vật	Tiết 1		
	44			Tiết 2		
23	45			Tiết 3		
	46	Con người và sức khỏe	Bài 21: Tìm hiểu cơ quan vận động	Tiết 1		
24	47			Tiết 2		
	48		Bài 22: Chăm sóc, bảo vệ cơ quan...	Tiết 1		
25	49			Tiết 2		
	50		Bài 23: Tìm hiểu cơ quan hô hấp	Tiết 1		
26	51			Tiết 2		
	52			Tiết 1		

Tuần, tháng	Tiết thứ	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
27	53		Bài 24: Chăm sóc, bảo vệ cơ quan hô hấp	tiết 2	Stem : Bảo vệ cơ quan hô hấp	
	54		Bài 25: Tìm hiểu cơ quan bài tiết nước tiểu	Tiết 1		
28	55		Bài 26: Chăm sóc, bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu	Tiết 2		
	56			Tiết 1		
29	57			Tiết 2		
	58			Tiết 1	QCN: Quyền được bảo đảm an toàn về sức khỏe, thân thể.((Hoạt động khám phá trang 102)	
30	59		Bài 27: Ôn tập về chủ đề Con người và sức khỏe	Tiết 2	QCN:Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển thể chất, tinh thần. (Hoạt động vận dụng trang 102)	
	60			Tiết 3		
	61			Tiết 1	Stem:Các mùa trong năm Việt Nam	
31	62	Trái đất và bầu trời	Bài 28: Các mùa trong năm	Tiết 2	QCN:Quyền được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe (Tích hợp thông qua hoạt động thực hành và vận dụng tr107)	
32	63		Bài 29: Một số thiên tai thường gặp	Tiết 1	Đưa một số tư liệu, hình ảnh về lũ lụt, bão, hạn hán, động đất, cháy rừng QCN:	
	64			Tiết 2		

Tuần, tháng	Tiết thứ	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
					Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai (Tích hợp thông qua hoạt động khám phá tr108, 109), Quyền được tiếp nhận thông tin (Tích hợp thông qua hoạt động) GD kỹ năng CDS vận dụng tr111)	
33	65			Tiết 1	-> Nhắc nhở học sinh cần theo dõi bản tin thời tiết, tránh và đến nơi an toàn. - Nhớ số cứu nạn: 112. – QCN: Quyền được chăm sóc sức khỏe (Tích hợp thông qua hoạt động khám phá, thực hành và vận dụng tr112, 113, 114, 115)	
	66			Tiết 2		
34	67		Bài 30: Luyện tập ứng phó với thiên tai	Tiết 3		
	68			Tiết 1		
35	69		Bài 31: Ôn tập chủ đề Trái đất và bầu trời	Tiết 2		
	70			Tiết 3		

6. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

a) Nội dung, yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
- Biết thực hiện vệ sinh cá nhân, đảm bảo an toàn trong tập luyện. - Biết quan sát tranh ảnh và động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. - Thực hiện được nội dung đội hình đội ngũ; các động tác bài tập thể dục; các tư thế và kỹ năng vận động cơ bản; các động tác cơ bản của nội dung thể thao và vận dụng được vào trong các hoạt động tập thể. - Tham gia tích cực các trò chơi vận động rèn luyện tư thế, tác phong, phản xạ và bổ trợ môn thể thao ưa thích.	KIẾN THỨC CHUNG - Vệ sinh cá nhân, đảm bảo an toàn trong tập luyện. VẬN ĐỘNG CƠ BẢN <i>Đội hình đội ngũ</i> - Biến đổi đội hình - Động tác giậm chân tại chỗ, đứng lại - Trò chơi rèn luyện đội hình đội ngũ <i>Bài tập thể dục</i> - Các động tác thể dục phù hợp với đặc điểm lứa tuổi - Trò chơi bổ trợ khéo léo

- Hoàn thành lượng vận động của bài tập. - Nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Bước đầu hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao.	Tư thế và kỹ năng vận động cơ bản - Các bài tập phối hợp di chuyển các hướng - Các động tác quỳ, ngồi cơ bản - Trò chơi rèn luyện kỹ năng vận động và phản xạ THỂ THAO TỰ CHỌN - Tập luyện một trong các nội dung thể thao phù hợp với đặc điểm lứa tuổi - Trò chơi vận động bổ trợ môn thể thao ưa thích

b) Kế hoạch môn học

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
1	Chủ đề 1: Đội hình Đội ngũ (3 bài – 14 tiết, 1 tiết kiểm tra)	Bài 1: Chuyển đội hình hàng dọc thành đội hình vòng tròn và ngược lại			
		Cách chuyển ĐH hàng dọc thành ĐH vòng tròn và ngược lại	1		
		Cách chuyển ĐH hàng dọc thành ĐH vòng tròn và ngược lại	2		
2		Cách chuyển ĐH hàng dọc thành ĐH vòng tròn và ngược lại	3		
		Cách chuyển ĐH hàng dọc thành ĐH vòng tròn và ngược lại	4		
3		Cách chuyển ĐH hàng dọc thành ĐH vòng tròn và ngược lại	5		
		Bài 2: Chuyển đội hình hàng ngang thành đội hình vòng tròn và ngược lại			

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
		Cách chuyển ĐH hàng ngang thành ĐH vòng tròn và ngược lại	6		
4		Cách chuyển ĐH hàng ngang thành ĐH vòng tròn và ngược lại	7		
		Cách chuyển ĐH hàng ngang thành ĐH vòng tròn và ngược lại	8		
5		Cách chuyển ĐH hàng ngang thành ĐH vòng tròn và ngược lại	9		
		Cách chuyển ĐH hàng ngang thành ĐH vòng tròn và ngược lại	10		
		Bài 3: Giậm chân tại chỗ, đứng lại			
6		Giậm chân tại chỗ, đứng lại	11		
		Giậm chân tại chỗ, đứng lại	12		
7		Giậm chân tại chỗ, đứng lại	13		
		Kiểm tra, đánh giá chủ đề 1	14		
8		Bài 1: Động tác vươn thở, động tác tay			
		Động tác vươn thở, động tác tay	15		
		Động tác vươn thở, động tác tay	16		
9	Chủ đề 2: Bài tập thể dục (3 bài -7 tiết, 1 tiết kiểm tra)	Bài 2: Động tác chân, động tác lườn, động tác bụng			
		Động tác chân, động tác lườn, động tác bụng	17		
		Động tác chân, động tác lườn, động tác bụng	18		
		Động tác chân, động tác lườn, động tác bụng	19		
10		Bài 3: Động tác phối hợp, động tác nhảy, động tác điều hoà			
		Động tác phối hợp, động tác nhảy và điều hoà	20		
		Động tác phối hợp, động tác nhảy và điều hoà	21		
11		Kiểm tra đánh giá chủ đề 2	22		
12	Chủ đề 3: Tur thể và	Bài 1: Bài tập di chuyển theo vạch kẻ ngang			
		Bài tập di chuyển theo vạch kẻ thẳng	23		

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung kĩ năng vận động cơ bản (6 bài-24 tiết, 2 tiết kiểm tra)	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
13		Bài tập di chuyển theo vạch kẻ thẳng	24		
		Bài tập di chuyển theo vạch kẻ thẳng	25		
		Bài tập di chuyển theo vạch kẻ thẳng	26		
Bài tập di chuyển theo vạch kẻ thẳng		27			
Bài 2: Bài tập phối hợp di chuyển vòng trái, vòng phải					
Bài tập phối hợp di chuyển vòng trái, vòng phải		28			
Bài tập phối hợp di chuyển vòng trái, vòng phải		29			
Bài tập phối hợp di chuyển vòng trái, vòng phải		30			
Bài tập phối hợp di chuyển vòng trái, vòng phải		31			
Bài 3: Bài tập phối hợp di chuyển nhanh dần theo vạch kẻ thẳng					
Bài tập phối hợp di chuyển nhanh dần theo vạch kẻ thẳng		32			
Bài tập phối hợp di chuyển nhanh dần theo vạch kẻ thẳng		33			
Bài tập phối hợp di chuyển nhanh dần theo vạch kẻ thẳng		34			
Kiểm tra cuối học kì 1		36			
Bài tập phối hợp di chuyển nhanh dần theo vạch kẻ thẳng		37			
19		Bài 4: Bài tập phối hợp di chuyển nhanh dần theo vạch kẻ sang trái và sang phải			
		BT phối hợp di chuyển nhanh dần theo vạch kẻ sang trái và sang phải	38		
		BT phối hợp di chuyển nhanh dần theo vạch kẻ sang trái và sang phải	39		

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
20		BT phối hợp di chuyển nhanh dần theo vạch kẻ sang trái và sang phải	40		
		BT phối hợp di chuyển nhanh dần theo vạch kẻ sang trái và sang phải			
Bài 5: Các động tác quỳ, ngồi cơ bản					
Các tư thế quỳ, ngồi cơ bản		41			
Các tư thế quỳ, ngồi cơ bản		42			
Các tư thế quỳ, ngồi cơ bản		43			
Bài 6: Bài tập phối hợp các tư thế quỳ, ngồi cơ bản					
Bài tập phối hợp các tư thế quỳ, ngồi cơ bản		44			
Bài tập phối hợp các tư thế quỳ, ngồi cơ bản		45			
Bài tập phối hợp các tư thế quỳ, ngồi cơ bản		46			
Bài tập phối hợp các tư thế quỳ, ngồi cơ bản		47			
21			Kiểm tra, đánh giá chủ đề 3	48	
22	PHẦN TTTC	Bài 1: Động tác di chuyển không bóng			
		Động tác di chuyển không bóng	49		
		Động tác di chuyển không bóng	50		
23	Chủ đề 1: Môn bóng rổ (4 bài-18 tiết, 1 tiết kiểm tra)	Động tác di chuyển không bóng	51		
		Động tác di chuyển không bóng	52		
Bài 2: Động tác dẫn bóng					
Động tác dẫn bóng		53			
Động tác dẫn bóng		54			
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					
36					
37					
38					
39					
40					
41					
42					
43					
44					
45					
46					
47					
48					
49					
50					
51					
52					
53					
54					
55					
56					
57					
58					
59					
60					
61					
62					
63					
64					
65					
66					
67					
68					
69					
70					
71					
72					
73					
74					
75					
76					
77					
78					
79					
80					
81					
82					
83					
84					
85					
86					
87					
88					
89					
90					
91					
92					
93					
94					
95					
96					
97					
98					
99					
100					

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú	
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng			
28		Động tác dẫn bóng	55			
		Động tác dẫn bóng	56			
29		Động tác dẫn bóng	57			
		Bài 3: Động tác tung- bắt bóng bằng hai tay				
		Động tác tung và bắt bóng bằng 2 tay	58			
30		Động tác tung và bắt bóng bằng 2 tay	59			
		Động tác tung và bắt bóng bằng 2 tay	60			
31		Động tác tung và bắt bóng bằng 2 tay	61			
		Động tác tung và bắt bóng bằng 2 tay	62			
		Bài 4: Động tác ném bóng vào rổ hai tay trước ngực				
32		Ném bóng vào rổ hai tay trước ngực	63			
		Ném bóng vào rổ hai tay trước ngực	64			
33		Ném bóng vào rổ hai tay trước ngực	65			
		Ném bóng vào rổ hai tay trước ngực	66			
34		Ném bóng vào rổ hai tay trước ngực	67			
		Kiểm tra đánh giá chủ đề 1: Môn bóng rổ	68			
35		Kiểm tra, tổng kết năm học	Kiểm tra cuối năm học	69		
			Tổng kết năm học	70		

7. MÔN ÂM NHẠC

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA MÔN ÂM NHẠC LỚP 2:

1. Mục tiêu:

Môn Âm nhạc lớp 2 giúp học sinh:

- Trải nghiệm và khám phá nghệ thuật âm nhạc thông qua nhiều hình thức hoạt động; phát triển cảm xúc, ngôn ngữ, năng lực giao tiếp hợp tác;
- Cảm thụ được yếu tố cơ bản, đơn giản của các âm thanh và hình tượng âm nhạc gần gũi trong cuộc sống, hình thành tình yêu với nghệ thuật âm nhạc;
- Thể hiện được các kĩ năng thực hành âm nhạc ở các mạch nội dung, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, bước đầu hình thành khả năng tự chủ và tự học, cảm thụ và thưởng thức âm nhạc;
- Hứng thú tham gia các hoạt động âm nhạc, bước đầu thể hiện năng lực, sự sáng tạo khi thể hiện âm nhạc cá nhân và hoạt động trong nhóm, tập thể.

2. Yêu cầu cần đạt theo khung năng lực đặc thù:

Để đánh giá mức độ nhận thức và khả năng thể hiện của Học sinh, Giáo viên sẽ căn cứ theo 3 mức độ sau:

- **Biết:** Hát bài hát với giọng tự nhiên, tư thế phù hợp, biết hát với các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca; nêu được tên bài hát và tác giả. Hát kết hợp gõ đệm, vận động đơn giản hoặc trò chơi; Biết đọc đúng tên nốt, bước đầu thể hiện đúng cao độ và trường độ các mẫu âm.
- **Hiểu:** Một số nhạc cụ phổ biến của Việt Nam và nước ngoài, bước đầu cảm nhận được đặc trưng âm thanh trong cuộc sống và trong âm nhạc; cảm thụ được âm thanh cao – thấp, dài – ngắn.
- **Vận dụng – Sáng tạo:** Biểu diễn được các tiết mục âm nhạc; điều chỉnh được giọng hát để tạo nên sự hài hòa; thực hiện được hoạt động âm nhạc phù hợp với lứa tuổi; có ý tưởng sáng tạo trong học tập, trình diễn và thực hiện cùng nhóm.

II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN ÂM NHẠC LỚP 2:

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có) (Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức...)
1	Chủ đề 1: Sắc màu âm thanh	1.	Học hát: Dàn nhạc trong vườn	1 tiết	
2		2.	- Ôn hát: Dàn nhạc trong vườn - Thường thức âm nhạc: Ước mơ của bạn Đô	1 tiết	

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có) (Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức...)
3		3.	Độc nhạc: Bài số 1	1 tiết	
4		4.	- Ôn đọc nhạc: Bài số 1 - Ôn hát Dân nhạc trong vườn	1 tiết	
5	Chủ đề 2: Em yêu làn điệu dân ca	5.	- Học hát: Con chim chích chòe	1 tiết	
6		6.	- Ôn hát: Con chim chích chòe - Đọc nhạc: Bài số 2	1 tiết	
7		7.	Âm nhạc thường thức: Đàn Bầu Việt Nam	1 tiết	Tích hợp GDANQP: Giáo dục HS biết thể hiện tình yêu quê hương đất nước, yêu nhạc cụ dân tộc, yêu âm nhạc truyền thống Việt Nam.
8		8.	- Luyện tập và biểu diễn	1 tiết	
9	Chủ đề 3: Mái trường thân yêu	9.	Học hát: Học sinh lớp 2 chăm ngoan	1 tiết	
10		10.	- Ôn hát: Học sinh lớp hai chăm ngoan - Đọc nhạc: Bài số 2	1 tiết	
11		11.	- Ôn đọc nhạc: Bài số 2 - Nghe nhạc: Vui đến trường	1 tiết	
12		12.	- Ôn hát: Học sinh lớp hai chăm ngoan - Ôn đọc nhạc: Bài số 2	1 tiết	
13	Chủ đề 4: Tuổi thơ	13.	Học hát: Chú chim nhỏ dễ thương	1 tiết	

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có) (Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức...)
14		14.	- Ôn hát: Chú chim nhỏ dễ thương - Nghe nhạc: Múa sư tử thật là vui	1 tiết	<i>Tích hợp GDĐP: Trò chơi dân gian trong lễ hội ở Hải Phòng</i>
15		15.	- Nhạc cụ: Dường nhạc cụ gõ thể hiện hình tiết tấu	1 tiết	
16	<i>Ôn tập và kiểm tra</i>	16.	Ôn tập và đánh giá cuối kỳ I	3 tiết	
17		17.			
18		18.			
19	<i>Chủ đề 5: Mùa xuân</i>	19.	Học hát: Hoa lá mùa xuân	1 tiết	
20		20.	- Ôn hát: Hoa lá mùa xuân - Đọc nhạc: Bài số 3	1 tiết	
21		21.	- Ôn đọc nhạc: Bài số 3 - Thường thức âm nhạc: Câu chuyện về bài hát Chú voi con ở Bản Đôn	1 tiết	
22		22.	- Ôn hát và đọc nhạc	1 tiết	
23		23.	Học hát: Mẹ ơi có biết	1 tiết	

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có) (Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức...)
24	yêu thương	24.	- Ôn hát: Mẹ ơi có biết - Nghe nhạc: Ru con	1 tiết	- GDDP: Có ý thức giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc.
25		25.	- Thường thức âm nhạc: Nhạc cụ ma-ra-cát (maracas)	1 tiết	
26		26.	- Luyện tập và biểu diễn bài hát: Mẹ ơi có biết	1 tiết	
27	Chủ đề 7: Những con vật quanh em	27.	-Học hát: Trang trại vui vẻ	1 tiết	
28		28.	- Ôn hát: Trang trại vui vẻ - Đọc nhạc: Bài số 4	1 tiết	
29		29.	- Ôn đọc nhạc: Bài số 4 - Nghe nhạc: Vũ khúc đàn gà con	1 tiết	
30		30.	- Ôn đọc nhạc: Bài số 4 - Ôn hát: Trang trại vui vẻ	1 tiết	
31	Chủ đề 8: Mùa hè vui	31.	Học hát: Ngày hè vui	1 tiết	Tích hợp nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh: Giáo dục HS biết lựa chọn trò chơi phù hợp với lứa tuổi và an toàn.
32		32.	- Ôn hát: Ngày hè vui - Nhạc cụ: Dùng nhạc cụ gõ thể hiện các hình tiết tấu	1 tiết	
33		33.	- Ôn hát: Ngày hè vui - Nghe nhạc: Mùa hè ước mong	1 tiết	

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có) (Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức...)
34	<i>Ôn tập và kiểm tra</i>	34.	Ôn tập và đánh giá cuối năm	2 tiết	
35		35.			

8. MÔN MĨ THUẬT

a) Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> Nhận biết và đọc được tên các màu cơ bản. Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt. Biết xác định nội dung chủ đề và lựa chọn công cụ, vật liệu để thực hành. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> Sử dụng được công cụ phù hợp với vật liệu sẵn có trong thực hành, sáng tạo. Tạo được nét bằng các hình thức khác nhau, sử dụng nét mô phỏng đối tượng và trang trí sản phẩm. Sử dụng được các màu cơ bản; màu đậm, màu nhạt trong thực hành, sáng tạo. Tạo được sản phẩm có dạng hình, khối cơ bản.	<i>Yếu tố và nguyên lý tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lý tạo hình</i> Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại</i> Lựa chọn, kết hợp: Lí luận và lịch sử mỹ thuật Hội hoạ Đồ hoạ (tranh in) Điêu khắc <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i>

Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo. Thể hiện được sự hiểu biết ban đầu về bản in trong thực hành, sáng tạo. Biết giữ vệ sinh trường, lớp, đồ dùng học tập,... trong thực hành, sáng tạo. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Trung bày, giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm.	<i>Thực hành</i> Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Nhận ra được cùng một chủ đề có thể sử dụng chất liệu hoặc hình thức tạo hình khác nhau.	Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề Lựa chọn, kết hợp: Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Nhận biết được đặc điểm của một số sản phẩm thủ công. – Lựa chọn được đối tượng làm hình mẫu để thực hành sáng tạo. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: Biết kết hợp vẽ, cắt, xé dán,... trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được sản phẩm có sự lặp lại của hình, khối dạng cơ bản. Thể hiện được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm. Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo. Biết cách bảo quản sản phẩm và công cụ thực hành. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Biết trưng bày sản phẩm ở trong hoặc ngoài lớp học.	Yếu tố và nguyên lý tạo hình Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lý tạo hình</i> Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thể loại: Thủ công Lựa chọn, kết hợp: Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. Hoạt động thực hành và thảo luận <i>Thực hành</i>

Trả lời được các câu hỏi: Sản phẩm dùng để làm gì? Dùng như thế nào?	Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: Sản phẩm thủ công. Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề Lựa chọn, kết hợp: Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân

b) Kế hoạch dạy học môn Mĩ Thuật

Tuần, Tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung(nếu có)		Ghi chú
	Chủ đề / mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Tiết thứ		
1	Chủ đề 1	Mĩ thuật trong cuộc sống.	1	1		
2	Chủ đề 2	Sự thú vị của nét.	2	2		
3				3		
4	Chủ đề 3	Sự kết hợp của các hình cơ bản.	3	4		
5				5		
6				6		
7	Chủ đề 4	Những mảng màu yêu thích.	3	7		
8				8		
9				9		
10	Chủ đề 5	Sự kết hợp thú vị của khối.	3	10	Bài học STEM: Thùng rác nắp lật	3 tiết

11				11		
12				12		
13	Chủ đề 6	Sắc màu thiên nhiên.	4	13		
14				14		
15				15		
16				16		
17		Đánh giá học kỳ I	1	17		
18	Chủ đề 7	Gương mặt thân quen.	4	18		
19				19		
20				20		
21				21		
22	Chủ đề 8	Bữa cơm gia đình.	4	22		
23				23		
24				24		
25				25		
26	Chủ đề 9	Thầy cô của em.	4	26		
27				27		
28				28		
29				29		
30	Chủ đề 10	Đồ chơi từ tạo hình con vật.	4	30		
31				31		
32				32		
33				33		

34		Đánh giá định kì cuối năm	1	34		
35		Trung bày sản phẩm cuối năm	1	35		

9 MÔN TIẾNG ANH

I. Yêu cầu cần đạt

Hết lớp 2, học sinh có thể:

- Nhắc lại được các cụm từ, câu đơn giản, bài vẽ, bài hát phù hợp với năng lực tư duy, cảm xúc và tâm sinh lí lứa tuổi lớp 2.
- Nhận biết được và gọi tên các danh từ cụ thể, các động từ theo chủ đề đã học trong ngữ cảnh giao tiếp cụ thể.
- Nhận biết được các số từ 1 - 20 và có thể dùng các số đếm này để đếm hoặc trả lời một số câu hỏi về số lượng đơn giản.
- Nghe hiểu và phản hồi được bằng tiếng Anh một cách đơn giản trong các tình huống hỏi đáp rất đơn giản và quen thuộc.
- Làm theo và thực hiện được các câu lệnh rất đơn giản trong lớp học, mở rộng hơn về số lượng và độ dài câu lệnh.
- Đưa ra được một số câu lệnh quen thuộc khi tham gia một số hoạt động tập thể trong giờ học, có mở rộng về số lượng và cấu trúc so với lớp 1.
- Trả lời được câu hỏi đơn giản và hỏi đáp được bằng một hoặc hai từ trong ngữ cảnh cụ thể và quen thuộc.

Học sinh được hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, tự phục vụ, tự quản, tự học và khả năng giải quyết vấn đề. Đồng thời Chương trình cũng tập trung bồi dưỡng và phát triển các phẩm chất như chăm học, chăm làm, tự tin, trách nhiệm, trung thực, kỉ luật, đoàn kết và yêu thương của học sinh. Thông qua việc làm quen với tiếng Anh, học sinh có thái độ tích cực đối với bộ môn, có hiểu biết về các nền văn hoá khác và thấy được giá trị của nền văn hoá dân tộc mình.

II. Yêu cầu cần đạt

Cả năm: 35 tuần x 2 tiết/tuần = 70 tiết

Học kỳ I: 18 tuần x 2 tiết/tuần = 36 tiết

Học kỳ II: 17 tuần x 2 tiết/tuần = 34 tiết

Tuần/ Tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú		
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ Thời lượng	Tiết thứ				
Tuần 1	Welcome	Welcome - Lesson 1	2 tiết	1				
		Welcome - Lesson 2		2				
Tuần 2	My toys	Unit 1: My toys - Lesson 1	8 tiết	3				
		Unit 1: My toys - Lesson 2		4				
Tuần 3		Unit 1: My toys - Lesson 3		5				
		Unit 1: My toys - Lesson 4		6				
Tuần 4		Unit 1: My toys - Lesson 5		7				
		Unit 1: My toys - Lesson 6		8				
Tuần 5		Unit 1: My toys - Lesson 7		9				
		Unit 1: My toys - Lesson 8		10				
Tuần 6		My family		Unit 2: My family - Lesson 1	8 tiết	11		
				Unit 2: My family - Lesson 2		12		

Tuần 7		Unit 2: My family - Lesson 3		13		
		Unit 2: My family - Lesson 4		14		
Unit 2: My family - Lesson 5		15				
Unit 2: My family - Lesson 6		16				
Tuần 8		Unit 2: My family - Lesson 7		17		
		Unit 2: My family - Lesson 8		18		
Tuần 9	My body	Unit 3: My body - Lesson 1	8 tiết	19		
Tuần 10		Unit 3: My body - Lesson 2		20		
		Unit 3: My body - Lesson 3		21		
Tuần 11		Unit 3: My body - Lesson 4		22		
		Unit 3: My body - Lesson 5		23		
Tuần 12		Unit 3: My body - Lesson 6		24		
		Unit 3: My body - Lesson 7		25		
Tuần 13		Unit 3: My body - Lesson 8		26		
Tuần 14		Unit 4: My face - Lesson 1	8 tiết	27		
		Unit 4: My face - Lesson 2		28		
Tuần 15		Unit 4: My face - Lesson 3		29		

	My face	Unit 4: My face - Lesson 4		30		
Tuần 16		Unit 4: My face - Lesson 5		31		
		Unit 4: My face - Lesson 6		32		
Tuần 17		Unit 4: My face - Lesson 7		33		
		Unit 4: My face - Lesson 8		34		
Tuần 18	Ôn tập- Kiểm tra	Revision 1	1 tiết	35		
		The first – term test	1 tiết	36		
Tuần 19	Animals	Unit 5: Animals - Lesson 1	8 tiết	37		
		Unit 5: Animals - Lesson 2		38		
Tuần 20		Unit 5: Animals - Lesson 3		39		
		Unit 5: Animals - Lesson 4		40		
Tuần 21		Unit 5: Animals - Lesson 5		41		
		Unit 5: Animals - Lesson 6		42		
Tuần 22		Unit 5: Animals - Lesson 7		43		
		Unit 5: Animals - Lesson 8		44		
Tuần 23		Unit 6: Food - Lesson 1		45		
		Unit 6: Food - Lesson 2		46		

Tuần 24	Food	Unit 6: Food - Lesson 3	8 tiết	47		
		Unit 6: Food - Lesson 4		48		
Tuần 25		Unit 6: Food - Lesson 5		49		
		Unit 6: Food - Lesson 6		50		
Tuần 26		Unit 6: Food - Lesson 7		51		
		Unit 6: Food - Lesson 8		52		
Tuần 27	Clothes	Unit 7: Clothes - Lesson 1	8 tiết	53		
		Unit 7: Clothes - Lesson 2		54		
Tuần 28		Unit 7: Clothes - Lesson 3		55		
		Unit 7: Clothes - Lesson 4		56		
Tuần 29		Unit 7: Clothes - Lesson 5		57		
		Unit 7: Clothes - Lesson 6		58		
Tuần 30		Unit 7: Clothes - Lesson 7		59		
		Unit 7: Clothes - Lesson 8		60		
Tuần 31	Weather	Unit 8: Weather - Lesson 1	8 tiết	61		
		Unit 8: Weather - Lesson 2		62		
Tuần 32		Unit 8: Weather - Lesson 3		63		
		Unit 8: Weather - Lesson 4		64		
Tuần 33		Unit 8: Weather - Lesson 5		65		

		Unit 8: Weather - Lesson 6		66		
Tuần 34		Unit 8: Weather - Lesson 7		67		
		Unit 8: Weather - Lesson 8		68		
Tuần 35	Ôn tập- kiểm tra	Revision 2	1 tiết	69		
		End-of-year test	1 tiết	70		

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 09:16 02/10/2024
bởi Đoàn Thị Minh Dự (th_nl_dudum) – Trường Tiểu học Ngũ Lão

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 3

Năm học 2024 – 2025

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;
- Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;
- Căn cứ chương trình các môn học, hoạt động giáo dục Lớp 3 năm học 2024 -2025;
- Căn cứ Bộ sách giáo khoa khối lớp 3 đã lựa chọn và sử dụng tại trường năm học 2024-2025;
- Căn cứ Kế hoạch Nhà trường và tình hình thực tế của Tổ chuyên môn 2+ 3. Tổ chuyên môn 2+3 Tiểu học Ngũ Lão thống nhất xây dựng kế hoạch như sau:

II. Điều kiện thực hiện các môn học, các hoạt động giáo dục.

II.1. Tình hình chung của khối 3.

Tổ khối 3 luôn nhận được sự quan tâm sâu sát của ban giám hiệu nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh nên trong năm học vừa qua giáo viên và học sinh được trang bị đầy đủ sách giáo khoa, các thiết bị, đồ dùng dạy học và cơ sở vật chất lớp học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiệt tình, năng nổ, biết học hỏi và từng bước tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông 2018. Cả khối đã được tập huấn CT GDPT 2018 và SGK lớp 3 nên tất cả các giáo viên trong tổ khối đều nắm được cơ bản về hình thức tổ chức cũng như các phương pháp dạy học mới theo phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường cũng như các gia đình học sinh rất quan tâm đến việc học tập của con em nên việc xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội luôn được giữ vững.

Vì thế mà việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 được triển khai một cách đồng thuận và bước đầu đạt được những hiệu quả nhất định.

Về học sinh, khối lớp 3 nhìn chung các em đều ngoan, biết nghe lời thầy cô, biết vượt khó để vươn lên học tốt nên việc tổ chức dạy học phát triển năng lực của giáo viên gặp khá nhiều thuận lợi.

II.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, học sinh của khối.

- Về số lượng: Tổng số giáo viên trong khối 3: 06 đ/c Trong đó :
 - + Giáo viên chủ nhiệm : 06 đ/c.
- Về số lượng học sinh:
 - + Tổng số học sinh 240 em. Trong đó: Nữ: 118 em Khuyết tật: 1 em HS có HCKK: 8 em.
- Về trang thiết bị dạy học: có 6 tivi/6 lớp. Sách giáo khoa, sách giáo viên đầy đủ. Đồ dùng học toán của học sinh được trang bị đầy đủ 1 bộ/ 1HS đủ để học sinh thực hành, trải nghiệm. Đồ dùng dạy học của GV có toàn bộ bảng cài, mẫu chữ, chữ số.

II. 3.Nguồn học liệu

- Sách giáo khoa hiện hành các môn học của nhà xuất bản Giáo dục.
- Các tài liệu tham khảo đã được kiểm định của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, nhà xuất bản Đại học sư phạm được lưu trữ tại thư viện nhà trường.

- Các nguồn sách của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng được cấp phép xuất bản.

Các đầu sách giáo khoa Nhà trường đưa vào giảng dạy là:

1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thần (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Tự nhiên và Xã hội 3	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phụng, Trần Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

6	Tự nhiên và Xã hội 3	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh diều
7	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Giáo dục Thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

13	Tiếng Anh 3 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

II.4. Thiết bị dạy học

- Mỗi lớp được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu được quy định tại Thông tư 15 ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học.
- 100% số lớp có trang bị ti vi kết nối internet. Các băng di động được trang bị phục vụ cho các tiết học tổ chức ngoài trời.
- GV thường xuyên tự làm các đồ dùng dạy học. Hàng năm, GV thực hiện tốt việc sử dụng các đồ dùng dạy học có sẵn và các đồ dùng dạy học tự làm.
- Hàng năm, trường trang bị, bổ sung, thay thế các thiết bị dạy học nhằm đáp ứng nhu cầu dạy học trong nhà trường.

II.5. Các nội dung giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông, chủ đề hoạt động giáo dục tập thể, nội dung thực hiện tích hợp liên môn ...

- GV được tập huấn đầy đủ về dạy học các nội dung giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông, chủ đề hoạt động giáo dục tập thể, nội dung thực hiện tích hợp liên môn ...
- Nhà trường trang bị đầy đủ các tài liệu phục vụ dạy học các nội dung giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông.
- Chủ đề hoạt động giáo dục tập thể được xây dựng, thống nhất trong nhà trường theo kế hoạch giáo dục hàng năm.
- Các nội dung thực hiện tích hợp liên môn được tổ chuyên môn bàn bạc, thống nhất thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn định kì.

III. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. MÔN: TOÁN:

* **Cấu trúc nội dung SGK Toán 3 gồm 16 chủ đề**

- Học kì I: 7 chủ đề, 44 bài học gồm 90 tiết

- Học kì II: 9 chủ đề, 37 bài học gồm 85 tiết.

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt:

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
Số tự nhiên		
Số tự nhiên	Số và cấu tạo thập phân của một số	- Đọc, viết được các số trong phạm vi 10 000; trong phạm vi 100 000. - Nhận biết được số tròn nghìn, tròn mười nghìn. - Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số. Nhận biết được chữ số La Mã và viết được các số tự nhiên trong phạm vi 20 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.
	So sánh các số	- Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 100 000. - Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 100 000). Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 100 000).
	Làm tròn số	- Làm quen với việc làm tròn số đến tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn mười nghìn (ví dụ: làm tròn số 1234 đến hàng chục thì được số 1230).
Các phép tính với số tự nhiên	Phép cộng, phép trừ	- Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến 5 chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp). Nhận biết được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng và mối quan hệ giữa phép cộng với phép trừ trong thực hành tính.
	Phép nhân, phép chia	- Vận dụng được các bảng nhân, bảng chia 2, 3,..., 9 trong thực hành tính. - Thực hiện được phép nhân với số có một chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp). - Thực hiện được phép chia cho số có một chữ số. - Nhận biết và thực hiện được phép chia hết và phép chia có dư.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		Nhận biết được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân và mối quan hệ giữa phép nhân với phép chia trong thực hành tính.
	Tính nhẩm	- Thực hiện được cộng, trừ, nhân, chia nhẩm trong những trường hợp đơn giản.
	Biểu thức số	- Làm quen với biểu thức số. - Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và không có dấu ngoặc. - Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc theo nguyên tắc thực hiện trong dấu ngoặc trước. Xác định được thành phần chưa biết của phép tính thông qua các giá trị đã biết.
	Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính đã học	Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tế của phép tính; liên quan đến thành phần và kết quả của phép tính; liên quan đến các mối quan hệ so sánh trực tiếp và đơn giản (chẳng hạn: gấp một số lên một số lần, giảm một số đi một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé).
Phân số		
Phân số	Làm quen với phân số	$\frac{1}{2}$ $\frac{1}{3}$ $\frac{1}{9}$ - Nhận biết được về $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{3}$;... thông qua các hình ảnh trực quan. $\frac{2}{3}$ $\frac{3}{9}$ a. $\frac{1}{2}$ $\frac{1}{3}$ - Xác định được $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{3}$;... của một nhóm đồ vật (đối tượng) bằng việc b. $\frac{3}{9}$ chia thành các phần đều nhau.
Hình học và đo lường		
Hình học trực quan		

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
Hình phẳng và hình khối	Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm của một số hình phẳng và hình khối đơn giản	- Nhận biết được điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng. - Nhận biết được góc, góc vuông, góc không vuông. - Nhận biết được tam giác, tứ giác. - Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, góc của hình chữ nhật, hình vuông; tâm, bán kính, đường kính của hình tròn. - Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, mặt của khối lập phương, khối hộp chữ nhật.
	Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học	- Thực hiện được việc vẽ góc vuông, đường tròn, vẽ trang trí. - Sử dụng được êke để kiểm tra góc vuông, sử dụng được compa để vẽ đường tròn. - Thực hiện được việc vẽ hình vuông, hình chữ nhật bằng lưới ô vuông. - Giải quyết được một số vấn đề liên quan đến gấp, cắt, ghép, xếp, vẽ và tạo hình trang trí.
Đo lường		
Đo lường	Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng	- Nhận biết được “diện tích” thông qua một số biểu tượng cụ thể. - Nhận biết được đơn vị đo diện tích: cm^2 (xăng-ti-mét vuông). - Nhận biết được đơn vị đo độ dài: mm (mi-li-mét); quan hệ giữa các đơn vị m, dm, cm và mm. - Nhận biết được đơn vị đo khối lượng: g (gam); quan hệ giữa g và kg. - Nhận biết được đơn vị đo dung tích: ml (mi-li-lít); quan hệ giữa l và ml. - Nhận biết được đơn vị đo nhiệt độ ($^{\circ}C$). - Nhận biết được mệnh giá của các tờ tiền Việt Nam (trong phạm vi 100 000 đồng); nhận biết được tờ tiền hai trăm nghìn đồng và năm trăm nghìn đồng (không yêu cầu học sinh đọc, viết số chỉ mệnh giá). - Nhận biết được tháng trong năm.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	Thực hành đo đại lượng	- Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng (một số loại cân thông dụng, thước thẳng có chia vạch đến mi-li-mét, nhiệt kế,...) để thực hành cân, đo, đong, đếm. - Đọc được giờ chính xác đến 5 phút và từng phút trên đồng hồ.
	Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng	- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài (mm, cm, dm, m, km); diện tích (cm^2); khối lượng (g, kg); dung tích (ml, l); thời gian (phút, giờ, ngày, tuần lễ, tháng, năm); tiền Việt Nam đã học. - Tính được chu vi của hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông khi biết độ dài các cạnh.
		- Tính được diện tích hình chữ nhật, hình vuông. - Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: cân nặng của một con gà khoảng 2 kg,...) - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường.
Một số yếu tố thống kê và xác suất		
Một số yếu tố thống kê		
Một số yếu tố thống kê	Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu	Nhận biết được cách thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê (trong một số tình huống đơn giản) theo các tiêu chí cho trước.
	Đọc, mô tả bảng số liệu	Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng bảng.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	Nhận xét về các số liệu trong bảng	Nêu được một số nhận xét đơn giản từ bảng số liệu.
Một số yếu tố xác suất		
Một số yếu tố xác suất	Nhận biết và mô tả các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện	Nhận biết và mô tả được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện (1 lần) thí nghiệm đơn giản (ví dụ: nhận ra được hai khả năng xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu khi tung 1 lần; nhận ra được hai khả năng xảy ra đối với màu của quả bóng lấy ra từ hộp kín đựng các quả bóng có hai màu xanh hoặc đỏ;...).
Hoạt động thực hành và trải nghiệm		- Nhà trường tổ chức cho học sinh một số hoạt động sau và có thể bổ sung các hoạt động khác tùy vào điều kiện cụ thể. <i>Hoạt động 1:</i> Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn, chẳng hạn:
		- Thực hành các hoạt động liên quan đến tính toán, đo lường và ước lượng như: thực hành tính và ước lượng chu vi, diện tích của một số hình phẳng trong thực tế liên quan đến các hình phẳng đã được học; thực hành đo, cân, đong và ước lượng độ dài, khối lượng, dung tích, nhiệt độ,... - Thực hành thu thập, phân loại, sắp xếp số liệu thống kê (theo các tiêu chí cho trước) về một số đối tượng thống kê trong trường, lớp. <i>Hoạt động 2:</i> Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá (ví dụ: trò chơi học Toán hoặc các hoạt động “Học vui-Vui học”; trò chơi liên quan đến mua bán, trao đổi hàng hoá; lắp ghép, gấp, xếp hình; tung đồng xu, xúc xắc,...) liên quan đến ôn tập, củng cố các kiến thức toán.

b. Kế hoạch dạy học cụ thể:

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
TUẦN 1	Chủ đề 1: Ôn tập và bổ sung	Bài 1: Ôn tập các số đến 1 000	2 tiết		
		Bài 1: Ôn tập các số đến 1 000 (T1)	1		
		Bài 1: Ôn tập các số đến 1 000 (T2)	2		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
		Bài 2: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000	2 tiết		
		Bài 2: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000 (T1)	3		
		Bài 2: Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000 (T2)	4		
		Bài 3. Tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ	2 tiết		
		Bài 3. Tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ (T1)	5		
TUẦN 2		Bài 3. Tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ (T1)	6		
		Bài 4. Ôn tập bảng nhân 2, 5; bảng chia 2,5	2 tiết		
		Bài 4. Ôn tập bảng nhân 2, 5; bảng chia 2,5 (T1)	7		
		Bài 4. Ôn tập bảng nhân 2, 5; bảng chia 2,5 (T2)	8		
		Bài 5. Bảng nhân 3, bảng chia 3	2 tiết		
TUẦN 3		Bài 5. Bảng nhân 3, bảng chia 3 (T1)	9		
		Bài 5. Bảng nhân 3, bảng chia 3 (T2)	10		
		Bài 6. Bảng nhân 4, bảng chia 4	2 tiết		
		Bài 6. Bảng nhân 4, bảng chia 4 (T1)	11		
		Bài 6. Bảng nhân 4, bảng chia 4 (T2)	12		
		Bài 7. Ôn tập hình học và đo lường	2 tiết		
		Bài 7. Ôn tập hình học và đo lường (T1)	13		
		Bài 7. Ôn tập hình học và đo lường (T2)	14		
		Bài 8. Luyện tập chung	3 tiết		
		Bài 8. Luyện tập chung (T1)	15		
TUẦN 4		Bài 8. Luyện tập chung (T2)	16		
		Bài 8. Luyện tập chung (T3)	17		
		Bài 9. Bảng nhân 6, bảng chia 6	2 tiết		
		Bài 9. Bảng nhân 6, bảng chia 6 (T1)	18		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
TUẦN 5	Chủ đề 2: Bảng nhân và bảng chia	Bài 9. Bảng nhân 6, bảng chia 6 (T2)	19		
		Bìa 10. Bảng nhân 7, bảng chia 7	2 tiết		
		Bìa 10. Bảng nhân 7, bảng chia 7 (T1)	20		
		Bìa 10. Bảng nhân 7, bảng chia 7 (T2)	21		
		Bài 11. Bảng nhân 8, bảng chia 8	2 tiết		
		Bài 11. Bảng nhân 8, bảng chia 8 (T1)	22		
		Bài 11. Bảng nhân 8, bảng chia 8 (T2)	23		
		Bài 12. Bảng nhân 9, bảng chia 9	3 tiết		
		Bài 12. Bảng nhân 9, bảng chia 9 (T1)	24		
		Bài 12. Bảng nhân 9, bảng chia 9 (T2)	25	Thay bằng Bài học STEM: Bài 2: Bảng nhân, chia.	
TUẦN 6	Chủ đề 2: Bảng nhân và bảng chia	Bài 12. Bảng nhân 9, bảng chia 9 (T3)	26		
		Bài 13. Tìm thành phần trong phép nhân, phép chia	2 tiết		
		Bài 13. Tìm thành phần trong phép nhân, phép chia (T1)	27		
		Bài 13. Tìm thành phần trong phép nhân, phép chia (T2)	28		
		Bài 14. Một phần mấy	2 tiết		
		Bài 14. Một phần mấy (T1)	29		
		Bài 14. Một phần mấy (T2)	30		
		TUẦN 7	Chủ đề 2: Bảng nhân và bảng chia	Bài 15. Luyện tập chung	2 tiết
Bài 15. Luyện tập chung (T1)	31				
Bài 15. Luyện tập chung (T2)	32				

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
TUẦN 8	Chủ đề 3: Làm quen với hình phẳng và hình khối	Bài 16. Điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng	2 tiết		
		Bài 16. Điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng (T1)	33		
		Bài 16. Điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng (T2)	34		
		Bài 17. Hình tròn. Tâm, bán kính, đường kính của hình tròn	1 tiết		
		Bài 17. Hình tròn. Tâm, bán kính, đường kính của hình tròn	35		
		Bài 18. Góc, góc vuông, góc không vuông	1 tiết		
		Bài 18. Góc, góc vuông, góc không vuông	36		
		Bài 19. Hình tam giác, hình tứ giác. Hình vuông, hình chữ nhật	3 tiết		
		Bài 19. Hình tam giác, hình tứ giác. Hình vuông, hình chữ nhật (T1)	37		
		Bài 19. Hình tam giác, hình tứ giác. Hình vuông, hình chữ nhật (T2)	38		
TUẦN 9	Chủ đề 3: Làm quen với hình phẳng và hình khối	Bài 19. Hình tam giác, hình tứ giác. Hình vuông, hình chữ nhật (T3)	39		
		Bài 20. Thực hành vẽ góc vuông, vẽ đường tròn, hình vuông, hình chữ nhật và vẽ trang trí	2 tiết		
		Bài 20. Thực hành vẽ góc vuông, vẽ đường tròn, hình vuông, hình chữ nhật và vẽ trang trí (T1)	40		
		Bài 20. Thực hành vẽ góc vuông, vẽ đường tròn, hình vuông, hình chữ nhật và vẽ trang trí (T2)	41		
		Bài 21. Khối lập phương, khối hộp chữ nhật	1 tiết		
		Bài 21. Khối lập phương, khối hộp chữ nhật	42		
		Bài 22. Luyện tập chung	2 tiết		
		Bài 22. Luyện tập chung (T1)	43		
		Bài 22. Luyện tập chung (T2)	44		
		Bài 23. Nhân số có 2 chữ số với số có một chữ số	2 tiết		
	Chủ đề 4: Phép nhân và phép chia trong phạm vi 100	Bài 23. Nhân số có 2 chữ số với số có một chữ số (T1)	45		
		Bài 23. Nhân số có 2 chữ số với số có một chữ số (T2)	46		
		Bài 24. Gấp một số lên một số lần	2 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
TUẦN 10		Bài 24. Gấp một số lên một số lần (T1)	47		
		Bài 24. Gấp một số lên một số lần (T2)	48		
		Bài 25. Phép chia hết, phép chia có dư	2 tiết		
		Bài 25. Phép chia hết, phép chia có dư (T1)	49		
		Bài 25. Phép chia hết, phép chia có dư (T2)	50		
TUẦN 11		Bài 26. Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số	3 tiết		
		Bài 26. Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (T1)	51		
		Bài 26. Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (T2)	52		
		Bài 26. Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (T3)	53		
		Bài 27. Giảm một số đi một số lần	2 tiết		
		Bài 27. Giảm một số đi một số lần (T1)	54		
TUẦN 12		Bài 27. Giảm một số đi một số lần (T2)	55		
		Bài 28. Bài toán giải bằng hai bước tính	2 tiết		
		Bài 28. Bài toán giải bằng hai bước tính (T1)	56		
		Bài 28. Bài toán giải bằng hai bước tính (T2)	57		
		Bài 29. Luyện tập chung	2 tiết		
		Bài 29. Luyện tập chung (T1)	58		
		Bài 29. Luyện tập chung (T2)	59		
		Bài 30. Mi – li – mét	2 tiết		
		Bài 30. Mi – li - mét (T1)	60		
		Bài 30. Mi – li - mét (T2)	61		
		Bài 31. Gam	1 tiết		
		Bài 31. Gam	62		
		Bài 32. Mi – li – lít	1 tiết		
		Bài 32. Mi – li – lít	63		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
TUẦN 13	Chủ đề 5: Một số đơn vị đo độ dài, khối lượng, dung tích, nhiệt độ	Bài 33. Nhiệt độ. Đơn vị đo nhiệt độ	1 tiết		
		Bài 33. Nhiệt độ. Đơn vị đo nhiệt độ	64		
		Bài 34. Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị mi-li-mét, gam, mi-li-lít, độ C	2 tiết		
		Bài 34. Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị mi-li-mét, gam, mi-li-lít, độ C (T1)	65		
TUẦN 14		Bài 34. Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị mi-li-mét, gam, mi-li-lít, độ C (T2)	66		
		Bài 35. Luyện tập chung	2 tiết		
		Bài 35. Luyện tập chung (T1)	67		
		Bài 35. Luyện tập chung (T2)	68		
		TUẦN 15	Bài 36. Nhân số có ba chữ số với số có một chữ số.	2 tiết	
Bài 36. Nhân số có ba chữ số với số có một chữ số. (T1)			69		
Bài 36. Nhân số có ba chữ số với số có một chữ số. (T2)	70				
Bài 37. Chia số có 3 chữ số cho số có một chữ số	2 tiết				
Bài 37. Chia số có 3 chữ số cho số có một chữ số (T1)	71				
Bài 37. Chia số có 3 chữ số cho số có một chữ số (T2)	72				
Bài 38. Biểu thức số. Tính giá trị của biểu thức số	4 tiết				
Bài 38. Biểu thức số. Tính giá trị của biểu thức số (T1)	73				
Bài 38. Biểu thức số. Tính giá trị của biểu thức số (T2)	74				
	Bài 38. Biểu thức số. Tính giá trị của biểu thức số (T3)		75		
	Bài 38. Biểu thức số. Tính giá trị của biểu thức số (T4)	76			
	Bài 39. So sánh số lớn gấp mấy lần số bé	2 tiết			
	Bài 39. So sánh số lớn gấp mấy lần số bé (T1)	77			

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
TUẦN 16		Bài 39. So sánh số lớn gấp mấy lần số bé (T2)	78		
		Bài 40. Luyện tập chung	2 tiết		
		Bài 40. Luyện tập chung (T1)	79		
		Bài 40. Luyện tập chung (T2)	80		
TUẦN 17	CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I	Bài 41. Ôn tập phép nhân, phép chia trong phạm vi 100, 1000	3 tiết		
		Bài 41. Ôn tập phép nhân, phép chia trong phạm vi 100, 1000 (T1)	81		
		Bài 41. Ôn tập phép nhân, phép chia trong phạm vi 100, 1000 (T2)	82		
		Bài 41. Ôn tập phép nhân, phép chia trong phạm vi 100, 1000 (T3)	83		
		Bài 42. Ôn tập biểu thức số	2 tiết		
		Bài 42. Ôn tập biểu thức số (T1)	84		
TUẦN 18		Bài 42. Ôn tập biểu thức số (T2)	85		
		Bài 43. Ôn tập hình học và đo lường	2 tiết		
		Bài 43. Ôn tập hình học và đo lường (T1)	86		
		Bài 43. Ôn tập hình học và đo lường (T2)	87		
		Bài 44. Ôn tập chung	2 tiết		
		Bài 44. Ôn tập chung (T1)	88		
		Bài 44. Ôn tập chung (T2)	89		
		Kiểm tra cuối học kì I (1 tiết)	90		
TUẦN 19	Chủ đề 8: Các số đến 10 000	Bài 45. Các số có 4 chữ số. Số 10 000	3 tiết		
		Bài 45. Các số có 4 chữ số. Số 10 000 (T1)	91		
		Bài 45. Các số có 4 chữ số. Số 10 000 (T2)	92		
		Bài 45. Các số có 4 chữ số. Số 10 000 (T3)	93		
		Bài 46. So sánh các số trong phạm vi 10 000	2 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
TUẦN 20		Bài 46. So sánh các số trong phạm vi 10 000 (T1)	94		
		Bài 46. So sánh các số trong phạm vi 10 000 (T2)	95		
		Bài 47. Làm quen với chữ số La Mã	2 tiết		
		Bài 47. Làm quen với chữ số La Mã (T1)	96	Thay bằng Bài học STEM: Bài 10: Đồng hồ sử dụng số La Mã	
		Bài 47. Làm quen với chữ số La Mã (T2)	97		
		Bài 48. Làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm	1 tiết		
		Bài 48. Làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm	98		
		Bài 49. Luyện tập chung	3 tiết		
		Bài 49. Luyện tập chung (T1)	99		
		Bài 49. Luyện tập chung (T2)	100		
		Bài 49. Luyện tập chung (T3)	101		
	TUẦN 21	Bài 50. Chu vi hình tam giác, tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật	3 tiết		
		Bài 50. Chu vi hình tam giác, tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật (T1)	102		
		Bài 50. Chu vi hình tam giác, tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật (T2)	103		
		Bài 50. Chu vi hình tam giác, tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật (T3)	104		
		Bài 51. Diện tích của một hình. Xăng – ti – mét vuông	2 tiết		
		Bài 51. Diện tích của một hình. Xăng – ti – mét vuông (T1)	105		
		Bài 51. Diện tích của một hình. Xăng – ti – mét vuông (T2)	106		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
TUẦN 22	Chủ đề 9: Chu vi, diện tích một số hình phẳng	Bài 52. Diện tích hình vuông, diện tích hình chữ nhật	3 tiết		
		Bài 52. Diện tích hình vuông, diện tích hình chữ nhật (T1)	107		
		Bài 52. Diện tích hình vuông, diện tích hình chữ nhật (T2)	108		
		Bài 52. Diện tích hình vuông, diện tích hình chữ nhật (T3)	109		
		Bài 53. Luyện tập chung	3 tiết		
		Bài 53. Luyện tập chung (T1)	110		
TUẦN 23		Bài 53. Luyện tập chung (T2)	111	Thay bằng Bài học STEM: Bài 13: Trải nghiệm cùng diện tích hình vuông, hình chữ nhật	
		Bài 53. Luyện tập chung (T3)	112		
		Bài 54. Phép cộng trong phạm vi 10 000	2 tiết		
		Bài 54. Phép cộng trong phạm vi 10 000 (T1)	113		
		Bài 54. Phép cộng trong phạm vi 10 000 (T2)	114		
TUẦN 24		Bài 55. Phép trừ trong phạm vi 10 000	2 tiết		
		Bài 55. Phép trừ trong phạm vi 10 000 (T1)	115		
		Bài 55. Phép trừ trong phạm vi 10 000 (T2)	116		
		Bài 56. Nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số	3 tiết		
		Bài 56. Nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số (T1)	117		
		Bài 56. Nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số (T2)	118		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
TUẦN 25	Chủ đề 10: Cộng trừ nhân chia trong phạm vi 10 000	Bài 56. Nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số (T3)	119		
		Bài 57. Chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số	3 tiết		
		Bài 57. Chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số (T1)	120		
		Bài 57. Chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số (T2)	121		
		Bài 57. Chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số (T3)	122		
		Bài 58. Luyện tập chung	3 tiết		
		Bài 58. Luyện tập chung (T1)	123		
		Bài 58. Luyện tập chung (T2)	124		
TUẦN 26	Chủ đề 11: Các số đến 100 000	Bài 59. Các số có năm chữ số. Số 100 000	4 tiết		
		Bài 59. Các số có năm chữ số. Số 100 000 (T1)	126		
		Bài 59. Các số có năm chữ số. Số 100 000 (T2)	127		
		Bài 59. Các số có năm chữ số. Số 100 000 (T3)	128		
		Bài 59. Các số có năm chữ số. Số 100 000 (T4)	129		
		Bài 60. So sánh các số trong phạm vi 100 000	2 tiết		
		Bài 60. So sánh các số trong phạm vi 100 000 (T1)	130		
		Bài 60. So sánh các số trong phạm vi 100 000 (T2)	131		
TUẦN 27	Chủ đề 11: Các số đến 100 000	Bài 61. Làm tròn các số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn	1 tiết		
		Bài 61. Làm tròn các số đến hàng nghìn, hàng chục nghìn	132		
		Bài 62. Luyện tập chung	3 tiết		
		Bài 62. Luyện tập chung (T1)	133		
		Bài 62. Luyện tập chung (T2)	134		
		Bài 62. Luyện tập chung (T3)	135		
		Bài 63. Phép cộng trong phạm vi 100 000	2 tiết		
		Bài 63. Phép cộng trong phạm vi 100 000 (T1)	136		
		Bài 63. Phép cộng trong phạm vi 100 000 (T2)	137		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
TUẦN 28	Chủ đề 12: Cộng, trừ trong phạm vi 100 000	Bài 64. Phép trừ trong phạm vi 100 000	2 tiết				
		Bài 64. Phép trừ trong phạm vi 100 000 (T1)	138				
		Bài 64. Phép trừ trong phạm vi 100 000 (T2)	139				
		Bài 65. Luyện tập chung	1 tiết				
		Bài 65. Luyện tập chung	140				
TUẦN 29	Chủ đề 13: Xem đồng hồ, tháng năm, tiền Việt Nam	Bài 66. Xem đồng hồ. Tháng – năm	2 tiết				
		Bài 66. Xem đồng hồ. Tháng - năm (T1)	141				
		Bài 66. Xem đồng hồ. Tháng - năm (T2)	142				
		Bài 67. Thực hành xem đồng hồ. xem lịch	2 tiết				
		Bài 67. Thực hành xem đồng hồ. xem lịch (T1)	143				
		Bài 67. Thực hành xem đồng hồ. xem lịch (T2)	144				
		Bài 68. Tiền Việt Nam	2 tiết				
		Bài 68. Tiền Việt Nam (T1)	145				
		TUẦN 30		Bài 68. Tiền Việt Nam (T2)	146		
				Bài 69. Luyện tập chung	3 tiết		
Bài 69. Luyện tập chung (T1)	147						
Bài 69. Luyện tập chung (T2)	148						
Bài 69. Luyện tập chung (T3)	149						
TUẦN 31	Chủ đề 14: Nhân, chia trong phạm vi 100 000	Bài 70. Nhân số có năm chữ số với số có một chữ số	3 tiết				
		Bài 70. Nhân số có năm chữ số với số có một chữ số (T1)	150				
		Bài 70. Nhân số có năm chữ số với số có một chữ số (T2)	151				
		Bài 70. Nhân số có năm chữ số với số có một chữ số (T3)	152				
		Bài 71. Chia số có năm chữ số cho số có một chữ số	3 tiết				
		Bài 71. Chia số có năm chữ số cho số có một chữ số (T1)	153				
		Bài 71. Chia số có năm chữ số cho số có một chữ số (T2)	154				
		Bài 71. Chia số có năm chữ số cho số có một chữ số (T3)	155				

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
TUẦN 32		Bài 72. Luyện tập chung	2 tiết		
		Bài 72. Luyện tập chung (T1)	156		
		Bài 72. Luyện tập chung (T2)	157		
		Bài 73. Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu. bảng số liệu	3 tiết		
		Bài 73. Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu. bảng số liệu (T1)	158		
		Bài 73 Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu. bảng số liệu (T2)	159		
		Bài 73. Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu. bảng số liệu (T3)	160		
TUẦN 33	Chủ đề 15: Làm quen với yếu tố thống kê, xác suất	Bài 74. Khả năng xảy ra của một sự kiện	1 tiết		
		Bài 74. Khả năng xảy ra của một sự kiện (T1)	161		
		Bài 75. Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân loại, ghi chép số liệu, đọc bảng số liệu.	2 tiết		
		Bài 75. Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân loại, ghi chép số liệu, đọc bảng số liệu. (T1)	162		
		Bài 75. Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân loại, ghi chép số liệu, đọc bảng số liệu. (T2)	163		
		Bài 76. Ôn tập các số trong phạm vi 10 000, 100 000	2 tiết		
		Bài 76. Ôn tập các số trong phạm vi 10 000, 100 000 (T1)	164		
TUẦN 34	Chủ đề 16: Ôn tập cuối năm	Bài 76. Ôn tập các số trong phạm vi 10 000, 100 000 (T2)	165		
		Bài 77. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 000	2 tiết		
		Bài 77. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 000 (T1)	166		
		Bài 77. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 000 (T2)	167		
		Bài 78. Ôn tập phép nhân, phép chia trong phạm vi 100 000	3 tiết		
		Bài 78. Ôn tập phép nhân, phép chia trong phạm vi 100 000 (T1)	168		
		Bài 78. Ôn tập phép nhân, phép chia trong phạm vi 100 000 (T2)	169		
		Bài 78. Ôn tập phép nhân, phép chia trong phạm vi 100 000 (T3)	170		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
TUẦN 35		Bài 79. Ôn tập hình học và đo lường	2 tiết		
		Bài 79. Ôn tập hình học và đo lường (T1)	171		
		Bài 79. Ôn tập hình học và đo lường (T2)	172		
		Bài 80. Ôn tập bảng số liệu, khả năng xảy ra của một sự kiện	1 tiết		
		Bài 80. Ôn tập bảng số liệu, khả năng xảy ra của một sự kiện	173		
		Bài 81. Ôn tập chung	2 tiết		
		Bài 81. Ôn tập chung(T1)	174		
		Bài 81. Ôn tập chung(T2)	175		
		Kiểm tra cuối năm học (1 tiết)			

2. MÔN: TIẾNG VIỆT

* Cấu trúc nội dung SGK Tiếng Việt 3

- Học kì I: 18 tuần, 16 tuần - 32 bài (4 chủ điểm), 1 tuần ôn giữa kì, 1 tuần ôn cuối kì
- Học kì II: 17 tuần, 15 tuần - 30 bài (4 chủ điểm), 1 tuần ôn giữa kì, 1 tuần ôn cuối kì
- TS tiết: 245 tiết/ 35 tuần; Số tiết trên tuần: 7 tiết/ tuần

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Cách viết nhan đề văn bản 2.1. Vốn từ theo chủ điểm 2.2. Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau 3.1. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất 3.2. Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu 3.3. Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê) 4.1. Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng 4.2. Sơ giản về đoạn văn và văn bản có nhiều đoạn: dấu hiệu nhận biết 4.3. Sơ giản về lượt lời thể hiện qua trao đổi nhóm 4.4. Kiểu văn bản và thể loại – Đoạn văn kể lại câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm – Đoạn văn miêu tả đồ vật – Đoạn văn chia sẻ cảm xúc, tình cảm – Đoạn văn nêu lí do vì sao mình thích một nhân vật trong câu chuyện – Đoạn văn giới thiệu về đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, thông báo hoặc bản tin ngắn, tờ khai in sẵn 5. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) KIẾN THỨC VĂN HỌC 1. Bài học rút ra từ văn bản 2. Địa điểm và thời gian 3. Suy nghĩ và hành động của nhân vật NGŨ LIỆU	ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC - Đọc đúng và bước đầu biết đọc diễn cảm các đoạn văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ; tốc độ đọc khoảng 70 – 80 tiếng trong 1 phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ. Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong một đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. - Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 2. - Đánh dấu được đoạn sách đang đọc. - Ghi chép ngắn gọn những nội dung quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung - Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản. - Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý. - Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản. - Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện. - Nhận biết được văn và biện pháp tu từ so sánh trong thơ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
1.1. Văn bản văn học - Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả - Bài thơ, đồng dao, ca dao, về Độ dài của văn bản: truyện khoảng 200 – 250 chữ, bài miêu tả khoảng 180 - 200 chữ, thơ khoảng 80 - 100 chữ 1.2. Văn bản thông tin - Văn bản giới thiệu một đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc Thông báo ngắn, tờ khai in sẵn Độ dài của văn bản: khoảng 120 – 150 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý	- Nhận xét được về hình dáng, điều bộ, hành động của nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình. Liên hệ, so sánh, kết nối - Lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, nêu tình cảm và suy nghĩ về nhân vật đó. - Lựa chọn một nhân vật hoặc địa điểm trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, mô tả hoặc vẽ lại được nhân vật, địa điểm đó. Đọc mở rộng - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Thuộc lòng được ít nhất 8 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 60 chữ. Văn bản thông tin Đọc hiểu nội dung - Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý? - Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, văn bản giới thiệu một đồ vật, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản. - Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian. - Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. Liên hệ, so sánh, kết nối Nêu được những điều học được từ văn bản. Đọc mở rộng

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương các văn bản đã học. VIẾT KĨ THUẬT VIẾT - Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa. - Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học. - Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. - Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN <i>Quy trình viết</i> Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý. <i>Thực hành viết</i> - Viết được đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến, tham gia. - Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật. - Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý. - Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. - Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân. - Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu; điền được thông tin vào một số tờ khai in sẵn; viết được thư cho người thân hay bạn bè (thư viết tay hoặc thư điện tử).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	NÓI VÀ NGHE Nói - Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hoá. - Biết phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp; giới thiệu các thành viên, các hoạt động của nhóm, tổ, lớp. - Nói được về một con người, đồ vật, vật nuôi dựa vào gợi ý. - Kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); kết hợp lời kể, điệu bộ thể hiện cảm xúc về câu chuyện. Nói 2 – 3 câu về một tình huống do em tưởng tượng. - Nói được về một số đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình ảnh trong truyện tranh hay phim hoạt hình. Nghe - Chú ý nghe người khác nói. Đặt được những câu hỏi có liên quan để hiểu đúng nội dung đã nghe. - Biết hỏi và đáp kết hợp với cử chỉ, điệu bộ thích hợp. - Nghe một câu chuyện, tưởng tượng và diễn tả lại đáng vẻ hoặc hành động, lời nói của một nhân vật trong câu chuyện đó. Nói nghe tương tác - Chú ý lắng nghe, tập trung vào vấn đề trao đổi, không nói lạc đề. - Biết nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp; lắng nghe để hiểu đúng thông tin; nói rõ ràng và tỏ thái độ thích hợp; tập trung vào mục đích cuộc nói chuyện.

c) Kế hoạch dạy học cụ thể:

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		BÀI 1: NGÀY GẶP LẠI	3 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
1	Chủ đề 1: Những trải nghiệm thú vị	Đọc: Ngày gặp lại	1,5 tiết	- Tích hợp môn âm nhạc (Chủ đề 3: Mái trường thân yêu) - Tích hợp môn HĐTN (Chủ đề 1: Khám phá bản thân) - ĐDDH: Chuẩn bị video về một số cách chào hỏi thầy cô, bạn bè trong trường, Sử dụng học liệu hành trang số	
		Nói và nghe: Mùa hè của em	0,5 tiết	Sử dụng học liệu hành trang số	
		Viết: Nghe – viết: Em yêu mùa hè	1 tiết	- ĐDDH: Sưu tầm tranh ảnh về hoạt động của trẻ trong kì nghỉ hè, Sử dụng học liệu hành trang số	
		BÀI 2: VỀ THĂM QUÊ	4 tiết		
		Đọc: Về thăm quê	1,5 tiết	Lồng ghép LSĐP: Truyền thống quê hương em	
		Viết: Ôn chữ hoa: A, Ă, Â	0,5 tiết		
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; câu giới thiệu, câu nêu hoạt động.	1 tiết		
		Luyện tập: Viết tin nhắn	1 tiết		
2		BÀI 3: CÁNH RỪNG TRONG NHÀ	3 tiết		
		Đọc: Cánh rừng trong nắng	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Nói và nghe: Kể chuyện Sự tích loài hoa của mùa hạ	0,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Viết: Nghe – viết: Cánh rừng trong nắng	1 tiết		
		BÀI 4: LÀN ĐÀU RA BIỂN	4 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Đọc: Làn đầu ra biển	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Đọc mở rộng:	0,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ đặc điểm.	1 tiết	Tích hợp mỹ thuật (Chủ đề 8: Bữa cơm gia đình)	
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể lại một hoạt động em đã làm cùng người thân.	1 tiết	Lồng ghép GDĐP Giáo dục HS tham gia các hoạt động tập thể ở địa phương và có ý thức BVMT.	
3		BÀI 5: NHẬT KÍ TẬP BOI	3 tiết		
		Đọc: Nhật kí tập bơi	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Nói và nghe: Một buổi tập luyện	0,5 tiết	Tích hợp Quyền con người	
		Viết: Nghe – viết: Mặt trời nhỏ	1 tiết		
		BÀI 6: TẬP NẤU ĂN	4 tiết		
		Đọc: Tập nấu ăn	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Viết: Ôn chữ viết hoa B, C	0,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về từ chỉ hoạt động; Câu nêu hoạt động.	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu các bước làm một món ăn.	1 tiết		
		BÀI 7: MÙA HÈ LẮP LÁNH	3 tiết		
		Đọc: Mùa hè lấp lánh	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số, chuẩn bị thêm một số tranh ảnh, video về các loài cây trình chiếu trên powpoint.	

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
4		Nói và nghe: Kể chuyện Chó Đốm con và mặt trời	0,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Viết: Nghe – viết: Mùa hè lấp lánh	1 tiết		
		BÀI 8: TẠM BIỆT MÙA HÈ	4 tiết		
		Đọc: Tạm biệt mùa hè	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng Video về cầu thủ đá bóng	
		Đọc mở rộng	1 tiết		
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về mùa hè. Dấu hai chấm	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người bạn.	1 tiết	- ĐDDH: Chuẩn bị một số trò chơi dân gian như bịt mắt bắt dê, nu na nu nống,...	
5	Chủ đề 2: Cổng trường mở rộng	BÀI 9: Đi học vui sao	3 tiết		
		Đọc: Đi học vui sao	1,5 tiết	Tích hợp môn mỹ thuật (Chủ đề 9: Thầy cô của em) Tích hợp đạo đức (Chủ đề 2: Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè) Lồng ghép QPAN: Tham gia giao thông an toàn.	
		Nói và nghe: Tới lớp tới trường	0,5 tiết	Tích hợp Quyền con người	
		Viết: Nhớ - viết: Đi học vui sao	1 tiết		
		BÀI 10: CON ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG	4 tiết		
		Đọc: Con đường đến trường	1,5 tiết	Lồng ghép QPAN: Tham gia giao thông an toàn.	
		Viết: Ôn chữ viết hoa: D, Đ	0,5 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
6		Luyện tập: Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm.	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người mà em yêu quý	1 tiết		
		BÀI 11: LỜI GIẢI TOÁN ĐẶC BIỆT	3 tiết		
		Đọc: Lời giải toán đặc biệt	1,5 tiết	- ĐDDH: Tranh trong sách học sinh được trình chiếu trên Powpoint	
		Nói và nghe: Kể chuyện Đội viên tương lai	0,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Viết: Nghe – viết: Lời giải toán đặc biệt	1 tiết		
		BÀI 12: BÀI TẬP LÀM VĂN	4 tiết		
		Đọc: Bài tập làm văn	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng danh sách học sinh của lớp	
		Đọc mở rộng	0,5 tiết		
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về nhà trường. Câu hỏi.	1 tiết		
		Luyện tập: Điền thông tin vào mẫu đơn xin vào Đội.	1 tiết		
		BÀI 13: BÀN TAY CÔ GIÁO	3 tiết		
7		Đọc: Bàn tay cô giáo	1,5 tiết	- Tích hợp môn HĐTN (Chủ đề 3: Trường học hạnh phúc) - Tích hợp môn âm nhạc (Chủ đề 3: Mái trường thân yêu) Lồng ghép giáo dục ý thức bảo vệ môi trường: Giữ gìn vệ sinh lớp học sau các tiết học.	
		Nói và nghe: Một giờ học thú vị	0,5 tiết	Sử dụng học liệu hành trang số	

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Viết: Nghe – viết: Nghe thầy đọc thơ	1 tiết		
		BÀI 14: CUỘC HỌP CỦA CHỮ VIẾT	4 tiết		
		Đọc: Cuộc họp của chữ viết	1,5 tiết	- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường: sau mỗi tiết học vẽ và các buổi học, vệ sinh sạch sẽ chỗ ngồi, vứt rác vào thùng rác	
		Viết: Ôn chữ viết hoa: E, Ê	0,5 tiết		
		Luyện tập: Câu kể. Các dấu kết thúc câu.	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn giới thiệu về bản thân	1 tiết	Tích hợp Quyền con người	
8		BÀI 15: THƯ VIỆN	3 tiết		
		Đọc: Thư viện	1,5 tiết		
		Nói và nghe: Kể chuyện Mặt trời mọc ở đằng... Tây!	0,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Viết: Nghe – viết: Thư viện	1 tiết		
		BÀI 16: NGÀY EM VÀO ĐỘI	4 tiết		
		Đọc: Ngày em vào Đội	1,5 tiết	Niềm tự hào khi vào Đội và ý thức trách nhiệm với niềm tin vào tương lai đất nước	
		Đọc mở rộng	0,5 tiết		
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về thư viện. Câu cảm	1 tiết		
		Luyện tập: Viết thông báo	1 tiết		
		ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I	7 tiết		
9		Ôn tập giữa học kì 1(T1)	1 tiết		
		Ôn tập giữa học kì 1(T2)	1 tiết		
		Ôn tập giữa học kì 1(T3)	1 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Ôn tập giữa học kì 1(T4)	1 tiết		
		Ôn tập giữa học kì 1(T5)	1 tiết		
		Ôn tập giữa học kì 1(T6)	1 tiết		
		Ôn tập giữa học kì 1(T7)	1 tiết		
10		BÀI 17: NGƯỠNG CỬA	3 tiết		
		Đọc: Ngưỡng cửa	1,5 tiết	Tích hợp môn HĐTN (Chủ đề 3: Em yêu trường em)	
		Nói và nghe: Kể chuyện Sự tích nhà sàn	0,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Viết: Nghe – viết: Đồ đạc trong nhà	1 tiết	- ĐDDH: Mũ có gắn hình các con vật để học sinh kể lại câu chuyện, đóng vai vào các nhân vật	
		BÀI 18: MÓN QUÀ ĐẶC BIỆT	4 tiết		
		Đọc: Món quà đặc biệt	1,5 tiết	Tích hợp môn HĐTN (Chủ đề 3: Em yêu trường em) - ĐDDH: Chuẩn bị thêm bài thơ: “Tình bạn” - tác giả: Trần Thị Hương	
		Viết: Ôn chữ viết hoa: G, H	0,5 tiết		
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ đặc điểm. Câu khiến	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn tả đồ vật.	1 tiết		
		BÀI 19: KHI CẢ NHÀ BÉ TÍ	3 tiết		
11		Đọc: Khi cả nhà bé tí	1,5 tiết		
		Nói và nghe: Những người yêu thương	0,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Viết: Nghe – viết: Khi cả nhà bé tí	1 tiết		
		BÀI 20: TRÒ CHUYỆN CÙNG MẸ	4 tiết		
		Đọc: Trò chuyện cùng mẹ	1,5 tiết	- ĐDDH: Video về nhím nâu	

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề 3: Mái nhà yêu thương	Đọc mở rộng	0,5 tiết	Tích hợp Quyền con người	
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về người thân. Dấu hai chấm	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn tả ngôi nhà của mình	1 tiết		
12		BÀI 21: TIA NẮNG BÉ NHỎ	3 tiết		
		Đọc: Tia nắng bé nhỏ	1,5 tiết	- ĐDDH: Hình ảnh, video về tia nắng	
		Nói và nghe: Kể chuyện Tia nắng bé nhỏ	0,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số.	
		Viết: Nghe – viết: Kho sách của ông bà.	1 tiết		
		BÀI 22: ĐỂ CHÁU NĂM TAY ÔNG	4 tiết		
		Đọc: Để cháu năm tay ông	1,5 tiết	Tích hợp Quyền con người	
		Viết: Ôn chữ viết hoa: I, K	0,5 tiết		
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm; Câu kể	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với người thân	1 tiết		
13		BÀI 23: TÔI YÊU EM TÔI	3 tiết		
		Đọc: Tôi yêu em tôi	1,5 tiết	- ĐDDH: Tranh ảnh minh họa bài thơ, các bài hát về anh chị em	
		Nói và nghe: Tình cảm anh chị em	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Tôi yêu em tôi	1 tiết		
		BÀI 24: BẠN NHỎ TRONG NHÀ	4 tiết		
		Đọc: Bạn nhỏ trong nhà.	1.5 tiết		
		Đọc mở rộng	0,5 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về bạn trong nhà; Biện pháp so sánh	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn tả đồ vật.	1 tiết		
14	Chủ đề 4: Mái ấm gia đình	BÀI 25: NHỮNG BẠC ĐÁ CHẠM MÂY	3 tiết		
		Đọc: Những bậc đá chạm mây.	1,5 tiết	Ý thức, trách nhiệm, niềm tin của con người trong việc xây dựng quê hương, đất nước,...	
		Nói và nghe: Kể chuyện Những bậc đá chạm mây.	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết : Những bậc đá chạm mây	1 tiết		
		BÀI 26: ĐI TÌM MẶT TRỜI	4 tiết		
		Đọc: Đi tìm mặt trời.	1,5 tiết		
		Viết: Ôn chữ viết hoa: L	0,5 tiết		
		Luyện tập: Từ trái nghĩa; Câu khiến.	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.	1 tiết	Tích hợp Quyền con người	
15		BÀI 27: NHỮNG CHIẾC ÁO ẤM	3 tiết		
		Đọc: Những chiếc áo ấm	1,5 tiết	- Tích hợp môn HĐTN (Chủ đề 5: Gia đình thân thương) - Tích hợp môn âm nhạc (Chủ đề 6: Gia đình yêu thương)	
		Nói và nghe: Thêm sức thêm tài	0,5 tiết	Tích hợp Quyền con người	
		Viết: Nghe – viết: Trong vườn	1 tiết		
		BÀI 28: CON ĐƯỜNG CỦA BÉ	4 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Đọc: Con đường của bé.	1,5 tiết		
		Đọc mở rộng	0,5 tiết		
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về nghề nghiệp. Câu hỏi	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu lý do thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc.	1 tiết	Tích hợp Quyền con người	
16		BÀI 29: NGÔI NHÀ TRONG CỎ	3 tiết		
		Đọc: Ngôi nhà trong cỏ	1,5 tiết		
		Nói và nghe: Kể chuyện Hàng xóm của Tác kê	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Gió	1 tiết		
		BÀI 30: NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG	4 tiết		
		Đọc: Những ngọn hải đăng	1,5 tiết	Lồng ghép QPAN: An toàn giao thông đường biển.	
		Viết: Ôn chữ viết hoa: M, N	0,5 tiết		
		Luyện tập: Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; Hỏi- đáp về sự vật, hoạt động.	1 tiết		
		Luyện tập: Viết thư.	1 tiết		
17		BÀI 31: NGƯỜI LÀM ĐỒ CHƠI	3 tiết		
		Đọc: Người làm đồ chơi	1,5 tiết	Lồng ghép LSDP: Sản phẩm truyền thống địa phương.	
		Nói và nghe: Kể chuyện Người làm đồ chơi	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Người làm đồ chơi	1 tiết		
		BÀI 32: CÂY BÚT THẦN	4 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
18		Đọc: Cây bút thần	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số.	
		Đọc mở rộng	0,5 tiết		
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về thành thị, nông thôn; Biện pháp so sánh.	1 tiết		
		Luyện tập: Viết thư và phong bì	1 tiết		
		ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I	7 tiết		
		Ôn tập và đánh giá cuối học kì 1	1 tiết		
		Ôn tập và đánh giá cuối học kì 1	1 tiết		
		Ôn tập và đánh giá cuối học kì 1	1 tiết		
		Ôn tập và đánh giá cuối học kì 1	1 tiết		
		Kiểm tra đọc to cuối học kì I	1 tiết		
		Kiểm tra đọc hiểu cuối học kì I	1 tiết		
		Kiểm tra viết cuối học kì I	1 tiết		
		HỌC KÌ 2			
19		BÀI 1: BẦU TRỜI	3 tiết		
		Đọc: Bầu trời	1,5 tiết	- Tích hợp môn Mỹ thuật (Chủ đề 1: Mỹ thuật trong cuộc sống, Chủ đề 4: Những mảng màu yêu thích) - Tích hợp môn TNXH (Chủ đề 6: Trái đất và bầu trời) - Tích hợp môn Âm nhạc (Chủ đề 5: Mùa xuân) Vai trò quan trọng của bầu trời và ý thức bảo vệ, giữ gìn...	
		Nói và nghe: Bầu trời trong mắt em	0,5 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề 1: Những sắc màu thiên nhiên	Viết: Nghe – viết: Buổi sáng	1 tiết		
		BÀI 2: MƯA	4 tiết		
		Đọc: Mưa	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số - BVMT: Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường (bảo vệ nguồn nước sạch) để các sinh vật như cá, tôm, các loại cây vùng đất Cửu Long nói riêng có thể sinh sống.	
		Viết: Ôn chữ viết hoa O, Ô, Ơ	0,5 tiết	Sử dụng học liệu hành trang số	
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về các hiện tượng tự nhiên; Câu cảm, câu khiến.	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể lại diễn biến của một hoạt động ngoài trời	1 tiết	Tích hợp QCN: Quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường (<i>Tích hợp qua hoạt động hoạt động thực hành</i>)	
		BÀI 3: CỐC KIỆN TRỜI	3 tiết		
		Đọc: Cốc kiện trời	1,5 tiết	Tích hợp QCN: Quyền được bảo vệ (<i>Vận dụng</i>)	
		Nói và nghe: Kể chuyện Cốc kiện trời	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Trăng trên biển	1 tiết		
20		BÀI 4: NHỮNG CÁI TÊN ĐÁNG YÊU	4 tiết		
		Đọc: Những cái tên đáng yêu	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Đọc mở rộng	0,5 tiết		
		Luyện tập: Từ ngữ có nghĩa giống nhau. Đặt và trả lời câu hỏi Khi nào?.	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể lại hoạt động quan sát được trong tranh	1 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
21		BÀI 5: NGÀY HỘI RỪNG XANH	3 tiết		
		Đọc: Ngày hội rừng xanh	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Nói và nghe: Rừng	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Chim chích bông	1 tiết		
		BÀI 6: CÂY GẠO	4 tiết		
		Đọc: Cây gạo	1,5 tiết		
		Viết: Ôn chữ viết hoa: P, Q	0,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Luyện tập: Biện pháp so sánh. Đặt và trả lời câu hỏi Ở đâu?	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về cảnh vật trong tranh	1 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
22		BÀI 7: MẶT TRỜI XANH CỦA TÔI	3 tiết		
		Đọc: Mặt trời xanh của tôi	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số - Giáo dục học sinh tình yêu đối với người nông dân, thấu hiểu được sự vất vả của mọi người từ đó biết yêu quý họ và quý trọng từng hạt gạo	
		Nói và nghe: Kể chuyện Sự tích hoa mào gà	0,5 tiết	ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số.	
		Viết: Nhớ - viết: Mặt trời xanh của tôi	1 tiết		
		BÀI 8: BẦY VOI RỪNG TRƯỜNG SƠN	4 tiết		
		Đọc: Bầy voi rừng Trường Sơn	1,5 tiết	- ĐDDH: Hình ảnh cây tre ở làng quê	
		Đọc mở rộng	0,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về núi rừng; Đặt và trả lời câu hỏi Ở đâu?, Khi nào?	1 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về cảnh vật yêu thích	1 tiết	GD ĐP: Chủ đề 4: Dòng sông quê em	
23	Chủ đề 2: Bài học từ cuộc sống	BÀI 9: LỜI KÊU GỌI TOÀN DÂN TẬP THỂ DỤC	3 tiết		
		Đọc: lời kêu gọi toàn dân tập thể dục	1,5 tiết	-Tích hợp môn TNXH (Chủ đề 4: Thực vật và động vật) - Việc tập thể dục để có sức khỏe để mỗi người dân được khỏe và cả nước khỏe... góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước...	
		Nói và nghe: Học từ bạn	0,5 tiết		
		Viết: Nghe- viết: Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục.	1 tiết		
		BÀI 10: QUẢ HỒNG CỦA THỎ CON	4 tiết		
		Đọc: Quả hồng của thỏ con	1,5 tiết	- Tích hợp môn Âm nhạc (Chủ đề 7: Những con vật xung quanh) - ĐDDH: Video về thế giới loài vật.	
		Viết: Ôn chữ viết hoa: R, S	0,5 tiết		
		Luyện tập: Từ có nghĩa giống nhau; Dấu gạch ngang	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc	1 tiết		
		BÀI 11: CHUYỆN BÊN CỬA SỔ	3 tiết		
		Đọc: Chuyện bên cửa sổ	1,5 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
24		Nói và nghe: Kể chuyện Cậu bé đánh giầy.	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Chuyện bên cửa sổ.	1 tiết		
		BÀI 12: TÂY TRÁI VÀ TAY PHẢI	4 tiết		
		Đọc: Tay trái và tay phải	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Đọc mở rộng	0,5 tiết		
		Luyện tập: Dấu ngoặc kép; Đặt và trả lời câu hỏi Bằng gì?	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu lí do em thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe.	1 tiết		
25		BÀI 13: MÈO ĐI CÂU CÁ	3 tiết		
		Đọc: Mèo đi câu cá	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Nói và nghe: Cùng vui làm việc	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Bài học của gấu	1 tiết		
		BÀI 14: HỌC NGHỀ	4 tiết		
		Đọc: Học nghề	1,5 tiết	Tích hợp Quyền con người: Quyền được phát triển, quyền được phát biểu ý kiến (không trái pháp luật) (Vận dụng)	
		Viết: Ôn chữ viết hoa T, U, Ư	0,5 tiết		
	Luyện tập: Dấu gạch gang, dấu ngoặc kép	1 tiết			
	Luyện tập: Viết đoạn văn về ước mơ của em	1 tiết			

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
26		BÀI 15: NGÀY NHƯ THẾ NÀO LÀ ĐẸP?	3 tiết		
		Đọc: Ngày như thế nào là đẹp?	1,5 tiết	Tích hợp môn Âm nhạc (Chủ đề 7: Những con vật xung quanh) - ĐDDH: Video về sao biển BVMT: Những việc nên và không nên làm để bảo vệ môi trường, giúp cho môi trường xanh-sạch-đẹp	
		Nói và nghe: Kể chuyện Ngày như thế nào là đẹp?	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Ngày như thế nào là đẹp?	1 tiết		
		BÀI 16: A LÔ, TỚ ĐÂY.	4 tiết		
		Đọc: A lô, tớ đây.	1,5 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số	
		Đọc mở rộng	0,5 tiết		
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về giao tiếp; Câu kể, câu hỏi	1 tiết		
		Luyện tập: Viết thư điện tử	1 tiết		
		ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2	7 tiết		
27		Ôn tập giữa học kì 2(T1)	1 tiết		
		Ôn tập giữa học kì 2(T2)	1 tiết		
		Ôn tập giữa học kì 2(T3)	1 tiết		
		Ôn tập giữa học kì 2(T4)	1 tiết		
		Ôn tập giữa học kì 2(T5)	1 tiết		
		Ôn tập giữa học kì 2(T6)	1 tiết		
		Ôn tập giữa học kì 2(T7)	1 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
28	Chủ đề 3: Đất nước ngàn năm	BÀI 17: ĐẤT NƯỚC LÀ GÌ?	3 tiết		
		Đọc: Đất nước là gì?	1,5 tiết	Những suy nghĩ cụ thể về đất nước và niềm tin, ý thức trách nhiệm với đất nước	
		Nói và nghe: Cảnh đẹp đất nước.	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Bản em	1 tiết	- ĐDDH: Câu chuyện “Lớp học viết thư” và bốn bức tranh kèm theo gợi ý	
		BÀI 18: NÚI QUÊ TÔI	4 tiết		
		Đọc: Núi quê tôi	1,5 tiết	- Lồng ghép LSĐP: Các cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. Tích hợp QCN: Quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên (Vận dụng)	
		Viết: Ôn viết chữ hoa V, X	0,5 tiết		
		Luyện tập: Từ ngữ có nghĩa giống nhau; Biện pháp so sánh.	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về cảnh vật quê hương	1 tiết	GD ĐP: Chủ đề 3: Một số di tích lịch sử- văn hóa ở Hải Phòng	
29		BÀI 19: SÔNG HƯƠNG	3 tiết		
		Đọc: Sông Hương	1,5 tiết	Tích hợp QCN :Quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên(Vận dụng)	
		Nói và nghe: Kể chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh.	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Chợ Hòn Gai.	1 tiết		
		BÀI 20: TIẾNG NƯỚC MÌNH	4 tiết		
		Đọc: Tiếng nước mình.	1,5 tiết	Niềm tự hào về tiếng nói người Việt→ tình yêu, ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ sự trong sáng của Tiếng Việt	

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
30		Đọc mở rộng	0,5 tiết		
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về đất nước; Câu cảm, câu khiến	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một cảnh đẹp của đất nước	1 tiết		
		BÀI 21: NHÀ RÔNG	3 tiết		
		Đọc: Nhà rông	1,5 tiết	Niềm tự hào về truyền thống quê hương đất nước...	
		Nói và nghe: Quê hương em.	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Nhà rông	1 tiết		
		BÀI 23: SỰ TÍCH ÔNG ĐÙNG, BÀ ĐÙNG	4 tiết		
		Đọc: Sự tích ông Đùng, bà Đùng.	1,5 tiết	Tích hợp Quyền con người Sự hình thành, nguồn gốc, nguồn cội về sông Đà qua truyện cổ dân tộc Mường.	
		Viết: Ôn chữ viết hoa Y	0,5 tiết		
		Luyện tập: Dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn nêu lý do yêu thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe	1 tiết		
		BÀI 23: HAI BÀ TRUNG	3 tiết		
		Đọc: Hai Bà Trưng.	1,5 tiết	Sự quyết tâm bảo vệ quê hương, đất nước mỗi khi Tổ quốc bị xâm lược...	
		Nói và nghe: Kể chuyện Hai Bà Trưng.	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Hai Bà Trưng	1 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
31		BÀI 24: CÙNG BÁC QUA SUỐI.	4 tiết		
		Đọc: Cùng Bác qua suối.	1,5 tiết	Niềm tin và tình yêu với Bác Hồ	
		Đọc mở rộng	0,5 tiết		
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về lễ hội ; Dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang.	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn về một nhân vật yêu thích trong câu chuyện đã đọc, đã nghe.	1 tiết		
32	Chủ đề 4: Trái đất của chúng mình	BÀI 25: NGỌN LỬA Ô – LIM - PICH	3 tiết		
		Đọc: Ngọn lửa Ô – lim - pich	1,5 tiết	Tinh thần thể thao chân chính theo tinh thần hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc Tích hợp QCN: Quyền được phát triển (Khám phá)	
		Nói và nghe: Kể chuyện: Đất quý, đất yêu.	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Ngọn lửa Ô – lim – pich	1 tiết	- ĐDDH: Câu chuyện kết hợp với hình ảnh Thánh Gióng	
		BÀI 26: RÔ – BỐT Ở QUANH TA.	4 tiết		
		Đọc: Rô – bột ở quanh ta.	1,5 tiết	- ĐDDH: Tranh ảnh, video về cảnh đẹp các danh lam thắng cảnh của đất nước ta. - Tích hợp nội dung giáo dục địa phương” Chủ đề 2: Danh lam thắng cảnh và môi trường quê em”. Ngoài các cảnh đẹp nổi tiếng của đất nước Việt Nam, Giáo viên kết hợp giáo dục và cung cấp thêm kiến thức về cảnh đẹp tại địa phương mình.	
		Viết: Ôn chữ viết hoa A, Ă, Â, Q (kiểu 2)	0,5 tiết		
		Luyện tập: Dấu hai chấm, dấu phẩy. Đặt và trả lời câu hỏi Để làm gì?	1 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Luyện tập: Viết bản tin.	1 tiết		
		BÀI 27: THƯ CỦA ÔNG TRÁI ĐẤT GỬI CÁC BẠN NHỎ	3 tiết		
		Đọc: Thư của ông Trái Đất gửi các bạn nhỏ.	1,5 tiết	- Giáo dục an ninh quốc phòng (tôn trọng chủ quyền biển đảo quê hương) - BVMT: Giữ gìn vệ sinh môi trường biển đảo (Khi đi du lịch thì không vứt rác trên các bãi biển, không làm ô nhiễm nguồn nước)	
		Nói và nghe: Môi trường của chúng ta.	0,5 tiết	Tích hợp QCN: Quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên(Vận dụng)	
		Viết: Nghe – viết: Em nghĩ về Trái Đất.	1 tiết		
		BÀI 28: NHỮNG ĐIỀU NHỎ TỐ LÀM CHO TRÁI ĐẤT.	4 tiết		
		Đọc: Những điều nhỏ tốt làm cho Trái Đất.	1,5 tiết	- ĐDDH: Video về quần đảo Trường Sa, về cuộc sống của các chú hải quân	
		Đọc mở rộng	0,5 tiết		
		Luyện tập: Ôn tập các dấu câu, các kiểu câu đã học	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn kể lại một việc làm góp phần bảo vệ môi trường	1 tiết		
		BÀI 29: BÁC SĨ Y- ÉC – XANH.	3 tiết		
34		Đọc: Bác sĩ Y – éc – xanh.	1,5 tiết	Video	

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Nói và nghe: Người nổi tiếng.	0,5 tiết		
		Viết: Nghe – viết: Bác sĩ Y – éc – xanh.	1 tiết		
		BÀI 30: MỘT MÁI NHÀ CHUNG	4 tiết		
		Đọc: Một mái nhà chung	1,5 tiết	Tích hợp môn Đạo đức (Chủ đề 1: Quê hương em)	
		Viết: Ôn chữ viết hoa M, N, V (kiểu 2)	0,5 tiết		
		Luyện tập: Mở rộng vốn từ về Trái Đất; Ôn các kiểu câu đã học	1 tiết		
		Luyện tập: Viết đoạn văn tả bức tranh về Trái Đất.	1 tiết		
		ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 2	7 tiết		
		Ôn tập và đánh giá cuối học kì 2(T1)	1 tiết		
		Ôn tập và đánh giá cuối học kì 2(T2)	1 tiết		
35		Ôn tập và đánh giá cuối học kì 2(T3)	1 tiết		
		Ôn tập và đánh giá cuối học kì 2(T4)	1 tiết		
		Kiểm tra đọc to cuối học kì 2	1 tiết		
		Kiểm tra đọc hiểu cuối học kì 2	1 tiết		
		Kiểm tra viết cuối học kì 2	1 tiết		

3. MÔN: TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

- TS tiết: 70 tiết/ năm. HKI: 18 tuần, HKII: 17 tuần
- Số tiết trên tuần: 2 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
GIA ĐÌNH	
Họ hàng nội, ngoại	- Nêu được mối quan hệ họ hàng nội, ngoại. - Xung hô đúng với các thành viên trong gia đình thuộc họ nội, họ ngoại. - Vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh vào sơ đồ gia đình và họ hàng nội, ngoại theo mẫu. - Bày tỏ được tình cảm, sự gắn bó của bản thân với họ hàng nội, ngoại.
Ngày kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ của gia đình	- Nêu được tên một số ngày kỉ niệm hay sự kiện quan trọng của gia đình và thông tin có liên quan đến những sự kiện đó (ví dụ: một chuyến đi dã ngoại, du lịch đáng nhớ của cả gia đình; thay đổi nơi ở, nơi học, công việc của thành viên gia đình,...). - Vẽ được đường thời gian theo thứ tự các sự kiện lớn, các mốc quan trọng đã xảy ra trong gia đình. Nhận xét được sự thay đổi của gia đình theo thời gian qua một số ví dụ.
Phòng tránh hoả hoạn khi ở nhà	- Nêu được một số nguyên nhân dẫn đến cháy nhà và nêu được những thiệt hại có thể xảy ra (về người, tài sản,...) do hoả hoạn. - Đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong tình huống có cháy xảy ra; Nhận xét về những cách ứng xử đó. - Thực hành ứng xử trong tình huống giả định khi có cháy xảy ra. Điều tra, phát hiện được những thứ có thể gây cháy trong nhà và nói với người lớn có biện pháp để phòng cháy.
Giữ vệ sinh xung quanh nhà	- Kể tên và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh xung quanh nhà. Giải thích được một cách đơn giản tại sao cần phải giữ vệ sinh xung quanh nhà.
TRƯỜNG HỌC	
Hoạt động kết nối với xã hội của trường học	- Nêu được tên và ý nghĩa một đến hai hoạt động kết nối với xã hội của trường học (ví dụ: hoạt động bảo vệ môi trường, hoạt động truyền thông về an toàn giao thông, hoạt động ủng hộ đồng bào bị thiên tai,...) và mô tả được hoạt động đó. - Nhận xét được về sự tham gia của học sinh trong các hoạt động đó.
Truyền thống của nhà trường	- Đặt được một số câu hỏi để tìm hiểu về truyền thống nhà trường (năm thành lập trường, thành tích dạy và học; các hoạt động khác,...). - Giới thiệu được một cách đơn giản về truyền thống nhà trường. - Bày tỏ được tình cảm hoặc mong ước của bản thân đối với nhà trường.
Giữ an toàn và vệ sinh ở trường hoặc khu vực xung quanh trường	- Thực hành khảo sát về sự an toàn trong khuôn viên nhà trường hoặc khu vực xung quanh trường theo nhóm:

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	+ Lập được kế hoạch khảo sát về sự an toàn của phòng học, tường rào, sân chơi, bãi tập hoặc khu vực xung quanh trường theo mẫu. + Khảo sát được về sự an toàn liên quan đến cơ sở vật chất của nhà trường hoặc khu vực xung quanh trường theo sự phân công của nhóm. + Làm báo cáo, trình bày được kết quả khảo sát và đưa ra được ý tưởng khuyến nghị với nhà trường nhằm khắc phục, hạn chế những rủi ro có thể xảy ra. Có ý thức giữ gìn và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh trường học và khu vực xung quanh trường.
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	
Một số hoạt động sản xuất	- Kể được tên, sản phẩm và ích lợi của một số hoạt động sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp hoặc thủ công) ở địa phương. - Trình bày, giới thiệu được một trong số các sản phẩm của địa phương dựa trên các thông tin, tranh ảnh, vật thật,... sưu tầm được. Viết, vẽ hoặc sử dụng tranh ảnh, video,... để chia sẻ với những người xung quanh về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường.
Di tích văn hoá, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên	- Giới thiệu được (bằng lời hoặc kết hợp lời nói với hình ảnh) một di tích lịch sử, văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. - Thể hiện sự tôn trọng và có ý thức giữ vệ sinh khi đi tham quan di tích văn hoá, lịch sử hoặc cảnh quan thiên nhiên.
THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	
Các bộ phận của thực vật, động vật và chức năng của các bộ phận đó	- Vẽ hoặc sử dụng sơ đồ sẵn có để chỉ vị trí và nói (hoặc viết) được tên một số bộ phận của thực vật và động vật. - Trình bày được chức năng của các bộ phận đó (sử dụng sơ đồ, tranh ảnh). - So sánh (hình dạng, kích thước, màu sắc) rễ, thân, lá, hoa, quả của các thực vật khác nhau; phân loại được thực vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm của thân, rễ, lá,...). - So sánh được đặc điểm cấu tạo của một số động vật khác nhau; phân loại được động vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm cơ quan di chuyển,...).
Sử dụng hợp lí thực vật và động vật	- Nêu được ví dụ về việc sử dụng thực vật và động vật trong đời sống hằng ngày. - Liên hệ thực tế, nhận xét về cách sử dụng thực vật và động vật của gia đình và cộng đồng địa phương. - Lựa chọn và đề xuất cách sử dụng thực vật và động vật hợp lí. Chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	
Một số cơ quan bên trong cơ thể	- Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của các cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh trên sơ đồ, tranh ảnh. - Nhận biết được chức năng của các cơ quan nêu trên ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động sống hằng ngày của bản thân (ví dụ: theo dõi việc ăn, uống và thải bã; phát hiện tim và mạch máu đập; phát hiện khả năng phản ứng của cơ thể như rút tay lại khi sờ vào vật nóng và sự thay đổi cảm xúc, khóc khi bị ngã đau, vui khi được khen, buồn khi các bạn không cho chơi cùng).
Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể	- Nêu được một số ví dụ về mối quan hệ với gia đình hoặc bạn bè có ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến trạng thái cảm xúc (hoặc sức khoẻ tinh thần) của mỗi người. - Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ các cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn và thần kinh. - Kể được tên một số thức ăn, đồ uống và hoạt động có lợi cho các cơ quan tiêu hoá, tim mạch, thần kinh. - Thu thập được thông tin về một số chất và hoạt động có hại đối với các cơ quan tiêu hoá, tim mạch, thần kinh (ví dụ: thuốc lá, rượu, ma túy); nêu được cách phòng tránh. □ Xây dựng và thực hiện được thời gian biểu phù hợp (theo mẫu) để có được thói quen học tập, vui chơi, ăn uống, nghỉ ngơi điều độ và ngủ đủ giấc.
TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI	
Phương hướng	- Kể được bốn phương chính trong không gian theo quy ước. - Thực hành xác định được các phương chính dựa trên phương Mặt Trời mọc, lặn hoặc sử dụng la bàn.
Một số đặc điểm của Trái Đất	- Nhận biết ban đầu về hình dạng Trái Đất qua quả địa cầu. - Chỉ được cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên quả địa cầu. - Trình bày được một vài hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video. - Tìm và nói được tên các châu lục và các đại dương trên quả địa cầu. Chỉ được vị trí của Việt Nam trên quả địa cầu. - Nêu được một số dạng địa hình của Trái Đất: đồng bằng, đồi, núi, cao nguyên; sông, hồ, biển, đại dương dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video. - Xác định được nơi học sinh đang sống thuộc dạng địa hình nào.
Trái Đất trong hệ Mặt Trời	- Chỉ và nói được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời trên sơ đồ, tranh ảnh. - Chỉ và trình bày được chiều chuyển động của Trái Đất quanh mình nó và quanh Mặt Trời trên sơ đồ và (hoặc) mô hình.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	Giải thích được ở mức độ đơn giản hiện tượng ngày và đêm, qua sử dụng mô hình hoặc video. - Chỉ được chiều chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất trên sơ đồ và (hoặc) mô hình. Nêu được Trái Đất là một hành tinh trong hệ Mặt Trời, Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất.

b. Kế hoạch dạy học cụ thể:

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
1	Chủ đề 1: Gia đình	Bài 1: Họ hàng và những ngày kỉ niệm của gia đình	3 tiết		
		Họ hàng và những ngày kỉ niệm của gia đình	1	Thay thế bài học STEM: Bài 1: Họ hàng nội, ngoại	
		Họ hàng và những ngày kỉ niệm của gia đình	2		
2		Họ hàng và những ngày kỉ niệm của gia đình	3		
		Bài 2: Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà.	2 tiết	ĐDDH: Video về những vụ cháy, tranh ảnh SGK, Sử dụng hành trang số.	
		Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà.	4		
3		Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà.	5	.	
		Bài 3: Vệ sinh xung quanh nhà	2 tiết	ĐDDH: - Video một số hình ảnh về việc làm vệ sinh - Sử dụng hành trang số GDBVMT: Có ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường xung quanh sạch đẹp - Biết làm một số việc vừa sức để giữ gìn môi trường xung quanh: vứt rác đúng nơi quy định, sắp xếp đồ dùng trong nhà gọn gàng, sạch sẽ.	
		Vệ sinh xung quanh nhà	6		
4		Vệ sinh xung quanh nhà	7		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
				GDĐP: Em đã làm gì để cho đường làng ngõ xóm nơi em ở sạch sẽ.	
		Bài 4: Ô tập chủ đề Gia đình	2 tiết		
		Ô tập chủ đề Gia đình	8		
		Ô tập chủ đề Gia đình	9		
5		Bài 5: Hoạt động kết nối với cộng đồng	2 tiết		
		Hoạt động kết nối với cộng đồng	10		
		Hoạt động kết nối với cộng đồng	11		
6		Bài 6: Truyền thống trường em	2 tiết		
		Truyền thống trường em	12		
		Truyền thống trường em	13		
7		Bài 7: Giữ an toàn và vệ sinh ở trường	3 tiết		
		Giữ an toàn và vệ sinh ở trường	14		
		Giữ an toàn và vệ sinh ở trường	15		
8		Giữ an toàn và vệ sinh ở trường	16		
9		Bài 8: Ôn tập chủ đề Trường học	2 tiết		
		Ôn tập chủ đề Trường học	17		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề 3: Cộng đồng và địa phương	Ôn tập chủ đề Trường học	18		
10		Bài 9: Hoạt động sản xuất nông nghiệp	3 tiết	- ĐDDH: Video về hoạt động sản xuất nông nghiệp ở địa phương + Tranh ảnh về các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu của địa phương - GDBVMT: HS thực hiện việc bảo vệ môi trường ở địa phương và tham gia các hoạt động BVMT.	
		Hoạt động sản xuất nông nghiệp	19		
11		Hoạt động sản xuất nông nghiệp	20		
		Hoạt động sản xuất nông nghiệp	21		
		Bài 10 : Hoạt động sản xuất thủ công và công nghiệp	3 tiết	- ĐDDH: Video về hoạt động sản xuất thủ công và công nghiệp ở địa phương + Tranh ảnh về các sản thủ công tiêu biểu ở địa phương và trng nước - GDBVMT: HS thực hiện việc bảo vệ môi trường ở địa phương và tham gia các hoạt động BVMT.	
12		Hoạt động sản xuất thủ công và công nghiệp	22		
		Hoạt động sản xuất thủ công và công nghiệp	23		
		Hoạt động sản xuất thủ công và công nghiệp	24		
13		Bài 11: Di tích lịch sử -văn hóa và cảnh quan thiên nhiên	2 tiết	GDBVMT: HS thực hiện việc bảo vệ các di tích lịch sử cũng như cảnh quan thiên nhiên. GDĐP: CĐ 3:Di tích lịch sử - văn hoá ở Hải Phòng CĐ 5: Một số công trình kiến trúc Pháp cổ tại Hải Phòng	
		Di tích lịch sử -văn hóa và cảnh quan thiên nhiên	25		
		Di tích lịch sử -văn hóa và cảnh quan thiên nhiên	26		
14		Bài 12: Ôn tập chủ đề Cộng đồng, địa phương	2 tiết		
		Ôn tập chủ đề Cộng đồng, địa phương	27		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
15	Chủ đề 4: Thực vật và động vật	Ôn tập chủ đề Cộng đồng, địa phương	28		
		Bài 13: Một số bộ phận của thực vật	3 tiết		
Một số bộ phận của thực vật		29			
16		Một số bộ phận của thực vật	30		
		Một số bộ phận của thực vật	31		
17		Bài 14: Chức năng một số bộ phận của thực vật	2 tiết	- ĐDDH: Sử dụng học liệu hành trang số.	
		Chức năng một số bộ phận của thực vật	32		
		Chức năng một số bộ phận của thực vật	33		
18		Thực hành kĩ năng cuối HK1	34		
		Kiểm tra đánh giá	35		
19	Bài 15: Một số bộ phận của động vật và chức năng của chúng	3 tiết	- ĐDDH: File giáo án Powerpoint tranh ảnh có liên quan đến chủ đề		
	Một số bộ phận của động vật và chức năng của chúng	36			
	Một số bộ phận của động vật và chức năng của chúng	37			
	Một số bộ phận của động vật và chức năng của chúng	38			
20	Bài 16: Sử dụng hợp lí động vật và thực vật	2 tiết			

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề 5: Con người và sức khỏe	Sử dụng hợp lí động vật và thực vật	39	- ĐDDH: video về các con vật sống ở các môi trường khác nhau. Sử dụng hành trang số. Sử dụng clip về HĐ của một số loài vật..MT chủ đề 10 "Đồ chơi từ tạo hình con vật" TV chủ đề 2 bài 9,10 "Về chim và khủng long"	
21		Sử dụng hợp lí động vật và thực vật	40		
		Bài 17: Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật	2 tiết		
		Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật	41		
22		Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật	42		
		Bài 18: Cơ quan tiêu hóa	2 tiết		
		Cơ quan tiêu hóa	43		
23		Cơ quan tiêu hóa	44	Tranh ảnh SGK. Phiếu học tập	
		Bài 19: Chăm sóc và bảo vệ cơ quan tiêu hóa	2 tiết		
		Chăm sóc và bảo vệ cơ quan tiêu hóa	45		
24		Chăm sóc và bảo vệ cơ quan tiêu hóa	46		
		Bài 20: Cơ quan tuần hoàn	2 tiết		
		Cơ quan tuần hoàn	47		
25		Cơ quan tuần hoàn	48	Tranh ảnh SGK. Phiếu học tập	
		Bài 21: Chăm sóc và bảo vệ cơ quan tuần hoàn	2 tiết	Tranh ảnh SGK Sử dụng hành trang số	
		Chăm sóc và bảo vệ cơ quan tuần hoàn	49		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
26		Chăm sóc và bảo vệ cơ quan tuần hoàn	50		
		Bài 22: Cơ quan thần kinh	2 tiết	Tranh ảnh SGK. Thẻ cài thanh ghi tên các nhóm cơ chính Sử dụng hành trang số	
		Cơ quan thần kinh	51		
Cơ quan thần kinh		52			
27		Bài 23: Chăm sóc và bảo vệ cơ quan thần kinh	2 tiết	Hình SGK phóng to. Mô hình cơ thần kinh.3 Thẻ cài thanh ghi tên cơ quan thần kinh. Sử dụng hành trang số	
		Chăm sóc và bảo vệ cơ quan thần kinh	53		
		Chăm sóc và bảo vệ cơ quan thần kinh	54		
28		Bài 24: Thu thập thông tin về các chất và hoạt động có hại cho sức khỏe	1 tiết	Tranh SGK . Một số hình ảnh có liên quan đến bài học. Sử dụng hành trang số	
		Thu thập thông tin về các chất và hoạt động có hại cho sức khỏe	55		
		29	Bài 25: Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe	1 tiết	Tranh SGK. Một số hình ảnh có liên quan đến bài học.4 thẻ cài thanh ghi tên các bộ phận chính của cơ quan bài tiết.. Sử dụng hành trang số.Các thẻ chữ
Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe			56		
Bài 26: Xác định các phương trong không gian			2 tiết	Tranh SGK. Sử dụng hành trang số.	
Xác định các phương trong không gian			57		
30		Xác định các phương trong không gian	58	Tranh ảnh trong SGK. Sử dụng hành trang số.	
		Bài 27: Trái Đất và các đới khí hậu.	2 tiết		
		Trái Đất và các đới khí hậu.	59		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
31	Chủ đề 6: Trái đất và bầu trời	Trái Đất và các đới khí hậu.	60		
		Bài 28: Bề mặt Trái Đất	3 tiết		
		Bề mặt Trái Đất	61		
32		Bề mặt Trái Đất	62	Thay thế bài học STEM: Bài 16: Mô hình Mặt Trời – Mặt Trăng – Trái Đất	
		Bề mặt Trái Đất	63		
33		Bài 29: Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng	2 tiết		
		Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng	64		
		Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng	65		
34		Bài 30: Ôn tập chủ đề Trái đất và bầu trời	2 tiết	Sử dụng hành trang số. Hình SGK	
		Ôn tập chủ đề Trái đất và bầu trời	66		
	Ôn tập chủ đề Trái đất và bầu trời	67			
35		Thực hành kỹ năng cuối HK2	68		
		Thực hành kỹ năng cuối năm	69		
		Tổng kết môn học	70		

4. MÔN: ĐẠO ĐỨC

TS tiết : 35 tiết.

HKI: 18 tiết,

HKII: 17 tiết. Số tiết trên tuần: 1 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Em yêu Tổ quốc Việt Nam	- Biết Quốc hiệu, Quốc kì, Quốc ca Việt Nam. - Nêu được một số nét cơ bản về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam. - Nhận ra Tổ quốc Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ. - Thực hiện được hành vi, việc làm thể hiện tình yêu Tổ quốc Việt Nam: nghiêm trang khi chào cờ và hát Quốc ca; yêu quý, bảo vệ thiên nhiên; trân trọng và tự hào về truyền thống lịch sử, văn hóa của đất nước. Tự hào được là người Việt Nam.
Quan tâm hàng xóm láng giềng	- Nêu được một số biểu hiện của việc quan tâm đến hàng xóm láng giềng. - Biết vì sao phải quan tâm đến hàng xóm láng giềng. - Quan tâm đến hàng xóm láng giềng bằng những lời nói, việc làm phù hợp. - Đồng tình với những lời nói, việc làm tốt; không đồng tình với những lời nói, việc làm không tốt đối với hàng xóm láng giềng.
Ham học hỏi	- Nêu được một số biểu hiện của việc ham học hỏi. - Nhận biết được lợi ích của việc ham học hỏi đối với lứa tuổi của mình.
	- Thực hiện được việc làm thể hiện sự ham học hỏi.
Giữ lời hứa	- Nêu được một số biểu hiện của việc giữ lời hứa. - Biết vì sao phải giữ lời hứa. - Thực hiện giữ lời hứa bằng lời nói, việc làm cụ thể. - Đồng tình với những lời nói, hành động thể hiện việc giữ lời hứa; không đồng tình với lời nói, hành động không giữ lời hứa.
Tích cực hoàn thành nhiệm vụ	- Nêu được một số biểu hiện của tích cực hoàn thành nhiệm vụ. - Biết vì sao phải tích cực hoàn thành nhiệm vụ. - Hoàn thành nhiệm vụ đúng kế hoạch, có chất lượng. - Nhắc nhở bạn bè tích cực hoàn thành nhiệm vụ.
Khám phá bản thân	- Nêu được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. - Biết vì sao phải biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. - Thực hiện được một số cách đơn giản tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	- Rèn luyện để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản thân.
Xử lý bất hoà với bạn bè	- Nêu được một số biểu hiện bất hoà với bạn bè. - Nhận biết được lợi ích của việc xử lý bất hoà với bạn bè. - Thực hiện được một số cách đơn giản, phù hợp để xử lý bất hoà với bạn bè. Sẵn sàng giúp bạn bè xử lý bất hoà với nhau.
Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông	- Nêu được một số quy tắc an toàn giao thông thường gặp. - Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy tắc an toàn giao thông. - Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông phù hợp với lứa tuổi. - Đồng tình với những hành vi tuân thủ quy tắc an toàn giao thông; không đồng tình với những hành vi vi phạm quy tắc an toàn giao thông.

b. Kế hoạch dạy học cụ thể:

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
1	Chủ đề 1: Em yêu tổ quốc Việt Nam	Bài 1: Chào cờ và hát Quốc ca	2 tiết	Tích hợp Quyền con người: Quyền được tham gia	
		Chào cờ và hát Quốc ca	1 tiết		
2		Chào cờ và hát Quốc ca	1 tiết		
3		Bài 2: Tự hào Tổ quốc Việt Nam	3 tiết		
4		Tự hào Tổ quốc Việt Nam	1 tiết		
5		Tự hào Tổ quốc Việt Nam	1 tiết		
6	Chủ đề 2: Quan tâm hàng xóm láng giềng	Bài 3: Quan tâm hàng xóm láng giềng	4 tiết	Tích hợp quyền con người: Quyền được sống	
		Quan tâm hàng xóm láng giềng	1 tiết		
7		Quan tâm hàng xóm láng giềng	1 tiết		
8		Quan tâm hàng xóm láng giềng	1 tiết		
9		Quan tâm hàng xóm láng giềng	1 tiết		
10	ÔN TẬP GIỮA HKI	Thực hành giữa học kì I	1 tiết		
11	Chủ đề 3: Ham học hỏi	Bài 4: Ham học hỏi	3 tiết		
		Ham học hỏi	1 tiết		
12		Ham học hỏi	1 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
13		Ham học hỏi	1 tiết		
14	Chủ đề 4: Giữ lời hứa	Bài 5: Giữ lời hứa	3 tiết		
		Giữ lời hứa	1 tiết		
15		Giữ lời hứa	1 tiết		
16		Giữ lời hứa	1 tiết		
17	ÔN TẬP CUỐI HKI	Thực hành rèn kĩ năng	1 tiết		
18	Chủ đề 5: Tích cực hoàn thành nhiệm vụ	Bài 6: Tích cực hoàn thành nhiệm vụ	3 tiết	Tích hợp Quyền con người: Quyền được tham gia	
		Tích cực hoàn thành nhiệm vụ	1 tiết		
19		Tích cực hoàn thành nhiệm vụ	1 tiết		
20		Tích cực hoàn thành nhiệm vụ	1 tiết		
21	Chủ đề 6: Khám phá bản thân	Bài 7: Khám phá bản thân	5 tiết		
		Khám phá bản thân	1 tiết		
22		Khám phá bản thân	1 tiết		
23		Khám phá bản thân	1 tiết	Tích hợp quyền con người: Quyền được phát triển	
24		Khám phá bản thân	1 tiết		
25		Khám phá bản thân	1 tiết		
26	ÔN TẬP GIỮA HKII	Thực hành rèn kĩ năng	1 tiết		
27	Chủ đề 7: Xử lý bất hòa với bạn bè	Bài 8: Xử lý bất hòa với bạn bè	3 tiết	Tích hợp quyền con người: Quyền được phát triển	
		Xử lý bất hòa với bạn bè	1 tiết		
28		Xử lý bất hòa với bạn bè	1 tiết		
29		Xử lý bất hòa với bạn bè	1 tiết		
30		Bài 9: Đi bộ an toàn	2 tiết	- Tích hợp môn TNXH (Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương) - Tích hợp KNS: HS có ý thức, hành vi tuân thủ quy	
		Đi bộ an toàn	1 tiết		
31		Đi bộ an toàn	1 tiết		

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề 8: Tuân thủ quy tắc an toàn giao thông			định nơi công cộng(An toàn khi tham gia giao thông) - Tích hợp GDMT: HS tuân thủ quy định giữ gìn vệ sinh nơi công cộng (khi tham quan khu di tích lịch sử không vứt rác bừa bãi, không viết, vẽ lên bức tường. Bảo vệ cây hoa nơi công cộng, biết bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa) - Tích hợp địa phương: HS nêu được các loại đường giao thông, kể tên được các phương tiện giao thông được sử dụng phổ biến. - Tích hợp ANQP: HS biết được những việc nên và không nên làm để bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa.	
32		Bài 10: An toàn khi tham gia các phương tiện giao thông	(2 tiết)	- Tích hợp môn TNXH (Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương) - Tích hợp KNS: HS có ý thức, hành vi tuân thủ quy	
		An toàn khi tham gia các phương tiện giao thông	1 tiết	định nơi công cộng(An toàn khi tham gia giao thông)	
33		An toàn khi tham gia các phương tiện giao thông	1 tiết	- Tích hợp GDMT: HS tuân thủ quy định giữ gìn vệ sinh nơi công cộng (khi tham quan khu di tích lịch sử không vứt rác bừa bãi, không viết, vẽ lên	

Tuần, tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
				bức tường. Bảo vệ cây hoa nơi công cộng, biết bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa) - Tích hợp địa phương: HS nêu được các loại đường giao thông, kể tên được các phương tiện giao thông được sử dụng phổ biến. - Tích hợp ANQP: HS biết được những việc nên và không nên làm để bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa.	
34	ÔN TẬP CUỐI HK II	Thực hành rèn kĩ năng	1 tiết		
35		Tổng kết môn học	1 tiết		

5. MÔN: ÂM NHẠC

TS tiết trên năm: 35 tiết.

HKI: 18 tiết. HKII: 17 tiết

Số tiết trên tuần: 1 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Hát Quốc ca Việt Nam. Bài hát tuổi học sinh (8 – 9	Bước đầu hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. Hát rõ lời và thuộc lời; biết cách lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định. Biết hát với các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
tuổi), đồng dao, dân ca Việt Nam, bài hát nước ngoài. Các bài hát ngắn gọn, đơn giản, có nội dung, âm vực phù hợp với độ tuổi; đa dạng về loại nhịp và tính chất âm nhạc.	Cảm nhận được tình cảm của bài hát. Nêu được tên bài hát và tên tác giả. Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc trò chơi.
Nghe nhạc Một số bản nhạc có lời và không lời phù hợp với độ tuổi.	Biết lắng nghe và biểu lộ cảm xúc; biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu. Cảm nhận về đặc trưng của các loại âm sắc khác nhau; bước đầu biết tưởng tượng khi nghe nhạc. Nêu được tên bản nhạc.
Đọc nhạc Giọng Đô trưởng. Các mẫu âm ngắn, đơn giản, dễ đọc, âm vực phù hợp với độ tuổi. Chủ yếu sử dụng trường độ: trắng, đen, móc đơn, và dấu lặng đen.	Đọc đúng tên nốt; thể hiện đúng cao độ và trường độ các mẫu âm. Cảm nhận và phân biệt được âm thanh cao – thấp, dài – ngắn, to – nhỏ.
Nhạc cụ Một số mẫu tiết tấu ngắn, đơn giản. Chủ yếu sử dụng trường độ: trắng, đen, móc đơn, và dấu lặng đen. – Tìm hiểu nhạc cụ: Một số nhạc cụ phổ biến của Việt Nam và nước ngoài.	Thể hiện đúng trường độ các mẫu tiết tấu; duy trì được tốc độ ổn định. Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà. Biết sử dụng nhạc cụ để đệm cho bài hát. – Nêu được tên của một số nhạc cụ phổ biến; mô tả được động tác chơi nhạc cụ. Nhận biết được một số nhạc cụ khi xem biểu diễn.
Thường thức âm nhạc – Câu chuyện âm nhạc: Một số câu chuyện âm nhạc phù hợp với độ tuổi.	Nêu được tên các nhân vật yêu thích hoặc ý nghĩa của câu chuyện. Kể được câu chuyện ngắn theo hình ảnh minh họa. Bước đầu biết minh họa cho một số tình tiết của câu chuyện bằng âm thanh hoặc động tác.

c. Kế hoạch dạy học

TS tiết trên năm: 35 tiết, trong đó: HKI: 18 tiết. HKII: 17 tiết

Số tiết trên tuần: 1 tiết/ tuần

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	<i>Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)</i> (Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức...)
36	Chủ đề 1: Lễ hội âm thanh	36.	Học hát: Múa lân	1 tiết	Tích hợp GDĐP Chủ đề 1: Trung thu trên quê hương Hải Phòng.
37		37.	Đọc nhạc: Bài số 1 Ôn bài hát: Múa lân	1 tiết	
38		38.	Thường thức Âm nhạc: Dân trống dân tộc Ôn đọc nhạc: Bài số 1	1 tiết	Tích hợp GDĐP: Lễ hội truyền thống quê em
39		39.	Tổ chức vận dụng – sáng tạo	1 tiết	
40	Chủ đề 2: Em yêu Tổ quốc Việt Nam	40.	Học hát: Quốc ca Việt Nam	1 tiết	Tích hợp GDANQP: Giúp HS biết được ý nghĩa của bài hát, đây là niềm tự hào của mỗi người dân Việt Nam. Khơi dậy tình yêu quê hương đất nước.
41		41.	Nghe nhạc: Ca ngợi tổ quốc Ôn bài hát: Quốc ca Việt nam	1 tiết	* Tích hợp GDĐP: Nêu được một số nét khái quát về địa lý, đặc điểm tự nhiên của địa phương. - Tình cảm, gắn bó của em với quê hương. * Tích hợp GDANQP: Khơi dậy tình yêu quê hương đất nước.
42		42.	Nhạc cụ: Maracas	1 tiết	
43		43.	Tổ chức vận dụng – Sáng tạo	1 tiết	
44	Chủ đề 3: Vui đến trường	44.	Học hát: Vui đến trường	1 tiết	Tích hợp GDĐP: - Có ý thức bảo vệ môi trường ở địa phương. - Bày tỏ được tình cảm, sự gắn bó của bản thân với địa phương.

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	<i>Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)</i> (Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức...)
45		45.	Độc nhạc: Bài số 2 Ôn bài hát: Vui đến trường	1 tiết	
46		46.	Nghe nhạc: Đi học Ôn đọc nhạc: Bài số 2	1 tiết	
47		47.	Tổ chức vận dụng – Sáng tạo	1 tiết	
48	Chủ đề 4: Em yêu làn điệu dân ca	48.	Học hát: Khúc nhạc trên nương xa	1 tiết	
49		49.	Nhạc cụ: Thể hiện các hình tiết tấu bằng nhạc cụ gõ. Ôn hát : Khúc nhạc trên nương xa	1 tiết	
50		50.	Nghe nhạc: Suối đàn T`rưng Thường thức Âm nhạc: Những khúc hát ru	1 tiết	
51		51.	Tổ chức vận dụng – Sáng tạo	1 tiết	
52	Ôn tập và kiểm tra	52.	Ôn tập và đánh giá cuối kỳ I	2 tiết	
53		53.			
54	Chủ đề 5: Đón xuân về	54.	Học hát: Đón xuân về	1 tiết	Tích hợp GDĐP:Biết được các trang phục, món ăn, nghỉ lễ,... truyền thống của địa phương. - Có ý thức giữ gìn một số phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có) (Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức...)
55		55.	Độc nhạc: Bài số 3 Ôn bài hát: Đón xuân về	1 tiết	
56		56.	Ôn đọc nhạc: Bài số 3 Thường thức Âm nhạc: Giới thiệu đàn Vi – ô – lông (Violon) Nghe nhạc: Mùa xuân ơi.	1 tiết	
57		57.	Tổ chức vận dụng – Sáng tạo	1 tiết	
58	Chủ đề 6: Đẹp mãi tuổi thơ	58.	Học hát: Đẹp mãi tuổi thơ	1 tiết	
59		59.	Nghe nhạc: Ước mơ hồng Ôn bài hát: Đẹp mãi tuổi thơ	1 tiết	
60		60.	Nhạc cụ: Thể hiện các hình tiết tấu bằng nhạc cụ gõ.	1 tiết	
61		61.	Vận dụng – Sáng tạo: Tập biểu diễn	1 tiết	
62	Chủ đề 7	62.	Học hát: Con chim non	1 tiết	
63		63.	Độc nhạc: Bài số 4 Ôn bài hát: Con chim non	1 tiết	
64		64.	Ôn đọc nhạc: Bài số 4 Nghe nhạc: Van-Xơ Pha-Vô-Rít	1 tiết	

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có) (Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức...)
65		65	Tổ chức vận dụng – Sáng tạo	1 tiết	
66	Chủ đề 8: Vui đón hè	66	Học hát: Hè về vui quá	1 tiết	Tích hợp nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh: Giáo dục HS biết lựa chọn trò chơi phù hợp với lứa tuổi và an toàn.
67		67	Nhạc cụ: Thể hiện các hình tiết tấu bằng nhạc cụ gõ Ôn bài hát: Hè về vui quá	1 tiết	
68		68	Thường thức âm nhạc: Cá heo với âm nhạc.	1 tiết	Tích hợp GDĐP: Có ý thức bảo vệ môi trường ở địa phương.
69	Ôn tập và kiểm tra	69	Ôn tập và đánh giá cuối năm	2 tiết	
70		70			

6. MÔN: MĨ THUẬT

TS tiết trên năm: 35 tiết.

HKI: 18 tiết. HK II: 17 tiết

Số tiết trên tuần: 1 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<i>Yếu tố và nguyên lý tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp:	<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Yếu tố tạo hình</i> Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thể loại Lựa chọn, kết hợp: Lí luận và lịch sử mỹ thuật Hội hoạ Đồ hoạ (tranh in) Điêu khắc Hoạt động thực hành và thảo luận <i>Thực hành</i> Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề Lựa chọn, kết hợp: Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương.	Biết phân biệt màu cơ bản và màu thứ cấp. Biết liên hệ nội dung chủ đề với hình ảnh trong thực tiễn. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: Tạo được màu thứ cấp và đọc được tên các màu đó trong thực hành, sáng tạo. Vận dụng được đậm, nhạt của chấm, nét để trang trí sản phẩm. Biết vận dụng sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản để mô phỏng đối tượng. Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm, như: mịn, mềm, thô ráp,... Tạo được sự biểu đạt hình động cho sản phẩm. Thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm. Phân biệt được vẽ, in và nặn trong thực hành, sáng tạo. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Trung bày, trao đổi, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm và ý tưởng vận dụng. Biết mô tả, chia sẻ cảm nhận về tác phẩm mỹ thuật ở mức độ đơn giản.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
Yếu tố và nguyên lí tạo hình Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thể loại: Thủ công Lựa chọn, kết hợp: Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. Đồ thủ công bằng vật liệu suu tầm, tái sử dụng.	Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Hiểu được một số thao tác, công đoạn cơ bản để làm nên sản phẩm. Nhận biết được tính chất tương phản của hình, khối ở sản phẩm thủ công. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: Tạo được sản phẩm có sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản. Tạo được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm bằng vật liệu sẵn có. – Thể hiện được chi tiết hoặc hình ảnh trọng tâm ở sản phẩm.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Hoạt động thực hành và thảo luận <i>Thực hành</i> Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: Sản phẩm thủ công. Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề Lựa chọn, kết hợp: – Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm.	Vận dụng được sự khác nhau của chấm, đường hướng của nét để trang trí sản phẩm. Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Trung bày, giới thiệu được sản phẩm, chia sẻ mục đích sử dụng. Biết phân biệt vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo ở sản phẩm thủ công.

b. Kế hoạch dạy học cụ thể:

Tuần Tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Tiết	Nội dung điều chỉnh, bổ sung(nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề / mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ Thời lượng			
1	Chủ đề 1	Em yêu mỹ thuật	1 tiết	1		
2	Chủ đề 2	Hoa văn trên trang phục của một số dân tộc	2 tiết	2		
3				3		
4	Chủ đề 3	Màu sắc em yêu	3 tiết	4		
5				5		
6				6		
7	Chủ đề 4	Vẽ đẹp của khối	3 tiết	7		
8				8		
9				9		

10	Chủ đề 5	Một số vật liệu sử dụng trong thực hành, sáng tạo MT	3 tiết	10		
11				11		
12				12		
13	Chủ đề 6	Biết ơn thầy cô	4 tiết	13		
14				14		
15				15		
16				16		
17	Kiểm tra/ đánh giá học kì 1		1 tiết	17		
18	Chủ đề 7	Cảnh vật quanh em	4 tiết	18		
19				19		
20				20		
21				21		
22	Chủ đề 8	Chân dung người thân trong gia đình	4 tiết	22		
23				23		
24				24		
25				25		
26	Chủ đề 9	Sinh hoạt trong gia đình	4 tiết	26		
27				27		
28				28		
29				29		
30	Chủ đề 10	An toàn giao thông	4 tiết	30		
31				31		
32				32		

33			33		
34	Đánh giá định kì cuối năm		1 tiết	34	
35	Trung bày sản phẩm cuối năm		1 tiết	35	

7. MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TS tiết trên năm: 70 tiết
HKI: 18 tiết. HKII: 17 tiết
Số tiết trên tuần: 2 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
KIẾN THỨC CHUNG Những yếu tố môi trường tự nhiên có lợi, có hại trong tập luyện. VẬN ĐỘNG CƠ BẢN Đội hình đội ngũ Biến đổi đội hình Động tác đi đều Trò chơi rèn luyện đội hình đội ngũ Bài tập thể dục Các động tác thể dục phù hợp với đặc điểm lứa tuổi Trò chơi bổ trợ khéo léo Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản Các bài tập di chuyển vượt chướng ngại vật Các bài tập rèn luyện kĩ năng tung, bắt bằng tay Trò chơi rèn luyện kĩ năng vận động và phản xạ THỂ THAO TỰ CHỌN Tập luyện một trong các nội dung thể thao phù hợp với đặc điểm lứa tuổi Trò chơi vận động bổ trợ môn thể thao ưa thích	Bước đầu biết lựa chọn môi trường tự nhiên có lợi trong tập luyện. Biết quan sát tranh ảnh và động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được nội dung đội hình đội ngũ; các động tác bài tập thể dục; các tư thế và kĩ năng vận động cơ bản; các động tác cơ bản của nội dung thể thao và vận dụng được vào trong các hoạt động tập thể. Tham gia tích cực các trò chơi vận động rèn luyện tư thế, tác phong, phản xạ và bổ trợ môn thể thao ưa thích. Bước đầu tự sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện. Hoàn thành lượng vận động của bài tập. Nghiêm túc, tích cực, trung thực trong tập luyện. Hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao.

b. Kế hoạch dạy học cụ thể:

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
1	Chủ đề 1: Đội hình đội ngũ	Bài 1: Biến đổi đội hình từ một hàng dọc thành hai, ba hàng dọc và ngược lại	4 tiết		
		Biến đổi đội hình từ một hàng dọc thành hai, ba hàng dọc và ngược lại	1		
		Biến đổi đội hình từ một hàng dọc thành hai, ba hàng dọc và ngược lại	1		
2		Biến đổi đội hình từ một hàng dọc thành hai, ba hàng dọc và ngược lại	1		
		Biến đổi đội hình từ một hàng dọc thành hai, ba hàng dọc và ngược lại	1		
3		Bài 2: Biến đổi đội hình từ một hàng ngang thành hai, ba hàng ngang và ngược lại	4 tiết		
		Biến đổi đội hình từ một hàng ngang thành hai, ba hàng ngang và ngược lại	1		
		Biến đổi đội hình từ một hàng ngang thành hai, ba hàng ngang và ngược lại	1		
4		Biến đổi đội hình từ một hàng ngang thành hai, ba hàng ngang và ngược lại	1		
		Biến đổi đội hình từ một hàng ngang thành hai, ba hàng ngang và ngược lại	1		
5		Bài 3: Biến đổi đội hình từ một vòng tròn thành hai vòng tròn và ngược lại	2 tiết		
		Biến đổi đội hình từ một vòng tròn thành hai vòng tròn và ngược lại	1		
		Biến đổi đội hình từ một vòng tròn thành hai vòng tròn và ngược lại	1		
6		Bài 4: Động tác đi đều, đứng lại	4 tiết		
		Động tác đi đều, đứng lại	1		
		Động tác đi đều, đứng lại	1		

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
7	Chủ đề 2: Bài tập thể dục	Động tác đi đều, đứng lại	1		
8		Động tác đi đều, đứng lại	1		
		Kiểm tra đánh giá ĐHDN	1 tiết	Lồng ghép QPAN: Thực hiện nghiêm túc ĐHDN đúng kĩ thuật.	
		Bài 1: Động tác vươn thở, động tác tay	2 tiết		
9		Động tác vươn thở, động tác tay	1		
		Động tác vươn thở, động tác tay	1		
		Bài 2: Động tác chân, động tác lườn, động tác bụng	2 tiết		
10		Động tác chân, động tác lườn	1		
		Động tác bụng. Ôn Động tác chân, động tác lườn	1		
		Bài 3: Động tác phối hợp, động tác nhảy, động tác điều hòa	3 tiết		
11		Động tác phối hợp, động tác nhảy	1		
		Động tác điều hòa. Ôn Động tác phối hợp, động tác nhảy	1		
		Ôn Động tác phối hợp, động tác nhảy, động tác điều hòa.	1		
12		Kiểm tra bài thể dục	1 tiết		
		Bài 1: Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường thẳng	4 tiết		
		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường thẳng	1		
13		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường thẳng	1		
		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường thẳng	1		
14	Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường thẳng	1			

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
	Chủ đề 3: Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản	Bài 2: Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường gấp khúc	6 tiết		
		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường gấp khúc	1		
15		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường gấp khúc	1		
		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường gấp khúc	1		
16		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường gấp khúc	1		
		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường gấp khúc	1		
17		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường gấp khúc	1		
		Bài 3: Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên địa hình	6 tiết		
		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên địa hình	1		
18		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên địa hình	1		
		Ôn tập và đánh giá cuối học kỳ I	1 tiết		
19		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên địa hình	1	-	
		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên địa hình	1		
20		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên địa hình	1		
		Bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên địa hình	1		
21		Bài 4: Bài tập tại chỗ tung- bắt bóng bằng hai tay	4 tiết		
		Bài tập tại chỗ tung- bắt bóng bằng hai tay	1		
		Bài tập tại chỗ tung- bắt bóng bằng hai tay	1		
22		Bài tập tại chỗ tung- bắt bóng bằng hai tay	1		
		Bài tập tại chỗ tung- bắt bóng bằng hai tay	1		
23		Bài 5: Bài tập di chuyển tung – bắt bóng bằng hai tay	4 tiết		

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
		Bài tập di chuyển tung – bắt bóng bằng hai tay	1		
		Bài tập di chuyển tung – bắt bóng bằng hai tay	1		
24		Bài tập di chuyển tung – bắt bóng bằng hai tay	1		
		Bài tập di chuyển tung – bắt bóng bằng hai tay	1		
		Kiểm tra đánh giá tư thế, kĩ năng vận động cơ bản.	1 tiết		
25	Phần 3: Thể thao tự chọn	Bài 1: Bài tập hỗ trợ với bóng	4 tiết		
		Bài tập hỗ trợ với bóng	1		
26		Bài tập hỗ trợ với bóng	1		
		Bài tập hỗ trợ với bóng	1		
		Bài tập hỗ trợ với bóng	1		
27		Bài 2: Động tác dẫn bóng theo hướng thẳng, dẫn bóng đổi hướng	4 tiết		
		Động tác dẫn bóng theo hướng thẳng, dẫn bóng đổi hướng	1		
28		Động tác dẫn bóng theo hướng thẳng, dẫn bóng đổi hướng	1		
		Động tác dẫn bóng theo hướng thẳng, dẫn bóng đổi hướng	1		
		Động tác dẫn bóng theo hướng thẳng, dẫn bóng đổi hướng	1		
29		Bài 3: Động tác chuyền bóng bằng hai tay trước ngực	5 tiết		
		Động tác chuyền bóng bằng hai tay trước ngực	1		
30		Động tác chuyền bóng bằng hai tay trước ngực	1		
		Động tác chuyền bóng bằng hai tay trước ngực	1		
31		Động tác chuyền bóng bằng hai tay trước ngực	1		
		Động tác chuyền bóng bằng hai tay trước ngực	1		
32		Bài 4: Bài tập phối hợp dẫn bóng- ném rổ bằng hai tay trước ngực	5 tiết		
		Bài tập phối hợp dẫn bóng- ném rổ bằng hai tay trước ngực	1		
		Bài tập phối hợp dẫn bóng- ném rổ bằng hai tay trước ngực	1		
33		Bài tập phối hợp dẫn bóng- ném rổ bằng hai tay trước ngực	1		
		Bài tập phối hợp dẫn bóng- ném rổ bằng hai tay trước ngực	1		
34		Bài tập phối hợp dẫn bóng- ném rổ bằng hai tay trước ngực	1		

Tuần/ tháng	Chủ đề/mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
		Kiểm tra đánh giá Môn Bóng rổ	1 tiết		
35		Thực hành kỹ năng cuối HK2	1 tiết		
		Tổng kết môn học	1 tiết		

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 09:16 02/10/2020
bởi Đoàn Thị Minh Dự (th_nl_dudum) – Trường Tiểu học Ngũ Lâu

8. MÔN: TIN HỌC

TS tiết trên năm: 35 tiết.

HKI: 18 tiết. HK II: 17 tiết

Số tiết trên tuần: 1 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chủ đề A. Máy tính và em	
Thông tin và xử lý thông tin	Nêu được ví dụ đơn giản minh họa cho vai trò quan trọng của thông tin thu nhận hàng ngày đối với việc ra quyết định của con người. Nhận biết được trong ví dụ của giáo viên, cái gì là thông tin và đâu là quyết định. Nhận biết được ba dạng thông tin hay gặp: chữ, âm thanh, hình ảnh. Nhận ra được trong ví dụ của giáo viên: Thông tin thu nhận và được xử lý là gì, kết quả của xử lý là hành động hay ý nghĩ gì. Nêu được ví dụ minh họa cho nhận xét: Bộ óc của con người là một bộ phận xử lý thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cho nhận xét: Cuộc sống quanh ta có những máy móc tiếp nhận thông tin để quyết định hành động. Nhận ra được trong ví dụ của giáo viên, máy đã xử lý thông tin nào và kết quả xử lý ra sao.
Khám phá máy tính	Nhận diện và phân biệt được hình dạng thường gặp của những máy tính thông dụng như máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh cùng các thành phần cơ bản của chúng (màn hình, thân máy, bàn phím, chuột). Nêu được sơ lược về chức năng của bàn phím và chuột, màn hình và loa. Nhận biết được màn hình cảm ứng của máy tính bảng, điện thoại thông minh,... cũng là thiết bị tiếp nhận thông tin vào. Cầm được chuột đúng cách, thực hiện được các thao tác cơ bản: di chuyển, nhấp, nhấp đúp, kéo thả chuột. Khởi động được máy tính. Kích hoạt được một phần mềm ứng dụng. Ra khỏi được hệ thống đang chạy theo đúng cách. Nêu được ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách sẽ gây tổn hại cho thiết bị khi sử dụng. Biết và ngồi đúng tư thế khi làm việc với máy tính, biết vị trí phù hợp của màn hình (với mắt, với nguồn sáng trong phòng,...). Nêu được tác hại của việc ngồi sai tư thế hoặc sử dụng máy tính quá thời gian quy định cho lứa tuổi. Nhận ra được tư thế ngồi sai khi làm việc với máy tính. Biết thực hiện quy tắc an toàn về điện, có ý thức đề phòng tai nạn về điện khi sử dụng máy tính.
Làm quen với cách gõ bàn phím	Chỉ ra được khu vực chính của bàn phím và nêu được tên các hàng phím.

	Biết vị trí đặt các ngón tay trên hàng phím cơ sở và thực hiện được thao tác gõ các phím ở hàng cơ sở, hàng trên, hàng dưới đúng quy định của cách gõ bàn phím.
Chủ đề B. Mạng máy tính và Internet	
Xem tin và giải trí trên trang web	Nêu được ví dụ về tin tức và chương trình giải trí có thể xem được khi truy cập Internet (như xem tin dự báo thời tiết, nghe ca nhạc,...). Nêu được ví dụ thông tin nào đó không có sẵn trong máy tính đang sử dụng nhưng có thể tìm thấy trên Internet. - Biết được không phải thông tin nào trên Internet cũng phù hợp với lứa tuổi.
Sắp xếp để dễ tìm	Giải thích được nếu sắp xếp những gì ta có một cách hợp lý thì khi cần sẽ tìm được nhanh hơn. Sắp xếp được đồ vật hay dữ liệu hợp lý theo một số yêu cầu cụ thể. Ví dụ: xếp một số mảnh bìa có ghi chữ cái theo thứ tự abc; xếp sách vở vào một ngăn tủ, xếp ảnh vào một ngăn tủ khác, quần áo vào ngăn khác nữa, trong ngăn tủ lớn xếp sách có thể chia làm các ngăn nhỏ hơn (ngăn chứa sách, ngăn chứa vở, ngăn chứa truyện,...). Nêu được cách tìm đúng và nhanh đối tượng cần tìm dựa trên sự sắp xếp. Biết được có thể biểu diễn một sắp xếp, phân loại cụ thể bằng sơ đồ hình cây.
Làm quen với thư mục lưu trữ thông tin trong máy tính	Nhận biết được tệp, thư mục và ổ đĩa. Mô tả sơ lược được vai trò của cấu trúc cây thư mục trong việc lưu các tệp và các thư mục. Tìm hiểu được cấu trúc cây của một thư mục để biết nó chứa những thư mục con nào, những tệp nào. – Thực hiện được việc tạo, xoá, đổi tên thư mục. Tìm được tệp ở thư mục cho trước theo yêu cầu.
Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	
Sử dụng thông tin cá nhân trong môi trường số một cách phù hợp	Biết được thông tin cá nhân và gia đình có thể được lưu trữ và trao đổi nhờ máy tính. Có ý thức bảo vệ thông tin cá nhân và gia đình khi giao tiếp qua máy tính; biết được việc người xấu có thể lợi dụng những thông tin này gây hại cho em và gia đình.
Chủ đề E. Ứng dụng tin học	
Làm quen với bài trình chiếu đơn giản	– Nhận biết được biểu tượng của phần mềm trình chiếu và kích hoạt được bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng. – Tạo được tệp trình chiếu, gõ được một vài dòng văn bản đơn giản không dấu, đưa được ảnh vào một trang chiếu, lưu và đặt được tên cho tệp trình chiếu.
Chủ đề con (lựa chọn): Sử dụng công cụ đa phương tiện để tìm hiểu thế giới tự nhiên	- Nhận thấy nhờ sử dụng máy tính mà con người quan sát được và biết thêm về thế giới tự nhiên một cách sinh động và trực quan. Ví dụ: Máy tính giúp quan sát về loài vật, về Trái Đất quay quanh Mặt Trời.

	- Kể lại được những gì quan sát đã đem lại thêm hiểu biết mới.
Chủ đề con (lựa chọn): Sử dụng phần mềm luyện tập thao tác với chuột máy tính	- Cầm chuột đúng cách. - Thực hiện được các thao tác với chuột: di chuyển con trỏ chuột, kéo thả chuột, nhấp nút chuột, nhấp đúp, sử dụng nút cuộn của chuột. Nhận thấy phần mềm đã hướng dẫn thao tác đúng với chuột máy tính.
Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	
Thực hiện công việc theo các bước một điều kiện có được thoả mãn hay không.	- Nêu được một số công việc hàng ngày được thực hiện theo từng bước, mỗi bước là một việc nhỏ hơn, các bước phải được sắp xếp thứ tự. - Nhận biết được việc chia một nhiệm vụ lớn thành những nhiệm vụ nhỏ hơn là dễ hiểu và dễ thực hiện hơn. - Nêu được ví dụ về một việc thường làm có thể chia thành những việc nhỏ hơn, chẳng hạn làm một phép tính hay chuẩn bị cặp sách trước khi đi học có thể gồm một số bước. - Sử dụng được cách nói “Nếu...Thì...” thể hiện quyết định thực hiện một việc hay không tùy thuộc vào
Nhiệm vụ của em và sự trợ giúp của máy tính	- Phát biểu được nhiệm vụ đặt ra bằng cách xác định những gì đã cho trước, cần làm gì hay cần tạo ra sản phẩm số nào. - Chia được một công việc cụ thể thành những việc nhỏ hơn, trong đó có những việc có thể thực hiện với trợ giúp của máy tính. - Thực hiện được nhiệm vụ do giáo viên đặt ra, có sử dụng máy tính.

b. Kế hoạch dạy học cụ thể:

Tuần	Bài	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Điều chỉnh	Ghi chú
Chủ đề 1: Máy tính và em						
1	Bài 1	Thông tin và quyết định (Tiết 1)	1		CDS: Nêu được ví dụ minh họa đơn giản cho vai trò quan trọng của thông tin hằng ngày đối với việc ra quyết định của con	

Tuần	Bài	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Điều chỉnh	Ghi chú
					người. Nhận biết được trong ví dụ của G cái gì là thông tin và đâu là quyết định. Nhận biết được 3 dạng thông tin: chữ âm thanh, hình ảnh. Nhận ra được trong ví dụ của G thông tin thu nhận và được xử lí là gì? Kết quả xử lí là hành động hay ý nghĩa gì? Nêu được ví dụ minh hoạ cho nhận xét: Bộ óc con người là một bộ phận xử lí thông tin.	
2		Thông tin và quyết định (Tiết 2)	1			
3	Bài 2	Bài 2. Xử lí thông tin (Tiết 1)	1		CDS: Nêu được ví dụ minh hoạ cho nhận xét: cuộc sống quanh ta có những máy	

Tuần	Bài	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Điều chỉnh	Ghi chú
					móc tiếp nhận thông tin để quyết định hành động Nhận ra được máy đã xử lí thông tin nào và kết quả xử lí ra sao	
4		Bài 2. Xử lí thông tin (Tiết 2)	1			
5		Máy tính và em (Tiết 1)	1		Thay thế bài học STEM Bài 4: Cẩm nang sử dụng máy tính đúng cách, an toàn	
6	Bài 3	Máy tính và em (Tiết 2)	1		CDS: Nhận diện và phân biệt được hình dạng thông thường của những máy tính thông dụng như máy tính để bàn , máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh cùng các thành phần cơ bản	

[illegible]

Tuần	Bài	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Điều chỉnh	Ghi chú
23	Bài 10	Bảo vệ thông tin khi dùng máy tính (Tiết 1)	1			
24		Bảo vệ thông tin khi dùng máy tính (Tiết 2)	1			
Chủ đề 5: Ứng dụng tin học						
25	Bài 11	Bài 11. Bài trình chiếu của em (Tiết 1)		1		
26		Bài 11. Bài trình chiếu của em (Tiết 2)		1		
27	Bài 12	Bài 12. Tìm hiểu về thế giới tự nhiên		1		
28	Bài 13	Bài 13. Luyện tập sử dụng chuột		1		
Chủ đề 6: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính						
29	Bài 14	Em thực hiện công việc như thế nào? (Tiết 1)	1			
30		Em thực hiện công việc như thế nào? (Tiết 2)	1			
31	Bài 15	Công việc được thực hiện theo điều kiện (Tiết 1)	1			
32		Công việc được thực hiện theo điều kiện (Tiết 2)	1			
33	Bài 16	Công việc của em và sự trợ giúp của máy tính		1		
34		Ôn tập học kỳ II	1			
35		Kiểm tra Học kì II	1			

9. MÔN: CÔNG NGHỆ

TS tiết trên năm: 35 tiết.

HKI: 18 tiết. HK II: 17 tiết

Số tiết trên tuần: 1 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG	
Tự nhiên và Công nghệ	Phân biệt được đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ. – Nêu được tác dụng của một số sản phẩm công nghệ trong gia đình. – Có ý thức giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình

Sử dụng đèn học	– Nhận biết được một số loại đèn học thông dụng. – Xác định vị trí đặt đèn; bật, tắt, điều chỉnh được độ sáng của đèn học. – Nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học.
Sử dụng quạt điện	– Nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của quạt điện. – Nhận biết được một số loại quạt điện thông dụng. – Xác định vị trí đặt quạt; bật, tắt, điều chỉnh được tốc độ quạt phù hợp với yêu cầu sử dụng. – Nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt điện.
Sử dụng máy thu thanh	– Nêu được tác dụng của máy thu thanh. – Dựa vào sơ đồ khối, mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài phát thanh và máy thu thanh. – Kể tên và nêu được nội dung phát thanh của một số chương trình phù hợp với lứa tuổi học sinh trên đài phát thanh. – Chọn được kênh phát thanh, thay đổi âm lượng theo ý muốn
Sử dụng máy thu hình	– Trình bày được tác dụng của máy thu hình (tí vi) trong gia đình. – Dựa vào sơ đồ khối, mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài truyền hình và tí vi. – Kể được tên và nêu được nội dung của một số kênh truyền hình phổ biến, phù hợp với học sinh. – Lựa chọn được vị trí ngồi đảm bảo góc nhìn và khoảng cách hợp lí khi xem tí vi. – Chọn được kênh, điều chỉnh được âm thanh của tí vi theo ý muốn.
An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình	– Nhận biết và phòng tránh được một số tình huống không an toàn (Ví dụ: các tình huống liên quan đến điện, nhiệt, khói, khí ga, các đồ vật sắc, nhọn,...) cho người từ môi trường công nghệ trong gia đình. – Báo cho người lớn biết khi có sự cố, tình huống mất an toàn xảy ra
THỦ CÔNG KỸ THUẬT	
Làm đồ dùng học tập	– Lựa chọn được vật liệu làm đồ dùng học tập đúng yêu cầu – Sử dụng được các dụng cụ để làm đồ dùng học tập đúng cách, an toàn. – Làm được một đồ dùng học tập đơn giản theo các bước cho trước, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, thẩm mỹ
Làm biển báo giao thông	– Nêu được ý nghĩa của một số biển báo giao thông. – Lựa chọn được vật liệu phù hợp. – Lựa chọn và sử dụng được dụng cụ đúng cách, an toàn để làm được một số biển báo giao thông quen thuộc dưới dạng mô hình theo các bước cho trước. – Có ý thức tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông
Làm đồ chơi	Nhận biết và sử dụng an toàn một số đồ chơi đơn giản phù hợp với lứa tuổi. – Làm được một đồ chơi đơn giản theo hướng dẫn. – Tính toán được chi phí cho một đồ chơi đơn giản

b. Kế hoạch dạy học cụ thể:

Tuần	Tiết thứ	Chủ đề	Tên bài	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
1	1	Phần 1: Công nghệ và đời sống	Bài 1: Tự nhiên và công nghệ (tiết 1)		
2	2		Bài 1: Tự nhiên và công nghệ (tiết 2)		
3	3		Bài 2: Sử dụng đèn học (tiết 1)	CDS: Nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của đèn học. Nhận biết được một số loại đèn học thông dụng. Xác định được vị trí đặt đèn, bật tắt, điều chỉnh được độ sáng của đèn. Nhận biết và phòng tránh được tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học.	
4	4		Bài 2: Sử dụng đèn học (tiết 2)		
5	5		Bài 3: Sử dụng quạt điện (tiết 1)	CDS: Nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của quạt điện. Nhận biết được một số quạt điện thông dụng. Xác định được vị trí đặt quạt, bật tắt điều chỉnh được tốc độ quạt phù hợp với yêu cầu sử dụng. Nhận biết và phòng tránh được tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt.	
6	6		Bài 3: Sử dụng quạt điện (tiết 2)		
7	7		Bài 4: Sử dụng máy thu thanh (tiết 1)		
8	8		Bài 4: Sử dụng máy thu thanh (tiết 2)		

9	9		Bài 4: Sử dụng máy thu thanh (tiết 3)		
10	10		Bài 4: Sử dụng máy thu thanh (tiết 4)		
11	11		Bài 5: Sử dụng máy thu hình (tiết 1)		
12	12		Bài 5: Sử dụng máy thu hình (tiết 2)		
13	13		Bài 5: Sử dụng máy thu hình (tiết 3)		
14	14		Bài 5: Sử dụng máy thu hình (tiết 4)		
15	15		Bài 6: An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình (tiết 1)		
16	16		Bài 6: An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình (tiết 2)		
17	17		Bài 6: An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình (tiết 3)		
18	18		Bài 6: An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình (tiết 4)		
19	19		Ôn tập phần 1: Công nghệ và đời sống		
20	20		Thực hành kỹ năng cuối HK1		
21	21	Phần 2: Thủ công kỹ thuật	Bài 7: Dụng cụ và vật liệu làm thủ công (tiết 1)		
22	22		Bài 7: Dụng cụ và vật liệu làm thủ công (tiết 2)		
23	23		Bài 8: Làm đồ dùng học tập (tiết 1)		
24	24		Bài 8: Làm đồ dùng học tập (tiết 2)	Thay thế bài học STEM: Bài 14: Sáng tạo đồ dùng học tập	
25	25		Bài 8: Làm đồ dùng học tập (tiết 3)		
26	26		Bài 9: Làm biển báo giao thông (tiết 1)		

27	27		Bài 9: Làm biên báo giao thông (tiết 2)		
28	28		Bài 9: Làm biên báo giao thông (tiết 3)		
29	29		Bài 9: Làm biên báo giao thông (tiết 4)		
30	30		Bài 10: Làm đồ chơi (tiết 1)		
31	31		Bài 10: Làm đồ chơi (tiết 2)		
32	32		Bài 10: Làm đồ chơi (tiết 3)		
33	33		Bài 10: Làm đồ chơi (tiết 4)		
34	34		Ôn tập phần 2: Thủ công kỹ thuật		
35	35		Thực hành kỹ năng cuối HK2		

10. MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

TS tiết trên năm: 105 tiết.

HKI: 18 tiết. HK II: 17 tiết

Số tiết trên tuần: 3 tiết/ tuần

a. Nội dung, yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	Nhận ra được những nét riêng của bản thân. Giới thiệu được các sở thích của bản thân và sản phẩm được làm theo sở thích.
Hoạt động rèn luyện bản thân	Sắp xếp được thứ tự các hoạt động, công việc trong ngày của bản thân và bước đầu thực hiện được thời gian biểu đề ra. Có thói quen giữ gìn nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ. Nhận thức được các nguy cơ nếu không thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm và thực hiện những việc làm đảm bảo an toàn trong ăn uống. Xác định được những thứ thực sự cần mua để tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	Thể hiện được lòng biết ơn, sự quan tâm, chăm sóc đến bố mẹ, người thân bằng lời nói, thái độ và việc làm cụ thể. Biết tiết kiệm khi sử dụng điện, nước trong gia đình. Tham gia vào các hoạt động trang trí nhà cửa. Tìm hiểu được thu nhập của các thành viên trong gia đình.
Hoạt động xây dựng nhà trường	Kể lại được điều ấn tượng nhất về thầy giáo, cô giáo và thể hiện tình cảm với thầy cô bằng sản phẩm tự làm. Biết cách hoà giải bất đồng trong quan hệ bạn bè. Thực hiện được ý tưởng về việc trang trí, lao động vệ sinh lớp học, có ý thức giữ an toàn trong khi trang trí lớp học. Tham gia các hoạt động giáo dục, hoạt động lao động của Sao Nhi đồng, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	Thực hiện được một số việc làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện sự quan tâm đến các thành viên trong cộng đồng.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	Tham gia một số hoạt động tình nguyện, nhân đạo, giáo dục truyền thống do nhà trường, địa phương tổ chức.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	Nhận diện được vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. Tuyên truyền tới bạn bè, người thân về việc bảo vệ vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	Nhận biết được những biểu hiện của ô nhiễm môi trường. Tham gia tích cực vào các hoạt động phù hợp với lứa tuổi trong phòng, chống ô nhiễm môi trường.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	
Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	Kể tên được một số đức tính cần có của người lao động trong nghề nghiệp mà mình yêu thích. Nhận ra được một số đức tính của bản thân liên quan đến nghề yêu thích. Biết giữ an toàn trong lao động.

b. Kế hoạch dạy học cụ thể:

CHỦ ĐỀ	TUẦN	TIẾT	LOẠI HÌNH	BÀI	QUY MÔ	ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
HỌC KÌ I							
Chủ đề 1: Tự giới thiệu về mình	1	1	TNTCD	Chân dung em	Lớp		
		2,3,4	SHDC	Vui hội trăng rằm	Trường		
	2	5	SHDC	Chào cờ Đội:	Trường		
		6	TNTCD	Sở thích của em	Lớp		
		7	SHL	SHL + Bầu Ban cán sự lớp.	Lớp		

CHỦ ĐỀ	TUẦN	TIẾT	LOẠI HÌNH	BÀI	QUY MÔ	ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
	3	8	SHDC	Chào cờ lớp+ Phổ biến nội quy trường, lớp	Lớp		
		9	TNTCD	Ngôi sao của tôi, ngôi sao của bạn.	Lớp		
		10	SHL	Sinh hoạt lớp + Tìm hiểu truyền thống Nhà trường	Lớp		
	4	11	SHDC	Chào cờ lớp + ATGT Bài 1	Lớp		
		12	TNTCD	Đọc sách theo sở thích	Lớp		
		13	SHL	Sinh hoạt lớp + Trang trí lớp	Lớp		
	5	14	SHDC	Chào cờ trường	Trường		
		15	TNTCD	Thời gian biểu của em	Lớp		
		16	SHL	Sinh hoạt lớp + ATGT Bài 2	Lớp		
Chủ đề 2: Rèn nếp sống	6	17	SHDC	Chào cờ lớp + Tìm hiểu ngày 20/10, 25/10	Lớp		
		18	TNTCD	Cuốn sổ nhắc việc	Lớp		
		19	SHL	Sinh hoạt lớp+ ATGT Bài 3	Lớp		
	7	20	SHDC	Chào cờ Đội	Trường		
		21	TNTCD	Ứng xử với đồ cũ	Lớp		
		22	SHL	SHL + Văn nghệ CD Em yêu quê hương.	Lớp		
	8	23	SHDC	Chào cờ lớp + Sinh hoạt chủ điểm Truyền thống quê hương	Lớp		
		24	TNTCD	Người tiêu dùng thông minh	Lớp		

CHỦ ĐỀ	TUẦN	TIẾT	LOẠI HÌNH	BÀI	QUY MÔ	ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
		25	SHL	Sinh hoạt lớp + GDĐP: Trò chơi dân gian trong lễ hội ở Hải Phòng	Lớp		
Chủ đề 3: Em yêu trường em	9	26	SHDC	Chào cờ trường	Trường		
		27	TNTCĐ	Lớp học của em	Lớp		
	10	28	SHDC	Chào cờ lớp + Tìm hiểu ngày 20/11	Lớp		
		29	TNTCĐ	Bảo vệ tình bạn	Lớp		
		30	SHL	Sinh hoạt lớp + Tập văn nghệ chào mừng 20/11	Lớp		
	11	31	SHDC	Chào cờ Đội	Trường		
		32	TNTCĐ	Phấn đấu trở thành đội viên	Lớp	Niềm tự hào khi vào Đội và ý thức trách nhiệm với niềm tin vào tương lai đất nước	
		33,34,35	SHDC	CĐ Đội: Tri ân thầy cô	Trường		
	12	36	SHDC	Chào cờ lớp+ Tuyên truyền bảo vệ môi trường	Lớp		
		37	TNTCĐ	Thầy cô trong mắt em	Lớp	- Tích hợp môn Mỹ thuật CĐ9 "Thầy cô của em"	
		38	SHL	Sinh hoạt lớp + GD an ninh, an toàn trường học	Lớp		
CHỦ ĐỀ 4: Tự phục vụ bản thân	13	39	SHDC	Chào cờ trường	Trường		
		40	TNTCĐ	Tự sắp xếp đồ dùng ngăn nắp	Lớp		
	14	41	SHDC	Chào cờ lớp + Tìm hiểu ngày 22/12	Lớp		

CHỦ ĐỀ	TUẦN	TIẾT	LOẠI HÌNH	BÀI	QUY MÔ	ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
		42	TNTCD	Góc học tập đáng yêu	Lớp		
		43	SHL	Sinh hoạt lớp + Tập luyện Hội khỏe phù đồng	Lớp		
	15	44	SHDC	Chào cờ Đội	Trường		
		45	TNTCD	Nhà là tổ ấm	Lớp	Tích hợp quyền con người: Quyền được tham gia, Quyền được phát triển	
		46,47,48	SHDC	CĐ ĐỘI: Tổ chức Hội khỏe phù đồng	Trường		
	16	49	SHDC	Chào cờ Lớp	Lớp		
		50	TNTCD	Nhà sạch thì mát	Lớp		
		51	SHL	Sinh hoạt lớp+Phân loại đồ cũ	Lớp		
	17	52	TNTCD	Đồ dùng của người thân	Lớp		
	18	53	SHDC	Chào cờ trường	Trường		
		54	TNTCD	Lá thư tri ân	Lớp		
Chủ đề 5: Gia đình thân thương	HỌC KÌ 2						
	19	55	SHDC	Chào cờ Đội	Trường		
		56	TNTCD	Lao động và thu nhập gia đình	Lớp		
		57,58,59	SHDC	Chuyên đề Tiếng Anh	Trường		
	20	60	SHDC	Chào cờ trường	Trường		

CHỦ ĐỀ	TUẦN	TIẾT	LOẠI HÌNH	BÀI	QUY MÔ	ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
Chủ đề 6: Tự chăm sóc và bảo vệ bản thân		61	TNTCD	Tiết kiệm điện nước trong gia đình	Lớp		
		62	SHL	Sinh hoạt lớp+ GDĐP: Tìm hiểu lễ hội quê em	Lớp		
	21	63	SHDC	Chào cờ lớp + GDĐP CD: Hoạt động nhân ái tại HP	Lớp		
		64	TNTCD	Bếp nhà em	Lớp		
		65	SHL	Sinh hoạt lớp + GDĐP: Phòng tránh bắt cóc trẻ em	Lớp		
	22	66	SHDC	Chào cờ trường	Lớp		
		67	TNTCD	Ăn sạch	Lớp		
		68	SHL	Sinh hoạt lớp + GD: Phòng tránh bị xâm hại	Lớp		
	23	69	SHDC	Chào cờ lớp + GD phòng bệnh theo mùa	Lớp		
		70	TNTCD	Bên mâm cơm	Lớp		
		71	SHL	Sinh hoạt lớp + Tìm hiểu ngày 8/3	Lớp		
	24	72	SHDC	Chào cờ trường	Trường		
		73	TNTCD	Ăn uống ngoài hàng quán	Lớp		
		74,75,76	SHDC	Chuyên đề Đội	Trường		
	25	77	SHDC	Chào cờ lớp+ GDĐP: Tìm hiểu Trạng nguyên Lê Ích Mộc	Lớp		

CHỦ ĐỀ	TUẦN	TIẾT	LOẠI HÌNH	BÀI	QUY MÔ	ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
Chủ đề 7: Chia sẻ cộng đồng		78	TNTCD	Truyền thống quê hương em	Lớp	Tự hào về truyền thống quê hương qua các hoạt động và việc làm cụ thể... Tích hợp Quyền con người: Quyền được tham gia	
		79	SHL	Sinh hoạt lớp+ Tuyên truyền phòng tránh dịch bệnh mùa hè	Lớp		
	26	80	SHDC	Chào cờ Đội	Trường		
		81	TNTCD	Mùa đông âm, mùa hè vui	Lớp		
		82	SHL	Sinh hoạt lớp + GD Bảo vệ môi trường	Lớp		
	27	83	SHDC	Chào cờ Lớp+ ATGT Bài 4	Lớp		
		84	TNTCD	Giúp đỡ người khuyết tật	Lớp		
		85	SHL	Sinh hoạt lớp + ATGT Bài 5(Tiết 1)	Lớp		
	28	86	SHDC	Chào cờ lớp + ATGT Bài 5(Tiết 2)	Lớp		
		87	TNTCD	Quê hương em tươi đẹp	Lớp	Tự hào về truyền thống quê hương qua các hoạt động và việc làm cụ thể...	
		89	SHDC	Sinh hoạt lớp+ GD Phòng tránh tai nạn đuối nước	Lớp		
	29	90	TNTCD	Tuyên truyền bảo vệ thiên nhiên	Lớp		
		91	SHDC	Sinh hoạt lớp+ Tìm hiểu về ngày 30/4.	Lớp		
	30	92	SHDC	Chào cờ trường	Trường		

CHỦ ĐỀ	TUẦN	TIẾT	LOẠI HÌNH	BÀI	QUY MÔ	ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
	31	93	TNTCĐ	Môi trường kêu cứu	Lớp		
		94	SHL	Sinh hoạt lớp + Tìm hiểu ý nghĩa ngày 1/5	Lớp		
		95	SHDC	Chào cờ lớp+ Văn nghệ: Em yêu quê hương	Lớp		
		96	TNTCĐ	Môi trường xanh	Lớp		
		97	SHL	Sinh hoạt lớp + Tuyên truyền ý nghĩa ngày 30/4, 1/5	Lớp		
Chủ đề 8: Em tìm hiểu nghề nghiệp	32	98	SHDC	CĐ Đội:	Trường		
		99	TNTCĐ	Nghề em yêu thích	Lớp		
	33	100	SHDC	Chào cờ Trường	Trường		
		101	TNTCĐ	Người lao động tương lai	Lớp		
	34	102	SHDC	Chào cờ Đội	Trường		
		103	TNTCĐ	An toàn là bạn	Lớp		
		104	SHL	Sinh hoạt lớp+			
	35	105	TNTCĐ	Hồ sơ trải nghiệm	Lớp		

11. MÔN: TIẾNG ANH

TS tiết trên năm: 70 tiết

HKI: 18 tuần. HKII: 17 tuần

Số tiết trên tuần: 2 tiết/ tuần

b) Kế hoạch dạy học cụ thể:

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
1	STARTER	Welcome	Lesson 1		1		
		Numbers	Lesson 2	1. Listen, point and repeat	2		
				2. Listen and tick			
				3. Read and match			
		The Alphabet	Lesson 3	1. Listen, point and sing	3		
				2. Read and complete			
				3.Count the letters			
		Funtime	Lesson 4	1.Count one to ten	4		
				2. Let's play			
2		Unit 1: Hello	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	5		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	6		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	7		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	8		
				5. Read and match			

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
				6. Let's play			
3			Lesson 3	1. Listen and repeat	9		
				2. Listen and circle			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and circle	10		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Unit 2: Our names	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	11		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	12		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's play			
4			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	13		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	14		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	15		

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
				2. Listen and circle	16		
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and match			
				5. Let's write			
				6. Project			
5		Unit 3: Our friends	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	17		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	18		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	19		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	20		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's play			
6			Lesson 3	1. Listen and repeat	21		
				2. Listen and tick			
				3. Let's chant			

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
			Lesson 3	4. Read and match	22		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Unit 4: Our bodies	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	23		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	24		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
7			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	25		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	26		
				5. Look, match and read			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	27		
				2. Listen and circle			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and match	28		
				5. Let's write			

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
				6. Project			
8		Unit 5: My hobbies	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	29		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and number	30		
				5. Read and match			
				6. Let's play			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	31		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and tick	32		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
9			Lesson 3	1. Listen and repeat	33		
				2. Listen and circle			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and tick	34		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Review 1	Lesson 1	1. Listen and tick	35		

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
			Lesson 2	2. Listen and number	36		
				3. Read and match			
				4. Read and complete			
				5. Ask and answer			
10		Funtime	Lesson 1	1. Find, circle and match	37		
				2. Quiz time			
				3. Look and match			
		Unit 6: Our school	Lesson 1 4	1. Look, listen and repeat	38		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	39		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	40		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
11			Lesson 2	4. Listen and number	41		
				5. Read and match			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	42		

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
12				2. Listen and circle			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and complete	43		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Unit 7: Classroom instructions	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	44		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
12			Lesson 1	4. Listen and tick	45		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's play			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	46		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	47		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	48		
				2. Listen and tick			
				3. Let's chant			

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
13		Unit 7: Classroom instructions	Lesson 3	4. Read and match	49		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Unit 8: My school things	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	50		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	51		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	52		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
14			Lesson 2	4. Listen and number	53		
				5. Read and match			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	54		
				2. Listen and circle			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and complete	55		
				5. Let's write			

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
				6. Project	56		
		Unit 9: Colour	Lesson 1	1. Look, listen and repeat			
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
15			Lesson 1	4. Listen and tick	57		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's play			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	58		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	59		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	60		
2. Listen and circle							
3. Let's chant							
16			Lesson 3	4. Read and tick	61		
				5. Let's write			
				6. Project			
			Lesson 1	1. Look, listen and repeat	62		

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
		Unit 10: Break time activities		2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	63		
				5. Read, look and complete			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	64		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
17			Lesson 2	4. Listen and number	65		
				5. Read, look and match			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	66		
				2. Listen and circle			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and tick	67		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Review 2	Lesson 1	1. Listen and tick	68		
				2. Listen and number			
18		Review 2	Lesson 2	3. Read and match	69		

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
				4. Look, complete and read			
				5. Ask and answer			
		Fun time	Lesson 1	1. Find and circle	70		
				2. Quiz time			
				3. Look and read			
		The first semester test			71		
		Correct the test			72		
HỌC KỲ 2							
Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học					
19		Unit 11: My family	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	73		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	74		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
		Lesson 2	1. Look, listen and repeat	75			
2. Listen, point and say							

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
20			Lesson 2	3. Let's talk	76		
				4. Listen and number			
				5. Look, complete and read			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	77		
				2. Listen and circle			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and complete	78		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Unit 12: Job	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	79		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	80		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
21			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	81		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	82		

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
				5. Look, circle and read			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	83		
				2. Listen and circle			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and complete	84		
				5. Let's write			
				6. Project			
22		Unit 13: My house	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	85		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and circle	86		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	87		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	88		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's play			

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
23			Lesson 3	1. Listen and repeat	89		
				2. Listen and tick			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and match	90		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Unit 14: My bedroom	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	91		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	92		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's play			
24			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	93		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	94		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	95		
				2. Listen and circle			

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
			Lesson 3	3. Let's chant	96		
				4. Read and complete			
				5. Let's write			
				6. Project			
25		Unit 15: At the dining table	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	97		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	98		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	99		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	100		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's play			
26			Lesson 3	1. Listen and repeat	101		
				2. Listen and tick			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and complete	102		

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
				5. Let's write	103		
				6. Project			
		Review 3	Lesson 1	1. Listen and tick			
				2. Listen and number			
			Lesson 1	3. Read and match	104		
				4. Read and complete			
				5. Ask and answer			
27		Funtime	Lesson 1	1. Find, circle and match	105		
				2. Quiz time			
				3. Look and match			
		Unit 16: My pets	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	106		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	107		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	108		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
28			Lesson 2	4. Listen and number	109		

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
				5. Look, complete and read			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	110		
				2. Listen and circle			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and complete	111		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Unit 17: Our toys	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	112		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
29			Lesson 1	4. Listen and tick	113		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	114		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and tick	115		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's play			

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
			Lesson 3	1. Listen and repeat	116		
				2. Listen and tick			
				3. Let's chant			
30			Lesson 3	4. Read and circle	117		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Unit 18: Playing and doing	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	118		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	119		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's play			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	120		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
31			Lesson 2	4. Listen and number	121		
				5. Read and match			
				6. Let's sing			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	122		
				2. Listen and circle			

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
32			Lesson 3	3. Let's chant	123		
				4. Read and match			
				5. Let's write			
				6. Project			
		Unit 19: Outdoor activities	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	124		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	125		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	126		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	127		
				5. Look, complete and read			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	128		
				2. Listen and circle			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and answer	129		

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
33				5. Let's write			
				6. Project			
		Unit 20: At the zoo	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	130		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and number	131		
				5. Read, look and complete			
				6. Let's play			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	132		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
34			Lesson 2	4. Listen and tick	133		
				5. Read, look and match			
				6. Let's sing			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	134		
				2. Listen and circle			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and tick	135		
				5. Let's write			
				6. Project			

Tuần, tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học			Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú	
		Review 4	Lesson 1	1. Listen and tick	136			
				2. Listen and number				
35		Review 4	Lesson 1	3. Read and match	137			
				4. Read and complete				
				5. Ask and answer				
		Fun time	Lesson 1	1. Find and circle	138			
				2. Quiz time				
				3. Look and read				
		The second semester test				139		
		Correct the test				140		

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 4

Năm học 2024 – 2025

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;
- Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;
- Căn cứ công văn 2345/BGDĐT-GDTH về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học ngày 7/6/2021;
- Căn cứ chương trình các môn học, hoạt động giáo dục Lớp 4 năm học 2024 -2025;
- Căn cứ Bộ sách giáo khoa khối lớp 4 đã lựa chọn và sử dụng tại trường năm học 2024-2025;
- Căn cứ Kế hoạch Nhà trường và tình hình thực tế của Tổ chuyên môn 4+ 5.Tổ chuyên môn 4+5 Tiểu học Ngũ Lão thống nhất xây dựng kế hoạch như sau:

II. Điều kiện thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục

1. Tình hình chung của tổ 4,5.

Tổ 4,5 luôn nhận được sự quan tâm sâu sát của ban giám hiệu nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh nên trong năm học vừa qua giáo viên và học sinh được trang bị đầy đủ sách giáo khoa, các thiết bị, đồ dùng dạy học và cơ sở vật chất lớp học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đặc biệt các gia đình phụ huynh đã cùng đóng góp tài trợ để mua tivi các lớp học tập, đảm bảo đúng tiến độ yêu cầu giáo dục hiện nay.

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiệt tình, năng nổ, biết học hỏi sẵn sàng tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông 2018. Giáo viên trong tổ đã được tập huấn CT GDPT 2018 và SGK lớp 4,5 nên tất cả các giáo viên trong tổ khối đều nắm được cơ bản về hình thức tổ chức cũng như các phương pháp dạy học mới theo phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường cũng như các gia đình học sinh rất quan tâm đến việc học tập của con em nên việc xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội luôn được giữ vững.

1. Đội ngũ giáo viên khối 4:

- Tổng số : 7 đ/c Nữ: 7 đ/c
- Trình độ: Đại học: 6 đ/c; Thạc sĩ: 01 đ/c
- GVG cấp huyện: 0 đ/c GVG cấp trường: 06 đ/c
- Đội ngũ giáo viên khối 4 có trình độ chuyên môn vững vàng, ham học hỏi, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Tích cực tham gia tập huấn Chương trình thay sách lớp 4, giáo dục Stem, chuyển đổi số,... Giáo viên trong khối luôn có ý thức tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy hàng ngày.

2. Đặc điểm đối tượng học sinh

- Tổng số học sinh: 279 em Nữ: 153 em

Gia đình khó khăn: 6 em Học sinh khuyết tật: 01 em

Dân tộc: 01 em HS nước ngoài chuyển về 01 em

- Tổng số lớp: 7 lớp

- Số HS được khen thưởng cấp trường: $212/279 \text{ em} = 76\%$. HS hoàn thành chương trình lớp học: $279/279 = 100\%$

- Học sinh có đầy đủ sách giáo khoa, đồ dùng học tập chuẩn bị cho năm học 2024- 2025.

* Tồn tại: Năm học 2023-2024 nhiều HS có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ bỏ nhau, đi làm xa .. ở với ông bà không có điều kiện thời gian quan tâm chăm sóc nên ảnh hưởng đến chất lượng học tập..

3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng học, nguồn học liệu,

- Mỗi lớp 1 phòng học thoáng mát với đầy đủ thiết bị dạy học hiện đại, có kết nối Internet. Nhà trường có phòng đọc thư viện chuẩn. Các lớp xây dựng thư viện “50K” , góc trưng bày sản phẩm STEM. Sân trường rộng có nhiều cây bóng mát, cây hoa...

- Nhà trường có đủ phòng học để học sinh được học 2 buổi/ngày, được đăng kí bán trú.

- Sách giáo khoa theo chương trình GDPT 2018 của nhà xuất bản Giáo dục.

- Rất nhiều các tài liệu tham khảo trên hành trang số.

- Các nguồn sách của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng được cấp phép xuất bản

- Các đầu sách giáo khoa Nhà trường đưa vào giảng dạy là:

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 4	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Đồng chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hào Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
3	Đạo Đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi; Ngô Diệu Nga; Đào Thị Sen; Triều Thanh Trung.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	LS&ĐL4	- Vũ Minh Giang - Nghiêm Đình Vỳ (Tổng chủ biên); Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên); Đào Thị Hồng – Lê Thu Hương (Phần Lịch sử) - Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên); Trần Thị Hà Giang (Chủ biên); Đặng Tiên Dung – Đoàn Thị Thanh Phương. (Phần Địa lí)	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên); Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên); Đồng Huy Giới – Dương Giáng Thiên Hương – Bùi Thị Thiên Hương – Nguyễn Bích Thảo.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên); Hoàng Thị Mai (Chủ biên); Phan Anh – Nguyễn Thu Hiền – Nguyễn Bá Tuấn – Hà Đặng Cao Tùng.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu. Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi; Nguyễn Thị Phương Mai; Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mỹ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên); Trần Thị Biễn – Đoàn Thị Mỹ Hương (Đồng chủ biên) Phạm Duy Anh – Trần Thị Thu Trang.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh 4 (Englis Discover	Lưu Thị Kim Nhung (Chủ biên), Đỗ Thị Phi Nga.	NXB ĐH Sư phạm	

4. Các nội dung khác

- Nhà trường đã xây dựng chủ đề hoạt động giáo dục tập thể, lồng ghép giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh dịch bệnh, đề phòng kẻ xấu,..., tuyên truyền ý nghĩa các ngày lễ lớn.
- Địa phương có di tích lịch sử và lễ hội truyền thống thuận lợi cho việc giáo dục truyền thống, lịch sử địa phương.
- Giáo viên đã xây dựng kế hoạch các môn học, hoạt động giáo dục theo đúng hướng dẫn điều chỉnh của BGD&ĐT, lồng ghép giáo dục địa phương, giáo dục môi trường, rèn kĩ năng sống, giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục stem, chuyển đổi số, ... phù hợp với từng bài, từng môn; nội dung tích hợp liên môn,...

III. Kế hoạch dạy học các môn học

2. MÔN TIẾNG VIỆT

A) NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

ĐỌC

a) Kỹ thuật đọc

Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch, thơ, văn bản miêu tả: nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc khoảng 80 – 90 tiếng trong 1 phút (lớp 4); 90 – 100 tiếng trong 1 phút (lớp 5).

Đọc thầm với tốc độ nhanh.

Sử dụng được từ điển học sinh để tìm từ và nghĩa của các từ ngữ mới.

Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

b) Đọc hiểu: Văn bản văn học; Văn bản thông tin;

Đọc hiểu nội dung

Đọc hiểu hình thức

Liên hệ, so sánh, kết nối

Đọc mở rộng

VIẾT: Kỹ thuật viết. Viết đoạn văn, văn bản: Quy trình viết -> Thực hành viết.

NÓI VÀ NGHE:

- Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe. Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp.

- Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt.

Biết dựa trên gợi ý, giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi. Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác.

- Nhận biết được một số lí lẽ và dẫn chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe.

Nói nghe tương tác: Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

*** NỘI DUNG KIẾN THỨC**

KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT

1. Quy tắc viết tên riêng của cơ quan, tổ chức.
2. Vốn từ theo chủ điểm; Công dụng của từ điển, cách tìm từ và nghĩa của từ trong từ điển; Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu; Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong việc biểu đạt nghĩa
3. Danh từ, động từ, tính từ: đặc điểm và chức năng; Danh từ riêng và danh từ chung: đặc điểm và chức năng; Câu và thành phần chính của câu: đặc điểm và chức năng; Trạng ngữ của câu: đặc điểm và chức năng (bổ sung thông tin); Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu các ý liệt kê); dấu gạch nối (nối các từ ngữ trong một liên danh); dấu ngoặc kép (đánh dấu tên của một tác phẩm, tài liệu); dấu ngoặc đơn (đánh dấu phần chú thích)
4. Biện pháp tu từ nhân hoá: đặc điểm và tác dụng; Câu chủ đề của đoạn văn: đặc điểm và chức năng; Cấu trúc ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) của văn bản: đặc điểm và chức năng của mỗi phần
5. Kiểu văn bản và thể loại - Bài văn kể lại một sự việc bản thân đã chứng kiến; bài văn kể lại câu chuyện, có kèm tranh minh hoạ - Bài văn miêu tả: bài văn miêu tả con vật, cây cối - Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một nhân vật - Đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện, nhân vật hay một sự việc, nêu lí do vì sao có ý kiến như vậy - Văn bản hướng dẫn các bước thực hiện một công việc; giấy mời, đơn, thư, báo cáo công việc
6. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)

KIẾN THỨC VĂN HỌC

1. Chủ đề
2. Đặc điểm nhân vật
3. Hình ảnh trong thơ
4. Lời thoại trong kịch bản văn học

NGŨ LIỆU

1. Văn bản văn học:

- Truyện cổ, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả - Đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ
- Kịch bản văn học Độ dài của văn bản: truyện, kịch bản khoảng 280 - 330 chữ, bài miêu tả khoảng 200 - 250 chữ, thơ khoảng 100 - 120 chữ

2. Văn bản thông tin

- Văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm
 - Giấy mời -Thư thăm hỏi, thư cảm ơn, thư xin lỗi
 - Đơn (xin nghỉ học, xin nhập học)
 - Báo cáo công việc Độ dài của văn bản: khoảng 150 - 180 chữ
- 3. Gợi ý chọn văn bản:** nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng nước, bảo vệ tổ quốc

B) KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú

	Chủ đề/ Mạch nội dung	Bài học	Tên bài học	Tiết theo PPCT	Thời lượng (tiết)		
HỌC KỲ I (Gồm 126 tiết/18 tuần: 32 bài/112 tiết + Ôn tập và ĐG giữa HKI: 7 tiết + Ôn tập và ĐG cuối HKI: 7 tiết) Mỗi tuần 7 tiết chia làm 2 bài. Những bài số lẻ gồm 3 tiết (Đọc: 1 tiết; Luyện từ và câu: 1 tiết; Viết: 1 tiết). Những bài số chẵn/ tuần lẻ gồm 4 tiết (Đọc: 2tiết; Viết: 1 tiết, Nói và nghe: 1 tiết) Bài số chẵn/ tuần chẵn gồm 4 tiết (Đọc: 2tiết ; Viết: 1 tiết, Đọc mở rộng: 1 tiết)							
1	Chủ điểm 1: Mỗi người một vẻ	Bài 1 (3 tiết)	Đọc: Điều kì diệu	1	2 tiết		
			Luyện từ và câu: Danh từ	2	1 tiết		
			Viết: Tìm hiểu đoạn văn và câu chủ đề	3	1 tiết		
		Bài 2 (4 tiết)	Đọc: Thi nhạc	4 + 5	2 tiết		
			Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến	6	1 tiết		
			Nói và nghe: Tôi và bạn	7	1 tiết		
2	//	Bài 3 (3 tiết)	Đọc: Anh em sinh đôi	8	1 tiết	QCN: Tích hợp giáo dục quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân phù hợp với độ tuổi và văn hóa dân tộc.	
			Luyện từ và câu: Danh từ chung, danh từ riêng	9	1 tiết		
			Viết: Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến	10	1 tiết		
		Bài 4 (4 tiết)	Đọc: Công chúa và người dẫn chuyện	11,12	2 tiết		
			Viết: Viết đoạn văn nêu ý kiến	13	1 tiết		
			Đọc mở rộng	14	1 tiết		

3	//	Bài 5 (3 tiết)	Đọc: Thần lẫn xanh và tắc kè	15	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Luyện tập về danh từ	16	1 tiết		
			Viết: Trả bài viết đoạn văn nêu ý kiến	17	1 tiết		
		Bài 6 (4 tiết)	Đọc: Nghệ sĩ trống	18,19	2 tiết	<i>QCN: Tích hợp giáo dục quyền được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo và thực hiện ước mơ của mình.</i>	
			Viết: Tìm hiểu cách viết báo cáo thảo luận nhóm	20	1 tiết	<i>QCN: Tích hợp giáo dục quyền tham gia ý kiến về một vấn đề thiết thực, gần gũi, qua đó giáo dục ý thức trách nhiệm đối với tập thể và cộng đồng.</i>	
			Nói và nghe: Kể chuyện: Bốn anh tài	21	1 tiết		
4	//	Bài 7 (3 tiết)	Đọc: Những bức chân dung	22	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Quy tắc viết tên cơ quan, tổ chức	23	1 tiết		
			Viết: Lập dàn ý cho báo cáo thảo luận nhóm	24	1 tiết		
		Bài 8	Đọc: Đò ngang	25,26	2 tiết		
			Viết: Viết báo cáo thảo luận nhóm	27	1 tiết		

		(4 tiết)	Đọc mở rộng	28	1 tiết		
5	Chủ điểm 2: Trải nghiệm và khám phá	Bài 9 (3 tiết)	Đọc: Bầu trời trong quả trứng	29	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Động từ	30	1 tiết		
			Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn thuật lại một sự việc	31	1 tiết		
		Bài 10 (4 tiết)	Đọc: Tiếng nói của cỏ cây	32,33	2 tiết		
			Viết: Lập dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc	34	1 tiết		
			Nói và nghe: Trải nghiệm đáng nhớ	35	1 tiết	GDDP: Chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về hoạt động TN ở địa phương.	
6	//	Bài 11 (3 tiết)	Đọc: Tập làm văn	36	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Luyện tập về động từ.	37	1 tiết		
			Viết: Viết bài văn thuật lại một sự việc	38	1 tiết		
		Bài 12 (4 tiết)	Đọc: Nhà phát minh 6 tuổi	39,40	2 tiết		
			Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể lại một câu chuyện	41	1 tiết		
			Đọc mở rộng	42	1 tiết		
7	//	Bài 13 (3 tiết)	Đọc: Con vệt xanh	43	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Luyện tập về động từ.	44	1 tiết		
			Viết: Luyện viết mở bài, kết bài cho bài văn kể lại một câu chuyện	45	1 tiết		
		Bài 14 (4 tiết)	Đọc: Chân trời cuối phố	46,47	2 tiết		
			Viết (TLV): Lập dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện	48	1 tiết		
			Nói và nghe: Việc làm có ích.	49	1 tiết	GDDP: GD HS tham gia tích cực việc làm có ích cho địa phương.	

						QCN: Tích hợp giáo dục quyền được tham gia các hoạt động xã hội, đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, trường lớp, gia đình bằng những việc làm có ích.	
8	//	Bài 15 (3 tiết)	Đọc: Gặt chữ trên non	50	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Cách dùng và công dụng của từ điển	51	1 tiết		
			Viết: Viết bài văn kể lại một câu chuyện	52	1 tiết		
		Bài 16 (4 tiết)	Đọc: Trước ngày xa quê	53,54	2 tiết	GDDP:Giới thiệu được nét cơ bản về cảnh quan Thủy Nguyên, con người, sản vật, sự thay đổi lớn của địa phương.	
			Viết: Trả bài văn kể lại một câu chuyện	55	1 tiết		
			Đọc mở rộng	56	1 tiết		
9	Ôn tập và đánh giá	Phần 1	Ôn tập tiết 1	57	1 tiết		
			Ôn tập tiết 2	58	1 tiết		

	giữa HKI	Ôn tập (5 tiết)	Ôn tập tiết 3	59	1 tiết		
			Ôn tập tiết 4	60	1 tiết		
			Ôn tập tiết 5	61	2 tiết		
		Phần 2 K.tra (2 tiết)	KIỂM TRA ĐỌC CUỐI HỌC KÌ 1	62	1 tiết		
			KIỂM TRA VIẾT CUỐI HỌC KÌ 1	63	1 tiết		
10	Chủ điểm 3: Niềm vui sáng tạo	Bài 17 (3 tiết)	Đọc: Vẽ màu	64	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Biện pháp nhân hoá.	65	1 tiết		
			Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn tưởng tượng	66	1 tiết		
		Bài 18 (4 tiết)	Đọc: Đồng cỏ nở hoa	67,68	1 tiết		
			Viết: Tìm ý cho đoạn văn tưởng tượng	69	1 tiết		
			Nói và nghe: Chúng em sáng tạo	70	1 tiết	GDĐP: Giới thiệu về 1 sản phẩm mà tự tay em làm.	
11	//	Bài 19 (3 tiết)	Đọc: Thanh âm của núi	71	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Luyện tập về biện pháp nhân hoá	72	1 tiết		
			Viết: Viết đoạn văn tưởng tượng	73	1 tiết		
		Bài 20 (4 tiết)	Đọc: Bầu trời mùa thu	74,75	2 tiết		
			Viết: Trả bài viết đoạn văn tưởng tượng	76	1 tiết		
			Đọc mở rộng	77	1 tiết		
12	//	Bài 21 (3 tiết)	Đọc: Làm thỏ con bằng giấy	78	1 tiết	GDMT: Vứt giấy ra đúng nơi quy định. Tích hợp liên môn môn Công nghệ	
			Luyện từ và câu: Tính từ	79	1 tiết		

			Viết: Tìm hiểu cách viết hướng dẫn thực hiện một công việc	80	1 tiết		
		Bài 22 (4 tiết)	Độc: Bức tường có nhiều phép lạ	81,82	2 tiết		
			Viết: Viết hướng dẫn thực hiện một công việc	83	1 tiết		
			Nói và nghe: Nhà phát minh và bà cụ	84	1 tiết		
13	//	Bài 23 (3 tiết)	Độc: Bết - tô - ven và Bùn xô – nát ánh trắng	85	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Luyện tập về tính từ	86	1 tiết		
			Viết: Tìm hiểu cách viết đơn	87	1 tiết		
		Bài 24 (4 tiết)	Độc: Người tìm đường lên các vì sao	88,89	2 tiết		
			Viết: Viết đơn.	90	1 tiết		
			Độc mở rộng	91	1 tiết		
14	Chủ điểm 4: Chấp cánh ước mơ	Bài 25 (3 tiết)	Độc: Bay cùng ước mơ	92	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Luyện tập về tính từ	93	1 tiết		
			Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả con vật.	94	1 tiết		
		Bài 26 (4 tiết)	Độc: Con trai người làm vườn	95,96	2 tiết	QCN: Tích hợp giáo dục quyền được học tập, được yêu thương, chăm sóc từng ước mơ, tạo động lực để ước mơ trẻ thơ chấp cánh.	
			Viết: Quan sát con vật	97	1 tiết		
			Nói và nghe: Ước mơ của em.	98	1 tiết	GDĐP: Nói về ước mơ của em góp phần xây dựng thành phố Thủy	

						Nguyên trong tương lai.	
15	//	Bài 27 (3 tiết)	Đọc: Nếu em có một khu vườn.	99	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Dấu gạch ngang	100	1 tiết		
			Viết: Luyện viết đoạn văn miêu tả con vật.	101	1 tiết		
		Bài 28 (4 tiết)	Đọc: Bốn mùa mơ ước	102.103	2 tiết		
			Viết: Lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật.	104	1 tiết		
			Đọc mở rộng	105	1 tiết		
16	//	Bài 29 (3 tiết)	Đọc: Ở vương quốc tương lai	106	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Luyện tập về dấu gạch ngang	107	1 tiết		
			Viết: Viết bài văn miêu tả con vật.	108	1 tiết		
		Bài 30 (4 tiết)	Đọc: Cánh chim nhỏ	109,110	2 tiết	QCN: Tích hợp giáo dục quyền được hỗ trợ đối với trẻ có khuyết tật đặc biệt (bị liệt) để cùng sinh hoạt, vui chơi...	
			Viết: Trả bài văn miêu tả con vật.	111	1 tiết		
			Nói và nghe: Đôi cánh của ngựa trắng	112	1 tiết		
17	//	Bài 31 (3 tiết)	Đọc: Nếu chúng mình có phép lạ	113	1 tiết	GDQP: Kể tên các cuộc kháng chiến của dân tộc VN. GDĐP: Giới thiệu trò chơi dân gian	
			Luyện từ và câu: Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ	114	1 tiết		

18	Ôn tập và đánh giá cuối HKI	Bài 32 (4 tiết)	Viết: Tìm hiểu cách viết thư	115	1 tiết							
			Đọc: Anh Ba	116,117	2 tiết	GDANQP: Để làm được việc lớn phải có ý chí và lòng quyết tâm, có thức xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước. GD tư tưởng HCM						
								Viết: Viết thư	118	1 tiết		
								Đọc mở rộng	119	1 tiết		
		Phần 1 Ôn tập (5 tiết)	Ôn tập tiết 1	120	1 tiết							
			Ôn tập tiết 2	121	1 tiết							
			Ôn tập tiết 3	122	1 tiết							
			Ôn tập tiết 4	123	1 tiết							
Ôn tập tiết 5	124		1 tiết									
Phần 2 K.tra (2 tiết)	KIỂM TRA ĐỌC CUỐI HỌC KÌ 1		125	1 tiết								
	KIỂM TRA VIẾT CUỐI HỌC KÌ 1	126	1 tiết									

HỌC KỲ II (Gồm 119 tiết/17 tuần: 30 bài/105 tiết + Ôn tập và ĐG giữa HKII: 7 tiết + Ôn tập và ĐG cuối HKII: 7 tiết)

Mỗi tuần 7 tiết chia làm 2 bài.

Những bài số lẻ gồm 3 tiết (Đọc: 1 tiết; Luyện từ và câu: 1 tiết; Viết: 1 tiết).

Những bài số chẵn/ tuần lẻ gồm 4 tiết (Đọc: 2 tiết; Viết: 1 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

Bài số chẵn/ tuần chẵn gồm 3 tiết (Đọc: 2 tiết ; Viết: 1 tiết, Đọc mở rộng: 1 tiết)

19	Chủ điểm 5: Sống dễ yêu thương	Bài 1 (3 tiết)	Đọc: Hải thượng Lãn Ông	127	1 tiết	GDĐP: Đ/C Nguyễn Đức Cảnh, nữ tướng Lê Chân	
			Luyện từ và câu: Câu	128	1 tiết		
			Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc.	129	1 tiết		
		Bài 2 (4 tiết)	Đọc: Vết phấn trên mặt bàn	130,131	2 tiết	QCN: Tích hợp giáo dục quyền được chăm sóc sức khỏe, được yêu thương và quan tâm.	
			Viết: Tìm ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một người gần gũi, thân thiết	132	1 tiết		
			Nói và nghe: Giúp bạn	133	1 tiết		
20	//	Bài 3 (3 tiết)	Đọc: Ông bụt đã đến	134	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Hai thành phần chính của câu.	135	1 tiết		
			Viết: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một người gần gũi, thân thiết.	136	1 tiết		
		Bài 4 (4 tiết)	Đọc: Quả ngọt cuối mùa.	137,138	1 tiết		
			Viết: Tìm ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật trong văn học.	139	1 tiết		
			Đọc mở rộng	140	1 tiết		
21	//	Bài 5 (3 tiết)	Đọc: Tờ báo tường của tôi	141	1 tiết	- QCN: Tích hợp giáo dục ý thức trách nhiệm với những người gặp	

						khó khăn, hoạn nạn, từ đó giáo dục <i>quyền được bảo vệ, hỗ trợ trong những tình huống đặc biệt</i> như bị tai nạn nhưng xung quanh không có người cứu giúp.	
			Luyện từ và câu: Luyện tập về chủ ngữ của câu	142	1 tiết		
			Viết: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật trong văn học.	143	1 tiết		
		Bài 6 (4 tiết)	Đọc: Tiếng ru	144,145	1 tiết		
			Viết: Trả bài viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật trong văn học.	146	1 tiết		
			Nói và nghe: Kể chuyện Bài học quý	147	1 tiết		
22	//	Bài 7 (3 tiết)	Đọc: Con muốn làm một cái cây	148	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Luyện tập về vị ngữ của câu.	149	1 tiết		
			Viết: Tìm hiểu cách viết hướng dẫn sử dụng một sản phẩm.	150	1 tiết		
		Bài 8 (4 tiết)	Đọc: Trên khảm tre đầu ngõ	151,152	1 tiết	GDMT: Bảo vệ con vật và môi trường thiên nhiên.	
			Viết: Viết hướng dẫn sử dụng một sản phẩm.	153	1 tiết		

			Đọc mở rộng	154	1 tiết		
23	Chủ điểm 6: Uông nước nhớ nguồn	Bài 9 (3 tiết)	Đọc: Sự tích con Rồng, cháu Tiên.	155	1 tiết	GDĐP: Giỗ tổ Hùng Vương- Lễ hội Đền Hùng. GDHS: Tự hào về truyền thống con rồng cháu tiên. Quyền dùng tiếng nói, chữ viết giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc.	
			Luyện từ và câu: Luyện tập về hai thành phần chính của câu.	156	1 tiết		
			Viết: Lập dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện.	157	1 tiết		
		Bài 10 (4 tiết)	Đọc: Cảm xúc Trường Sa.	158,159	2 tiết	GDANQP: Biết được chủ quyền của đất nước ta không chỉ là dải đất hình chữ S mà còn có biển và đảo ngoài biển đông. Có ý thức bảo vệ biển đảo, lãnh thổ Việt Nam.	
			Viết: Viết bài văn kể lại một câu chuyện.	160	1 tiết		
			Nói và nghe: Những tấm gương sáng.	161	1 tiết	QCN: tích hợp	

						giáo dục lòng tự hào dân tộc, quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.	
24	//	Bài 11 (3 tiết)	Đọc: Sáng tháng Năm	162	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Trạng ngữ.	163	1 tiết		
			Viết: Trả bài văn kể lại một câu chuyện.	164,165	2 tiết		
		Bài 12 (4 tiết)	Đọc: Chàng trai Làng Phù Ủng	166	1 tiết		
			Viết: Viết đoạn văn nêu ý kiến	167	1 tiết		
			Đọc mở rộng	168	1 tiết		
25	//	Bài 13 (3 tiết)	Đọc: Vườn của ông tôi.	169	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn.	170	1 tiết		
			Viết: Trả bài viết đoạn văn nêu ý kiến	171	1 tiết		
		Bài 14 (4 tiết)	Đọc: Trong lời mẹ hát.	172,173	2tiết		
			Viết:Lập dàn ý cho một bài văn thuật lại một sự việc	174	1 tiết		
			Nói và nghe: Truyền thống uống nước nhớ nguồn	175	1 tiết		
26	//	Bài 15 (3 tiết)	Đọc: Người thầy đầu tiên của bố tôi	176	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích	177	1 tiết		
			Viết: Viết bài văn thuật lại một sự việc	178	1 tiết		
		Bài 16	Đọc: Ngựa biên phòng	189,180	1 tiết		
			Viết: Trả bài văn thuật lại một sự việc	181	1 tiết		

		(4 tiết)	Đọc mở rộng	182	1 tiết		
27	Ôn tập và đánh giá giữa HKII	Phần 1 Ôn tập (5 tiết)	Ôn tập tiết 1	183	1 tiết		
			Ôn tập tiết 2	184	1 tiết		
			Ôn tập tiết 3	185	1 tiết		
			Ôn tập tiết 4	186	1 tiết		
			Ôn tập tiết 5	187	1 tiết		
		Phần 2 K.tra (2 tiết)	KIỂM TRA ĐỌC GIỮA HỌC KÌ II	188	1 tiết		
			KIỂM TRA VIẾT GIỮA HỌC KÌ II	189	1 tiết		
28	Chủ điểm 7: Quê hương trong tôi	Bài 17 (3 tiết)	Đọc: Cây đa quê hương	190	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ phương tiện	191	1 tiết		
			Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả cây cối.	192	1 tiết		
		Bài 18 (4 tiết)	Đọc: Bước mùa xuân	193,194	1 tiết		
			Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả cây cối (Tiếp theo)	195	1 tiết		
			Nói và nghe: Những miền quê yêu dấu	196	1 tiết		
29	//	Bài 19 (3 tiết)	Đọc: Đi hội Chùa Hương	197	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Dấu ngoặc kép	198	1 tiết		
			Viết: Quan sát cây cối	199	1 tiết		
		Bài 20 (4 tiết)	Đọc: Chiều ngoại ô	200,201	2 tiết		
			Viết: Luyện viết văn miêu tả cây cối.	202	1 tiết		
			Đọc mở rộng	203	1 tiết		
30	//	Bài 21 (3 tiết)	Đọc: Những cánh buồm	204	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Dấu ngoặc đơn	205	1 tiết		
			Viết: Luyện viết mở bài, kết bài cho bài văn miêu tả cây cối	206	1 tiết		
		Bài 22	Đọc: Cái cầu	207,208	2 tiết		
			Viết: Lập dàn ý cho bài văn miêu tả cây cối.	209	1 tiết		

		(4 tiết)	Nói và nghe: Kể chuyện Về quê ngoại.	210	1 tiết		
31	//	Bài 23 (3 tiết)	Đọc: Đường đi Sa Pa	211	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Luyện tập viết tên cơ quan, tổ chức.	212	1 tiết		
			Viết:Viết bài văn miêu tả cây cối.	213	1 tiết		
		Bài 24 (4 tiết)	Đọc: Quê ngoại	214,215	2 tiết		
			Viết: Trả bài văn miêu tả cây cối.	216	1 tiết		
			Đọc mở rộng	217	1 tiết		
32	Chủ điểm 8: Vì một thế giới bình yên	Bài 25 (3 tiết)	Đọc: Khu bảo tồn động vật hoang dã Ngô- rồng- gõ - rô	218	1 tiết	QCN: tích hợp giáo dục ý thức bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ môi trường sống của nhân loại; từ đó giáo dục quyền được bảo vệ trước các tác động của thiên tai, ô nhiễm môi trường.	
			Luyện từ và câu: Lựa chọn từ ngữ.	219	1 tiết		
			Viết: Viết đoạn văn tưởng tượng.	220	1 tiết		
		Bài 26 (4 tiết)	Đọc: Ngôi nhà của yêu thương	221,222	2 tiết		
			Viết: Trả bài viết đoạn văn tưởng tượng.	223	1 tiết		
			Nói và nghe: Chung tay bảo vệ động vật.	224	1 tiết		
33	//	Bài 27 (3 tiết)	Đọc: Bể tan	225	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Luyện tập lựa chọn từ ngữ.	226	1 tiết		
			Viết: Viết đoạn văn tưởng tượng.	227	1 tiết		
			Đọc: Chuyến du lịch thú vị	228,229	1 tiết		

		Bài 28 (4 tiết)	Viết: Hướng dẫn cách viết thư điện tử	230	1 tiết		
			Đọc mở rộng	231	1 tiết		
34	//	Bài 29 (3 tiết)	Đọc: Lễ hội ở Nhật Bản	232	1 tiết		
			Luyện từ và câu: Luyện tập về dấu câu	233	1 tiết		
			Viết: Viết thư điện tử	234	1 tiết		
		Bài 30 (4 tiết)	Đọc: Ngày hội	235,236	2 tiết		
			Viết: Viết giấy mời	237	1 tiết		
			Nói và nghe: Cuộc sống xanh	238	1 tiết		
35	Ôn tập và đánh giá cuối HKII	Phần 1 Ôn tập (5 tiết)	Ôn tập tiết 1	239	1 tiết		
			Ôn tập tiết 2	240	1 tiết		
			Ôn tập tiết 3	241	1 tiết		
			Ôn tập tiết 4	242	1 tiết		
			Ôn tập tiết 5	243	1 tiết		
		Phần 2 K.tra (2 tiết)	KIỂM TRA ĐỌC CUỐI HỌC KÌ II	244	1 tiết		
			KIỂM TRA VIẾT CUỐI HỌC KÌ II	245	1 tiết		

2. MÔN TOÁN

A, NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* VỀ NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT

1. Năng lực tư duy và lập luận toán học: Thực hiện được các thao tác tư duy (ở mức độ đơn giản), đặc biệt biết quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát. Nêu được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.

2. *Năng lực mô hình hoá toán học*: Lựa chọn được các phép toán, công thức số học, sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn đơn giản. Giải quyết được những bài toán xuất hiện từ sự lựa chọn trên. Nêu được câu trả lời cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.

3. *Năng lực giải quyết vấn đề toán học*: Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi. Nêu được cách thức giải quyết vấn đề. Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản.

4. *Năng lực giao tiếp toán học*: Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép (tóm tắt) được các thông tin toán học trọng tâm trong nội dung văn bản hay do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản). Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (chưa yêu cầu phải diễn đạt đầy đủ, chính xác). Thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản....

5. *Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán*: Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản (que tính, thẻ số, thước, compa, êke, các mô hình hình phẳng và hình khối quen thuộc, ...) ...

* NỘI DUNG KIẾN THỨC

1. **Số tự nhiên**: Số và cấu tạo thập phân của một số. So sánh các số. Thực hiện được các phép cộng, phép trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp). Thực hiện được phép nhân với các số có không quá hai chữ số.

Thực hiện được phép chia cho số có không quá hai chữ số. Biểu thức số và biểu thức chữ

2. **Phân số**: Khái niệm ban đầu về phân số

Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. Các phép tính cộng, trừ, nhân chia với phân số.

3. **Hình học và đo lường**:

a. **Hình học**: Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm của một số hình phẳng đơn giản. Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học.

b. **Đo lường**:

- Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn và quan hệ giữa các đơn vị đó với kg.
- Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: dm^2 (đề-xi-mét vuông), m^2 (mét vuông), mm^2 (mi-li-mét vuông) và quan hệ giữa các đơn vị đó.
- Nhận biết được các đơn vị đo thời gian: giây, thế kỉ và quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian đã học.
- Nhận biết được đơn vị đo góc: độ ($^\circ$).

- Sử dụng được thước đo góc để đo các góc: 60°; 90°; 120°; 180°.
- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài (mm, cm, dm, m, km); diện tích (mm², cm², dm², m²); khối lượng (g, kg, yến, tạ, tấn); dung tích (ml, l); thời gian (giây, phút, giờ, ngày, tuần lễ, tháng, năm, thế kỉ); tiền Việt Nam đã học.

4. Một số yếu tố thống kê:

- Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu
- Đọc, mô tả biểu đồ cột. Biểu diễn số liệu vào biểu đồ cột
- Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ cột đã có.

5. Một số yếu tố xác suất: Kiểm đếm được số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện khi thực hiện (nhiều lần) thí nghiệm, trò chơi đơn giản (ví dụ: trong một vài trò chơi như tung đồng xu, lấy bóng từ hộp kín, ...).

6. Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Thực hành các hoạt động liên quan đến tính toán, đo lường và ước lượng, ... Thực hành thu thập, phân tích, biểu diễn các số liệu thống kê, ...

B) KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)			Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Bài	Tên bài học trong tiết học cụ thể	Tiết theo PPCT	Thời lượng (tiết)		
		HỌC KỲ I (Gồm 90 tiết/18 tuần, mỗi tuần 5 tiết)					
1	Chủ đề 1: Ôn tập và bổ sung	Bài 1: Ôn tập các số đến 100000 (2 tiết)	Luyện tập -Trang 6 (Tiết 1)	1	1 tiết		
			Luyện tập - Trang 7 (Tiết 2)	2	1 tiết		
		Bài 2: Ôn tập các phép tính trong phạm vi 100000 (3 tiết)	Luyện tập - Trang 9 (Tiết 1)	3	1 tiết		
			Luyện tập - Trang 10 (Tiết 2)	4	1 tiết		
			Luyện tập - Trang 11 (Tiết 3)	5	1 tiết		
		Bài 3: Số chẵn, số lẻ	Số chẵn, số lẻ- Trang 12 (Tiết 1)	6	1 tiết		

2	//	(2 tiết)	Luyện tập - Trang 13 (Tiết 2)	7	1 tiết			
		Bài 4: Biểu thức chứa chữ (3 tiết)	Biểu thức chứa chữ -Trang 14 (Tiết 1)	8	1 tiết			
			Luyện tập - Trang 16 (Tiết 2)	9	1 tiết			
			Luyện tập - Trang 17 (Tiết 3)	10	1 tiết			
3	//	Bài 5: Giải bài toán có 3 bước tính (2 tiết)	Giải bài toán có 3 bước tính - Trang 19 - (Tiết 1)	11	1 tiết			
			Luyện tập - Trang 20 (Tiết 2)	12	1 tiết			
		Bài 6: Luyện tập chung (2 tiết)	Luyện tập - Trang 21 (Tiết 1)	13	1 tiết			
			Luyện tập - Trang 22 (Tiết 2)	14	1 tiết			
			Bài 7: Đo góc, đơn vị đo góc (2 tiết)	Đo góc, đơn vị đo góc - Trang 23 (Tiết 1)	15	1 tiết		
Luyện tập - Trang 25 (Tiết 2)				16	1 tiết			
4	Chủ đề 2: Góc và đơn vị đo góc	Bài 8: Góc nhọn, góc tù, góc bẹt (3 tiết)	Góc nhọn, góc tù, góc bẹt - Trang 26 (Tiết 1)	17	1 tiết			
			Luyện tập - Trang 27 (Tiết 2)	18	1 tiết			
		//	Luyện tập - Trang 29 (Tiết 3)	19	1 tiết			
			Bài 9: Luyện tập chung (2 tiết)	Luyện tập - Trang 31 (Tiết 1)	20	1 tiết		
				Luyện tập - Trang 32 (Tiết 2)	21	1 tiết		
5	Chủ đề 3: Số có nhiều chữ số	Bài 10: Số có sáu chữ số. Số 1 000 000 (2 tiết)	Số có sáu chữ số. Số - Trang 33 (Tiết 1)	22	1tiết	Thay bằng Bài học STEM: Bộ chữ số bí ẩn (2 tiết)		
			Số 1000000 - Trang 35 (Tiết 2)	23	1 tiết			
		//	Bài 11: Hàng và lớp (3 tiết)	Hàng và lớp -Trang 37 (Tiết 1)	24	1 tiết		
	Hàng và lớp -Trang 38 (Tiết 2)			25	1 tiết			
	Luyện tập - Trang 39 (Tiết 3)			26	1 tiết			

6	//	Bài 12: Các số trong phạm vi lớp triệu (3 tiết)	Các số trong phạm vi lớp triệu -Trang 41 (Tiết 1)	27	1 tiết		
			Luyện tập - Trang 42 (Tiết 2)	28	1 tiết		
			Luyện tập - Trang 44 (Tiết 3)	29	1 tiết		
	//	Bài 13: Làm tròn số đến hàng trăm nghìn (1 tiết)	Làm tròn số đến hàng nghìn -Trang 45	30	1 tiết		
7	//	Bài 14: So sánh các số có nhiều chữ số (2 tiết)	So sánh các số có nhiều chữ số -Trang 47 (Tiết 1)	31	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 48 (Tiết 2)	32	1 tiết		
		Bài 15: Làm quen với dãy số tự nhiên (2 tiết)	Làm quen với dãy số tự nhiên -Trang 50 (Tiết 1)	33	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 51 (Tiết 2)	34	1 tiết		
		Bài 16: Luyện tập chung (3 tiết)	Luyện tập -Trang 52 (Tiết 1)	35	1 tiết		
8	//		Luyện tập -Trang 53 (Tiết 2)	36	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 54 (Tiết 3)	37	1 tiết		
	Chủ đề 4: Một số đơn vị đo đại lượng	Bài 17: Yến , tạ, tấn (3 tiết)	Yến , tạ, tấn -Trang 56 (Tiết 1)	38	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 57 (Tiết 2)	39	1 tiết		
9	//	Bài 18: Đề - xi – mét vuông, mét vuông, Mi – li-mét vuông (4 tiết)	Luyện tập -Trang 59 (Tiết 2)	40	1 tiết		
			Đề - xi – mét vuông -Trang 60	41	1 tiết		
			Mét vuông -Trang 61	42	1 tiết		
			Mi – li- mét vuông -Trang 63	43	1 tiết		
		Bài 19: Giấy, thẻ ki (2 tiết)	Luyện tập -Trang 64	44	1 tiết		
			Giấy, thẻ ki -Trang 66 ((Tiết 1)	45	1 tiết	Thay bằng Bài học STEM: Sơ đồ dòng thời gian (2 tiết)	
			KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I				
		//	Luyện tập -Trang 67 (Tiết 2)	46	1 tiết		
			Thực hành và trải nghiệm một số đơn	47	1 tiết		

10	//	Bài 20: Thực hành và trải nghiệm một số đơn vị đo đại lượng (3 tiết)	vị đo đại lượng - Trang 69 (Tiết 1)				
			Thực hành và trải nghiệm một số đơn vị đo đại lượng –Trang70 (Tiết 2)	48	1 tiết		
			Thực hành và trải nghiệm một số đơn vị đo đại lượng -Trang 72 (Tiết 3)	49	1 tiết		
		Bài 21: Luyện tập chung (2 tiết)	Luyện tập -Trang 73 (Tiết 1)	50	1 tiết		
11	Chủ đề 5: Phép cộng và phép trừ	//	Luyện tập -Trang 74 (Tiết 2)	51	1 tiết		
			Phép cộng các số có nhiều chữ số - Trang 76 (Tiết 1)	52	1 tiết		
		Bài 22: Phép cộng các số có nhiều chữ số (2 tiết)	Luyện tập -Trang 78 (Tiết 2)	53	1 tiết		
			Phép trừ các số có nhiều chữ số - Trang 79 (Tiết 1)	54	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 78 (Tiết 2)	55	1 tiết		
12	//	Bài 24: Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng (3 tiết)	Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng -Trang 82 (Tiết 1)	56	1 tiết		
			Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng -Trang 84 (Tiết 2)	57	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 85 (Tiết 3)	58	1 tiết		
		Bài 25: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó (2 tiết)	Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó -Trang 86 (Tiết 1)	59	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 87 (Tiết 2)	60	1 tiết		
13		Bài 26: Luyện tập chung (3 tiết)	Luyện tập -Trang 88 (Tiết 1)	61	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 89 (Tiết 2)	62	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 90 (Tiết 3)	63	1 tiết		
			Hai đường thẳng vuông góc -Trang	64	1 tiết		

	//	Bài 27: Hai đường thẳng vuông góc (2 tiết)	91 (Tiết 1)				
			Luyện tập -Trang 92 (Tiết 2)	65	1 tiết		
14	Chủ đề 6: Đường thẳng vuông góc, đường thẳng song song	Bài 28: Thực hành và trải nghiệm vẽ hai đường thẳng vuông góc (2 tiết)	Thực hành và trải nghiệm vẽ hai đường thẳng vuông góc Trang 94 (Tiết 1)	66	1 tiết		
			Thực hành và trải nghiệm vẽ hai đường thẳng vuông góc - Trang 96 (Tiết 2)	67	1 tiết		
		Bài 29: Hai đường thẳng song song (2 tiết)	Hai đường thẳng song song -Trang 98 (Tiết 1)	68	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 99 (Tiết 2)	69	1 tiết		
		Bài 30: Thực hành và trải nghiệm vẽ hai đường thẳng song song (2 tiết)	Thực hành và trải nghiệm vẽ hai đường thẳng song song -Trang 101 (Tiết 1)	70	1 tiết		
15	//	//	Thực hành và trải nghiệm vẽ hai đường thẳng song song -Trang 103 (Tiết 2)	71	1 tiết		
		Bài 31: Hình bình hành, hình thoi (3 tiết)	Hình bình hành -Trang 105 (Tiết1)	72	1 tiết		
			Hình thoi -Trang 107 (Tiết 2)	73	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 108 (Tiết 3)	74	1 tiết		
		Bài 32: Luyện tập chung (3 tiết)	Luyện tập -Trang 110 (Tiết 1)	75	1 tiết		
16	//	//	Luyện tập -Trang 111 (Tiết 2)	76	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 112 (Tiết 3)	77	1 tiết		
		Bài 33: Ôn tập các số đến lớp triệu (2 tiết)	Luyện tập -Trang 114 (Tiết 1)	78	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 115 (Tiết 2)	79	1 tiết		

	Chủ đề 7: Ôn tập học kỳ 1	Bài 34: Ôn tập phép cộng, phép trừ (3 tiết)	Luyện tập -Trang 118 (Tiết 1)	80	1 tiết		
17	//	//	Luyện tập -Trang 119 (Tiết 2)	81	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 120 (Tiết 3)	82	1 tiết		
		Bài 35: Ôn tập hình học (3 tiết)	Luyện tập -Trang 121 (Tiết 1)	83	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 122 (Tiết 2)	84	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 123 (Tiết 3)	85	1 tiết		
18	//	Bài 36: Ôn tập đo lường (2 tiết)	Luyện tập -Trang 125 (Tiết 1)	86	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 126 (Tiết 2)	87	1 tiết		
		Bài 37: Ôn tập chung (3 tiết)	Luyện tập -Trang 127 (Tiết 1)	88	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 128 (Tiết 2)	89	1 tiết		
			Luyện tập -Trang 128 (Tiết3) KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I	90	1 tiết		

		HỌC KỲ II (Gồm 85 tiết/17 tuần, mỗi tuần 5 tiết)					
19	Chủ đề 8 Phép nhân, phép chia	Bài 38: Nhân với số có một chữ số (2 tiết)	Nhân với số có một chữ số -Trang 4 (Tiết 1)	91	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 5 (Tiết 2)	92	1 tiết		
		Bài 39: Chia cho số có một chữ số (2 tiết)	Chia cho số có một chữ số -Trang 6 (Tiết 1)	93	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 8 (Tiết 2)	94	1 tiết		
		Bài 40: Tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân	Tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân –Trang 9 (Tiết 1)	95	1 tiết		

		(3tiết)					
20	//	//	Tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân –Trang 11 (Tiết 2)	96	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 13 (Tiết 3)	97	1 tiết		
		Bài 41: Nhân, chia với 10, 100, 1000... (2tiết)	Nhân, chia với 10, 100, 1000... –Trang 14 (Tiết 1)	98	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 16 (Tiết 2)	99	1 tiết		
		Bài 42: Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng (3tiết)	Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng –Trang 17 (Tiết 1)	100	1 tiết		
21	//	//	Luyện tập –Trang 18 (Tiết 2)	101	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 19 (Tiết 3)	102	1 tiết		
		Bài 43: Nhân với số có hai chữ số (3tiết)	Nhân với số có hai chữ số –Trang 20 (Tiết 1)	103	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 21 (Tiết 2)	104	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 22 (Tiết 3)	105	1 tiết		
22	//	Bài 44: Chia cho số có hai chữ số (3tiết)	Chia cho số có hai chữ số –Trang 23 (Tiết 1)	106	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 25 (Tiết 2)	107	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 26 (Tiết 3)	108	1 tiết		
		Bài 45: Thực hành và trải nghiệm ước lượng trong tính toán (1tiết)	Bài 45: Thực hành và trải nghiệm ước lượng trong tính toán –Trang 28	109	1 tiết		
		Bài 46: Tìm số trung bình cộng (2tiết)	Tìm số trung bình cộng –Trang 29 (Tiết 1)	110	1 tiết		
		//	Luyện tập –Trang 30 (Tiết 2)	111	1 tiết		

23	//	Bài 47: Bài toán liên quan đến rút về đơn vị (2tiết)	Bài toán liên quan đến rút về đơn vị – Trang 31 (Tiết 1)	112	1 tiết		
			Bài toán liên quan đến rút về đơn vị (TT) –Trang 32 (Tiết 2)	113	1 tiết		
		Bài 48: Luyện tập chung (3tiết)	Luyện tập –Trang 33 (Tiết 1)	114	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 34 (Tiết 2)	115	1 tiết		
24	Chủ đề 9 Làm quen với yếu tố thống kê, xác suất	//	Luyện tập –Trang 35 (Tiết 3)	116	1 tiết		
		Bài 49: Dãy số liệu thống kê (2 tiết)	Dãy số liệu thống kê –Trang 36 (Tiết 1)	117	1 tiết	CDS: Tìm kiếm được dữ liệu, TT và ND số qua cách tìm kiếm đơn giản trong MT kĩ thuật số	
			Luyện tập –Trang 38 (Tiết 2)	118	1 tiết		
		Bài 50: Biểu đồ cột (2 tiết)	Biểu đồ cột –Trang 39 (Tiết 1)	119	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 41 (Tiết 2)	120	1 tiết		
25	//	Bài 51: Số lần xuất hiện của một sự kiện (2 tiết)	Số lần xuất hiện của một sự kiện – Trang 43 (Tiết 1)	121	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 45 (Tiết 2)	122	1 tiết		
		Bài 52: Luyện tập chung (1 tiết)	Luyện tập chung –Trang 47	123	1 tiết		
	Chủ đề 10 Phân số, khái niệm phân số	Bài 53: Khái niệm phân số (2 tiết)	Khái niệm phân số –Trang 49 (Tiết 1)	124	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 51 (Tiết 2)	125	1 tiết		
26	//	Bài 54: Phân số và phép chia số tự nhiên (2 tiết)	Phân số và phép chia số tự nhiên – Trang 52 (Tiết 1)	126	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 53 (Tiết 2)	127	1 tiết		
		Bài 55: Tính chất cơ bản của phân số (2 tiết)	Tính chất cơ bản của phân số –Trang 56 (Tiết 1)	128	1 tiết		

			Luyện tập –Trang 57 (Tiết 2)	129	1 tiết		
		Bài 56: Rút gọn phân số (2 tiết)	Rút gọn phân số –Trang 59 (Tiết1)	130	1 tiết		
27	//	//	Luyện tập –Trang 61 (Tiết 2)	131	1 tiết		
		Bài 57: Quy đồng mẫu số các phân số (2tiết)	Quy đồng mẫu số các phân số –Trang 62 (Tiết 1)	132	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 63 (Tiết 2)	133	1 tiết		
		Bài 58: So sánh phân số (3 tiết)	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II So sánh phân số có cùng mẫu số –Trang 64 (Tiết 1)	134	1 tiết		
		//	So sánh phân số khác mẫu số –Trang 66 (Tiết 2)	135	1 tiết		
28	//	//	Luyện tập –Trang 67 (Tiết 3)	136	1 tiết		
			Luyện tập–Trang 69 (Tiết 1)	137	1 tiết		
		Bài 59: Luyện tập chung (3 tiết)	Luyện tập –Trang 71(Tiết 2)	138	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 72,73 (Tiết 3)	139	1 tiết		
	Chủ đề 11 Phép cộng, phép trừ PS	Bài 60: Phép cộng phân số (4 tiết)	Phép cộng phân số có cùng mẫu số – Trang 74 (Tiết 1)	140	1 tiết		
29	//	//	Luyện tập –Trang 75 (Tiết 2)	141	1 tiết		
			Phép cộng phân số khác mẫu số – Trang 77 (Tiết 3)	142	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 79 (Tiết 4)	143	1 tiết		
		Bài 61: Phép trừ phân số	Phép trừ hai phân số có cùng mẫu số –Trang 80 (Tiết 1)	144	1 tiết		

		(3 tiết)	Phép trừ hai phân số khác mẫu số – Trang 81 (Tiết 2)	145	1 tiết		
30		//	Luyện tập –Trang 82 (Tiết 3)	146	1 tiết		
		Bài 62: Luyện tập chung (3 tiết)	Luyện tập –Trang 83 (Tiết 1)	147	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 84 (Tiết 2)	148	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 84,85 (Tiết 3)	149	1 tiết		
	Chủ đề 12 Phép nhân, phép chia PS	Bài 63: Phép nhân phân số (4 tiết)	Phép nhân phân số –Trang 86 (Tiết 1)	150	1 tiết		
31		//	Luyện tập –Trang 87 (Tiết 2)	151	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 88 (Tiết 3)	152	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 90 (Tiết 4)	153	1 tiết		
		Bài 64: Phép chia phân số (3 tiết)	Phép chia phân số –Trang 91 (Tiết 1)	154	1 tiết		
	Luyện tập –Trang 92 (Tiết 2)		155	1 tiết			
32	//	//	Luyện tập –Trang 93 (Tiết 3)	156	1 tiết		
		Bài 65: Tìm phân số của một số (2 tiết)	Tìm phân số của một số –Trang 95 (Tiết 1)	157	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 96 (Tiết 2)	158	1 tiết		
		Bài 66: Luyện tập chung (3 tiết)	Luyện tập –Trang 98 (Tiết 1)	159	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 99 (Tiết 2)	160	1 tiết		
33	Chủ đề 13 Ôn tập cuối năm	//	Luyện tập –Trang 100 (Tiết 3)	161	1 tiết		
		Bài 67: Ôn tập số tự nhiên (2 tiết)	Luyện tập –Trang 102 (Tiết 1)	162	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 103 (Tiết 2)	163	1 tiết		
		Bài 68: Ôn tập phép tính với số tự nhiên (2 tiết)	Luyện tập –Trang 105 (Tiết 1)	164	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 106 (Tiết 2)	165	1 tiết		
		Bài 69: Ôn tập phân số	Luyện tập –Trang 107 (Tiết 1)	166	1 tiết		

34	//	(2 tiết)	Luyện tập –Trang 108 (Tiết 2)	167	1 tiết		
		Bài 70: Ôn tập phép tính với phân số (2 tiết)	Luyện tập –Trang 110 (Tiết 1)	168	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 111 (Tiết 2)	169	1 tiết		
		Bài 71: Ôn tập hình học và đo lường (2 tiết)	Luyện tập –Trang 112 (Tiết 1)	170	1 tiết	Baig học STEM: Thực hành trải nghiệm cùng bộ lắp ghép hình phẳng	
			Luyện tập –Trang 113 (Tiết 2)	171	1 tiết		
35	//	Bài 72: Ôn tập một số yếu tố thống kê và xác suất (1 tiết)	Luyện tập –Trang 114	172	1 tiết		
		Bài 73: Ôn tập chung (3 tiết)	Luyện tập –Trang 116 (Tiết 1)	173	1 tiết		
			Luyện tập –Trang 117 (Tiết 2)	174	1 tiết		
		Kiểm tra cuối năm	Luyện tập –Trang 117 (Tiết 3) KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II	175	1 tiết		

3.Môn: Khoa học

A, NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Khoa học góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Khoa học hình thành và phát triển ở học sinh năng lực khoa học tự nhiên, bao gồm các thành phần: nhận thức khoa học tự nhiên; tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Những biểu hiện của năng lực khoa học tự nhiên trong môn Khoa học:

Nhận thức khoa học tự nhiên

- Kể tên, nêu, nhận biết được một số sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và đời sống, bao gồm một số vấn đề về chất, năng lượng, thực vật, động vật, nấm và vi khuẩn, con người và sức khỏe, sinh vật và môi trường.
- Trình bày được một số thuộc tính của một số sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và đời sống.
- Mô tả được sự vật và hiện tượng bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết, sơ đồ, biểu đồ.
- So sánh, lựa chọn, phân loại được các sự vật và hiện tượng dựa trên một số tiêu chí xác định.

– Giải thích được về mối quan hệ (ở mức độ đơn giản) giữa các sự vật và hiện tượng (nhân quả, cấu tạo - chức năng, ...).

Tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh

– Quan sát và đặt được câu hỏi về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật bao gồm con người và vấn đề sức khỏe.

– Đưa ra dự đoán về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng (nhân quả, cấu tạo - chức năng, ...).

– Đề xuất được phương án kiểm tra dự đoán.

– Thu thập được các thông tin về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và sức khỏe bằng nhiều cách khác nhau (quan sát các sự vật và hiện tượng xung quanh, đọc tài liệu, hỏi người lớn, tìm trên Internet, ...).

– Sử dụng được các thiết bị đơn giản để quan sát, thực hành, làm thí nghiệm tìm hiểu những sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và ghi lại các dữ liệu đơn giản từ quan sát, thí nghiệm, thực hành, ...

– Từ kết quả quan sát, thí nghiệm, thực hành, ... rút ra được nhận xét, kết luận về đặc điểm và mối quan hệ giữa sự vật, hiện tượng.

Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học

– Giải thích được một số sự vật, hiện tượng và mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật, bao gồm con người và các biện pháp giữ gìn sức khỏe.

– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản trong đó vận dụng kiến thức khoa học và kiến thức kỹ năng từ các môn học khác có liên quan.

– Phân tích tình huống, từ đó đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống có liên quan đến sức khỏe của bản thân, gia đình, cộng đồng và môi trường tự nhiên xung quanh; trao đổi, chia sẻ, vận động những người xung quanh cùng thực hiện.

– Nhận xét, đánh giá được phương án giải quyết và cách ứng xử trong các tình huống gắn với đời sống.

3. Nội dung kiến thức

A. CHẤT

1. Nước:

+ Tính chất, vai trò của nước; vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên

+ Ô nhiễm và bảo vệ môi trường nước

+ Làm sạch nước; nguồn nước sinh hoạt

2. Không khí: Tính chất; thành phần; vai trò; sự chuyển động của không khí. Ô nhiễm và bảo vệ môi trường không khí.

B. NĂNG LƯỢNG

1. Ánh sáng: Nguồn sáng; sự truyền ánh sáng. Vật cho ánh sáng truyền qua và vật cản ánh sáng. Vai trò, ứng dụng của ánh sáng trong đời sống. Ánh sáng và bảo vệ mắt.

2. Âm thanh: Âm thanh; nguồn âm; sự lan truyền âm thanh. Vai trò, ứng dụng của âm thanh trong đời sống. Chống ô nhiễm tiếng ồn.

3. Nhiệt: Nhiệt độ; sự truyền nhiệt. Các vật dẫn nhiệt tốt và dẫn nhiệt kém; ứng dụng trong đời sống

C. THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

+ Nhu cầu sống của thực vật và động vật: Nhu cầu ánh sáng, không khí, nước, nhiệt độ, chất khoáng đối với thực vật. Nhu cầu ánh sáng, không khí, nước, nhiệt độ, thức ăn đối với động vật. Ứng dụng thực tiễn về nhu cầu sống của thực vật, động vật trong chăm sóc cây trồng và vật nuôi

D. NẤM, VI KHUẨN: Nấm có lợi. Nấm có hại

E. CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ

1. **Dinh dưỡng ở người:** Các nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của chúng đối với cơ thể. Chế độ ăn uống cân bằng. An toàn thực phẩm

2. **Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng**

3. **An toàn trong cuộc sống: Phòng tránh đuối nước**

G. SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

Chuỗi thức ăn. Vai trò của thực vật trong chuỗi thức ăn.

C) KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)			Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Bài	Tên bài học trong tiết học cụ thể	Tiết theo PPCT	Thời lượng (tiết)		
		HỌC KỲ I (Gồm 36 tiết/18 tuần, mỗi tuần 2 tiết)					
1	Chủ đề 1: Chất	Bài 1: Tính chất của nước và nước với cuộc sống (2 tiết)	Tính chất của nước và nước với cuộc sống (Tiết 1)	1	1 tiết		
			Tính chất của nước và nước với cuộc sống (Tiết 2)	2	1 tiết		
2	//	Bài 2: Sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên (2 tiết)	Sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên (Tiết 1)	3	1 tiết	Bài học STEM: Bài 1: Mô hình vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên (2 tiết)	
			Sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên (Tiết 2)	4	1 tiết		
		Bài 3: Sự ô nhiễm và bảo vệ nguồn	Sự ô nhiễm và bảo vệ nguồn nước, một số cách làm sạch nước (Tiết 1)	5	1 tiết		

3	//	nước, một số cách làm sạch nước (2 tiết)	Sự ô nhiễm và bảo vệ nguồn nước, một số cách làm sạch nước (Tiết 1)	6	1 tiết	Thay bằng bài học STEM: Bình lọc nước mini (2 tiết)	
4	//	Bài 4: Không khí có ở đâu?, Thành phần và tính chất của không khí (2 tiết)	Không khí có ở đâu?, Thành phần và tính chất của không khí (Tiết 1)	7	1 tiết		
			Không khí có ở đâu?, Thành phần và tính chất của không khí (Tiết 2)	8	1 tiết		
5	//	Bài 5: Vai trò của không khí và bảo vệ bầu không khí trong lành (2 tiết)	Vai trò của không khí và bảo vệ bầu không khí trong lành (Tiết 1)	9	1 tiết		
			Vai trò của không khí và bảo vệ bầu không khí trong lành (Tiết 2)	10	1 tiết		
6	//	Bài 6: Gió, bão và phòng chống bão (2 tiết)	Gió, bão và phòng chống bão (Tiết 1)	11	1 tiết	.	
			Gió, bão và phòng chống bão (Tiết 2)	12	1 tiết		
7	//	Bài 7: Ôn tập chủ đề: Chất (1 tiết)	Ôn tập chủ đề: Chất	13	1 tiết		
		Chủ đề 2: Năng lượng					
8	//	Bài 8: Ánh sáng và sự truyền ánh sáng (2 tiết)	Ánh sáng và sự truyền ánh sáng (Tiết 1)	14	1 tiết		
		//	Ánh sáng và sự truyền ánh sáng (Tiết 2)	15	1 tiết		
9	//	Bài 9: Vai trò của ánh sáng (2 tiết)	Vai trò của ánh sáng (Tiết 1)	16	1 tiết		
		//	Vai trò của ánh sáng (Tiết 2)	17	1 tiết		
9	//	Bài 10: Âm thanh và sự truyền âm thanh	Âm thanh và sự truyền âm thanh (Tiết 1)	18	1 tiết		

		(2 tiết)					
10	//	//	Âm thanh và sự truyền âm thanh (Tiết 2)	19	1 tiết	CDS: Sử dụng máy tính mạng Internet khai thác vì đeo tìm hiểu sự lan truyền âm thanh .	
		Ôn tập đánh giá giữa HKI	Ôn tập đánh giá giữa HKI	20	1 tiết		
11	//	Bài 11: Âm thanh trong cuộc sống (2 tiết)	Âm thanh trong cuộc sống (Tiết 1)	21	1 tiết	CDS: Sử dụng mạng Internet tìm hiểu tác dụng của âm thanh đối với cuộc sống của con người Bài học STEM: Bài 5: Nhạc cụ kì diệu (2 tiết)	
			Âm thanh trong cuộc sống (Tiết 2)	22	1 tiết		
12	//	Bài 12: Nhiệt độ và sự truyền nhiệt (2 tiết)	Nhiệt độ và sự truyền nhiệt (Tiết 1)	23	1 tiết		
			Nhiệt độ và sự truyền nhiệt (Tiết 2)	24	1 tiết		
13	//	Bài 13: Vật dẫn nhiệt tốt, vật dẫn nhiệt kém (2 tiết)	Vật dẫn nhiệt tốt, vật dẫn nhiệt kém (Tiết 1)	25	1 tiết		
			Vật dẫn nhiệt tốt, vật dẫn nhiệt kém (Tiết 2)	26	1 tiết		
14	//	Bài 14: Ôn tập chủ đề Năng lượng (1 tiết)	Ôn tập chủ đề Năng lượng	27	1 tiết		
		Chủ đề 3: Thực vật và động vật	Bài 15: Thực vật cần gì để sống? (3 tiết)	28	1 tiết		

15	//	//	Thực vật cần gì để sống? (Tiết 2)	29	1 tiết			
			Thực vật cần gì để sống? (Tiết 3)	30	1 tiết			
16	//	Bài 16: Động vật cần gì để sống? (3 tiết)	Động vật cần gì để sống? (Tiết 1)	31	1 tiết			
			Động vật cần gì để sống? (Tiết 2)	32	1 tiết			
17		//	Động vật cần gì để sống? (Tiết 3)	33	1 tiết			
		Bài 17: Chăm sóc cây trồng, vật nuôi (2 tiết)	Chăm sóc cây trồng, vật nuôi (Tiết 1)	34	1 tiết	- QCN: Quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường		
18	//	//	Chăm sóc cây trồng, vật nuôi (Tiết 2)	35	1 tiết			
		Ôn tập đánh giá HKI	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I	36	1 tiết			
HỌC KỲ II (Gồm 34 tiết/17 tuần, mỗi tuần 2 tiết)								
19	//	Bài 18: Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật (1tiết)	Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật	37	1 tiết			
	Chủ đề 4: Năm	Bài 19: Đặc điểm chung của năm (2 tiết)	Đặc điểm chung của năm (Tiết 1)	38	1 tiết	Quyền được chăm sóc sức khỏe. Bồn phận của trẻ em với gia đình		
20	//	//	Đặc điểm chung của năm (Tiết 2)	39	1 tiết			
		Bài 20: Nấm ăn và nấm trong chế biến thực phẩm (2 tiết)	Nấm ăn và nấm trong chế biến thực phẩm (Tiết 1)	40	1 tiết			
		//	Nấm ăn và nấm trong chế biến thực phẩm (Tiết 2)	41	1 tiết			

21	//	Bài 21: Nấm gây hỏng thức ăn và nấm độc (2 tiết)	Nấm gây hỏng thức ăn và nấm độc (Tiết 1)	42	1 tiết		
22	//	//	Nấm gây hỏng thức ăn và nấm độc (Tiết 2)	43	1 tiết		
		Bài 22: Ôn tập chủ đề Nấm (1 tiết)	Ôn tập chủ đề Nấm	44	1 tiết		
23	Chủ đề 5: Con người và sức khỏe (Gồm 14 tiết : Dạy trong các tuần: Tuần 23 – Tiết 1 của Tuần 30)	Bài 23: Vai trò của chất dinh dưỡng đối với cơ thể (2 tiết)	Vai trò của chất dinh dưỡng đối với cơ thể (Tiết 1)	45	1 tiết	Quyền sống và phát triển.	
			Vai trò của chất dinh dưỡng đối với cơ thể (Tiết 2)	46	1 tiết		
24	//	Bài 24: Chế độ ăn uống cân bằng (3 tiết)	Chế độ ăn uống cân bằng (Tiết 1)	47	1 tiết	Bài học STEM: Bài 12: Mâm cơm dinh dưỡng (3 tiết)	
			Chế độ ăn uống cân bằng (Tiết 2)	48	1 tiết		
		//	Chế độ ăn uống cân bằng (Tiết 3)	49	1 tiết		
25	//	Bài 25: Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng (3 tiết)	Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng (Tiết 1)	50	1 tiết	Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển thể chất trí tuệ.	
26	//	//	Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng (Tiết 2)	51	1 tiết		
			Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng (Tiết 3)	52	1 tiết		

27	//	Bài 26: Thực phẩm an toàn (2 tiết)	Thực phẩm an toàn (Tiết 1)	53	1 tiết	Quyền được sống. Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển thể chất trí tuệ.	
			Thực phẩm an toàn (Tiết 2)	54	1 tiết		
28	//	Ôn tập đánh giá giữa HKII	Ôn tập đánh giá giữa HKII	55	1 tiết		
		Bài 27: Phòng tránh đuối nước (2 tiết)	Phòng tránh đuối nước (Tiết 1)	56	1 tiết	Tích hợp KNS: Phòng tránh tai nạn đuối nước	
29	//	//	Phòng tránh đuối nước (Tiết 2)	57	1 tiết		
		Bài 28: Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe (2 tiết)	Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe (Tiết 1)				
				58	1 tiết		
30	//	//	Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe (Tiết 2)	59	1 tiết		
	Chủ đề 6: Sinh vật và môi trường	Bài 29 Chuỗi thức ăn trong tự nhiên. (3 tiết)	Chuỗi thức ăn trong tự nhiên. (Tiết 1)	60	1 tiết		
31	//	//	Chuỗi thức ăn trong tự nhiên. (Tiết 2)	61	1 tiết	Thay bằng bài học STEM: Bài 14: Chuỗi thức ăn trong tự nhiên (2 tiết)	
			Chuỗi thức ăn trong tự nhiên. (Tiết 3)	62	1 tiết		
32	//	Bài 30: Vai trò của thực vật trong chuỗi thức ăn (3 tiết)	Vai trò của thực vật trong chuỗi thức ăn (Tiết 1)	63	1 tiết	GDDP: - HS hiểu được ý nghĩa của việc bảo vệ rừng, sinh vật tự nhiên đối với chuỗi thức ăn, bảo vệ rừng, sinh vật	
			Vai trò của thực vật trong chuỗi thức ăn (Tiết 2)	64	1 tiết		

33	//	//	Vai trò của thực vật trong chuỗi thức ăn (Tiết 3)	65	1 tiết	tự nhiên ở địa phương Hải Phòng (Cát Bà,..)	
		Bài 31: Ôn tập chủ đề Sinh vật và môi trường (1 tiết)	Ôn tập chủ đề Sinh vật và môi trường	66	1 tiết		
34	Ôn tập và đánh giá, tổng kết cuối năm	Ôn tập và đánh giá cuối năm	Ôn tập và đánh giá cuối năm (Tiết 1)	67	1 tiết		
			Ôn tập và đánh giá cuối năm (Tiết 2)	68	1 tiết		
35	//	Tổng kết môn học	Tổng kết môn học (Tiết 1)	69	1 tiết		
			Tổng kết môn học (Tiết 2)	70	1		

3. Môn Lịch sử - Địa lí

A, NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Lịch sử và Địa lí hình thành và phát triển ở học sinh năng lực lịch sử và địa lí, biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học với các thành phần: nhận thức khoa học lịch sử và địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Biểu hiện của các thành phần năng lực này được trình bày trong bảng sau:

3. Nội dung kiến thức

NHẬN THỨC KHOA HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

- Kể, nêu, nhận biết được các hiện tượng địa lí, sự kiện lịch sử diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian - thời gian; một số giá trị, truyền thống kết nối con người Việt Nam; một số nền văn minh; một số vấn đề khó khăn mà nhân loại đang phải đối mặt.
- Trình bày, mô tả được một số nét chính về lịch sử và địa lí của địa phương, vùng miền, đất nước, thế giới.
- Nêu được cách thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

TÌM HIỂU LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

- Biết quan sát, tra cứu tài liệu để tìm thông tin hoặc thực hiện điều tra ở mức độ đơn giản để tìm hiểu về các sự kiện lịch sử và hiện tượng địa lí; biết đọc lược đồ, biểu đồ, bản đồ tự nhiên, dân cư, ... ở mức đơn giản.
- Từ những nguồn tư liệu, số liệu, biểu đồ, lược đồ, bản đồ, ... nêu được nhận xét về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử và các đối tượng, hiện tượng địa lí.
- Trình bày được ý kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí, ...
- So sánh, nhận xét, phân biệt được sự đa dạng về tự nhiên, dân cư, lịch sử, văn hoá ở một số vùng miền; nhận xét được tác động của thiên nhiên đến hoạt động sản xuất của con người và tác động của con người đến tự nhiên.

VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC

- Xác định được vị trí của một địa điểm, một phạm vi không gian trên bản đồ; sử dụng được đường thời gian để biểu diễn tiến trình phát triển của sự kiện, quá trình lịch sử.
- Sử dụng được biểu đồ, số liệu, ... để nhận xét về một số sự kiện lịch sử, hiện tượng địa lí.
- Biết sưu tầm và sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí để thảo luận và trình bày quan điểm về một số vấn đề lịch sử, địa lí, xã hội đơn giản.
- Vận dụng được kiến thức lịch sử và địa lí đã học để phân tích và nhận xét ở mức độ đơn giản tác động của một sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí, ... đối với cuộc sống hiện tại.
- Đề xuất được ý tưởng và thực hiện được một số hành động như: sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá, ...

A. Làm quen với phương tiện học tập môn LSĐL

- + Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật, nguồn tư liệu, ...
- + Sử dụng được một số phương tiện môn học vào học tập môn Lịch sử và Địa lí.

B. Địa phương em (Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

- + Thiên nhiên và con người địa phương: Xác định được vị trí địa lí của địa phương trên bản đồ Việt Nam. Mô tả được một số nét chính về tự nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, ...) của địa phương
- + Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương: Mô tả được một số nét về văn hoá (ví dụ: nhà ở, phong tục, tập quán, lễ hội, trang phục, ẩm thực, ...) của địa phương. Lựa chọn và giới thiệu được ở mức độ đơn giản một món ăn, một loại trang phục hoặc một lễ hội tiêu biểu, ... ở địa phương.
- + Thiên nhiên. Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá của Trung du và miền núi Bắc Bộ; Đồng bằng Bắc Bộ (Sông Hồng và văn minh sông Hồng; Thăng Long – Hà Nội; Văn Miếu – Quốc Tử Giám) ; Duyên hải miền Trung (Cố đô Huế Phố cổ Hội An) ; Tây Nguyên; Nam Bộ Thành phố Hồ Chí Minh, Địa đạo Củ Chi)

b) KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

HỌC KỲ I (Gồm 36 tiết/18 tuần, mỗi tuần 2 tiết)

HỌC KỲ II (Gồm 34 tiết/17 tuần, mỗi tuần 2 tiết)

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa		Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)			Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học trong tiết học cụ thể	Tiết theo PP CT	Thời lượng (tiết)		
1	MỞ ĐẦU	Bài 1: Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và địa lí - tiết 1	1	1 tiết		
		Bài 1: Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và địa lí - tiết 2	2	1 tiết		
2	Chủ đề 1 ĐỊA PHƯƠNG EM (Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	Bài 2: Thiên nhiên và con người ở địa phương em - tiết 1	3	1 tiết	GDĐP: Xác định vị trí của địa phương trên bản đồ. - Mô tả 1 số nét đẹp về tự nhiên của địa phương em.	
		Bài 2: Thiên nhiên và con người ở địa phương em - tiết 2	4	1 tiết		
3		Bài 3: Lịch sử và văn hóa truyền thống địa phương em - Tiết 1	5	1 tiết	GDĐP: Mô tả 1 số nét đẹp về văn hóa của địa phương (Thủy Nguyên)	
		Bài 3: Lịch sử và văn hóa truyền thống địa phương em - Tiết 2	6	1 tiết		

					- Kể được câu chuyện về 1 trong số các danh nhân ở địa phương (TN Lê Ích Mộc)	
4	Chủ đề 2 TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ	Bài 4: Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - tiết 1	7	1 tiết	GDQP: Nêu ý nghĩa và tầm quan trọng của dãy Hoàng Liên Sơn trong cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm.	
		Bài 4: Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - tiết 2	8	1 tiết		
5		Bài 4: Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - tiết 3	9	1 tiết		
		Bài 5: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - tiết 1	10	1 tiết		
6		Bài 5: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - tiết 2	11	1 tiết	.	
		Bài 5: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - tiết 3	12	1 tiết		
		Bài 6: Một số nét văn hóa và vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - tiết 1	13	1 tiết	GDĐP: Kể tên một số lễ hội và mô tả một lễ hội	
7		Bài 6: Một số nét văn hóa và vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - tiết 2	14	1 tiết	ấn tượng ở quê	

					huong em.	
8	Chủ đề 3 ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ	Bài 7: Đền Hùng và lễ Giỗ Tổ Hùng Vương - tiết 1	15	1 tiết		
		Bài 7: Đền Hùng và lễ Giỗ Tổ Hùng Vương - tiết 2	16	1 tiết		
ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I		17	1 tiết			
9		Bài 8: Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ - tiết 1	18	1 tiết		
		Bài 8: Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ - tiết 2	19	1 tiết		
10		Bài 8: Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ - tiết 3	20	1 tiết		
		Bài 9: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ - tiết 1	21	1 tiết		
11		Bài 9: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ - tiết 2	22	1 tiết		
		Bài 9: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ - tiết 3	23	1 tiết		
12		Bài 10: Một số nét văn hóa ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ - tiết 1	24	1 tiết		
		Bài 10: Một số nét văn hóa ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ - tiết 2	25	1 tiết		
13		Bài 11: Sông Hồng và văn minh sông Hồng - tiết 1	26	1 tiết		
		Bài 11: Sông Hồng và văn minh sông Hồng - tiết 2	27	1 tiết	GDĐP: Suu tầm, sử dụng TLLS để tìm hiểu về các con sông gắn với chiến tích của nhà Ngô, Trần	

		Bài 12: Thăng Long - Hà Nội - tiết 1	28	1 tiết		
15		Bài 12: Thăng Long - Hà Nội - tiết 2	29	1 tiết		
		Bài 12: Thăng Long - Hà Nội - tiết 3	30	1 tiết		
16		Bài 13: Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Tiết 1)	31	1 tiết		
		Bài 13: Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Tiết 2)	32	1 tiết		
17		Bài 14: ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I	33	1 tiết		
		KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I	34	1 tiết		
18		Bài 15: Thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung - tiết 1	35	1 tiết		
		Bài 15: Thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung - tiết 2	36	1 tiết		
		Bài 15: Thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung - tiết 3	37	1 tiết	GDQP: Vị trí quan trọng của 2 quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa. - Vai trò của dãy núi Trường Sơn và đường Trường Sơn trong công cuộc chống Mỹ.	
19	Chủ đề 4 DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	Bài 16: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung - tiết 1	38	1 tiết		
		Bài 16: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung - tiết 2	39	1 tiết		
		Bài 16: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung - tiết 3	40	1 tiết		
20		Bài 17: Một số nét văn hóa ở vùng Duyên hải miền Trung - tiết 1				

21			41	1 tiết		
		Bài 17: Một số nét văn hóa ở vùng Duyên hải miền Trung - tiết 2	42	1 tiết		
22		Bài 18: Cố đô Huế - tiết 1	43	1 tiết		
		Bài 18: Cố đô Huế - tiết 2	44	1 tiết		
23		Bài 19: Phố cổ Hội An - tiết 1	45	1 tiết		
		Bài 19: Phố cổ Hội An - tiết 2	46	1 tiết		
24	Chủ đề 5 TÂY NGUYÊN	Bài 20: Thiên nhiên vùng Tây Nguyên - tiết 1	47	1 tiết		
		Bài 20: Thiên nhiên vùng Tây Nguyên - tiết 2	48	1 tiết		
25		Bài 20: Thiên nhiên vùng Tây Nguyên - tiết 3	49	1 tiết		
		Bài 21: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Tây Nguyên - tiết 1	50	1 tiết		
26		Bài 21: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Tây Nguyên - tiết 2	51	1 tiết		
		Bài 22: Một số nét văn hóa và lịch sử của đồng bào Tây Nguyên - tiết 1	52	1 tiết		
27		Bài 22: Một số nét văn hóa và lịch sử của đồng bào Tây Nguyên - tiết 2	53	1 tiết		
		ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II	54	1 tiết		
28		Bài 23: Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên - Tiết 1	55	1 tiết		
		Bài 23: Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên - Tiết 2	56	1 tiết	GDQP: Tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ của các dân tộc Tây	

					Nguyên cùng với bộ đội trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ.	
29	Chủ đề 6 NAM BỘ	Bài 24: Thiên nhiên vùng Nam Bộ - tiết 1	57	1 tiết		
		Bài 24: Thiên nhiên vùng Nam Bộ - tiết 2	58	1 tiết		
30		Bài 24: Thiên nhiên vùng Nam Bộ - tiết 3	59	1 tiết		
		Bài 25: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ- tiết 1	60	1 tiết		
31		Bài 25: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ- tiết 2	61	1 tiết		
		Bài 25: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ- tiết 3	62	1 tiết		
32		Bài 26: Một số nét văn hóa và truyền thống cách mạng ở vùng Nam Bộ - tiết 1	63	1 tiết		
		Bài 26: Một số nét văn hóa và truyền thống cách mạng ở vùng Nam Bộ - tiết 2	64	1 tiết		
33		Bài 27: Thành phố Hồ Chí Minh - tiết 1	65	1 tiết		
		Bài 27: Thành phố Hồ Chí Minh - tiết 2	66	1 tiết		
34		Bài 28: Địa đạo Củ Chi	67	1 tiết	GDQP: Vai trò của đường hầm địa đạo Củ Chi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.	
		Bài 29: ÔN TẬP CUỐI NĂM - tiết 1	68	1 tiết		
35		Bài 29: ÔN TẬP CUỐI NĂM - tiết 2	69	1 tiết		
		KIỂM TRA CUỐI NĂM	70	1 tiết		

5. Môn: Đạo đức

A, NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nội dung kiến thức

- Có hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó.
- Bước đầu hình thành thái độ tự trọng, tự tin vào bản thân, với người khác, với công việc, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, với môi trường tự nhiên.
- Bước đầu hình thành kỹ năng nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và những người xung quanh theo các chuẩn mực đã học.

1. Năng lực phẩm chất

- Về phẩm chất: Hình thành phẩm chất chủ yếu: Yêu nước nhân ái, chăm chỉ, trung thực trách nhiệm.
- Về năng lực: Cùng với việc góp phần hình thành những năng lực chung, môn Đạo đức góp phần phát triển năng lực đặc thù: Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu tham gia các hoạt động kinh tế XH.

B) KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

- Tổng thời lượng: 35 tiết/35 tuần (mỗi tuần 1 tiết bao gồm cả kiểm tra đánh giá)

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)			Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Bài	Tên bài học trong tiết học cụ thể	Tiết theo PP CT	Thời lượng (tiết)		
	HỌC KỲ I (Gồm 18 tiết/18 tuần, mỗi tuần 1 tiết)						
1	Chủ đề 1: Biết ơn người lao động	Bài 1: Biết ơn người lao động (4 tiết)	Biết ơn người lao động (Tiết 1)	1	1 Tiết		
2	//	//	Biết ơn người lao động (Tiết 2)	2	1 Tiết		

3	//	//	Biết ơn người lao động (Tiết 3)	3	1 Tiết		
4	//	//	Biết ơn người lao động (Tiết 4)	4	1 Tiết		
5	Chủ đề 2: Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	Bài 2: Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn (4tiết)	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn (Tiết 1)	5	1 Tiết	QCN:+ Quyền được bảo vệ không bị bóc lột về kinh tế, làm những công việc nặng nhọc, độc hại. + Quyền được bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử. + Bỏn phận đối với cộng đồng, xã hội.	
6		//	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn (Tiết 2)	6	1 Tiết		
7	//	//	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn (Tiết 3)	7	1 Tiết		
8	//	//	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn (Tiết 4)	8	1 Tiết		
9	Chủ đề 3: Yêu lao động	Bài 3: Yêu lao động (4tiết)	Yêu lao động (Tiết 1)	9	1 Tiết	QCN: Quyền được bảo vệ khỏi sự bóc lột sức lao động. - Quyền được tham gia lao động phù hợp với khả năng. - Bỏn phận đối với cộng đồng, xã hội.	
10	Ôn tập giữa HKI	Thực hành học kì I	Thực hành giữa học kì I	10	1 Tiết		
11		Bài 3: Yêu lao động (TT)	Yêu lao động (Tiết 2)	11	1 Tiết		
12	//	//	Yêu lao động (Tiết 3)	12	1 Tiết		
13	//	//	Yêu lao động (Tiết 4)	13	1 Tiết		

						- Bản phận đối với bản thân.	
14	Chủ đề 4: Tôn trọng tài sản của người khác	Bài 4: Tôn trọng tài sản của người khác (3tiết)	Tôn trọng tài sản của người khác (Tiết 1)	14	1 Tiết	Quyền con người:	
15	//	//	Tôn trọng tài sản của người khác (Tiết 2)	15	1 Tiết	- Quyền được tôn trọng và lắng nghe ý kiến.	
16	//	//	Tôn trọng tài sản của người khác (Tiết 3)	16	1 Tiết	- Quyền về tài sản. - Quyền được bảo vệ chống lại sự can thiệp vào đời tư. - Bản phận đối với cộng đồng, xã hội.	
17	Chủ đề 5: Bảo vệ của công	Bài 5: Bảo vệ của công (3tiết)	Bảo vệ của công (Tiết 1)	17	1 Tiết	ANQP: Hiểu được lợi ích của việc bảo vệ tài sản chung. GDĐP - Có những việc làm cụ thể để bảo vệ các công trình công cộng ở địa phương.	
18	ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1	Thực hành rèn kỹ năng cuối HKI (1tiết)	Thực hành rèn kỹ năng cuối kì 1	18	1 Tiết		
		HỌC KỲ II (Gồm 17 tiết/17 tuần, mỗi tuần 1 tiết)					

19	Chủ đề 5: Bảo vệ của công	Bài 5: Bảo vệ của công (TT)	Bảo vệ của công (Tiết 2)	19	1 Tiết	
20	//	//	Bảo vệ của công (Tiết 3)	20	1 Tiết	
21	Chủ đề 6: Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè	Bài 6: Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè (2tiết)	Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè (Tiết 1)	21	1 Tiết	GDQP: Hiểu ý nghĩa của việc thiết lập quan hệ bạn bè và duy trì quan hệ đó.
22	//	//	Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè (Tiết 2)	22	1 Tiết	
23	Chủ đề 7: Quý trọng đồng tiền	Bài 7: Duy trì quan hệ bạn bè (3 tiết)	Duy trì quan hệ bạn bè (Tiết 1)	23	1 Tiết	Quyền con người: - Quyền được tôn trọng và lắng nghe ý kiến. - Quyền được tham gia các hoạt động văn hoá. - Quyền được tự do kết giao bạn bè. - Quyền được bình đẳng, tôn trọng. - Quyền được bảo vệ không phân
24	//	//	Duy trì quan hệ bạn bè (Tiết 2)	24	1 Tiết	
25	//	//	Duy trì quan hệ bạn bè (Tiết 3)	25	1 Tiết	

						biệt đối xử. - Bồn phận đối với bản thân. -Bồn phận đối với cộng đồng, xã hội.	
26	ÔN TẬP GIỮA HKII		Thực hành rèn kĩ năng giữa kì II	26	1 Tiết		
27		Bài 8: Quý trọng đồng tiền (4 tiết)	Quý trọng đồng tiền (Tiết 1)	27	1 Tiết		
28	//	//	Quý trọng đồng tiền (Tiết 2)	28	1 Tiết		
29	//	//	Quý trọng đồng tiền (Tiết 3)	29	1 Tiết		
30	//	//	Quý trọng đồng tiền (Tiết 4)	30	1 Tiết		
31	Chủ đề 8: Quyền và bổn phận của trẻ em	Bài 9: Quyền và bổn phận của trẻ em (4 tiết)	Quyền và bổn phận của trẻ em (Tiết 1)	31	1 Tiết		
32	//	//	Quyền và bổn phận của trẻ em (Tiết 2)	32	1 Tiết		
33	//	//	Quyền và bổn phận của trẻ em (Tiết 3)	33	1 Tiết		
34	//		Quyền và bổn phận của trẻ em (Tiết 4)	34	1 Tiết		
35	ÔN TẬP CUỐI HK II	Ôn tập cuối HK II	Thực hành rèn kĩ năng cuối kì II -Tổng kết cuối năm	35	1 t i ế t		

3. Môn Công nghệ 4

A, NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Công nghệ góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Công nghệ hình thành và phát triển ở học sinh năng lực công nghệ, bao gồm các thành phần: Nhận thức công nghệ, Giao tiếp công nghệ, Sử dụng công nghệ, Đánh giá công nghệ, Thiết kế kĩ thuật. Biểu hiện cụ thể của năng lực công nghệ ở từng cấp học được trình bày ở bảng sau:

2. Nội dung kiến thức

- + Công nghệ và đời sống: Hoa và cây cảnh trong đời sống. Trồng hoa và cây cảnh trong chậu
- + Thủ công kĩ thuật: Lắp ghép mô hình kĩ thuật. Làm đồ chơi dân gian

b) KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

- Tổng thời lượng: 35 tiết/35 tuần (mỗi tuần 1 tiết bao gồm cả kiểm tra đánh giá)

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)			Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Bài	Tên bài học trong tiết học cụ thể	Tiết theo PPCT	Thời lượng (tiết)		
	HỌC KỲ I (Gồm 18 tiết/18 tuần, mỗi tuần 1 tiết)						
1	Phần 1: Công nghệ và đời sống	Bài 1: Lợi ích của hoa, cây cảnh đối với đời sống. (3 tiết)	Bài 1: Lợi ích của hoa, cây cảnh đối với đời sống (Tiết 1)	1	1 Tiết		
2			Bài 1: Lợi ích của hoa, cây cảnh đối với đời sống (Tiết 2)	2	1 Tiết		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)			Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Bài	Tên bài học trong tiết học cụ thể	Tiết theo PPCT	Thời lượng (tiết)		
3		Bài 2: Một số loại hoa, cây cảnh phổ biến (3 tiết)	Bài 1: Lợi ích của hoa, cây cảnh đối với đời sống (Tiết 3)	3	1 Tiết		
4			Bài 2: Một số loại hoa, cây cảnh phổ biến (Tiết 1)	4	1 Tiết		
5			Bài 2: Một số loại hoa, cây cảnh phổ biến (Tiết 2)	5	1 Tiết		
6			Bài 2: Một số loại hoa, cây cảnh phổ biến (Tiết 3)	6	1 Tiết		
7		Bài 3: Vật liệu và dụng cụ trồng hoa, cây cảnh trong chậu (3 tiết)	Bài 3: Vật liệu và dụng cụ trồng hoa, cây cảnh trong chậu (Tiết 1)	7	1 Tiết		
8			Bài 3: Vật liệu và dụng cụ trồng hoa, cây cảnh trong chậu (Tiết 2)	8	1 Tiết		
9			Bài 3: Vật liệu và dụng cụ trồng hoa, cây cảnh trong chậu (Tiết 3)	9	1 Tiết		
10		Bài 4: Gieo hạt hoa, cây cảnh trong chậu (3 tiết)	Bài 4: Gieo hạt hoa, cây cảnh trong chậu (Tiết 1)	10	1 Tiết		
11			Bài 4: Gieo hạt hoa, cây cảnh trong chậu (Tiết 2)	11	1 Tiết		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)			Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Bài	Tên bài học trong tiết học cụ thể	Tiết theo PPCT	Thời lượng (tiết)		
12			Bài 4: Gieo hạt hoa, cây cảnh trong chậu (Tiết 3)	12	1 Tiết		
13		Bài 5: Trồng hoa, cây cảnh trong chậu (3 tiết)	Bài 5: Trồng hoa, cây cảnh trong chậu (Tiết 1)	13	1 Tiết	Bài học STEM: Bài 7: Chậu hoa, cây cảnh mini	
14			Bài 5: Trồng hoa, cây cảnh trong chậu (tiết 2)	14	1 Tiết		
15			Bài 5: Trồng hoa, cây cảnh trong chậu (tiết 3)	15	1 Tiết		
16		Bài 6: Chăm sóc hoa, cây cảnh trong chậu (3 tiết)	Bài 6: Chăm sóc hoa, cây cảnh trong chậu (Tiết 1)	16	1 Tiết		
17	ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1		Ôn tập cuối HK1	17	1 Tiết		
18	Kiểm tra		Kiểm tra cuối HK1	18	1 Tiết		
		HỌC KỲ II (Gồm 17 tiết/17 tuần, mỗi tuần 1 tiết)					

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)			Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Bài	Tên bài học trong tiết học cụ thể	Tiết theo PPCT	Thời lượng (tiết)		
19		Bài 6: Chăm sóc hoa, cây cảnh trong chậu (3 tiết)	Bài 6: Chăm sóc hoa, cây cảnh trong chậu (Tiết 2)	19	1 Tiết		
20			Bài 6: Chăm sóc hoa, cây cảnh trong chậu (Tiết 3)	20	1 Tiết		
21		Bài 7: Giới thiệu bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật (2 tiết)	Bài 7: Giới thiệu bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật (Tiết 1)	21	1 Tiết		
22			Bài 7: Giới thiệu bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật (Tiết 2)	22	1 Tiết		
23		Bài 8: Lắp ghép mô hình bập bênh (2 tiết)	Bài 8: Lắp ghép mô hình bập bênh (Tiết 1)	23	1 Tiết		
24			Bài 8: Lắp ghép mô hình bập bênh (tiết 2)	24	1 Tiết		
25		Bài 9: Lắp ghép mô hình robot (3 tiết)	Bài 9: Lắp ghép mô hình robot (Tiết 1)	25	1 Tiết		
26			Bài 9: Lắp ghép mô hình robot (Tiết 2)	26	1 Tiết		

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)			Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Bài	Tên bài học trong tiết học cụ thể	Tiết theo PPCT	Thời lượng (tiết)		
27	Thủ công kĩ thuật		Bài 9: Lắp ghép mô hình robot (Tiết 3)	27	1 Tiết		
28		Bài 10: Đồ chơi dân gian (2 tiết)	Bài 10: Đồ chơi dân gian (Tiết 1)	28	1 Tiết	Bài học STEM: Bài 13: Làm chong chóng	
29			Bài 10: Đồ chơi dân gian (Tiết 2)	29	1 Tiết		
30		Bài 11: Làm đèn lồng (2 tiết)	Bài 11: Làm đèn lồng (Tiết 1)	30	1 Tiết		
31			Bài 11: Làm đèn lồng (Tiết 2)	31	1 Tiết		
32		Bài 12: Làm chuồn chuồn thả bằng (2 tiết)	Bài 12: Làm chuồn chuồn thả bằng (Tiết 1)	32	1 Tiết		
33		//	Bài 12: Làm chuồn chuồn thả bằng (Tiết 2)	33	1 Tiết		
34	ÔN TẬP CUỐI HK II	Ôn tập cuối HK2	Ôn tập cuối HK2	34	1 Tiết		
35	KIỂM TRA	Kiểm tra cuối HK2	Kiểm tra cuối HK2	35	1 tiết		

7. MÔN: Giáo dục thể chất

A, NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn GDTC góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Năng lực chăm sóc sức khỏe chủ yếu thể hiện trong sinh hoạt hằng ngày và các hoạt động rèn luyện thể chất ở nhà trường, việc hình thành năng lực này dần dần qua từng lớp học, cấp học.

Năng lực vận động cơ bản là năng lực được học sinh thể hiện qua việc xác nhận được nội dung các vận động cơ bản trong chương trình môn học. Thực hiện được các kĩ năng trong vận động cơ bản để phát triển các tố chất thể lực thông qua quan sát tranh ảnh, video kĩ thuật; động tác mẫu của giáo viên để thực hiện được các nội dung trong chương trình môn học Giáo dục thể chất.

Năng lực hoạt động thể thao được thể hiện ở khả năng nhận biết được vai trò của hoạt động thể dục thể thao đối với cơ thể.

Thực hiện được kĩ thuật cơ bản của một số nội dung thể thao phù hợp với bản thân và tự giác, tích cực trong tập luyện thể dục thể thao.

3. Nội dung kiến thức

VẬN ĐỘNG CƠ BẢN

+ **Đội hình đội ngũ:** Động tác đi đều vòng các hướng. Trò chơi rèn luyện đội hình đội ngũ

+ **Bài tập thể dục:** Các động tác thể dục kết hợp sử dụng các đạo cụ (cờ, hoa, vòng, gậy, ...) phù hợp với đặc điểm lứa tuổi. Trò chơi hỗ trợ khéo léo

+ **Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản:** Các bài tập rèn luyện kĩ năng thăng bằng. Các bài tập rèn luyện kĩ năng bật, nhảy. Trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động

THỂ THAO TỰ CHỌN

+ Tập luyện một trong các nội dung thể thao phù hợp với đặc điểm lứa tuổi

+ Trò chơi vận động hỗ trợ môn thể thao ưa thích.

B) KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

- Tổng thời lượng 70 tiết/35 tuần bao gồm: 63 tiết với 03 chủ đề + 01 môn thể thao tự chọn và 07 tiết ôn tập kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì/năm học theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- HK1: 18 tuần = 36 tiết.

- HK 2: 17 tuần = 34 tiết.

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ MND	Tên bài học	Tiết học theo PPCT		
1	Chủ đề 1: Đội hình đội ngũ	Bài 1: Đi đều vòng bên phải. (Tiết 1)	1		
		Bài 1: Đi đều vòng bên phải (Tiết 2)	2		
2		Bài 1: Đi đều vòng bên phải. (Tiết 3)	3		
		Bài 1: Đi đều vòng bên phải.(Tiết 4)	4		
3		Bài 1: Đi đều vòng bên phải (Tiết 5)	5		
		Bài 2: Đi đều vòng bên trái (Tiết 1)	6		
4		Bài 2: Đi đều vòng bên trái (Tiết 2)	7		
		Bài 2: Đi đều vòng bên trái (Tiết 3)	8		
5		Bài 2: Đi đều vòng bên trái (Tiết 4)	9		
		Bài 2: Đi đều vòng bên trái (Tiết 5)	10		
6		Bài 3: Đi đều vòng sau (Tiết 1)	11		
		Bài 3: Đi đều vòng sau (Tiết 2)	12		
7		Bài 3: Đi đều vòng sau (Tiết 3)	13		
		Bài 3: Đi đều vòng sau (Tiết 4)	14		
8	Chủ đề 2: Bài tập thể dục	Ôn tập, đánh giá đội hình đội ngũ	15		
		Bài 1: Động tác vươn thở, động tác tay, động tác chân với vòng (Tiết 1)	16		
9		Bài 1: Động tác vươn thở, động tác tay, động tác chân với vòng (Tiết 2)	17		
		Bài 2 : Động tác vươn thở, động tác tay, động tác chân với vòng (Tiết 3)	18		

10		Bài 2 : Động động tác lườn, động tác lưng bụng, động tác toàn thân với vòng (Tiết 2)	19		
		Bài 2 : Động động tác lườn, động tác lưng bụng, động tác toàn thân với vòng (Tiết 3)	20		
11		Bài 3: Động tác động tác nhảy và động tác điều hòa (Tiết 1)	21		
		Bài 3: Động tác động tác nhảy và động tác điều hòa (Tiết 2)	22		
12		Ôn 8 động tác của bài thể dục với vòng -Trò chơi	23		
		Chủ đề 3: Tur thể và kĩ năng vận động cơ bản	Bài 1: Bài tập rèn luyện kĩ năng thăng bằng (Tiết 1)	24	
13	Bài 1: Bài tập rèn luyện kĩ năng thăng bằng (Tiết 2)		25		
	Bài 1: Bài tập rèn luyện kĩ năng thăng bằng (Tiết 3)		26		
14	Bài 1: Bài tập rèn luyện kĩ năng thăng bằng (Tiết 4)		27		
	Bài 1: Bài tập rèn luyện kĩ năng thăng bằng (Tiết 5)		28		
15	Bài 1: Bài tập rèn luyện kĩ năng thăng bằng (Tiết 6)		29		
	Bài 2: Bài tập rèn luyện bật xa (Tiết 1)		30		
16	Bài 2: Bài tập rèn luyện bật xa (Tiết 2)		31		
	Bài 2: Bài tập rèn luyện bật xa (Tiết 3)		32		
17	Bài 2: Bài tập rèn luyện bật xa (Tiết 4)		33		

		Bài 2: Bài tập rèn luyện bật xa (Tiết 5)	34		
18		Bài 2: Bài tập rèn luyện bật xa (Tiết 6)	35		
		Kiểm tra, đánh giá học kì 1	36		
19		Bài 3: Bài tập bật cao (Tiết 1)	37		
		Bài 3: Bài tập bật cao (Tiết 2)	38		
20		Bài 3: Bài tập bật cao (Tiết 3)	39		
		Bài 3: Bài tập bật cao (Tiết 4)	40		
21		Bài 3: Bài tập bật cao (Tiết 5)	41		
		Bài 3: Bài tập bật cao (Tiết 6)	42		
22		Bài 4: Nhảy dây (Tiết 1)	43		
		Bài 4: Nhảy dây (Tiết 2)	44		
23		Bài 4: Nhảy dây (Tiết 3)	45		
		Bài 4: Nhảy dây (Tiết 4)	46		
24		Bài 4: Nhảy dây (Tiết 5)	47		
		Bài 4: Nhảy dây (Tiết 6)	48		
25		Ôn tập, đánh giá tư thể kĩ năng vận động cơ bản.	49		
		Bài 1: Các động tác làm tăng khả năng điều khiển bóng (Tiết 1)	50		
26		Bài 1: Các động tác làm tăng khả năng điều khiển bóng (Tiết 2)	51		
		Bài 1: Các động tác làm tăng khả năng điều khiển bóng (Tiết 3)	52		
27	Chủ đề: Môn thể thao tự chọn	Bài 1: Các động tác làm tăng khả năng điều khiển bóng (Tiết 4)	53		

	(Bóng rổ)	Bài 1: Các động tác làm tăng khả năng điều khiển bóng (Tiết 5)	54		
28		Bài 2: Động tác tại chỗ dẫn bóng theo hình chữ V, dẫn bóng vượt chướng ngại vật (Tiết 1)	55		
		Bài 2: Động tác tại chỗ dẫn bóng theo hình chữ V, dẫn bóng vượt chướng ngại vật (Tiết 2)	56		
29		Bài 2: Các động tác dẫn bóng theo hình chữ V, dẫn bóng vượt chướng ngại vật (Tiết 3)	57		
		Bài 2: Các động tác dẫn bóng theo hình chữ V, dẫn bóng vượt chướng ngại vật (Tiết 4)	58		
30		Bài 2: Các động tác dẫn bóng theo hình chữ V, dẫn bóng vượt chướng ngại vật (Tiết 4)	59		
		Bài 3: Động tác chuyền, bắt bóng bằng hai tay trước ngực (Tiết 1)	60		
31		Bài 3: Động tác chuyền, bắt bóng bằng hai tay trước ngực (Tiết 2)	61		
		Bài 3: Động tác chuyền, bắt bóng bằng hai tay trước ngực (Tiết 3)	62		
32		Bài 3: Động tác chuyền, bắt bóng bằng hai tay trước ngực (Tiết 4)	63		
		Bài 4: Động tác ném bóng vào rổ một tay trên vai (Tiết 1)	64		
33		Bài 4: Động tác ném bóng vào rổ một tay trên vai (Tiết 2)	65		

		Bài 4: Động tác ném bóng vào rổ một tay trên vai (Tiết 3)	66		
34		Bài 4: Động tác ném bóng vào rổ một tay trên vai (Tiết 4)	67		
		Ôn tập đánh giá môn thể thao tự chọn: Bóng rổ	68		
35		Ôn tập học kì 2	69		
		Kiểm tra đánh giá cuối năm	70		

8. Môn: Hoạt động trải nghiệm

A, NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu

Hoạt động trải nghiệm góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu theo các mức độ phù hợp với mỗi cấp học đã được quy định trong Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực

Hoạt động trải nghiệm giúp hình thành và phát triển ở học sinh các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo được biểu hiện qua các năng lực đặc thù: năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.

3. Nội dung kiến thức

- + **Hoạt động hướng vào bản thân:** Hoạt động khám phá bản thân. Hoạt động rèn luyện bản thân
- + **Hoạt động hướng đến xã hội:** Hoạt động chăm sóc gia đình. Hoạt động xây dựng nhà trường. Hoạt động xây dựng cộng đồng.
- + **Hoạt động hướng đến tự nhiên:** Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường.
- + **Hoạt động hướng nghiệp:** Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp.

B) KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)			Ghi chú
				Tiết	Thời		

	Chủ đề/ Mạch nội dung	Mô hình	Tên bài học trong tiết học cụ thể	theo PPCT	lượng (tiết)		
		HỌC KỲ I (Gồm 54 tiết/18 tuần, mỗi tuần 3 tiết)					
1	Chủ đề 1: Nhận diện bản thân	HĐGDTCD	Em tự hào về bản thân	1	1 tiết		
		SHL	Vui hội trăng rằm	2->4	3 tiết		
2		SHDC	Chào cờ Đội	5	1 tiết		
		HĐGDTCD	Những việc làm đáng tự hào của bản thân	6	1 tiết		
		SHL	Niềm tự hào trong tim	7	1 tiết		
3		SHDC	Tìm hiểu truyền thống nhà trường	8	1 tiết		
		HĐGDTCD	Khả năng điều chỉnh cảm xúc	9	1 tiết	- Tích hợp GD kỹ năng sống: Hãy luôn nở nụ cười thân thiện để gắn kết tình cảm của chúng ta với mọi người xung quanh và luôn được mọi người yêu quý.	
		SHL	Giáo dục An toàn giao thông: Bài 1: Điều khiển xe đạp an toàn	10			
		4	HĐGDTCD	Suy nghĩ tích cực			

				11	1 tiết		
		SHL	Nghĩ tích cực - sống vui tươi	12	3 tiết		
5	Chủ đề 2: Nếp sống và tư duy khoa học (Thực hiện trong các Tuần 5-8)	SHDC	Chào cờ trường	13	1 tiết		
		HĐGDTCD	Nền nếp sinh hoạt	14	1 tiết		
		SHL	Giúp nhau thực hiện nền nếp.	15	1 tiết		
6		SHDC	Cuộc phiêu lưu của sách, bút	16	1 tiết		
		HĐGDTCD	Kĩ năng đặt câu hỏi để tìm hiểu thông tin	17	1 tiết	CDS: Tìm hiểu ,tra cứu thông tin trên mạng	
		SHL	Rèn luyện tư duy khoa học.	18	1 tiết		
7		SHDC	Chào cờ Đội: Tuyên truyền về ngày 20/10 & 25/10.	19	1 tiết		
		HĐGDTCD	Phân loại và sắp xếp hoạt động cá nhân	20	1 tiết		
8		HĐGDTCD	Nếp sống khoa học	21	1 tiết		
		SHL	Tự đánh giá việc rèn luyện tư duy khoa học	22	1 tiết	CDS: Học tập , khám phá khoa học trên mạng Internet	
		SHDC	Chào cờ trường	23	1 tiết		
		HĐGDTCD	Thực trạng vệ sinh trường - lớp	24	1 tiết		
9		SHL	Khảo sát thực trạng vệ sinh trường lớp	25	1 tiết		

10	Chủ đề 3: Yêu trường- mến lớp (Thực hiện trong các Tuần 9- 12)	SHDC	Tìm hiểu 20/11	26	1 tiết			
		HĐGDTCD	Giữ gìn trường học xanh, sạch đẹp.	27	1 tiết			
		SHL	Hành động giữ gìn trường học xanh, sạch đẹp.	28	1 tiết			
11		SHDC	Chào cờ Đội.	29	1 tiết			
		HĐGDTCD	Tình bạn	30	1 tiết			
		SHL	Chuyên đề Đội: Uống nước nhớ nguồn	31-33	3 tiết			
12		HĐGDTCD	Thông điệp yêu thương.	34	1 tiết			
		SHL	Giáo dục ATGT Bài 2: Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông,	35	1tiết			
13		Chủ đề 4: Tự lực thực hiện nhiệm vụ (Thực hiện trong các Tuần 13 - 16)	SHDC	Chào cờ Trường: Báo cáo việc làm tốt thể hiện lòng biết ơn thầy cô	36	1 tiết		
			HĐGDTCD	Chủ động lập kế hoạch.	37	1 tiết	- Tích hợp GD kỹ năng sống: Rèn kỹ năng tự giác phục vụ bản thân với những công việc phù hợp cả ở lớp và ở nhà.	
14		SHDC	Chào cờ lớp: Chào mừng ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22-12	38	1 tiết			
	HĐGDTCD	Luyện tập giới thiệu sách.	39	1 tiết				

		SHL	Hợp tác thực hiện nhiệm vụ.	40	1 tiết		
15		SHDC	Chào cờ Đội	41	1 tiết		
		HĐGDTCD	Tự lực thực hiện nhiệm vụ ở trường	42	1 tiết		
		SHL	Hội khỏe phù đồng cấp trường	43->45	1 tiết		
		SHDC	GDPCCC: Bài 1: Các chất và vật dụng dễ cháy.	46	1 tiết		
16		HĐGDTCD	Tự lực thực hiện nhiệm vụ ở nhà	47	1 tiết		
		SHL	Đánh giá về khả năng tự lực	48	3 tiết		
17	Chủ đề 5: Mái ấm gia đình	HĐGDTCD	Gắn kết yêu thương.	49	1 tiết		
18	(Thực hiện trong các Tuần 17 - 20)	SHDC	Chào cờ trường	50	1 tiết		
		HĐGDTCD	Đồng hành bên nhau.	51	1 tiết	CDS: Ứng xử trên MT mạng phù hợp.	
		SHL	Sinh hoạt theo chủ đề: Giáo dục An toàn giao thông: Bài 3: Haaug quả tai nạn giao thông	52			
18b		SHDC	GDPCCC: Bài 2: Những nơi dễ cháy	53	1 tiết		
		SHL	Sơ kết HK1	54	1 tiết		
HỌC KỲ II (Gồm 51 tiết/17 tuần, mỗi tuần 3 tiết)							
19	Chủ đề 5: Mái ấm gia đình (Thực hiện trong các Tuần 17 - 20)	SHDC	Chào cờ Đội	55	1 tiết		
		HĐGDTCD	Sử dụng tiền tiết kiệm cá nhân.	56	1 tiết		
		SHL	Chuyên đề Festival Tiếng Anh	57->59	3 tiết		
20	(Thực hiện trong các Tuần 17 - 20)	SHDC	Chào cờ Trường	60	1 tiết		
		HĐGDTCD	Chi tiêu tiết kiệm trong gia đình.	61	1 tiết		

		SHL	Mua sắm thông minh.	62	1 tiết	CĐS: An toàn khi sử dụng chi tiêu, mua bán trên mạng	
21	Chủ đề 6: Phòng tránh bị xâm hại (Thực hiện trong các Tuần 21- 24)	SHDC	GDPCCC: Bài 3: Các nguồn nhiệt dẫn đến cháy nổ	63			
		HĐGDTCD	Hành vi xâm hại trẻ em.	64	1 tiết		
		SHL	Nhận diện nguy cơ xâm hại trẻ em	65	1 tiết		
22		SHDC	Chào cờ Đội	66	1 tiết		
		HĐGDTCD	Hành vi xâm hại thân thể.	67	1 tiết		
		SHL	Phòng tránh bị xâm hại.	68	1 tiết		
23		HĐGDTCD	Hành vi xâm hại tinh thần.	69	1 tiết		
		SHL	Tìm hiểu ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3	70	1 tiết		
24		SHDC	Chào cờ Trường	71			
		HĐGDTCD	Hành vi xâm hại tình dục.	72	1 tiết		
	SHL	Chuyên đề Đội	73->75	3 tiết			
25	Chủ đề 7: Kết nối cộng đồng (Thực hiện trong các Tuần 25- 27)	SHDC	Chào cờ Đội	76	1 tiết		
		HĐGDTCD	Kết nối những người sống quanh em.	77	1 tiết	GDDP: Chia sẻ cảm xúc sau khi tham gia ngày hội ở địa phương. (Lễ hội đua thuyền – Tân Dương, hội hát đúm - Phục	

						Lễ, hội vật – Hòa Bình).	
						CDS: Sử dụng các phần mềm zalo, facbook kết nối bạn bè , người thân	
		SHL	Cộng đồng cùng hành động	78	1 tiết		
26		SHDC	Chào cờ Đội	79	1 tiết		
		HĐGDTCD	Đền ơn đáp nghĩa	80	1 tiết	GDDP: Kể về một hoạt động đền ơn đáp nghĩa mà em được tham gia ở địa phương (dọn vệ sinh, dâng hương)	
		SHL	Uống nước nhớ nguồn	81	1 tiết		
27		SHDC	GDATGT: Bài 3: Dự đoán để phòng tránh tai nạn giao thông đường bộ.	82	1 tiết		
		HĐGDTCD	Ứng xử có văn hoá.	83	1 tiết		
		SHL	Cộng đồng văn minh.	84	1 tiết		
28		SHDC	Quê hương tươi đẹp	85			
		HĐGDTCD	Xây dựng hành trình trải nghiệm.	86	1 tiết	GDDP: Giới thiệu về cảnh	
		SHL	Hành trình trải nghiệm.	87	1 tiết		

	Chủ đề 8 : Quê hương em tươi đẹp (Thực hiện trong các Tuần 28- 31)					đẹp địa phương em - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ cảnh quan.	
29		HĐGDTCD	Cảnh quan thiên nhiên quê hương em.	88	1 tiết		
		SHL	Giới thiệu cảnh quan thiên nhiên ở địa phương	89	1 tiết		
30		SHDC	Chào cờ Trường	90	1 tiết		
		HĐGDTCD	Khảo sát thực trạng cảnh quan địa phương.	91	1 tiết		
		SHL	Khảo sát thực trạng cảnh quan địa phương.	92	1 tiết		
31		SHDC	Tuyên truyền tìm hiểu ngày 30/4	93	1 tiết		
		HĐGDTCD	Chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.	94	1 tiết		
32	Chủ đề 9: Trải nghiệm nghề truyền thống. (Thực hiện trong các Tuần 32- 35)	SHDC	Chào cờ Đội	95	1 tiết		
		HĐGDTCD	Nghề truyền thống.	96	1 tiết	Tích hợp GD kỹ năng sống: Nghề nào cũng đáng quý, đáng trân trọng và đem lại lợi ích cho xã hội	
33		SHDC	Chào cờ Trường	97			
		HĐGDTCD	Khéo tay – thạo việc.	98	1 tiết		
		SHL	Sản phẩm nghề truyền thống ở địa phương em	99			
		SHDC	Chào cờ Đội	100	1 tiết		

34		HĐGDTCD	Triển lãm “Theo dấu nghệ nhân”	101	1 tiết		
		SHL	Kỉ niệm sinh nhật Bác Hồ	102	1 tiết		
35		SHDC	GDPCCC: Bài 4: Ý thức ngăn ngừa cháy nổ	103	1 tiết		
		HĐGDTCD	Hồ sơ trải nghiệm.	104	1 tiết		
		SHL	Bình xét thi đua, khen thưởng cuối năm	105	1 tiết		

9. Môn Mỹ thuật

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

A. Mỹ thuật tạo hình

1. Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:

- Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.
- Nhận biết được màu nóng, màu lạnh; không gian xa, gần.
- Xác định được nội dung chủ đề và hình thức thực hành, sáng tạo.

2. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:

- Phối hợp được một số kĩ năng: cắt, xé, dán, vẽ, in, ghép, nặn, uốn,... trong thực hành, sáng tạo.
- Vận dụng được độ đậm nhạt, nóng lạnh của màu trong thực hành, sáng tạo.
- Tạo được mật độ khác nhau của chấm, nét ở sản phẩm.
- Vận dụng được sự biến thể của hình, khối cơ bản để mô phỏng đối tượng.
- Thể hiện được khoảng cách, vị trí khác nhau cho các yếu tố tạo hình ở sản phẩm.
- Tạo được sự khác nhau về cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm.
- Thể hiện sự hiểu biết về hài hòa của yếu tố tạo hình trong thực hành, sáng tạo.

3. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:

- Vận dụng được ngôn ngữ nói hoặc viết, biểu đạt cơ thể, diễn hoạt hình ảnh động, xây dựng câu chuyện,... để giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
- Nhận biết chủ đề của sản phẩm, tác phẩm; bước đầu biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi để tìm hiểu tác giả, tác phẩm mỹ thuật.

B. Mỹ thuật ứng dụng

1. Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:

- Nhận biết được cấu trúc tỉ lệ và công dụng của một số sản phẩm thủ công, liên hệ ở địa phương.
- Xác định được mục đích, đối tượng sáng tạo cho sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm.

2. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:

- Phối hợp được một số kĩ năng: cắt, dán, xếp, gấp, vẽ,... trong thực hành, sáng tạo.
- Tạo được sản phẩm có sự biến thể từ hình, khối cơ bản.
- Vận dụng được mật độ, khoảng cách của chấm, của nét để trang trí sản phẩm.

- Biết phối hợp vật liệu khác nhau để tạo màu, tạo chất ở sản phẩm.
 - Bước đầu thể hiện được sự hài hòa về cấu trúc tỉ lệ cho sản phẩm.
3. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:
- Lựa chọn, xác định được vị trí trưng bày sản phẩm.
 - Biết giới thiệu quá trình hoặc thao tác thực hành tạo ra sản phẩm, thể hiện học hỏi kinh nghiệm và tôn trọng chia sẻ của bạn bè.

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Cả năm: 35 tuần x 1 tiết/tuần = 35 tiết
Học kỳ I: 18 tuần x 1 tiết/tuần = 18 tiết
Học kỳ II: 17 tuần x 1 tiết/tuần = 17 tiết

Tuần Tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Tiết	Nội dung điều chỉnh, bổ sung(nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề / mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ Thời lượng			
1	Chủ đề 1	Vẽ đẹp trong điêu khắc đình làng Việt Nam	4 tiết	1		
2				2		
3				3		
4				4		
5	Chủ đề 2	Một số dạng không gian trong tranh dân gian Việt Nam	4 tiết	5		
6				6		
7				7		
8				8		
9	Chủ đề 3	Cảnh đẹp quê hương	4 tiết	9		
10				10		
11				11		

12				12		
13	Chủ đề 4	Vẽ đẹp trong cuộc sống	4 tiết	13		
14				14		
15				15		
16				16		
17		Kiểm tra/ đánh giá học kì 1	1 tiết	17	Triển lãm sản phẩm STEM cuối học kì I	
18	Chủ đề 5	Những kỉ niệm đẹp	4 tiết	18		
19				19		
20				20		
21				21		
22	Chủ đề 6	Mái trường yêu dấu	4 tiết	22		
23				23		
24				24		
25				25		
26	Chủ đề 7	Môi trường xanh-sạch-đẹp	4 tiết	26		
27				27		
28				28		
29				29		
30	Chủ đề 8	Quê hương thanh bình	4 tiết	30		
31				31		
32				32		
33				33		

34	Kiểm tra/ đánh giá cuối năm	1 tiết	34	
35	Trung bày sản phẩm cuối năm	1 tiết	35	Thay bằng bài học STEM: Triển lãm sản phẩm STEM cuối học kì II

10. Môn Âm nhạc

A. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Mục tiêu:

Môn Âm nhạc lớp 4 giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực âm nhạc dựa trên nền tảng kiến thức phổ thông và các hoạt động học tập đa dạng để trải nghiệm và khám phá nghệ thuật; nuôi dưỡng cảm xúc, góp phần hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm và năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2. Yêu cầu cần đạt theo khung năng lực đặc thù:

Để đánh giá mức độ nhận thức và khả năng thể hiện của Học sinh, Giáo viên sẽ căn cứ theo 3 mức độ sau:

- Thể hiện âm nhạc:** Bước đầu biết hát một mình và hát cùng người khác, thể hiện đúng giai điệu và lời ca, diễn tả được sắc thái và tình cảm của bài hát; Đọc nhạc đúng tên nốt, đọc đúng cao độ và trường độ; Biết chơi nhạc cụ một mình và chơi cùng người khác, thể hiện đúng tiết tấu và giai điệu.
- Cảm thụ và hiểu biết âm nhạc:** Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc, phân biệt được sự khác nhau trong từng thuộc tính âm nhạc; Biết vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu; Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng, nhận biết được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc; Bước đầu biết đánh giá kĩ năng thể hiện âm nhạc của bản thân và người khác.
- Ứng dụng và sáng tạo âm nhạc:** Bước đầu biết mô phỏng, tái hiện một số âm thanh quen thuộc trong cuộc sống; biết lặp lại có thay đổi mẫu tiết tấu và giai điệu đơn giản theo hướng dẫn của giáo viên; Biết làm dụng cụ học tập đơn giản theo hướng dẫn của giáo viên, biết tưởng tượng khi nghe nhạc không lời; Biết chia sẻ hiểu biết về âm nhạc với người khác; biết biểu diễn các tiết mục âm nhạc với hình thức phù hợp.

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
71	Chủ đề 1: Âm thanh	71	- Lý thuyết âm nhạc: Một số kí hiệu ghi nhạc - Đọc nhạc: Bài số 1	1 tiết	

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
72	ngày mới	72.	- Ôn đọc nhạc: Bài số 1 - Hát: Chuông gió leng keng	1 tiết	
73		73.	- Ôn bài hát: Chuông gió leng keng - TTÂN: Hình thức biểu diễn trong ca hát	1 tiết	
74		74.	- Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo	1 tiết	
75	Chủ đề 2: Giai điệu quê hương	75.	- Hát: Chim sáo	1 tiết	
76		76.	- Ôn bài hát: Chim sáo - Nhạc cụ: Thể hiện nhạc cụ gõ hoặc nhạc cụ giai điệu	1 tiết	
77		77.	- TTÂN: Giới thiệu đàn tranh - Nghe nhạc: Lý ngựa ô	1 tiết	
78		78.	- Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo	1 tiết	Tích hợp GDĐP Chủ đề 3: Giới thiệu loại hình nghệ thuật hát Đúm – Thủy Nguyên.
79	Chủ đề 3: Thầy cô với chúng em	79.	- Lý thuyết âm nhạc: Giới thiệu các hình nốt - Đọc nhạc: Bài số 2	1 tiết	
80		80.	- Ôn đọc nhạc: Bài số 2 - Hát: Nếu em là...	1 tiết	
81		81.	- Ôn bài hát: Nếu em là... - Nghe nhạc: Điều mong ước tặng thầy	1 tiết	
82		82.	- Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo	1 tiết	
83	Chủ đề 4: Vui đón Tết	83.	- Học hát: Tết là Tết	1 tiết	Tích hợp GDAN, QP: Giáo dục HS biết hướng về cội nguồn, hiểu được ý nghĩa của ngày Tết cổ truyền của dân tộc...

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
84		84.	- Ôn bài hát: Tết là Tết - Nhạc cụ: Thể hiện nhạc cụ gõ hoặc nhạc cụ giai điệu	1 tiết	
85		85.	- TTÂN: Pi-tơ và chó sói	1 tiết	
86		86.	- Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo	1 tiết	<i>Tích hợp GDDP chủ đề 7: Thực hành chơi các trò chơi dân gian.</i>
87	<i>Ôn tập và kiểm tra</i>	87.	Ôn tập và đánh giá cuối học kì 1	2 tiết	
88		88.			
89	<i>Chủ đề 5: Thiên nhiên tươi đẹp</i>	89.	- Lý thuyết âm nhạc: Dấu lặng - Đọc nhạc: Bài số 3	1 tiết	
90		90.	- Hát: Hạt mưa kể chuyện - Ôn đọc nhạc: Bài số 3	1 tiết	
91		91.	- Nghe nhạc: Không gian xanh - Ôn bài hát: Hạt mưa kể chuyện	1 tiết	<i>Tích hợp GDDP Chủ đề 1: Có ý thức bảo vệ môi trường ở địa phương. Bày tỏ tình cảm, sự gắn bó của bản thân với địa phương.</i>
92		92.	- Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo	1 tiết	
93		93.	- Hát: Tình bạn tuổi thơ	1 tiết	

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
94	Chủ đề 6: Tình bạn tuổi thơ	94	- Ôn bài hát: Tình bạn tuổi thơ - Nhạc cụ: Thể hiện nhạc cụ gõ hoặc nhạc cụ giai điệu.	1 tiết	
95		95	- Ôn nhạc cụ: Thể hiện nhạc cụ gõ nhạc hoặc nhạc cụ giai điệu. - TTÂN: Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước và bài hát Reo vang bình minh	1 tiết	
96		96	- Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo	1 tiết	
97	Chủ đề 7. Khúc ca Bạch đương	97	- Lý thuyết âm nhạc: Ôn tập - Đọc nhạc: Bài số 4	1 tiết	
98		98	- Ôn đọc nhạc: Bài số 4 - Hát: Miền quê em	1 tiết	<i>Tích hợp GDĐP Chủ đề 1: Có ý thức bảo vệ môi trường ở địa phương. Bày tỏ tình cảm, sự gắn bó của bản thân với địa phương.</i>
99		99	- Ôn bài hát: Miền quê em - TTÂN: Kèn Trôm-pét (trumpet) - Nghe nhạc: Khúc nhạc mở đầu.	1 tiết	
100		100	- Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo	1 tiết	
101	Chủ đề 8: Chào mùa hè	101	- Hát: Em yêu mùa hè quê em	1 tiết	<i>Tích hợp GDĐP Chủ đề 5: Giới thiệu về Bãi cọc Cao Quỳ - Thủy Nguyên</i>
102		102	- Ôn bài hát: Em yêu mùa hè quê em - Nhạc cụ: Thể hiện nhạc cụ gõ hoặc nhạc cụ giai điệu	1 tiết	
103		103	- Nghe nhạc: Khúc ca vào hè. - Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo	1 tiết	<i>Tích hợp GDAN, QP: Giáo dục HS tình yêu quê hương, yêu mùa hè, biết lựa chọn trò chơi phù hợp, an toàn.</i>

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tiết thứ	Tên bài học/chủ đề	Tiết học/ thời lượng	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)
104	Ôn tập	104	Ôn tập và đánh giá cuối năm	2 tiết	
105	Ôn tập và kiểm tra	105	Kiểm tra đánh giá cuối năm	1 tiết	

11. Môn Tiếng Anh

I. Yêu cầu cần đạt

Hết lớp 4, học sinh có thể:

- Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Anh thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, trong đó nhấn mạnh hai kỹ năng nghe và nói.

a) Bước đầu nhắc lại được các cụm từ, câu đơn giản, bài vẽ, bài hát phù hợp với năng lực tư duy, cảm xúc và tâm sinh lí lứa tuổi lớp 4.

b) Nhận biết được các số từ 1 đến 20 và dùng các số đếm này để đếm hoặc trả lời một số câu hỏi về số lượng đơn giản.

c) Nhận biết và gọi tên được các từ vựng cụ thể, đơn giản theo chủ đề đã học trong ngữ cảnh giao tiếp.

d) Phản hồi được bằng tiếng Anh một cách đơn giản trong các tình huống hỏi đáp rất đơn giản, gắn liền với trải nghiệm của học sinh lớp 4.

đ) Nghe hiểu được và biết cách hỏi đáp phi ngôn ngữ trong các hội thoại rất đơn giản và ngắn gọn, câu lệnh đơn giản trong lớp học.

- Chương trình góp phần hình thành và phát triển ở học sinh năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, tự phục vụ, tự quản, tự học và khả năng giải quyết vấn đề. Đồng thời Chương trình cũng tập trung bồi dưỡng và phát triển các phẩm chất như chăm học, chăm làm, tự tin, trách nhiệm, trung thực, kỉ luật, đoàn kết và yêu thương của học sinh. Thông qua việc làm quen với tiếng Anh, học sinh có thái độ tích cực đối với bộ môn, có hiểu biết về các nền văn hoá khác và thấy được giá trị của nền văn hoá dân tộc mình.

II. Kế hoạch cụ thể

Cả năm: 35 tuần x 4 tiết/tuần = 140 tiết

Học kỳ I: 18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết

Học kỳ II: 17 tuần x 4 tiết/tuần = 68 tiết

Học kỳ I:

Tuần/ Tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ Thời lượng	Tiết thứ		
Tuần 1	Starter	Làm quen với Chương trình và sách giáo khoa Tiếng Anh 4.	4 tiết	1		
		Starter A. Hello again!		2		
		Starter B. Classroom activities		3		
		Starter C. Outdoor activities		4		
Tuần 2	Unit 1: My friends	Lesson 1- Activity 1 – 3	6 tiết	5		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		6		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		7		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		8		
Tuần 3	Unit 1: My friends	Lesson 3- Activity 1 – 3		9		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		10		
	Unit 2: Time and daily routines	Lesson 1- Activity 1 – 3	6 tiết	11		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		12		

Tuần 4	Unit 2: Our names	Lesson 2- Activity 1 – 3		13		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		14		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		15		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		16		
Tuần 5	Unit 3: My week	Lesson 1- Activity 1 – 3	6 tiết	17		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		18		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		19		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		20		
Tuần 6	Unit 3: My week	Lesson 3- Activity 1 – 3	6 tiết	21		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		22		
	Unit 4: My birthday party	Lesson 1- Activity 1 – 3		23		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		24		
Tuần 7	Unit 4: My birthday party	Lesson 2- Activity 1 – 3	6 tiết	25		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		26		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		27		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		28		
Tuần 8	Unit 5: Things we can do	Lesson 1- Activity 1 – 3		29		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		30		

		Lesson 2- Activity 1 – 3	6tiết	31		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		32		

Tuần 9	Unit 5: Things we can do	Lesson 3- Activity 1 – 3		33		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		34		
	Review	Review 1: Activity 1 – 2	1 tiết	35		
		Review 2: Activity 3 – 5	1 tiết	36		
Tuần 10	Fun time	Activity 1 – 3	1 tiết	37		
	Unit 6: Our school facilities	Lesson 1- Activity 1 – 3	6 tiết	38		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		39		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		40		
Tuần 11	Unit 6: Our school facilities	Lesson 2- Activity 4 – 6		41		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		42		

		Lesson 3- Activity 4 – 6		43		
	Unit 7: Our timetables	Lesson 1- Activity 1 – 3		44		
Tuần 12	Unit 7: Our timetables	Lesson 1- Activity 4 – 6		45		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		46		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		47		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		48		
Tuần 13	Unit 7: Our timetables	Lesson 3- Activity 4 – 6		49		

6 tiết

	Unit 8: My favourite subjects	Lesson 1- Activity 1 – 3		50		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		51		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		52		
Tuần 14	Unit 8: My favourite subjects	Lesson 2- Activity 4 – 6		53		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		54		

6 tiết

		Lesson 3- Activity 4 – 6		55		
	Unit 9: Our sport day	Lesson 1- Activity 1 – 3		56		
Tuần 15		Lesson 1- Activity 4 – 6		57		
	Unit 9: Our sport day	Lesson 2- Activity 1 – 3	6 tiết	58		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		59		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		60		
Tuần 16	Unit 9: Our sport day	Lesson 3- Activity 4 – 6		61		
	Unit 10: Our summer holidays	Lesson 1- Activity 1 – 3		62		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		63		
		Lesson 2- Activity 1 – 3	6 tiết	64		
Tuần 17	Unit 10: Our summer holidays	Lesson 2- Activity 4 – 6		65		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		66		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		67		
	Review	Review 2: Activity 1 – 2	1 tiết	68		
Tuần 18	Review	Review 2: Activity 3 – 5	1 tiết	69		
	Fun time	Activity 1 – 3	1 tiết	70		
		Kiểm tra học kì 1	1 tiết	71		
		Chữa bài Kiểm tra học kì 1	1 tiết	72		

Học kỳ II: 17 tuần x 4 tiết/tuần = 68 tiết

Tuần/	Chương trình và sách giáo khoa		Ghi chú

Tháng	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ Thời lượng	Tiết thứ	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	
Tuần 19	Unit 11: My home	Lesson 1- Activity 1 – 3	6 tiết	73		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		74		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		75		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		76		
Tuần 20	Unit 11: My home	Lesson 3- Activity 1 – 3	6 tiết	77		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		78		
	Unit 12: Jobs	Lesson 1- Activity 1 – 3		79		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		80		
Tuần 21	Unit 12: Jobs	Lesson 2- Activity 1 – 3	6 tiết	81		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		82		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		83		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		84		
Tuần 22	Unit 13: Appearance	Lesson 1- Activity 1 – 3	6 tiết	85		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		86		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		87		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		88		

Tuần 23	Unit 13: Appearance	Lesson 3- Activity 1 – 3		89		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		90		
	Unit 14: Daily activities	Lesson 1- Activity 1 – 3	6 tiết	91		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		92		
Tuần 24	Unit 14: Daily activities	Lesson 2- Activity 1 – 3		93		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		94		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		95		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		96		
Tuần 25	Unit 15: At the dining table	Lesson 1- Activity 1 – 3	6tiết	97		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		98		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		99		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		100		
Tuần 26	Unit 15: My family's weekends	Lesson 3- Activity 1 – 3		101		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		102		
	Review	Review 3: Activity 1 – 2	1 tiết	103		
		Review 3: Activity 3 – 5	1 tiết	104		
Tuần 27	Fun time	Activity 1 – 3	1 tiết	105		
	Unit 16: Weather	Lesson 1- Activity 1 – 3	6 tiết	106		

		Lesson 1- Activity 4 – 6		107		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		108		
Tuần 28	Unit 16: Weather	Lesson 2- Activity 4 – 6	6 tiết	109		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		110		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		111		
	Unit 17: In the city	Lesson 1- Activity 1 – 3		112		
Tuần 29	Unit 17: In the city	Lesson 1- Activity 4 – 6		113		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		114		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		115		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		116		
Tuần 30	Unit 17: In the city	Lesson 3- Activity 4 – 6		117		
	Unit 18: At the shopping centre	Lesson 1- Activity 1 – 3	6 tiết	118		
		Lesson 1- Activity 4 – 6		119		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		120		
Tuần 31	Unit 18: At the shopping centre	Lesson 2- Activity 4 – 6		121		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		122		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		123		
	Unit 19: Outdoor activities	Lesson 1- Activity 1 – 3	6 tiết	124		

Tuần 32	Unit 19: The animal world	Lesson 1- Activity 4 – 6		125		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		126		
		Lesson 2- Activity 4 – 6		127		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		128		
Tuần 33	Unit 19: The animal world	Lesson 3- Activity 4 – 6	6 tiết	129		
		Lesson 1- Activity 1 – 3		130		
	Unit 20: At summer camp	Lesson 1- Activity 4 – 6		131		
		Lesson 2- Activity 1 – 3		132		
Tuần 34	Unit 20: At summer camp	Lesson 2- Activity 4 – 6		133		
		Lesson 3- Activity 1 – 3		134		
		Lesson 3- Activity 4 – 6		135		
	Review	Review 4: Activity 1 – 2	1 tiết	136		
Tuần 35	Review	Review 4: Activity 3 – 5	1 tiết	137		
	Fun time	Activity 1 – 3	1 tiết	138		
		Kiểm tra học kì 2	1 tiết	139		
		Chữa bài Kiểm tra học kì 2	1 tiết	140		

12.Môn Tin học

A. NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Yêu cầu chủ yếu của môn Tin học lớp 4 là giúp HS đạt được các yêu cầu cơ bản sau:

Chủ đề 1. Máy tính và em

- Nêu được ví dụ đơn giản minh họa cho vai trò quan trọng của thông tin thu nhận hằng ngày đối với việc ra quyết định của con người. Nhận biết được thông tin và quyết định trong ví dụ của giáo viên (GV)
- Nhận biết được ba dạng thông tin hay gặp chữ, âm thanh, hình ảnh. Nhận ra được trong Ví dụ của GV: Thông tin thu nhận và được xử lý là gì, kết quả của xử lý là hành động hay ý nghĩ gì. Nếu được ví dụ minh họa cho nhận xét: Bộ óc của con người là một bộ phận xử lý thông tin.
- Nêu được ví dụ minh họa cho nhận xét: Cuộc sống quanh ta có những máy móc tiếp nhận thông tin để quyết định hành động. Nhận ra được trong ví dụ của GV, máy đã xử lý thông tin nào và kết quả xử lý ra sao.
- Nhận diện và phân biệt được hình dạng thường gặp của những máy tính thông dụng.
- Nếu được sơ lược về chức năng của bàn phím và chuột, màn hình và loa. Nhận biết được thiết bị tiếp nhận thông tin vào.
- Cầm được chuột đúng cách và thực hiện được các thao tác cơ bản với chuột.
- Khởi động được máy tính. Kích hoạt được một phần mềm ứng dụng. Ra khỏi được hệ thống đang chạy theo đúng cách. Nếu được ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách sẽ gây tổn hại cho thiết bị khi sử dụng.
- Biết và ngồi đúng tư thế khi làm việc với máy tính. Nếu được tác hại của việc ngồi sai tư thế hoặc sử dụng máy tính quá thời gian quy định cho lứa tuổi.
- Biết thực hiện quy tắc an toàn về điện, có ý thức để phòng tai nạn về điện khi sử dụng máy tính.
- Chỉ ra được khu vực chính của bàn phím và nêu được tên các hàng phím. Biết vị trí đặt các ngón tay trên hàng phím cơ sở và thực hiện được thao tác gõ.

Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet

- Nêu được ví dụ về tin tức và chương trình giải trí có thể xem được khi truy cập Internet.
- Nêu được ví dụ thông tin nào đó không có sẵn trong máy tính đang sử dụng nhưng có thể tìm thấy trên Internet.
- Biết được không phải thông tin nào trên Internet cũng phù hợp với lứa tuổi.

Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin

- Giải thích được nếu sắp xếp những gì ta có một cách hợp lý thì khi cần sẽ tìm được nhanh hơn.
- Sắp xếp được đồ vật hay dữ liệu hợp lý theo một số yêu cầu cụ thể.

- Nêu được cách tìm đúng và nhanh đối tượng cần tìm dựa trên sự sắp xếp
- Biết được có thể biểu diễn một sắp xếp, phân loại cụ thể bằng sơ đồ hình cây.
- Làm quen với thư mục lưu trữ thông tin trong máy tính.

Chủ đề 4. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số

- Biết được thông tin cá nhân và gia đình có thể được lưu trữ, trao đổi nhờ máy tính.
- Có ý thức bảo vệ thông tin cá nhân và gia đình khi giao tiếp qua máy tính; biết được việc người xấu có thể lợi dụng những thông tin này gây hại cho em và gia đình.

Chủ đề 5. Ứng dụng tin học

Làm quen với bài trình chiếu đơn giản.

- Nhận biết được biểu tượng của phần mềm trình chiếu và khởi động được phần mềm.
- Tạo được tệp trình chiếu, gõ được một vài dòng văn bản đơn giản không dấu, đưa được ảnh vào một trang chiếu, lưu và đặt được tên cho tệp trình chiếu.

Chủ đề con (lựa chọn). Tìm hiểu thế giới tự nhiên

- Nhận thấy nhờ sử dụng máy tính mà con người quan sát được và biết thêm về thế giới tự nhiên một cách sinh động và trực quan.
- Kể lại được những gì quan sát đã đem lại thêm hiểu biết mới.

Chủ đề con (lựa chọn): Luyện tập sử dụng chuột.

- Cầm chuột đúng cách.
- Thực hiện được các thao tác với chuột di chuyển chuột, nhấp chuột, kéo thả chuột nhấp nút phải chuột, nhấp đúp chuột, sử dụng nút cuộn của chuột.
- Nhận thấy phần mềm đã hướng dẫn thao tác đúng với chuột máy tính.

Chủ đề 6. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính

- Nêu được một số công việc hằng ngày được thực hiện theo từng bước, mỗi bước là một việc nhỏ hơn, các bước phải được sắp xếp thứ tự.
- Nhận biết được việc chia một nhiệm vụ lớn thành những nhiệm vụ nhỏ hơn là dễ hiểu và dễ thực hiện hơn.
- Nêu được ví dụ về một việc thường làm có thể chia thành những việc nhỏ hơn, chẳng hạn làm một phép tính hay chuẩn bị cặp sách trước khi đi học có thể gồm một số bước.
- Chia được một công việc cụ thể thành những việc nhỏ hơn, trong đó có những việc có thể thực hiện với sự trợ giúp của máy tính.
- Thực hiện được nhiệm vụ do GV đặt ra, có sử dụng máy tính. Trong Tin học 4, các chủ đề qua cả ba mạch kiến thức nhưng tập trung hơn vào mạch kiến thức đặc thù. Cụ thể là:

- Mạch CS được tập trung ở chủ đề 6
- Mạch ICT được tập trung ở chủ đề 1, 3, 5;
- Mạch DL được tập trung ở chủ đề 2, 4.

Với định hướng phát triển năng lực, Tin học 4 chú trọng dạy HS cách tư duy, tìm giải pháp cho các tình huống thực tiễn, qua đó nâng cao năng lực giải quyết vấn đề cho các em hơn là chỉ đơn thuần dạy sử dụng các công cụ.

Xuất phát từ các căn cứ và yêu cầu cần đạt trên, khối 4 trường Tiểu học Minh Tân thống nhất xây dựng kế hoạch môn Tin học lớp 4 như sau:

B) KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

Học kỳ I (18 Tuần mỗi tuần 1 tiết = 18 tiết)

Tuần	Tiết	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
CHỦ ĐỀ 1: MÁY TÍNH VÀ EM					
1	1	Bài 1. Phần cứng và phần mềm máy tính	1		CDS: Chủ đề 1 bài 1: Tìm hiểu lịch sử, văn hóa trên Internet
2	2	Bài 1. Phần cứng và phần mềm máy tính (tiếp)	1		
3	3	Bài 2. Gõ bàn phím đúng cách	1		
4	4	Bài 2. Gõ bàn phím đúng cách (tiếp)		1	
CHỦ ĐỀ 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET					
5	5	Bài 3. Thông tin trên trang Web	1		
6	6	Bài 3. Thông tin trên trang Web (tiếp)	1		
CHỦ ĐỀ 3. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN					
7	7	Bài 4. Tìm kiếm thông tin trên Internet	1		
8	8	Bài 4. Tìm kiếm thông tin trên Internet (tiếp)		1	

9	9	Bài 5. Thao tác với tệp và thư mục	1		
10	10	Bài 5. Thao tác với tệp và thư mục (tiếp)		1	
CHỦ ĐỀ 4. ĐẠO ĐỨC PHÁP LUẬT VÀ VĂN HOÁ TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ					
11		Bài 6. Sử dụng phần mềm khi được phép	1		
CHỦ ĐỀ 5. ỨNG DỤNG TIN HỌC					
12		Bài 7. Tạo bài trình chiếu	1		
13		Bài 7. Tạo bài trình chiếu (tiếp)		1	
14		Bài 8. Định dạng văn bản trên trang chiếu	1		
15		Bài 8. Định dạng văn bản trên trang chiếu (tiếp)		1	
16		Bài 9. Hiệu ứng chuyển trang	1		CDS: Chủ đề 3 bài 1: Sao chép văn bản, hình ảnh từ Internet
17		Ôn tập	1		
18		KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1	1		

Học kỳ II (17 Tuần mỗi tuần 1 tiết = 17 tiết)

Tuần	Tiết	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
19	19	Bài 9. Hiệu ứng chuyển trang (tiếp)		1	CDS: Chủ đề 3 bài 1: Sao chép văn bản, hình ảnh từ Internet
20	20	Bài 10. Phần mềm soạn thảo văn bản	1		

21	21	Bài 10. Phần mềm soạn thảo văn bản (tiếp)		1	CDS: Chủ đề 3 bài 2: Trình bày hình ảnh trong văn bản
22	22	Bài 11. Chỉnh sửa văn bản	1		
23	23	Bài 11. Chỉnh sửa văn bản (tiếp)		1	
24	24	Bài 12B. Phần mềm luyện tập gõ bàn phím	1		
25	25	Bài 12B. Phần mềm luyện tập gõ bàn phím (tiếp)		1	
CHỦ ĐỀ 6. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH					
26	26	Bài 13. Chơi với máy tính	1		
27	27	Bài 13. Chơi với máy tính (tiếp)		1	
28	28	Bài 14. Khám phá môi trường trực quan	1		CDS: Chủ đề 4 bài 1: Tạo chương trình hội thoại trong scratch.
29	29	Bài 14. Khám phá môi trường trực quan (tiếp)		1	
30	30	Bài 15. Sử dụng chương trình để diễn tả ý tưởng	1		
31	31	Bài 15. Sử dụng chương trình để diễn tả ý tưởng (tiếp)		1	
32	32	Bài 16. Chương trình của em	1		
33	33	Bài 16. Chương trình của em (tiếp)		1	
34	34	Ôn tập	1		
35	35	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2	1		

8 năm 2024

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 5
Năm học 2024 – 2025

1. MÔN TIẾNG VIỆT

A. NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

ĐỌC

a) Kỹ thuật đọc

Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch, thơ, văn bản miêu tả: nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc khoảng 80 – 90 tiếng trong 1 phút (lớp 4); 90 – 100 tiếng trong 1 phút (lớp 5).

Đọc thầm với tốc độ nhanh.

Sử dụng được từ điển học sinh để tìm từ và nghĩa của các từ ngữ mới.

Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

b) Đọc hiểu: Văn bản văn học; Văn bản thông tin;

Đọc hiểu nội dung

Đọc hiểu hình thức

Liên hệ, so sánh, kết nối

Đọc mở rộng

VIẾT: Kỹ thuật viết. Viết đoạn văn, văn bản: Quy trình viết -> Thực hành viết.

NÓI VÀ NGHE:

- Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe. Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp.

- Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt.

Biết dựa trên gợi ý, giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi. Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác.

- Nhận biết được một số lí lẽ và dẫn chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe.

Nói nghe tương tác: Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

*** NỘI DUNG KIẾN THỨC**

KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT

1. Quy tắc viết tên riêng của cơ quan, tổ chức.

2. Vốn từ theo chủ điểm; Công dụng của từ điển, cách tìm từ và nghĩa của từ trong từ điển; Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu;

Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong việc biểu đạt nghĩa

3. Danh từ, động từ, tính từ: đặc điểm và chức năng; Danh từ riêng và danh từ chung: đặc điểm và chức năng; Câu và thành phần chính của câu: đặc điểm và chức năng; Trạng ngữ của câu: đặc điểm và chức năng (bổ sung thông tin); Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu các ý liệt kê); dấu gạch nối (nối các từ ngữ trong một liên danh); dấu ngoặc kép (đánh dấu tên của một tác phẩm, tài liệu); dấu ngoặc đơn (đánh dấu phần chú thích)

4. Biện pháp tu từ nhân hoá: đặc điểm và tác dụng; Câu chủ đề của đoạn văn: đặc điểm và chức năng; Cấu trúc ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) của văn bản: đặc điểm và chức năng của mỗi phần

5. Kiểu văn bản và thể loại - Bài văn kể lại một sự việc bản thân đã chứng kiến; bài văn kể lại câu chuyện, có kèm tranh minh họa - Bài văn miêu tả: bài văn miêu tả con vật, cây cối - Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một nhân vật - Đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện, nhân vật hay một sự việc, nêu lí do vì sao có ý kiến như vậy - Văn bản hướng dẫn các bước thực hiện một công việc; giấy mời, đơn, thư, báo cáo công việc

6. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)

KIẾN THỨC VĂN HỌC

- 1. Chủ đề
- 2. Đặc điểm nhân vật
- 3. Hình ảnh trong thơ
- 4. Lời thoại trong kịch bản văn học

NGŨ LIỆU

1. Văn bản văn học:

- Truyện cổ, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả - Đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ
- Kịch bản văn học Độ dài của văn bản: truyện, kịch bản khoảng 280 - 330 chữ, bài miêu tả khoảng 200 - 250 chữ, thơ khoảng 100 - 120 chữ

2. Văn bản thông tin

- Văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm
- Giấy mời -Thư thăm hỏi, thư cảm ơn, thư xin lỗi
- Đơn (xin nghỉ học, xin nhập học)
- Báo cáo công việc Độ dài của văn bản: khoảng 150 - 180 chữ

3. Gợi ý chọn văn bản: nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng nước, bảo vệ tổ quốc

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

Gồm 35 tuần thực học, mỗi tuần 7 tiết, tổng cộng 245 tiết:

Học kì I, gồm 18 tuần với 16 tuần dạy bài mới (4 chủ điểm), 1 tuần ôn tập, đánh giá giữa học kì và 1 tuần ôn tập, đánh giá cuối học kì.

Học kì II, gồm 17 tuần với 15 tuần dạy bài mới (4 chủ điểm), 1 tuần ôn tập, đánh giá giữa học kì và 1 tuần ôn tập, đánh giá cuối năm

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Nội dung			Thời lượng tiết	Tiết theo KH môn học	Nội dung điều chỉnh
		Tên bài	Tên Hoạt động	Nội dung hoạt động			
HỌC KÌ I							
1	Chủ điểm 1:	Bài 1 (3 tiết)	Đọc	Bài 1. Thanh âm của gió	1	1	THQCN: Quyền được vui chơi.
			LTVC	Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ	1	2	

2	Thế giới tuổi thơ		Viết	Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo	1	3	
		Bài 2 (4 tiết)	Đọc	Cánh đồng hoa	2	4+5	BV môi trường thiên nhiên. THQCN: Quyền được vui chơi. GDĐP: Những việc làm cụ thể để góp phần làm cho làng quê, khu phố luôn sạch đẹp
			Viết	Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo (tiếp theo)	1	6	
			ĐMR	Đọc mở rộng	1	7	
		Bài 3 (3 tiết)	Đọc	Tuổi Ngựa	1	8	THQCN: Quyền được vui chơi.
			LTVC	Đại từ	1	9	
			Viết	Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo	1	10	
		Bài 4 (4 tiết)	Đọc	Bến sông tuổi thơ	2	11+12	
			Viết	Viết bài văn kể chuyện sáng tạo	1	13	
			Nói và nghe	Những câu chuyện thú vị	1	14	
3		Bài 5 (3 tiết)	Đọc	Tiếng hạt nảy mầm	1	15	
			LTVC	Luyện tập về đại từ	1	16	
			Viết	Đánh giá, chỉnh sửa bài văn kể chuyện sáng tạo	1	17	
		Bài 6 (4 tiết)	Đọc	Ngôi sao sân cỏ	2	18+19	THQCN: Quyền được vui chơi.
			Viết	Tìm hiểu cách viết báo cáo công việc	1	20	
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	21	

4		Bài 7 (3 tiết)	Đọc	Bộ sưu tập đọc đáo	1	22	
			LTVC	Luyện tập về đại từ (tiếp theo)	1	23	
			Viết	Viết báo cáo công việc	1	24	
		Bài 8 (4 tiết)	Đọc	Hành tinh kì lạ	2	25+26	GDĐP: Bày tỏ tình cảm gắn bó với quê hương của mình.
			Viết	Đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc	1	27	
			Nói và nghe	Những điểm vui chơi lí thú	1	28	GDĐP: Giới thiệu được một địa chỉ vui chơi lí thú ở đại phương em và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc,... về nơi đó.
5	Chủ điểm 2: Thiên nhiên kì thú	Bài 9 (3 tiết)	Đọc	Trước cổng trời	1	29	
			LTVC	Từ đồng nghĩa	1	30	
			Viết	Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh	1	31	
		Bài 10 (4 tiết)	Đọc	Kì diệu rừng xanh	2	32+33	GD ý thức BVMT, không săn bắn các loài động vật trong rừng, góp phần giữ gìn vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên.
			Viết	Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tiếp theo)	1	34	
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	35	
6		Bài 11 (3 tiết)	Đọc	Hang Sơn Đoòng - Những điều kì thú	1	36	GD ý thức BVMT giữ gìn vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên.

7			LTVC	Luyện tập về từ đồng nghĩa	1	37	
			Viết	Viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh	1	38	
		Bài 12 (4 tiết)	Đọc	Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long	2	39+40	
			Viết	Quan sát phong cảnh	1	41	
			Nói và nghe	Bảo tồn động vật hoang dã	1	42	GD ý thức BVMT, không săn bắn các loài động vật trong rừng, góp phần giữ gìn vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên.
		Bài 13 (3 tiết)	Đọc	Mầm non	1	43	
			LTVC	Từ đa nghĩa	1	44	
			Viết	Lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh	1	45	
		Bài 14 (4 tiết)	Đọc	Những ngọn núi nóng rẫy	2	46+47	
			Viết	Viết đoạn văn tả phong cảnh	1	48	
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	49	
		8		Bài 15 (3 tiết)	Đọc	Bài ca về mặt trời	1
LTVC	Luyện tập về từ đa nghĩa				1	51	
Viết	Viết bài văn tả phong cảnh				1	52	
Bài 16 (4 tiết)	Đọc			Xin chào, Xa-ha-ra	2	53+54	
	Viết			Đánh giá, chỉnh sửa bài văn tả phong cảnh	1	55	
	Nói và nghe			Cảnh đẹp thiên nhiên	1	56	- GD ý thức BVMT giữ gìn vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên.

							- Giới thiệu được một cảnh đẹp thiên nhiên ở Hải Phòng
9	Ôn tập và đánh giá giữa HKI	Ôn tập (5 tiết)	Ôn tập	Ôn tập và đánh giá giữa HKI (Tiết 1)	1	57	
			Ôn tập	Ôn tập và đánh giá giữa HKI (Tiết 2)	1	58	
			Ôn tập	Ôn tập và đánh giá giữa HKI (Tiết 3)	1	59	
			Ôn tập	Ôn tập và đánh giá giữa HKI (Tiết 4+5)	2	60+61	
		Đánh giá kiểm tra	Ôn tập	Kiểm tra Đọc (tiết 6)	1	62	
			Ôn tập	Kiểm tra Đọc hiểu – viết (tiết 7)	1	63	
10	Chủ điểm 3: Trên con đường học tập	Bài 17 (3 tiết)	Đọc	Thư gửi các học sinh	1	64	THQCN: Quyền được học tập. QPAN: Biết ơn những người hi sinh vì Tổ quốc, cần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
			Luyện từ và câu	Sử dụng từ điển	1	65	
			Viết	Tìm hiểu cách đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách	1	66	
		Bài 18 (4 tiết)	Đọc	Tắm gương tự học	2	67+68	THQCN: Quyền được học tập.
			Viết	Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách	1	69	
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	70	
11		Bài 19 (3 tiết)	Đọc	Trải nghiệm để sáng tạo	1	71	
			Luyện từ và câu	Luyện tập sử dụng từ điển	1	72	
			Viết	Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách	1	73	

		Bài 20 (4 tiết)	Đọc	Khổ luyện thành tài	2	74+75	
			Viết	Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách	1	76	
			Nói và nghe	Cuốn sách tôi yêu	1	77	
12		Bài 21 (3 tiết)	Đọc	Thể giới trong trang sách	1	78	
			Luyện từ và câu	Dấu gạch ngang	1	79	
			Viết	Tìm hiểu cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện	1	80	
		Bài 22 (4 tiết)	Đọc	Từ những câu chuyện ấu thơ	2	81+82	
			Viết	Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện	1	83	
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	84	
13		Bài 23 (3 tiết)	Đọc	Giới thiệu sách Để Mèn phiêu lưu kí	1	85	
			LTVC	Luyện tập về dấu gạch ngang	1	86	
			Viết	Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện	1	87	
		Bài 24 (4 tiết)	Đọc	Tinh thần học tập của nhà Phi-lít	2	88+89	
			Viết	Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện	1	90	
			Nói và nghe	Lợi ích của tự học	1	91	
14			Đọc	Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà	1	92	BVMT

	Chủ điểm 4: Nghệ thuật muôn màu	Bài 25 (3 tiết)					QPAN: Tình đoàn kết, giúp đỡ các nước.
			LTVC	Biện pháp điệp từ, điệp ngữ	1	93	
			Viết	Tìm hiểu cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ	1	94	
		Bài 26 (4 tiết)	Đọc	Trí tưởng tượng phong phú	2	95+96	
			Viết	Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ	1	97	
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	98	
15		Bài 27 (3 tiết)	Đọc	Tranh làng Hồ	1	99	
			LTVC	Luyện tập về điệp từ, điệp ngữ	1	100	
			Viết	Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ	1	101	
		Bài 28 (4 tiết)	Đọc	Tập hát quan họ	2	102+103	GDDP: Tìm hiểu nghệ thuật hát Đúm ở Thủy Nguyên; có lòng tự hào về truyền thống văn hoá dân tộc; có ý thức gìn giữ, phát huy giá trị của nghệ thuật truyền thống.
	Viết		Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ	1	104		
	Nói và nghe		Chương trình nghệ thuật em yêu thích	1	105		
16	Bài 29 (3 tiết)	Đọc	Chú ốc sên bay	1	106		
		LTVC	Kết từ	1	107		

			Viết	Tìm hiểu cách viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình	1	108		
		Bài 30 (4 tiết)	Đọc	Nghệ thuật múa ba lê	2	109+110		
			Viết	Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình	1	111		
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	112		
17		Bài 31 (3 tiết)	Đọc	Một ngôi chùa độc đáo	1	113	GDĐP: ý thức giữ gìn các di tích lịch sử, văn hoá trên quê hương.	
			LTVC	Luyện tập về kết từ	1	114		
			Viết	Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình	1	115		
		Bài 32 (4 tiết)	Đọc	Sự tích chú Tễu	2	116+117		
			Viết	Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình	1	118		
			Nói và nghe	Bộ phim yêu thích	1	119		
18	Ôn tập và đánh giá cuối HKI	Ôn tập	Ôn tập	Ôn tập và đánh giá cuối HKI (Tiết 1)	1	120		
			Ôn tập	Ôn tập và đánh giá cuối HKI (Tiết 2)	1	121		
			Ôn tập	Ôn tập và đánh giá cuối HKI (Tiết 3)	1	122		
			Ôn tập	Ôn tập và đánh giá cuối HKI (Tiết 4+5)	2	123+124		
		Kiểm tra	Ôn tập	Kiểm tra Đọc (tiết 6)	1	125		
			Ôn tập	Kiểm tra Đọc hiểu – viết (tiết 7)	1	126		

HỌC KÌ II							
19	Chủ điểm 5: Vẻ đẹp cuộc sống	Bài 1 (3 tiết)	Đọc	Tiếng hát của người đá	1	127	
			LTVC	Câu đơn và câu ghép	1	128	
			Viết	Tìm hiểu cách viết bài văn tả người	1	129	
		Bài 2 (4 tiết)	Đọc	Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ	2	130+131	THQCN: Quyền được bảo vệ, yêu thương.
			Viết	Viết mở bài và kết bài cho bài văn tả người	1	132	
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	133	
20		Bài 3 (3 tiết)	Đọc	Hạt gạo làng ta	1	134	THQCN: Quyền được sống trong hòa bình. QPAN: Ca ngợi tình quân dân.
			LTVC	Cách nối các vế câu ghép	1	135	
			Viết	Quan sát để viết bài văn tả người	1	136	
		Bài 4 (4 tiết)	Đọc	Hộp quà màu thiên thanh	2	137+138	
			Viết	Lập dàn ý cho bài văn tả người	1	139	
			Nói và nghe	Nét đẹp học đường	1	140	
21		Bài 5 (3 tiết)	Đọc	Giỗ hoa tháng Năm	1	141	
			LTVC	Cách nối các vế câu ghép (Tiếp theo)	1	142	
			Viết	Viết đoạn văn tả người	1	143	
		Bài 6 (4 tiết)	Đọc	Thư của bố	2	144+145	THQCN: Quyền được bảo vệ, yêu thương. QPAN: Ca ngợi người lính hi sinh cuộc sống riêng để bảo vệ Tổ quốc.
			Viết	Viết bài văn tả người (Bài viết số 1)	1	146	
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	147	
22			Đọc	Đoàn thuyền đánh cá	1	148	

		Bài 7 (3 tiết)	LTVC	Luyện tập về câu ghép	1	149	BVMT			
			Viết	Đánh giá, chỉnh sửa bài văn tả người	1	150				
		Bài 8 (4 tiết)	Đọc	Khu rừng của Mát	2	151+152				
			Viết	Viết bài văn tả người (Bài viết số 2	1	153				
			Nói và nghe	Những ý kiến khác biệt	1	154				
23	Chủ điểm 6: Hương sắc trăm miền	Bài 9 (3 tiết)	Đọc	Hội thổi cơm thi ở Đồng Văn	1	155	Tích hợp liên môn LS và ĐL bài 7: Đền Hùng và lễ giỗ Tổ Hùng Vương			
			LTVC	Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ	1	156				
			Viết	Tìm hiểu cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc	2	157+158				
		Bài 10 (4 tiết)	Đọc	Những búp chè trên cây cổ thụ	1	159				
			Viết	Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc	1	160				
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	161				
		24		Bài 11 (3 tiết)	Đọc	Hương cốm mùa thu	1	162		
					LTVC	Liên kết câu bằng từ ngữ nối	1	163		
					Viết	Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc	1	164		
Bài 12 (4 tiết)				Đọc	Vũ điệu trên tiền thổ cẩm	2	165+166			
				Viết	Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc	1	167			
				Nói và nghe	Địa điểm tham quan, du lịch	1	168			
25					Bài 13 (3 tiết)	Đọc	Đàn t'rung – tiếng ca đại ngàn	1	169	BVMT
						LTVC	Liên kết câu bằng từ ngữ thay thế	1	170	
						Viết	Tìm hiểu cách viết chương trình hoạt động	1	171	
			Đọc		Đường quê Đồng Tháp Mười	2	172+173			

		Bài 14 (4 tiết)	Viết	Viết chương trình hoạt động (Bài viết số 1)	1	174	GDĐP: Tìm hiểu di tích, lễ hội hoặc các sản vật độc đáo Hải Phòng
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	175	
26		Bài 15 (3 tiết)	Đọc	Xuồng ba lá quê tôi	1	176	
			LTVC	Luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn viết	1	177	
			Viết	Đánh giá, chỉnh sửa chương trình hoạt động	1	178	
		Bài 16 (4 tiết)	Đọc	Về thăm Đất Mũi	2	179+180	BVMT
			Viết	Viết chương trình hoạt động (Bài viết số 2)	1	181	
			Nói và nghe	Sản vật địa phương	1	182	GDĐP: Giới thiệu về sản vật độc đáo của Hải Phòng
27	Ôn tập và đánh giá giữa HKII.	Ôn tập	Ôn tập	Ôn tập và đánh giá giữa HKII (Tiết 1-Tr.70)	1	183	
			Ôn tập	Ôn tập và đánh giá giữa HKII (Tiết 2)	1	184	
			Ôn tập	Ôn tập và đánh giá giữa HKII (Tiết 3)	1	185	
			Ôn tập	Ôn tập và đánh giá giữa HKII (Tiết 4+5)	2	186+187	
		Kiểm tra	Ôn tập	Kiểm tra Đọc (tiết 6)	1	188	
			Ôn tập	Kiểm tra Đọc hiểu – viết (tiết 7)	1	189	
28	Chủ điểm 7: Tiếp bước cha ông	Bài 17 (3 tiết)	Đọc	Nghìn năm văn hiến	1	190	THQCN: Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc
			LTVC	Luyện tập về đại từ và kết từ	1	191	
			Viết	Tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng	1	192	
		Bài 18 (4 tiết)	Đọc	Người thầy của muôn đời	2	193+194	
			Viết	Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng	1	195	
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	196	
29	Chủ điểm 7:	Bài 19 (3 tiết)	Đọc	Danh y Tuệ Tĩnh	1	197	
			LTVC	Luyện tập về từ đồng nghĩa và từ đa nghĩa	1	198	

	Quê hương trong tôi.	Bài 20 (4 tiết)	Viết	Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng (Bài viết số 1)	1	199	Dạy học ngoài trời
			Đọc	Cụ Đồ Chiểu	2	200+201	
			Viết	Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng	1	202	
			Nói và nghe	Đền ơn đáp nghĩa	1	203	
30	Chủ điểm 7: Quê hương trong tôi.	Bài 21 (3 tiết)	Đọc	Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa	1	204	QPAN: Yêu đất nước. Biết ơn những người có công với đất nước. Phát huy truyền thống yêu nước.
			LTVC	Luyện tập về câu ghép	1	205	
			Viết	Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng (Bài viết số 2)	1	206	
		Bài 22 (4 tiết)	Đọc	Bộ đội về làng	2	207+208	THQCN: Quyền được sống trong hòa bình. QPAN: Ca ngợi tình quân dân.
			Viết	Luyện viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc	1	209	
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	210	
31	Chủ điểm 7: Quê hương trong tôi.	Bài 23 (3 tiết)	Đọc	Về ngôi nhà đang xây	1	211	
			LTVC	Viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt	1	212	
			Viết	Luyện tập lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh	1	213	
		Bài 24 (4 tiết)	Đọc	Việt Nam quê hương ta	2	214+215	THQCN: Quyền được bảo vệ, yêu thương.
			Viết	Luyện viết bài văn tả phong cảnh	1	216	
32			Nói và nghe	Di tích lịch sử	1	217	GDĐP: Giới thiệu được một di tích lịch sử ở Hải Phòng

33	Chủ điểm 8: Thế giới của chúng ta	Bài 25 (3 tiết)	Đọc	Bài ca trái đất	1	218	THQCN: Quyền được chăm sóc, bảo vệ, yêu thương không phân biệt màu da và được sống trong hòa bình. QPAN: Góp phần giữ gìn một thế giới hòa bình, đoàn kết, không chiến tranh.		
			LTVC	Cách viết tên người và tên địa lí nước ngoài	1	219			
			Viết	Luyện tập lập dàn ý cho bài văn tả người	1	220			
		Bài 26 (4 tiết)	Đọc	Những con hạc giấy	2	221+222	THQCN: Quyền được chăm sóc, bảo vệ, yêu thương không phân biệt màu da và được sống trong hòa bình. QPAN: Lên án chiến tranh, kêu gọi gìn giữ hòa bình.		
			Viết	Luyện viết bài văn tả người	1	223			
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	224			
		34	Chủ điểm 8: Thế giới của chúng ta	Bài 27 (3 tiết)	Đọc	Một người hùng thầm lặng	1	225	THQCN: Quyền được bảo vệ, yêu thương.
					LTVC	Luyện tập vẽ dấu gạch ngang	1	226	
Viết	Tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng				1	227			
Bài 28 (4 tiết)	Đọc			Giờ Trái Đất	2	228+229	BVMT		
	Viết			Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng	1	230			
	Nói và nghe			Trải nghiệm ngày hè	1	231			
Bài 29 (3 tiết)	Đọc			Điện thoại di động	1	232			
	LTVC			Luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn	1	233			

		Bài 30 (4 tiết)	Viết	Viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng	1	234	
			Đọc	Thành phố thông minh Mát-xcơ	2	235+236	
			Viết	Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng	1	237	
			Đọc mở rộng	Đọc mở rộng	1	238	
35	Ôn tập và đánh giá cuối HKII.	Ôn tập	Ôn tập	Ôn tập và đánh giá cuối HKII (Tiết 1-Tr.34)	1	239	
			Ôn tập	Ôn tập và đánh giá cuối HKII (Tiết 2)	1	240	
			Ôn tập	Ôn tập và đánh giá cuối HKII (Tiết 3)	1	241	
			Ôn tập	Ôn tập và đánh giá cuối HKII (Tiết 4+5)	2	242+243	
		Kiểm tra	Ôn tập	Kiểm tra Đọc (tiết 6)	1	244	
			Ôn tập	Kiểm tra Đọc hiểu – viết (tiết 7)	1	245	

2. MÔN TOÁN

A. Nội dung về yêu cầu cần đạt:

*Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Toán góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

*Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù:

1. *Năng lực tư duy và lập luận toán học*: Thực hiện được các thao tác tư duy (ở mức độ đơn giản), đặc biệt biết quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát. Nêu được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.

2. *Năng lực mô hình hoá toán học*: Lựa chọn được các phép toán, công thức số học, sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn đơn giản. Giải quyết được những bài toán xuất hiện từ sự lựa chọn trên. Nêu được câu trả lời cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.

3. *Năng lực giải quyết vấn đề toán học*: Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi. Nêu được cách thức giải quyết vấn đề. Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản.

4. *Năng lực giao tiếp toán học*: Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép (tóm tắt) được các thông tin toán học trọng tâm trong nội dung văn bản hay do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản). Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (chưa yêu cầu phải diễn đạt đầy đủ, chính xác). Thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản....

5. *Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán*: Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản (que tính, thẻ số, thước, compa, êke, các mô hình hình phẳng và hình khối quen thuộc,...) ...

***Nội dung kiến thức và yêu cầu cần đạt:**

1. *Số tự nhiên*: Ôn tập về số tự nhiên và các phép tính với số tự nhiên

2. *Phân số*: Ôn tập về phân số và các phép tính với phân số

3. Số thập phân:

- Đọc, viết được số thập phân.
- Nhận biết được số thập phân gồm phần nguyên, phần thập phân và hàng của số thập phân.
- Thể hiện được các số đo đại lượng bằng cách dùng số thập phân.
- So sánh các số thập phân.
- Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.

4. Tỉ số. Tỉ số phần trăm

- Nhận biết được tỉ số, tỉ số phần trăm của hai đại lượng cùng loại.
- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán liên quan đến: tìm hai số khi biết tổng (hoặc hiệu) và tỉ số của hai số đó; tính tỉ số phần trăm của hai số; tìm giá trị phần trăm của một số cho trước... Sử dụng máy tính cầm tay.

5. Hình học và đo lường:

a) *Hình học*: Nhận biết được hình thang, đường tròn, một số loại hình tam giác như tam giác nhọn, tam giác vuông, tam giác tù, tam giác đều.

Nhận biết được hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ.

Thực hành vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học.

- b) Đo lường:** Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta).
- Nhận biết được “thể tích” thông qua một số biểu tượng cụ thể.
 - Nhận biết được một số đơn vị đo thể tích thông dụng: cm^3 , dm^3 , m^3
 - Nhận biết được vận tốc của một chuyển động đều; tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo vận tốc: km/h (km/giờ), m/s (m/giây).. Thực hành đo đại lượng.
- Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng.

6. Một số yếu tố thống kê: Thực hiện được việc thu thập, phân loại, so sánh, sắp xếp số liệu thống kê theo các tiêu chí cho trước. *Đọc, mô tả biểu đồ thống kê hình quạt tròn. Biểu diễn số liệu bằng biểu đồ thống kê hình quạt tròn*

Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê hình quạt tròn đã có

7. Một số yếu tố xác suất: Sử dụng được tỉ số để mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện trong một thí nghiệm so với tổng số lần thực hiện thí nghiệm đó ở những trường hợp đơn giản

8. Hoạt động thực hành, trải nghiệm:

Hoạt động 1: Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn và các chủ đề liên môn

Hoạt động 2: Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá

Hoạt động 3 (nếu nhà trường có điều kiện thực hiện): Tổ chức giao lưu với học sinh có khả năng và yêu thích môn Toán trong trường và trường bạn.

B. Kế hoạch dạy học:

Cả năm học: 35 tuần x 5 tiết = 175 tiết

Học kì I: 18 tuần x 5 tiết = 90 tiết; Học kì II: 17 tuần x 5 tiết = 85 tiết

Tuần	Chương trình và SGK					Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có).
	Chủ đề/Mạch nội dung	Bài học	Tên bài học trong tiết học cụ thể	Thời lượng	Tiết theo KHMH	
	HỌC KÌ I					

1	Chủ đề 1: Ôn tập và bổ sung (19 Tiết)	Bài 1. Ôn tập số tự nhiên (2 tiết)	Luyện tập -Trang 6 (Tiết 1)	1 tiết	1	
			Luyện tập - Trang 7 (Tiết 2)		2	
		Bài 2. Ôn tập các phép tính với số tự nhiên (2tiết)	Luyện tập -Trang 9 (Tiết 1)	1 tiết	3	
			Luyện tập - Trang 10 (Tiết 2)	1 tiết	4	
Bài 3. Ôn tập phân số (2tiết)		Luyện tập - Trang 11 (Tiết 1)	1 tiết	5		
		Luyện tập - Trang 12 (Tiết 2)	1 tiết	6		
2		Bài 4. Phân số thập phân	Phân số thập phân	1 tiết	7	
		Bài 5. Ôn tập các phép tính với phân số (3Tiết)	Luyện tập - Trang 16 (Tiết 1)	1 tiết	8	
			Luyện tập - Trang 17 (Tiết 2)	1 tiết	9	
			Luyện tập - Trang 18 (Tiết 3)	1 tiết	10	
3	Bài 6. Cộng, trừ hai phân số khác mẫu số (2Tiết)	Cộng, trừ hai phân số khác mẫu số (Tiết 1)	1 tiết	11		
		Luyện tập – Trang 21 (Tiết 2)	1 tiết	12		
	Bài 7. Hỗn số (2Tiết)	Hỗn số (Tiết 1)	1 tiết	13		
		Luyện tập – Trang 24 (Tiết 2)	1 tiết	14		
4	Bài 8. Ôn tập hình học và đo lường (2Tiết)	Luyện tập – Trang 26 (Tiết 1)	1 tiết	15		
		Luyện tập – Trang 27 (Tiết 2)	1 tiết	16		
	Bài 9. Luyện tập chung (3tiết)	Luyện tập – Trang 29 (Tiết 1)	1 tiết	17		
		Luyện tập – Trang 30 (Tiết 2)	1 tiết	18		
Luyện tập – Trang 31 (Tiết 3)		1 tiết	19			
5	Chủ đề 2: Số thập phân (12 TIẾT)	Bài 10. Khái niệm số thập phân (3Tiết)	Khái niệm số thập phân (Tiết 1)	1 tiết	20	
		Hàng của số thập phân. Đọc, viết số thập phân (Tiết 2)	1 tiết	21	Bài học STEM: Dụng cụ học số thập phân	

6			Luyện tập – Trang 37 (Tiết 3)	1 tiết	22		
		Bài 11. So sánh các số thập phân (2Tiết)	So sánh các số thập phân (Tiết 1)	1 tiết	23		
			Luyện tập – Trang 40 (Tiết 2)	1 tiết	24		
		Bài 12. Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân (3Tiết)	Viết số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân (Tiết 1)	1 tiết	25		
			Viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân (Tiết 1)	1 tiết	26		
			Luyện tập – Trang 45 (Tiết 3)	1 tiết	27		
		Bài 13. Làm tròn số thập phân (2Tiết)	Làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất (Tiết 1)	1 tiết	28		
			Làm tròn số thập phân đến hàng phần mười, hàng phần trăm (Tiết 2)	1 tiết	29		
			Bài 14. Luyện tập chung (2Tiết)	Luyện tập – Trang 51 (Tiết 1)	1 tiết	30	
	Luyện tập – Trang 52 (Tiết 2)			1 tiết	31		
7	Chủ đề 3: Một số đơn vị đo diện tích (8 Tiết)	Bài 15. Ki-lô-mét vuông. Héc-ta (2tiết)	Ki-lô-mét vuông (tiết 1)	1 tiết	32	Làm thêm bài tập 2 trang 55 ở dưới	
			Héc-ta – Trang 54 (Tiết 2)	1 tiết	33		
		Bài 16. Các đơn vị đo diện tích (2Tiết)	Các đơn vị đo diện tích (Tiết 1)	1 tiết	34		
			Luyện tập – Trang 58 (Tiết 2)	1 tiết	35		
			Bài 17. Thực hành và trải nghiệm với một số đơn vị đo đại lượng (2Tiết)	Thực hành và trải nghiệm với một số đơn vị đo đại lượng (Tiết 1) Trang 60	1 tiết	36	
				Thực hành và trải nghiệm với một số đơn vị đo đại lượng (Tiết 1) Trang 61	1 tiết	37	
			Bài 18. Luyện tập chung (2Tiết)	Luyện tập – Trang 62 (Tiết 1)	1 tiết	38	
				Luyện tập – Trang 63 (Tiết 2)	1 tiết	39	

9	Chủ đề 4: Các phép tính với số thập phân (16 Tiết)	Bài 19: Phép cộng số thập phân (2Tiết)	Phép cộng số thập phân (Tiết 1)	1 tiết	40	
			Luyện tập – Trang 67 (Tiết 2)	1 tiết	41	
		Bài 20. Phép trừ số thập phân (2Tiết)	Phép trừ số thập phân (Tiết 1)	1 tiết	42	
			Luyện tập – Trang 70 (Tiết 2)	1 tiết	43	
		Bài 21: Phép nhân số thập phân (3Tiết)	Nhân một số thập phân với một số tự nhiên (Tiết 1)	1 tiết	44	
		Bài 21: Phép nhân số thập phân (Tiết 3)	Nhân một số thập phân với một số thập phân (tiết 2)	1 tiết	45	
KIỂM TRA GIỮA KÌ I						
10			Luyện tập – Trang 75 (Tiết 3)	1 tiết	46	
		Bài 22: Phép chia số thập phân (4Tiết)	Chia một số thập phân cho một số tự nhiên (Tiết 1)	1 tiết	47	
			Chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên mà thương tìm được là một số thập phân (tiết 2)	1 tiết	48	
			Chia một số tự nhiên cho một số thập phân (Tiết 3)	1 tiết	49	
			Chia một số thập phân cho một số thập phân (Tiết 4)	1 tiết	50	
11		Bài 23. Nhân, chia số thập phân với 10; 100; 1000;... hoặc với 0,1; 0,01;0,001... (2Tiết)	Nhân số thập phân với 10; 100; 1000;... hoặc với 0,1; 0,01;0,001... (Tiết 1)	1 tiết	51	
			Chia số thập phân cho 10; 100; 1000;... hoặc với 0,1; 0,01;0,001... (Tiết 2)	1 tiết	52	
		Bài 24. Luyện tập chung (3Tiết)	Luyện tập – Trang 88 (Tiết 1)	1 tiết	53	
	Luyện tập – Trang 89 (Tiết 2)		1 tiết	54		
	Luyện tập – Trang 90 (Tiết 3)		1 tiết	55		
	12			Hình tam giác. (Tiết 1)	1 tiết	56

13	Chủ đề 5: Một số hình phẳng – Chu vi và diện tích (18 Tiết)	Bài 25. Hình tam giác. Diện tích hình tam giác (4Tiết)	Vẽ đường cao của tam giác (Tiết 2)	1 tiết	57	
			Diện tích hình tam giác (Tiết 3)	1 tiết	58	
			Luyện tập – Trang 96 (Tiết 4)	1 tiết	59	
		Bài 26. Hình thang. Diện tích hình thang (4Tiết)	Hình thang (Tiết 1)	1 tiết	60	
			Vẽ hình thang (Tiết 2)	1 tiết	61	
			Diện tích hình thang (Tiết 3)	1 tiết	62	
			Luyện tập – Trang 104 (Tiết 4)	1 tiết	63	
		Bài 27. Đường tròn. Chu vi và diện tích hình tròn (5Tiết)	Đường tròn. Vẽ đường tròn có tâm và bán kính cho trước (Tiết 1)	1 tiết	64	
			Chi vi hình tròn (Tiết 2)	1 tiết	65	
			Luyện tập (Tiết 3)	1 tiết	66	
			Diện tích hình tròn (Tiết 4)	1 tiết	67	
			Luyện tập – Trang 111 (Tiết 5)	1 tiết	68	
14	Bài 28. Thực hành và trải nghiệm đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình (2Tiết)	Thực hành và trải nghiệm đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình (Tiết 1)/113	1 tiết	69	Bài học STEM: Bộ lắp ghép hình kì diệu.	
		Thực hành và trải nghiệm đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình (Tiết 2)/114	1 tiết	70		
15	Bài 29. Luyện tập chung (3Tiết)	Luyện tập – Trang 116 (Tiết 1)	1 tiết	71		
		Luyện tập – Trang 117 (Tiết 2)	1 tiết	72		
		Luyện tập – Trang 118 (Tiết 3)	1 tiết	73		
16	Chủ đề 6: Ôn tập học kì 1 (17 Tiết)	Bài 30. Ôn tập số thập phân (3Tiết)	Luyện tập – Trang 120 (Tiết 1)	1 tiết	74	
			Luyện tập – Trang 121 (Tiết 2)	1 tiết	75	
			Luyện tập – Trang 122 (Tiết 3)	1 tiết	76	

		Bài 31. Ôn tập các phép tính với số thập phân (4Tiết)	Luyện tập – Trang 123 (Tiết 1)	1 tiết	77	
			Luyện tập – Trang 124 (Tiết 2)	1 tiết	78	
			Luyện tập – Trang 125 (Tiết 3)	1 tiết	79	
			Luyện tập – Trang 126 (Tiết 4)	1 tiết	80	
17		Bài 32. Ôn tập một số hình phẳng (2Tiết)	Luyện tập – Trang 127 (Tiết 1)	1 tiết	81	
			Luyện tập – Trang 128 (Tiết 2)	1 tiết	82	
		Bài 33. Ôn tập diện tích, chu vi một số hình phẳng (3Tiết)	Luyện tập – Trang 130 (Tiết 1)	1 tiết	83	
			Luyện tập – Trang 131 (Tiết 2)	1 tiết	84	
			Luyện tập – Trang 132 (Tiết 3)	1 tiết	85	
18		Bài 34: Ôn tập đo lường (2Tiết)	Luyện tập – Trang 133 (Tiết 1)	1 tiết	86	
			Luyện tập – Trang 134 (Tiết 2)	1 tiết	87	
		Bài 35: Ôn tập chung (3Tiết)	Luyện tập – Trang 135 (Tiết 1)	1 tiết	88	
			Luyện tập – Trang 136 (Tiết 2)	1 tiết	89	
			Luyện tập – Trang 137 (Tiết 3)	1 tiết	90	
19	Chủ đề 7: Tỉ số và các bài toán liên quan (17 tiết)	Bài 36. Tỉ số. Tỉ số phần trăm (2tiết)	Tỉ số. Tỉ số phần trăm (tiết 1)	1 tiết	91	
			Luyện tập – Trang 6 (Tiết 2)	1 tiết	92	
		Bài 37. Tỉ lệ bản đồ và ứng dụng (2tiết)	Tỉ lệ bản đồ và ứng dụng (tiết 1)	1 tiết	93	
			Luyện tập – Trang 10 (Tiết 2)	1 tiết	94	
		Bài 38. Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó (2tiết)	Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó (tiết 1)	1 tiết	95	
20			Luyện tập – Trang 13 (Tiết 2)	1 tiết	96	

21		Bài 39. Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó (2tiết)	Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó (tiết 1)	1 tiết	97	
			Luyện tập – Trang 16 (Tiết 2)	1 tiết	98	
		Bài 40. Tìm tỉ số phần trăm của hai số (2tiết)	Tìm tỉ số phần trăm của hai số (tiết 1)	1 tiết	99	
			Luyện tập – Trang 19 (Tiết 2)	1 tiết	100	
		Bài 41. Tìm giá trị phần trăm của một số (2tiết)	Tìm giá trị phần trăm của một số (tiết 1)	1 tiết	101	
			Luyện tập – Trang 22 (Tiết 2)	1 tiết	102	
		Bài 42. Máy tính cầm tay (2tiết)	Máy tính cầm tay (tiết 1)	1 tiết	103	
			Máy tính cầm tay (tiết 2)	1 tiết	104	
		Bài 43. Thực hành và trải nghiệm sử dụng máy tính cầm tay	Thực hành và trải nghiệm sử dụng máy tính cầm tay	1 tiết	105	
22		Bài 44. Luyện tập chung (2tiết)	Luyện tập – Trang 28 (Tiết 1)	1 tiết	106	
			Luyện tập – Trang 29 (Tiết 1)	1 tiết	107	
		Bài 45. Thể tích của một hình	Thể tích của một hình	1 tiết	108	
23	Chủ đề 8. Thể tích – Đơn vị đo thể tích (7 Tiết)	Bài 46. Xăng-ti-mét khối. Đề-xi-mét khối (2tiết)	Xăng-ti-mét khối. Đề-xi-mét khối (tiết 1)	1 tiết	109	
			Luyện tập – Trang 34 (Tiết 1)	1 tiết	110	
		Bài 47. Mét khối (2tiết)	Mét khối (tiết 1)	1 tiết	111	
			Luyện tập – Trang 37 (Tiết 2)	1 tiết	112	
		Bài 48. Luyện tập chung (2tiết)	Luyện tập – Trang 38 (Tiết 1)	1 tiết	113	
			Luyện tập – Trang 39 (Tiết 2)	1 tiết	114	
		Bài 49. Hình khai triển của hình lập phương,	Hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ (tiết 1)	1 tiết	115	Thay bằng bài học Stem 2 tiết: Ngôi nhà nhỏ tiện ích

24	Chủ đề 9. Diện tích và thể tích của một số hình khối (15 Tiết)	hình hộp chữ nhật và hình trụ (2tiết)	Luyện tập – Trang 42 (Tiết 2)	1 tiết	116	
		Bài 50. Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật (3tiết)	Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật (tiết 1)	1 tiết	117	
			Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật (tiết 2) – Trang 45	1 tiết	118	
			Luyện tập – Trang 46 (Tiết 3)	1 tiết	119	
		25	Bài 51. Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương (2tiết)	Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương (tiết 1)	1 tiết	120
Luyện tập – Trang 50 (Tiết 2)	1 tiết			121		
Bài 52. Thể tích của hình hộp chữ nhật (2tiết)	Thể tích của hình hộp chữ nhật (tiết 1)		1 tiết	122		
	Luyện tập – Trang 53 (Tiết 2)		1 tiết	123		
Bài 53. Thể tích của hình lập phương (2tiết)	Thể tích của hình lập phương (tiết 1)		1 tiết	124		
	Luyện tập – Trang 56 (Tiết 2)		1 tiết	125		
26	Bài 54. Thực hành tính toán và ước lượng thể tích một số hình khối	Thực hành tính toán và ước lượng thể tích một số hình khối	1 tiết	126		
		Bài 55. Luyện tập chung (3Tiết)	Luyện tập – Trang 60 (Tiết 1)	1 tiết	127	
			Luyện tập – Trang 61 (Tiết 2)	1 tiết	128	
			Luyện tập – Trang 62 (Tiết 2)	1 tiết	129	
	Chủ đề 10. Số đo thời gian, vận	Bài 56. Các đơn vị đo thời gian	Các đơn vị đo thời gian	1 tiết	130	
		Cộng số đo thời gian (Tiết 1)	1 tiết	131		
27						

28	tốc, các bài toán liên quan đến chuyển động đều (16 Tiết)	Bài 57. Cộng, trừ số đo thời gian (2tiết)	Trừ số đo thời gian (Tiết 2)	1 tiết	132	
		Bài 58. Nhân, chia số đo thời gian với một số (3tiết)	Nhân số đo thời gian với một số (Tiết 1)	1 tiết	133	
			Chia số đo thời gian cho một số (Tiết 2)	1 tiết	134	
			Luyện tập – Trang 74 (Tiết 3)	1 tiết	135	
			KIỂM TRA GIỮA KÌ II			
		Bài 59. Vận tốc của một chuyển động đều (2tiết)	Vận tốc của một chuyển động đều (Tiết 1)	1 tiết	136	
			Luyện tập – Trang 77 (Tiết 2)	1 tiết	137	
		Bài 60. Quãng đường, thời gian của một chuyển động đều (3tiết)	Quãng đường	1 tiết	138	
			Thời gian	1 tiết	139	
			Luyện tập – Trang 80	1 tiết	140	
29		Bài 61. Thực hành tính toán và ước lượng về vận tốc, quãng đường, thời gian trong chuyển động đều (2Tiết)	Thực hành tính toán và ước lượng về vận tốc, quãng đường, thời gian trong chuyển động đều (Tiết 1)	1 tiết	141	
			Thực hành tính toán và ước lượng về vận tốc, quãng đường, thời gian trong chuyển động đều (Tiết 2)	1 tiết	142	
		Bài 62. Luyện tập chung (Tiết 1)	Luyện tập – Trang 84 (Tiết 1)	1 tiết	143	
			Luyện tập – Trang 85 (Tiết 2)	1 tiết	144	
			Luyện tập – Trang 85 (Tiết 3)	1 tiết	145	
30	Chủ đề 11: Một số yếu tố thống kê và xác suất (7 Tiết)	Bài 63. Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu	Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu	1 tiết	146	
		Bài 64. Biểu đồ hình quạt tròn (2Tiết)	Biểu đồ hình quạt tròn (Tiết 1)	1 tiết	147	Bài học STEM 2 tiết: Thước đo phần trăm
			Luyện tập – Trang 92 (Tiết 2)	1 tiết	148	

31		Bài 65. Tỉ số của số lần lặp lại một sự kiện so với tổng số lần thực hiện	Tỉ số của số lần lặp lại một sự kiện so với tổng số lần thực hiện.	1 tiết	149	
		Bài 66. Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân tích, biểu diễn các số liệu thống kê (2Tiết)	Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân tích, biểu diễn các số liệu thống kê	1 tiết	150	
			Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân tích, biểu diễn các số liệu thống kê	1 tiết	151	
32	Chủ đề 12: Ôn tập cuối năm (23 Tiết)	Bài 67. Luyện tập chung	Luyện tập chung	1 tiết	152	
		Bài 68. Ôn tập số tự nhiên, phân số, số thập phân (3tiết)	Ôn tập số tự nhiên	1 tiết	153	
			Ôn tập phân số	1 tiết	154	
33		Bài 69. Ôn tập các phép tính với số tự nhiên, phân số, số thập phân (4Tiết)	Ôn tập số thập phân	1 tiết	155	
			Luyện tập – Trang 107 (Tiết 1)	1 tiết	156	
		Luyện tập – Trang 108 (Tiết 2)	1 tiết	157		
		Luyện tập – Trang 109 (Tiết 3)	1 tiết	158		
		Luyện tập – Trang 110 (Tiết 4)	1 tiết	159		
		Bài 70. Ôn tập tỉ số, tỉ số phần trăm (2Tiết)	Luyện tập – Trang 111 (Tiết 1)	1 tiết	160	
			Luyện tập – Trang 112 (Tiết 2)	1 tiết	161	
34		Bài 71. Ôn tập hình học (4Tiết)	Luyện tập – Trang 113 (Tiết 1)	1 tiết	162	
			Luyện tập – Trang 114 (Tiết 2)	1 tiết	163	
		Bài 72. Ôn tập đo lường (2tiết)	Luyện tập – Trang 116 (Tiết 3)	1 tiết	164	
			Luyện tập – Trang 117 (Tiết 4)	1 tiết	165	
		Bài 72. Ôn tập đo lường (2tiết)	Luyện tập – Trang 119 (Tiết 1)	1 tiết	166	
			Luyện tập – Trang 120 (Tiết 2)	1 tiết	167	

35		Bài 73. Ôn tập toán chuyển động đều (2tiết)	Luyện tập – Trang 121 (Tiết 1)	1 tiết	168	
			Luyện tập – Trang 122 (Tiết 2)	1 tiết	169	
	Bài 74. Ôn tập một số yếu tố thống kê và xác suất (2Tiết)	Luyện tập – Trang 123 (Tiết 1)	1 tiết	170		
		Luyện tập – Trang 126 (Tiết 2)	1 tiết	171		
	Bài 75. Ôn tập chung (4tiết)	Luyện tập – Trang 128 (Tiết 1)	1 tiết	172		
		Luyện tập – Trang 130 (Tiết 2)	1 tiết	173		
		Luyện tập – Trang 130 (Tiết 3)	1 tiết	174		
		Luyện tập – Trang 132 (Tiết 4)	1 tiết	175		
KIỂM TRA CUỐI KÌ II						

3. MÔN KHOA HỌC

A. NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Khoa học góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Khoa học hình thành và phát triển ở học sinh năng lực khoa học tự nhiên, bao gồm các thành phần: nhận thức khoa học tự nhiên; tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Những biểu hiện của năng lực khoa học tự nhiên trong môn Khoa học:

*Nhận thức khoa học tự nhiên

- Kể tên, nêu, nhận biết được một số sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và đời sống, bao gồm một số vấn đề về chất, năng lượng, thực vật, động vật, nấm và vi khuẩn, con người và sức khỏe, sinh vật và môi trường.
- Trình bày được một số thuộc tính của một số sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và đời sống.
- Mô tả được sự vật và hiện tượng bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết, sơ đồ, biểu đồ.

- So sánh, lựa chọn, phân loại được các sự vật và hiện tượng dựa trên một số tiêu chí xác định.
- Giải thích được về mối quan hệ (ở mức độ đơn giản) giữa các sự vật và hiện tượng (nhân quả, cấu tạo - chức năng, ...).

****Tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh***

- Quan sát và đặt được câu hỏi về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật bao gồm con người và vấn đề sức khỏe.
- Đưa ra dự đoán về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng (nhân quả, cấu tạo - chức năng, ...).
- Đề xuất được phương án kiểm tra dự đoán.
- Thu thập được các thông tin về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và sức khỏe bằng nhiều cách khác nhau (quan sát các sự vật và hiện tượng xung quanh, đọc tài liệu, hỏi người lớn, tìm trên Internet, ...).
- Sử dụng được các thiết bị đơn giản để quan sát, thực hành, làm thí nghiệm tìm hiểu những sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và ghi lại các dữ liệu đơn giản từ quan sát, thí nghiệm, thực hành, ...
- Từ kết quả quan sát, thí nghiệm, thực hành, ... rút ra được nhận xét, kết luận về đặc điểm và mối quan hệ giữa sự vật, hiện tượng.

****Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học***

- Giải thích được một số sự vật, hiện tượng và mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật, bao gồm con người và các biện pháp giữ gìn sức khỏe.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản trong đó vận dụng kiến thức khoa học và kiến thức kỹ năng từ các môn học khác có liên quan.
- Phân tích tình huống, từ đó đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống có liên quan đến sức khỏe của bản thân, gia đình, cộng đồng và môi trường tự nhiên xung quanh; trao đổi, chia sẻ, vận động những người xung quanh cùng thực hiện.
- Nhận xét, đánh giá được phương án giải quyết và cách ứng xử trong các tình huống gắn với đời sống.

3. Nội dung kiến thức

3.1. CHẤT

1. Đất: Nêu được một số thành phần của đất. Trình bày được vai trò của đất đối với cây trồng. Nêu được nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm, xói mòn đất và biện pháp chống ô nhiễm, xói mòn đất.

2. Hỗn hợp và dung dịch: Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các ví dụ đã cho. Thực hành tách muối hoặc đường ra khỏi dung dịch muối hoặc đường.

3. Sự biến đổi của chất : Nêu được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Trình bày được ví dụ về biến đổi trạng thái của chất ...

3.2. NĂNG LƯỢNG

1. **Vai trò của năng lượng:** Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hằng ngày.
2. **Năng lượng điện:** Mạch điện đơn giản. Vật dẫn điện và vật cách điện. Sử dụng năng lượng điện.
3. **Năng lượng chất đốt:** Nêu được một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời sống và sản xuất Trình bày được biện pháp phòng chống cháy, nổ, ô nhiễm khi sử dụng năng lượng chất đốt ...
4. **Năng lượng mặt trời, gió và nước chảy:** Sử dụng năng lượng mặt trời. Sử dụng năng lượng gió. Sử dụng năng lượng nước chảy.

3.3. THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

1. **Sự sinh sản ở thực vật và động vật:** Sự sinh sản của thực vật có hoa. Sự sinh sản của động vật
2. **Sự lớn lên và phát triển của thực vật và động vật:** Sử dụng sơ đồ đã cho, ghi chú được tên một số giai đoạn phát triển chính của cây con mọc lên từ hạt và cây con mọc lên từ một số bộ phận của cây mẹ; trình bày được sự lớn lên của cây con.

3.4. NẤM, VI KHUẨN

- + Nhận ra được vi khuẩn có kích thước nhỏ, không thể nhìn thấy bằng mắt thường; chúng sống ở khắp nơi trong đất, nước, sinh vật khác,... qua quan sát tranh ảnh, video.
- + Trình bày được một đến hai ví dụ về việc sử dụng vi khuẩn có ích trong chế biến
- + Kể được tên một đến hai bệnh ở người do vi khuẩn gây ra; nêu được nguyên nhân gây bệnh và cách phòng tránh.

3.5. CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ

- + Nêu được ý nghĩa của sự sinh sản ở người.
- + Phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ; thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới.
- + Chăm sóc sức khoẻ tuổi dậy thì
- + An toàn trong cuộc sống: Phòng tránh bị xâm hại

3.6. SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

- + Vai trò của môi trường đối với sinh vật nói chung và con người nói riêng
- + Tác động của con người đến môi trường

B. KẾ HOẠCH MÔN HỌC:

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết theo KHMH	Thời lượng		
HỌC KÌ I: 18 Tuần (2 Tiết/Tuần) = 36 Tiết						
1	Chủ đề 1: CHẤT	Bài 1: Thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng (tiết 1)	1	2 tiết		
		Bài 1: Thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng (tiết 2)	2			
2		Bài 2: Ô nhiễm, xói mòn đất và bảo vệ môi trường đất (tiết 1)	3	3 tiết	- STEM 3 tiết: Mô hình thí nghiệm hạn chế xói mòn đất. - GDBVMT: bảo vệ môi trường đất.	
		Bài 2: Ô nhiễm, xói mòn đất và bảo vệ môi trường đất (tiết 2)	4			
3		Bài 2: Ô nhiễm, xói mòn đất và bảo vệ môi trường đất (tiết 3)	5			
		Bài 3: Hỗn hợp và dung dịch (tiết 1)	6			2 tiết

4		Bài 3: Hỗn hợp và dung dịch (tiết 2)	7			
		Bài 4: Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Sự biến đổi trạng thái của chất (Tiết 1)	8	2 tiết		
5		Bài 4: Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Sự biến đổi trạng thái của chất (Tiết 2)	9			
6		Bài 5: Sự biến đổi hóa học của chất (tiết 1)	10	2 tiết		
		Bài 5: Sự biến đổi hóa học của chất (tiết 2)	11			
		Bài 6: Ôn tập chủ đề <i>Chất</i>	12	1 tiết		
7	Chủ đề 2: NĂNG LƯỢNG	Bài 7: Vai trò của năng lượng (Tiết 1)	13	2 tiết		
		Bài 7: Vai trò của năng lượng (Tiết 2)	14			
8		Bài 8: Sử dụng năng lượng điện (Tiết 1)	15	2 tiết	STEM 2 TIẾT: Đèn pin bỏ túi	
		Bài 8: Sử dụng năng lượng điện (Tiết 2)	16			
9		Bài 9: Mạch điện đơn giản. Vật dẫn điện và vật cách điện (tiết 1)	17	2 tiết		
		Ôn tập giữa HK1	18	1 tiết		
10		Bài 9: Mạch điện đơn giản. Vật dẫn điện và vật cách điện (tiết 2)	19	2 tiết		
		Bài 10: Năng lượng chất đốt (tiết 1)	20	2 tiết	BVMT: Sử dụng hợp lí nguồn năng lượng chất đốt để bảo vệ nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường. Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng gió, mặt trời để tạo môi trường xanh. QCN: Quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường	
11		Bài 10: Năng lượng chất đốt (tiết 2)	21			

		Bài 11: Sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng nước chảy (Tiết 1)	22	2 tiết	- BVMT: Sử dụng hợp lý nguồn năng lượng chất đốt để bảo vệ nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường. Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng gió, mặt trời để tạo môi trường xanh. - QCN: Quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường	
12		Bài 11: Sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng nước chảy (Tiết 2)	23			
		Bài 11: Sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng nước chảy (Tiết 3)	24	2 tiết		
13		Bài 12: Ôn tập chủ đề Năng lượng.	25			
	Chủ đề 3: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	Bài 13: Sinh sản của thực vật có hoa (Tiết 1)	26	2 tiết		
14		Bài 13: Sinh sản của thực vật có hoa (Tiết 2)	27			
		Bài 14: Sự phát triển của cây con (Tiết 1)	28	3 tiết		
15		Bài 14: Sự phát triển của cây con (Tiết 2)	29		STEM 3 tiết: Trồng cây trong vỏ trứng.	
		Bài 14: Sự phát triển của cây con (Tiết 3)	30			
16		Bài 15: Sinh sản của động vật (Tiết 1)	31	2 tiết		
		Bài 15: Sinh sản của động vật (Tiết 2)	32			
17		Bài 16: Vòng đời và sự phát triển của động vật (Tiết 1)	33	2 tiết	STEM 2 tiết: Cuốn sách xếp mô tả cuộc đời của động vật.	
		Bài 16: Vòng đời và sự phát triển của động vật (Tiết 2)	34			
18	ÔN TẬP KIỂM TRA	Ôn tập cuối học kì I	35	1 tiết		
		Kiểm tra học kì I	36	1 tiết		

HỌC KÌ II: 17 Tuần (2 Tiết/Tuần) = 34 Tiết

19	Chủ đề 4: VI KHUẨN	Bài 17: Ôn tập chủ đề Thực vật – Động vật	37	1 tiết		
		Bài 18: Vi khuẩn xung quanh chúng ta (Tiết 1)	38	2 tiết		
20		Bài 18: Vi khuẩn xung quanh chúng ta (Tiết 2)	39			
		Bài 19: Vi khuẩn có ích trong chế biến thực phẩm (Tiết 1)	40	2 tiết	STEM 2 tiết: Hũ hành tím chua ngọt.	
21		Bài 19: Vi khuẩn có ích trong chế biến thực phẩm (Tiết 2)	41			
		Bài 20: Vi khuẩn gây bệnh ở người và cách phòng tránh (tiết 1)	42	2 tiết		
22		Bài 20: Vi khuẩn gây bệnh ở người và cách phòng tránh (tiết 2)	43			
		Bài 21: Ôn tập chủ đề Vi khuẩn	44	1 tiết		
	Chủ đề 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE	Bài 22: Sự hình thành cơ thể người (tiết 1)	45	2 tiết	QCN: Tích hợp giáo dục quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân.	
23		Bài 22: Sự hình thành cơ thể người (tiết 2)	46			
24		Bài 23: Các giai đoạn phát triển chính của con người (Tiết 1)	47	3 tiết	QCN: Tích hợp giáo dục quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân.	
		Bài 23: Các giai đoạn phát triển chính của con người (Tiết 2)	48			
25		Bài 23: Các giai đoạn phát triển chính của con người (Tiết 3)	49			
		Bài 24: Nam và nữ (Tiết 1)	50	2 Tiết	Tích hợp giáo dục quyền được bình đẳng giới; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo và thực hiện ước mơ của mình.	
26		Bài 24: Nam và nữ (Tiết 2)	51			

		Bài 25: Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì (tiết 1)	52	3 Tiết	QCN: Tích hợp giáo dục quyền được chăm sóc sức khỏe, được yêu thương và quan tâm.	
27		Bài 25: Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì (tiết 2)	53			
		Ôn tập giữa HK2	54	1 tiết		
28		Bài 25: Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì (tiết 3)	55	3 tiết		
		Bài 26: Phòng tránh bị xâm hại (tiết 1)	56	4 tiết	QCN: Tích hợp giáo dục quyền được chăm sóc, bảo vệ. KNCDS Tích hợp (Bộ phận)	
29		Bài 26: Phòng tránh bị xâm hại (tiết 2)	57			
		Bài 26: Phòng tránh bị xâm hại (tiết 3)	58			
30		Bài 26: Phòng tránh bị xâm hại (tiết 4)	59			
		Bài 27: Ôn tập chủ đề con người và sức khỏe	60	1 tiết		
31	Chủ đề 6: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG	Bài 28: Chức năng của môi trường đối với sinh vật (tiết 1)	61	4 tiết	BVMT: Bảo vệ môi trường nước, không khí, nước, rừng.	
		Bài 28: Chức năng của môi trường đối với sinh vật (tiết 2)	62			
		Bài 28: Chức năng của môi trường đối với sinh vật (tiết 3)	63			
32		Bài 28: Chức năng của môi trường đối với sinh vật (tiết 4)	64			
33		Bài 29: Tác động của con người và một số biện pháp bảo vệ môi trường (Tiết 1)	65	3 tiết	GDBVMT: Bảo vệ môi trường nước, không khí, nước, rừng.	
34		Bài 29: Tác động của con người và một số biện pháp bảo vệ môi trường (Tiết 2)	66		QPAN: Nêu những tấm gương học sinh tích cực tham gia phong trào xanh, sạch, đẹp ở địa phương, nhà trường.	
		Bài 29: Tác động của con người và một số biện pháp bảo vệ môi trường (Tiết 3)	67			

35		Bài 30: Ôn tập chủ đề Sinh vật và Môi trường.	68	1 tiết		
	ÔN TẬP KIỂM TRA	Ôn tập cuối năm	69	1 tiết		
		Kiểm tra cuối năm	70	1 tiết		

4. MÔN ĐẠO ĐỨC

A. NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nội dung kiến thức

- Có hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó.
- Bước đầu hình thành thái độ tự trọng, tự tin vào bản thân, với người khác, với công việc, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, với môi trường tự nhiên.
- Bước đầu hình thành kĩ năng nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và những người xung quanh theo các chuẩn mực đã học.

2. Năng lực phẩm chất

- Về phẩm chất: Hình thành phẩm chất chủ yếu: Yêu nước nhân ái, chăm chỉ, trung thực trách nhiệm.
- Về năng lực: Cùng với việc góp phần hình thành những năng lực chung, môn Đạo đức góp phần phát triển năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu tham gia các hoạt động kinh tế XH.

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

Cả năm học: 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết

TUẦN N	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết theo KHM H	Thời lượng		
	HỌC KÌ I: 18 Tuần, mỗi tuần 1 tiết = 18 tiết.					
1	CHỦ ĐỀ 1. BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ	Bài 1. Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước (tiết 1)	1	4 tiết	QPAN: Nêu những tấm gương dũng cảm của tuổi trẻ Việt Nam trong xây	

	CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG				dựng và bảo vệ tổ quốc.	
2		Bài 1. Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước (tiết 2)	2		QPAN: Nêu những tấm gương dũng cảm của tuổi trẻ Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc.	
3		Bài 1. Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước (tiết 3)	3			
4		Bài 1. Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước (tiết 4)	4			
5	CHỦ ĐỀ 2. TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC	Bài 2. Tôn trọng sự khác biệt của người khác. (Tiết 1)	5	3 tiết	QCN: Tích hợp giáo dục quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân.	
6		Bài 2. Tôn trọng sự khác biệt của người khác. (Tiết 2)	6			
7		Bài 2. Tôn trọng sự khác biệt của người khác. (Tiết 3)	7			
8	CHỦ ĐỀ 3. VƯỢT QUA KHÓ KHĂN	Bài 3. Vượt qua khó khăn (Tiết 1)	8	5 tiết		
9		Ôn tập tổng hợp giữa học kì I	9			
10		Bài 3. Vượt qua khó khăn (Tiết 2)	10			
11		Bài 3. Vượt qua khó khăn (Tiết 3)	11			
12		Bài 3. Vượt qua khó khăn (Tiết 4)	12			
13	CHỦ ĐỀ 4. BẢO VỆ CÁI ĐÚNG, CÁI TỐT	Bài 4. Bảo vệ cái đúng cái tốt (Tiết 1)	13	3 tiết	THQCN: Quyền được bảo vệ, chăm sóc.	
14		Bài 4. Bảo vệ cái đúng cái tốt (Tiết 2)	14			
15		Bài 4. Bảo vệ cái đúng cái tốt (Tiết 3)	15			

16	CHỦ ĐỀ 5. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐNG	Bài 5. Bảo vệ môi trường sống (Tiết 1)	16	4 tiết	GDBVMT	
17		Bài 5. Bảo vệ môi trường (Tiết 2)	17			
18		Thực hành rèn kĩ năng cuối kì 1	18	1 tiết		
HỌC KÌ II: 17 Tiết						
19		Bài 5. Bảo vệ môi trường sống (Tiết 3)	19	4 tiết		
20		Bài 5. Bảo vệ môi trường sống (Tiết 4)	20			
21	CHỦ ĐỀ 6. LẬP KẾ HOẠCH CÁ NHÂN.	Bài 6. Lập kế hoạch cá nhân (Tiết 1)	21			
22		Bài 6. Lập kế hoạch cá nhân (Tiết 2)	22			
23		Bài 6. Lập kế hoạch cá nhân (Tiết 3)	23			
24		Bài 6. Lập kế hoạch cá nhân (Tiết 4)	24			
25	CHỦ ĐỀ 7. PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI	Bài 7. Phòng tránh xâm hại. (Tiết 1)	25	5 tiết	THQCN: Quyền được bảo vệ, chăm sóc.	
26		Bài 7. Phòng tránh xâm hại. (Tiết 2)	26			
27		Thực hành rèn kĩ năng giữa kì 2	27	1 tiết		
28		Bài 7. Phòng tránh xâm hại. (Tiết 3)	28			
29		Bài 7. Phòng tránh xâm hại. (Tiết 4)	29			
30		Bài 7. Phòng tránh xâm hại. (Tiết 5)	30			
31	CHỦ ĐỀ 8. SỬ DỤNG TIỀN HỢP LÍ.	Bài 8. Sử dụng tiền hợp lí (Tiết 1)	31	4 tiết		
32		Bài 8. Sử dụng tiền hợp lí (Tiết 2)	32			

33		Bài 8. Sử dụng tiền hợp lí (Tiết 3)	33			
34		Bài 8. Sử dụng tiền hợp lí (Tiết 4)	34			
35		Thực hành rèn kĩ năng cuối kì 2	35	1 tiết		

5. MÔN LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ

A. NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Lịch sử và Địa lí hình thành và phát triển ở học sinh năng lực lịch sử và địa lí, biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học với các thành phần: nhận thức khoa học lịch sử và địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

3. Nội dung kiến thức:

3.1.. Đất nước và con người Việt Nam

Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca

Thiên nhiên Việt Nam Biển, đảo Việt Nam Dân cư và dân tộc ở Việt Nam

3.2. Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam

+ Văn Lang, Âu Lạc: Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học ...

+ Phù Nam: Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học.

+ Champa: Kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Champa còn lại cho đến ngày nay.

3.3. Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam

+ Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc

+ Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long

- + Triều Trần và kháng chiến chống Mông – Nguyên
- + Khởi nghĩa Lam Sơn và triều Hậu Lê
- + Triều Nguyễn
- + Cách mạng tháng Tám năm 1945
- + Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954
- + Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975
- + Đất nước Đổi mới

3.4. Các nước láng giềng: Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc). Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Vương quốc Campuchia. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

3.5. Tìm hiểu thế giới: Các châu lục và đại dương trên thế giới. Dân số và các chủng tộc trên thế giới. Một số nền văn minh nổi tiếng thế giới – Ai Cập - Hy Lạp

3.6. Chung tay xây dựng thế giới: Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp. Xây dựng thế giới hoà bình.

B. KẾ HOẠCH MÔN HỌC:

Cả năm học: 35 tuần x 2 tiết = 70 tiết

Tuần	Chủ đề/ Mạch nội dung	Nội dung			Nội dung điều chỉnh bổ sung
		Tên bài học	Thời lượng	Tiết theo KH môn học	
HỌC KÌ I: 18 TUẦN, Mỗi tuần 2 tiết = 36 tiết					
1	CHỦ ĐỀ 1. ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM	Bài 1: Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca (Tiết 1)	2 tiết	1	GDQPAN:Giới thiệu bản đồ Việt Nam và khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam

		Bài 1: Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca (Tiết 2)		2	
2		Bài 2: Thiên nhiên Việt Nam (Tiết 1)	4 tiết	3	
		Bài 2: Thiên nhiên Việt Nam (Tiết 2)		4	
3		Bài 2: Thiên nhiên Việt Nam (Tiết 3)		5	
		Bài 2: Thiên nhiên Việt Nam (Tiết 4)		6	
4		Bài 3: Biển, đảo Việt Nam (Tiết 1)	2tiết	7	- Giáo dục quốc phòng và an ninh: Làm rõ tầm quan trọng của vùng biển nước ta trong phát triển kinh tế và quốc phòng, an ninh. + Kể được câu chuyện về Hải đội Hoàng Sa, lễ khao lề thế lính Hoàng Sa.
		Bài 3: Biển, đảo Việt Nam (Tiết 2)		8	
5		Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam (Tiết 1)	4 tiết	9	
		Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam (Tiết 2)		10	
6		Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam (Tiết 3)		11	
		Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam (Tiết 4)		12	
7	CHỦ ĐỀ 2. NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM.	Bài 5: Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc (Tiết 1)	3 tiết	13	
		Bài 5: Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc (Tiết 2)		14	
8		Bài 5: Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc (Tiết 3)		15	
		Bài 6: Vương quốc Phù Nam	1 tiết	16	
9		Bài 7: Vương quốc Chăm-pa (Tiết 1)		17	

		Bài 7: Vương quốc Chăm-pa (Tiết 2)	2 tiết	18	
10	CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	Bài 8: Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc (Tiết 1)	3 tiết	19	
		Bài 8: Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc (Tiết 2)		20	
11		Bài 8: Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc (Tiết 3)		21	
		Bài 9: Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long (Tiết 1)	3 tiết	22	
12		Bài 9: Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long (Tiết 2)		23	
		Bài 9: Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long (Tiết 3)		24	
13		Bài 10: Triều Trần xây dựng đất nước và kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược (Tiết 1)	4 tiết	25	
		Bài 10: Triều Trần xây dựng đất nước và kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược (Tiết 2)		26	
14		Bài 10: Triều Trần xây dựng đất nước và kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược (Tiết 3)		27	
		Bài 10: Triều Trần xây dựng đất nước và kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược (Tiết 4)		28	
15		Bài 11: Ôn tập (Tiết 1)	2 tiết	29	
		Bài 11: Ôn tập (Tiết 2)		30	
16		Bài 12: Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê (Tiết 1)	3 tiết	31	
		Bài 12: Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê (Tiết 2)		32	
17		Bài 12: Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê (Tiết 2)		33	
		Bài 13: Triều Nguyễn (Tiết 1)	3 tiết	34	
18		Ôn tập cuối kì I	1 tiết	35	
		Kiểm tra và đánh giá cuối học kì I	1 tiết	36	

HỌC KÌ II: 17 TUẦN = 34 TIẾT					
19	CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	Bài 13: Triều Nguyễn (Tiết 2)		37	
		Bài 13: Triều Nguyễn (Tiết 3)		38	
20		Bài 14: Cách mạng tháng Tám năm 1945 (Tiết 1)	2 tiết	39	
		Bài 14: Cách mạng tháng Tám năm 1945 (Tiết 2)		40	LSDL địa phương: Chiến thắng trận Cờ-lốt
21		Bài 15: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 (Tiết 1)	2 tiết	41	QPAN: Nêu những tấm gương anh dũng hi sinh trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm.
		Bài 15: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 (Tiết 2)		42	LSDL địa phương: Chuyện về con tàu không số và đường Hồ Chí Minh trên biển
22		Bài 16: Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 (Tiết 1)	2 tiết	43	
		Bài 16: Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 (Tiết 2)		44	
23		Bài 17: Đất nước đổi mới (tiết 1)	2 tiết	45	
		Bài 17: Đất nước đổi mới (tiết 2)		46	LSDL địa phương: Vị trí địa lí và HD kinh tế của Thủy Nguyên.
24	CHỦ ĐỀ 4. CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG	Bài 18: Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Tiết 1)	2 tiết	47	
		Bài 18: Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Tiết 2)		48	
25		Bài 19: Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (Tiết 1)	2 tiết	49	
		Bài 19: Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (Tiết 2)		50	
26			Bài 20: Vương quốc Cam-pu-chia (Tiết 1)		51

		Bài 20: Vương quốc Cam-pu-chia (Tiết 2)	2 tiết	52	
27		Bài 21: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Tiết 1)	2 tiết	53	
		Bài 21: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Tiết 2)		54	
28	CHỦ ĐỀ 5: TÌM HIỂU THẾ GIỚI	Bài 22: Các châu lục và đại dương trên thế giới (Tiết 1)	5 tiết	55	
		Bài 22: Các châu lục và đại dương trên thế giới (Tiết 2)		56	
29		Bài 22: Các châu lục và đại dương trên thế giới (Tiết 3)		57	
		Bài 22: Các châu lục và đại dương trên thế giới (Tiết 4)		58	
30		Bài 22: Các châu lục và đại dương trên thế giới (Tiết 5)		59	
		Bài 23: Dân số và các chủng tộc trên thế giới (Tiết 1)	2 tiết	60	QPAN: Học sinh kể những hoạt động, việc làm thể hiện tinh thần yêu chuộng hoà bình của nhân dân Việt Nam; phản đối chế độ phân biệt chủng tộc, màu da.
31		Bài 23: Dân số và các chủng tộc trên thế giới (Tiết 2)		61	
		Bài 24: Văn minh Ai Cập	1 tiết	62	
32		Bài 25: Văn minh Hy Lạp	1 tiết	63	
	CHỦ ĐỀ 6. CHUNG TAY XÂY DỰNG THẾ GIỚI	Bài 26: Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp (Tiết 1)	2 tiết	64	
33		Bài 26: Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp (Tiết 2)		65	
		Bài 27: Xây dựng thế giới hoà bình (Tiết 1)	2 tiết	66	
34		Bài 27: Xây dựng thế giới hoà bình (Tiết 2)		67	
		Bài 28: Ôn tập (tiết 1)	2 tiết	68	
35		Bài 28: Ôn tập (tiết 2)		69	

		Kiểm tra và đánh giá cuối học kì II	1 tiết	70	

6. MÔN CÔNG NGHỆ

A. NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Công nghệ góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Công nghệ hình thành và phát triển ở học sinh năng lực công nghệ, bao gồm các thành phần: Nhận thức công nghệ, Giao tiếp công nghệ, Sử dụng công nghệ, Đánh giá công nghệ, Thiết kế kĩ thuật. Biểu hiện cụ thể của năng lực công nghệ ở từng cấp học được trình bày ở bảng sau:

3. Nội dung kiến thức

- + Công nghệ và đời sống: Vai trò của công nghệ; Nhà sáng chế; Tìm hiểu thiết kế; Sử dụng điện thoại.
- + Thủ công kĩ thuật: Lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin; Lắp ráp mô hình máy phát điện gió; Lắp ráp mô hình điện mặt trời.

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC: Cả năm học: 35 tuần, mỗi tuần 1 tiết = 35 tiết

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa			Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có) (Những điều chỉnh về nội dung, thời lượng, thiết bị dạy học và học liệu tham khảo; xây dựng chủ đề học tập, bổ sung tích hợp liên môn; thời gian và hình thức tổ chức...)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng		
HỌC KÌ I: 18 TUẦN					
1	PHẦN MỘT. CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG	Bài 1. Vai trò của công nghệ (Tiết 1)	2 tiết		
2		Bài 1. Vai trò của công nghệ (Tiết 2)			
3		Bài 2. Nhà sáng chế (Tiết 1)	4 tiết		
4		Bài 2. Nhà sáng chế (Tiết 2)			
5		Bài 2. Nhà sáng chế (Tiết 3)			
6		Bài 2. Nhà sáng chế (Tiết 4)			

7		Bài 3. Tìm hiểu thiết kế (Tiết 1)	2 tiết	STEM: 2 tiết: Tên lửa giấy	
8		Bài 3. Tìm hiểu thiết kế (Tiết 2)			
9		Bài 4. Thiết kế sản phẩm (Tiết 1)	4 tiết		
10		Bài 4. Thiết kế sản phẩm (Tiết 2)			
11		Bài 4. Thiết kế sản phẩm (Tiết 3)			
12		Bài 4. Thiết kế sản phẩm (Tiết 4)			
13		Bài 5. Sử dụng điện thoại (Tiết 1)	4 tiết	KNCDS (Bộ phận)	
14		Bài 5. Sử dụng điện thoại (Tiết 2)			
15		Bài 5. Sử dụng điện thoại (Tiết 3)			
16		Bài 5. Sử dụng điện thoại (Tiết 4)			
17		Ôn tập cuối học kì I	1 tiết		
18		Kiểm tra định kỳ cuối kì I	1 tiết		
HỌC KÌ II: 17 TUẦN					
19	PHẦN II: THỦ CÔNG KĨ THUẬT	Bài 6. Sử dụng tủ lạnh (Tiết 1)	1 tiết	KNCDS (Bộ phận)	
20		Bài 6. Sử dụng tủ lạnh (Tiết 2)	1 tiết		
21		Bài 6. Sử dụng tủ lạnh (Tiết 3)	1 tiết		
22		Bài 7. Lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin (tiết 1)	1 tiết	Stem 4 tiết: Thực hành lắp ghép mô hình xe điện chạy bằng pin	
23		Bài 7. Lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin (tiết 2)	1 tiết		
24		Bài 7. Lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin (tiết 3)	1 tiết		
25		Bài 7. Lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin (tiết 4)	1 tiết		
26		Bài 8. Mô hình máy phát điện gió (Tiết 1)	1 tiết		
27		Bài 8. Mô hình máy phát điện gió (Tiết 2)	1 tiết		
28		Bài 8. Mô hình máy phát điện gió (Tiết 3)	1 tiết		
29		Bài 8. Mô hình máy phát điện gió (Tiết 4)	1 tiết		
30		Bài 9. Mô hình điện mặt trời (Tiết 1)	1 tiết		

31		Bài 9. Mô hình điện mặt trời (Tiết 2)	1 tiết		
32		Bài 9. Mô hình điện mặt trời (Tiết 3)	1 tiết		
33		Bài 9. Mô hình điện mặt trời (Tiết 4)	1 tiết		
34		Ôn tập cuối học kì II	1 tiết		
35		Kiểm tra cuối kì II	1 tiết		
Tổng			35 tiết		

7. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

A. NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn GDTC góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Năng lực chăm sóc sức khỏe chủ yếu thể hiện trong sinh hoạt hằng ngày và các hoạt động rèn luyện thể chất ở nhà trường, việc hình thành năng lực này dần dần qua từng lớp học, cấp học.

Năng lực vận động cơ bản là năng lực được học sinh thể hiện qua việc xác nhận được nội dung các vận động cơ bản trong chương trình môn học. Thực hiện được các kĩ năng trong vận động cơ bản để phát triển các tố chất thể lực thông qua quan sát tranh ảnh, video kĩ thuật; động tác mẫu của giáo viên để thực hiện được các nội dung trong chương trình môn học Giáo dục thể chất.

Năng lực hoạt động thể thao được thể hiện ở khả năng nhận biết được vai trò của hoạt động thể dục thể thao đối với cơ thể.

Thực hiện được kĩ thuật cơ bản của một số nội dung thể thao phù hợp với bản thân và tự giác, tích cực trong tập luyện thể dục thể thao.

3. Nội dung kiến thức

KIẾN THỨC CHUNG

Chế độ ăn uống đảm bảo dinh dưỡng trong tập luyện.

VẬN ĐỘNG CƠ BẢN

Đội hình đội ngũ

- Luyện tập các nội dung đội hình, đội ngũ đã học

- Trò chơi rèn luyện đội hình đội ngũ

Bài tập thể dục

- Các động tác thể dục kết hợp sử dụng đạo cụ (cờ, hoa, vòng, gậy, ...) phù hợp với đặc điểm lứa tuổi
- Trò chơi phát triển khéo léo

Tư thế và kỹ năng vận động cơ bản

- Các bài tập rèn luyện kỹ năng lăn, lộn
- Các bài tập rèn luyện kỹ năng leo, trèo
- Trò chơi rèn luyện kỹ năng phối hợp vận động

THỂ THAO TỰ CHỌN

- Tập luyện một trong các nội dung thể thao phù hợp với đặc điểm cá nhân và lứa tuổi
- Trò chơi vận động bổ trợ môn thể thao ưa thích

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC:

- Tổng số tiết: 70 tiết/35 tuần (Học kì I: 18 tuần, Học kì II: 17 tuần);
- Số tiết trên tuần: 2 tiết/ tuần

Tuần	Chương trình sách giáo khoa				Tích hợp/ Nội dung điều chỉnh bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch ND	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng			
HỌC KÌ I						
1	CHỦ ĐỀ 1: ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ	Bài 1: Bài tập phối hợp đội hình đội ngũ (Tiết 1)	1 Tiết	1		
		Bài 1: Bài tập phối hợp đội hình đội ngũ (Tiết 2)	1 Tiết	2		
2		Bài 1: Bài tập phối hợp đội hình đội ngũ (Tiết 3)	1 Tiết	3		
		Bài 1: Bài tập phối hợp đội hình đội ngũ (Tiết 4)	1 Tiết	4		
3		Bài 1: Bài tập phối hợp đội hình đội ngũ (Tiết 5)	1 Tiết	5		

		Bài 2: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình (Tiết 1)	1 Tiết	6		
4		Bài 2: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình (Tiết 2)	1 Tiết	7		
		Bài 2: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình (Tiết 3)	1 Tiết	8		
5		Bài 2: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình (Tiết 4)	1 Tiết	9		
		Bài 2: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình (Tiết 5)	1 Tiết	10		
6		Bài 2: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình (Tiết 6)	1 Tiết	11		
		Bài 3: Bài tập phối hợp đi đều vòng các hướng (Tiết 1)	1 Tiết	12		
7		Bài 3: Bài tập phối hợp đi đều vòng các hướng (Tiết 2)	1 Tiết	13		
		Bài 3: Bài tập phối hợp đi đều vòng các hướng (Tiết 3)	1 Tiết	14		
8		Bài 3: Bài tập phối hợp đi đều vòng các hướng (Tiết 4)	1 Tiết	15		
		Bài 1: Động tác vươn thở, động tác tay, động tác chân với gậy (Tiết 1)	1 Tiết	16		
9		Bài 1: Động tác vươn thở, động tác tay, động tác chân với gậy (Tiết 2)	1 Tiết	17		
		Bài 1: Động tác vươn thở, động tác tay, động tác chân với gậy (Tiết 3)	1 Tiết	18		
10		Bài 1: Động tác vươn thở, động tác tay, động tác chân với gậy (Tiết 4)	1 Tiết	19		
		Bài 1: Động tác vươn thở, động tác tay, động tác chân với gậy (Tiết 5)	1 Tiết	20		
11		Bài 2: Động tác bụng, động tác vặn mình, động tác toàn thân với gậy (Tiết 1)	1 Tiết	21		
		Bài 2: Động tác bụng, động tác vặn mình, động tác toàn thân với gậy (Tiết 2)	1 Tiết	22		
12	CHỦ ĐỀ 2: BÀI THỂ DỤC	Bài 2: Động tác bụng, động tác vặn mình, động tác toàn thân với gậy (Tiết 3)	1 Tiết	23		
		Bài 2: Động tác bụng, động tác vặn mình, động tác toàn thân với gậy (Tiết 4)	1 Tiết	24		

13		Bài 2: Động tác bụng, động tác vặn mình, động tác toàn thân với gậy (Tiết 5)	1 Tiết	25		
		Bài 3: Động tác nhảy, Động tác điều hòa với gậy (Tiết 1)	1 Tiết	26		
14		Bài 3: Động tác nhảy, Động tác điều hòa với gậy (Tiết 2)	1 Tiết	27		
		Bài 3: Động tác nhảy, Động tác điều hòa với gậy (Tiết 3)	1 Tiết	28		
15		Bài 3: Động tác nhảy, Động tác điều hòa với gậy (Tiết 4)	1 Tiết	29		
		Bài 3: Động tác nhảy, Động tác điều hòa với gậy (Tiết 5)	1 Tiết	30		
16	CHỦ ĐỀ 3: TƯ THỂ VÀ KỸ NĂNG VẬN ĐỘNG CƠ BẢN	Bài 1: Bài tập rèn luyện kỹ năng lăn (Tiết 1)	1 Tiết	31		
		Bài 1: Bài tập rèn luyện kỹ năng lăn (Tiết 2)	1 Tiết	32		
17		Bài 1: Bài tập rèn luyện kỹ năng lăn (Tiết 3)	1 Tiết	33		
		Bài 1: Bài tập rèn luyện kỹ năng lăn (Tiết 4)	1 Tiết	34		
18		Bài 2: Bài tập rèn luyện kỹ năng lộn xuôi (Tiết 1)	1 Tiết	35		
		Ôn tập và Sơ kết học kỳ I	1 Tiết	36		
		HỌC KÌ II				
19		Bài 2: Bài tập rèn luyện kỹ năng lộn xuôi (Tiết 2)	1 Tiết	37		
		Bài 2: Bài tập rèn luyện kỹ năng lộn xuôi (Tiết 3)	1 Tiết	38		
20		Bài 2: Bài tập rèn luyện kỹ năng lộn xuôi (Tiết 4)	1 Tiết	39		
		Bài 3: Bài tập rèn luyện kỹ năng leo (Tiết 1)	1 Tiết	40		
21		Bài 3: Bài tập rèn luyện kỹ năng leo (Tiết 2)	1 Tiết	41		
		Bài 3: Bài tập rèn luyện kỹ năng leo (Tiết 3)	1 Tiết	42		
22		Bài 3: Bài tập rèn luyện kỹ năng leo (Tiết 4)	1 Tiết	43		
		Bài 4: Bài tập rèn luyện kỹ năng trèo (Tiết 1)	1 Tiết	44		

23		Bài 4: Bài tập rèn luyện kỹ năng trò (Tiết 2)	1 Tiết	45		
		Bài 4: Bài tập rèn luyện kỹ năng trò (Tiết 3)	1 Tiết	46		
24		Bài 4: Bài tập rèn luyện kỹ năng trò (Tiết 4)	1 Tiết	47		
		Bài 4: Bài tập rèn luyện kỹ năng trò (Tiết 5)	1 Tiết	48		
25		Bài 4: Bài tập rèn luyện kỹ năng trò (Tiết 6)	1 Tiết	49		
		Bài 4: Bài tập rèn luyện kỹ năng trò (Tiết 7)	1 Tiết	50		
26		CHỦ ĐỀ 4: MÔN THỂ THAO TỰ CHỌN MÔN BÓNG RỔ	Bài 1: Dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng (Tiết 1)	1 Tiết	51	
	Bài 1: Dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng (Tiết 2)		1 Tiết	52		
27	Bài 1: Dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng (Tiết 3)		1 Tiết	53		
	Bài 1: Dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng (Tiết 4)		1 Tiết	54		
28	Bài 1: Dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng (Tiết 5)		1 Tiết	55		
	Bài 1: Dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng (Tiết 6)		1 Tiết	56		
29	Bài 1: Dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng (Tiết 7)		1 Tiết	57		
	Bài 1: Dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng (Tiết 8)		1 Tiết	58		
30	Bài 2: Động tác chuyền, bắt bóng bằng hai tay trên cao (Tiết 1)		1 Tiết	59		
	Bài 2: Động tác chuyền, bắt bóng bằng hai tay trên cao (Tiết 2)		1 Tiết	60		
31	Bài 2: Động tác chuyền, bắt bóng bằng hai tay trên cao (Tiết 3)		1 Tiết	61		
	Bài 2: Động tác chuyền, bắt bóng bằng hai tay trên cao (Tiết 4)		1 Tiết	62		
32	Bài 2: Động tác chuyền, bắt bóng bằng hai tay trên cao (Tiết 5)		1 Tiết	63		

		Bài 3: Động tác hai bước ném rổ bằng một tay trên vai (Tiết 1)	1 Tiết	64		
33		Bài 3: Động tác hai bước ném rổ bằng một tay trên vai (Tiết 2)	1 Tiết	65		
		Bài 3: Động tác hai bước ném rổ bằng một tay trên vai (Tiết 3)	1 Tiết	66		
34		Bài 3: Động tác hai bước ném rổ bằng một tay trên vai (Tiết 4)	1 Tiết	67		
		Bài 3: Động tác hai bước ném rổ bằng một tay trên vai (Tiết 5)	1 Tiết	68		
35		Bài 3: Động tác hai bước ném rổ bằng một tay trên vai (Tiết 6)	1 Tiết	69		
		Ôn tập và đánh giá cuối năm	1 Tiết	70		

8. MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

A. NỘI DUNG YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu

Hoạt động trải nghiệm góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu theo các mức độ phù hợp với mỗi cấp học đã được quy định trong Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực

Hoạt động trải nghiệm giúp hình thành và phát triển ở học sinh các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo được biểu hiện qua các năng lực đặc thù: năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.

3. Nội dung kiến thức

+ **Hoạt động hướng vào bản thân:** Hoạt động khám phá bản thân. Hoạt động rèn luyện bản thân

+ **Hoạt động hướng đến xã hội:** Hoạt động chăm sóc gia đình. Hoạt động xây dựng nhà trường. Hoạt động xây dựng cộng đồng.

+ **Hoạt động hướng đến tự nhiên:** Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường.

+ **Hoạt động hướng nghiệp:** Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp.

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

Cả năm học: 35 tuần x 3 tiết = 105 tiết (Học kì I: 18 tuần; Học kì II: 17 tuần)

Tuần	Chương trình và SGK	Tiết học/	PPCT	Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)

	Chủ đề	Mô hình	Tên bài học trong tiết học cụ thể	thời lượng		
HỌC KÌ I						
1	CHỦ ĐỀ 1 Em lớn lên mỗi ngày	HĐGDCĐ	Chúng mình đã lớn	1 tiết	1	
		SHL	Vui hội trăng rằm	3 tiết	2,3,4	
2		SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết	5	
		HĐGDCĐ	Từng bước trưởng thành	1 tiết	6	
		SHL	Tiến bộ trong việc nhà	1 tiết	7	
3		HĐGDCĐ	Cân bằng cảm xúc	1 tiết	8	
		SHL	Thực hành cân bằng cảm xúc	1 tiết	9	
4		SHDC	Giáo dục An toàn giao thông: Bài 1	1 tiết	10	
		HĐGDCĐ	Thể hiện cảm xúc phù hợp	1 tiết	11	
		SHL	Khả năng kiểm soát cảm xúc	1 tiết	12	
5		SHDC	Chào cờ trường	1 tiết	13	
	CHỦ ĐỀ 2: Giữ gìn tình bạn	HĐGDCĐ	Các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ bạn bè và cách giải quyết	1 tiết	14	Tích hợp KNCDS (Bộ phận)
		SHL	Thực hành giải quyết vấn đề nảy sinh trong tình bạn	1 tiết	15	
6		HĐGDCĐ	Những vấn đề nảy sinh giữa tình bạn trong học tập và rèn luyện	1 tiết	16	
		SHL	Hợp tác để thực hiện sản phẩm chung	1 tiết	17	
7		SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết	18	
		HĐGDCĐ	Giữ gìn tình bạn	1 tiết	19	
		SHL	Nuôi dưỡng tình bạn	1 tiết	20	

8		HĐGDCĐ	Kế hoạch hoạt động "Cùng làm nên kỉ niệm"	1 tiết	21	
		SHL	Cùng làm nên kỉ niệm	1 tiết	22	
9	CHỦ ĐỀ 3: Tôn sư trọng đạo	SHDC	Chào cờ trường	1 tiết	23	
		HĐGDCĐ	Sự kiện về truyền thống tôn sư trọng đạo	1 tiết	24	
		SHL	Giới thiệu về truyền thống nhà trường	1 tiết	25	
10		HĐGDCĐ	Tâm sự thầy - trò	1 tiết	26	
		SHL	Giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ thầy trò	1 tiết	27	
11		SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết	28	
		HĐGDCĐ	Chuẩn bị chào mừng ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11	1 tiết	29	
		SHL	Liên hoan văn nghệ chào mừng ngày 20/11	3 tiết	30,31,32	
12		SHDC	GDATGT Bài 2	1 tiết	33	
		HĐGDCĐ	Vun đắp tình thầy trò	1 tiết	34	
		SHL	Sản phẩm tri ân thầy cô	1 tiết	35	
13		SHDC	Chào cờ trường	1 tiết	36	
	CHỦ ĐỀ 4: Quản lý chi tiêu và lập kế hoạch kinh doanh	HĐGDCĐ	Sổ tay ghi chép chi tiêu trong gia đình	1 tiết	37	
14		SHDC	Tìm hiểu ngày 22/12	1 tiết	38	
		HĐGDCĐ	Ý tưởng kinh doanh	1 tiết	39	
		SHL	Giáo dục ATGT: Bài 3	1 tiết	40	
15		SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết	41	
		HĐGDCĐ	Việc cần làm để thực hiện kế hoạch kinh doanh	1 tiết	42	
		SHL	Hội khỏe Phù Đổng cấp Trường	3 tiết	43,44,45	

16		SHDC	Giáo dục ATGT: Bài 4	1 tiết	46	
		HĐGDCĐ	Xây dựng kế hoạch kinh doanh	1 tiết	47	
		SHL	Kế hoạch kinh doanh của lớp	1 tiết	48	
17	CHỦ ĐỀ 5: Gia đình đầm ấm	HĐGDCĐ	Trách nhiệm của em trong gia đình	1 tiết	49	
SHDC		Chào cờ Trường	1 tiết	50		
18		HĐGDCĐ	Biết ơn người thân trong gia đình	1 tiết	51	
		SHL	Thể hiện lòng biết ơn với người thân	1 tiết	52	
18B		SHDC	Chào cờ lớp & Tìm hiểu di tích lịch sử Bạch Đằng Giang.	1 tiết	53	
		SHL	Sơ kết học kì I	1 tiết	54	
HỌC KÌ II						
19	CHỦ ĐỀ 5: Gia đình đầm ấm	SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết	55	
		HĐGDCĐ	Gia đình là tổ ấm	1 tiết	56	
		SHL	Chuyên đề Festival Tiếng Anh	3 tiết	57,58,59	
20		SHDC	Chào cờ Trường	1 tiết	60	
		HĐGDCĐ	Ngày cuối tuần vui vẻ	1 tiết	61	
		SHL	SHL & phát động phong trào “Em làm kế hoạch nhỏ”	1 tiết	62	
21	CHỦ ĐỀ 6: Sống an toàn và tự chủ	SHDC	Chào cờ lớp & GD phòng bệnh theo mùa.	1 tiết	63	
		HĐGDCĐ	Nhận diện các môi trường học tập mới	1 tiết	64	
		SHL	Trải nghiệm môi trường học tập mới	1 tiết	65	
22		SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết	66	
		HĐGDCĐ	Các đức tính cần thiết trong môi trường học tập mới	1 tiết	67	
		SHL	Rèn luyện thể chất và tinh thần để thích ứng với cuộc sống	1 tiết	68	

23		SHDC	Chào cờ lớp & Tìm hiểu ngày 8/3	1 tiết	69	
		HĐGDCĐ	Tự chủ và đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng	1 tiết	70	Tích hợp KN Công dân số (Bộ phận)
		SHL	Ứng xử theo quy tắc tự chủ và đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng	1 tiết	71	
24		SHDC	Chào cờ Trường	1 tiết	72	
		HĐGDCĐ	Nguyên nhân và cách phòng chống hoả hoạn	1 tiết	73	
		SHL	Chuyên đề Đội cấp Huyện	3 tiết	74,75,76	
25	CHỦ ĐỀ 7: Tham gia hoạt động xã hội	HĐGDCĐ	Tham gia lễ hội truyền thống địa phương	1 tiết	77	GDDP: Hiểu được ý nghĩa, nội dung của lễ hội truyền thống Hải Phòng
		SHL	SHL & PCCC: Các biện pháp phòng chống cháy nổ	1 tiết	78	Cả bài
26		SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết	79	
		HĐGDCĐ	Tham gia hoạt động xã hội	1 tiết	80	
		SHL	Chung tay vì cộng đồng	1 tiết	81	
27		SHDC	Chào cờ lớp & Hậu quả khi xảy ra cháy nổ	1 tiết	82	Cả bài
		HĐGDCĐ	Thân thiện với người xung quanh	1 tiết	83	
		SHL	Sinh hoạt lớp & GD phòng tránh tai nạn đuối nước (Tiết 1)	1 tiết	84	
28		SHDC	Sinh hoạt lớp & Tìm hiểu ngày 10/3 âm lịch	1 tiết	85	
		HĐGDCĐ	Tự hào về cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước	1 tiết	86	GDDP: Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên ở Hải Phòng
		SHL	Việt Nam trong mắt em	1 tiết	87	

29	CHỦ ĐỀ 8: Tự hào quê hương em	HĐGDCĐ	Biện pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	1 tiết	88	GDĐP: Một số biện pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở Hải Phòng	
		SHL	Sinh hoạt lớp & GD phòng tránh tai nạn đuối nước (Tiết 2)		89		
30		SHDC	Chào cờ Trường	1 tiết	90		
		HĐGDCĐ	Lập kế hoạch khảo sát thực trạng môi trường quanh em	1 tiết	91	GDBVMT	
		SHL	Chúng tôi lên tiếng vì môi trường	1 tiết	92	GDBVMT	
31		SHDC	Chào cờ lớp & GD phòng tránh tai nạn đuối nước (Tiết 3)	1 tiết	93		
		HĐGDCĐ	Chung tay bảo vệ môi trường quanh ta	1 tiết	94	GDBVMT	
		SHL	Mỗi hành động - Một chiếc lá	1 tiết	95	GDBVMT	
32		CHỦ ĐỀ 9: Ước mơ nghề nghiệp	SHDC	Chào cờ Đội	1 tiết	96	
			HĐGDCĐ	Nghề em mơ ước	1 tiết	97	
33	SHDC		Chào cờ Trường	1 tiết	98		
	HĐGDCĐ		An toàn nghề nghiệp	1 tiết	99		
	SHL		Sinh hoạt lớp & Tìm hiểu ngày 30/4	1 tiết	100		
34	SHDC		Chào cờ Đội	1 tiết	101		
	HĐGDCĐ		Mơ ước nghề nghiệp của em	1 tiết	102		
	SHL		Tám danh thiếp tương lai	1 tiết	103		
35	Tuần tổng kết	HĐGDCĐ	Hồ sơ trải nghiệm	1 tiết	104		
		SHL	Bình xét thi đua, khen thưởng cuối năm.	1 tiết	105		

9. MÔN ÂM NHẠC

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

a) Thể hiện âm nhạc: Bước đầu biết hát một mình và hát cùng người khác, thể hiện đúng giai điệu và lời ca, diễn tả được sắc thái và tình cảm của bài hát; Đọc nhạc đúng tên nốt, đọc đúng cao độ và trường độ; Biết chơi nhạc cụ một mình và chơi cùng người khác, thể hiện đúng tiết tấu và giai điệu.

b) Cảm thụ và hiểu biết âm nhạc: Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc, phân biệt được sự khác nhau trong từng thuộc tính âm nhạc; Biết vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu; Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng, nhận biết được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc; Bước đầu biết đánh giá kĩ năng thể hiện âm nhạc của bản thân và người khác.

c) Ứng dụng và sáng tạo âm nhạc: Bước đầu biết mô phỏng, tái hiện một số âm thanh quen thuộc trong cuộc sống; biết lặp lại có thay đổi mẫu tiết tấu và giai điệu đơn giản theo hướng dẫn của giáo viên; Biết làm dụng cụ học tập đơn giản theo hướng dẫn của giáo viên, biết tưởng tượng khi nghe nhạc không lời; Biết chia sẻ hiểu biết về âm nhạc với người khác; biết biểu diễn các tiết mục âm nhạc với hình thức phù hợp.

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC:

- Học kì 1: 18 tuần = 18 tiết

- Học kì 2: 17 tuần = 17 tiết.

Tuần	Chương trình sách giáo khoa			Tích hợp/ Nội dung điều chỉnh bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/ Mạch ND	Tên bài học	Tiết học/PPTL		
1	Chủ đề 1: Khúc ca ngày mới	Lý thuyết âm nhạc: Trọng âm, phách, vạch nhịp, ô nhịp. Đọc nhạc: Bài số 1.	1		
2		Ôn đọc nhạc: Bài số 1. Hát: Chim Sơn ca.	2		
3		Ôn bài hát: Chim Sơn ca. TTÂN: Một số hình thức biểu diễn nhạc cụ.	3		
4		Tổ chức hoạt động: Vận dụng-Sáng tạo.	4		
5	Chủ đề 2: Giai điệu quê hương	Hát: Lí đất giồng.	5		
6		Ôn bài hát: Lí đất giồng. Nhạc cụ: Nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc nhạc cụ giai điệu.	6		
7		TTÂN: Đàn nhị.	7		

		Nghe nhạc: Tình quê hương.			
8		Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo.	8		
9	Chủ đề 3: Bay vào tương lai	Lý thuyết âm nhạc: Nhịp 2/4. Đọc nhạc: Bài số 2.	9		
10		Ôn đọc nhạc: Bài số 2. Hát: Bay vào tương lai.	10		
11		Ôn bài hát: Bay vào tương lai. Nghe nhạc: Đường đến trường vui lắm.	11		
12		Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo.	12		
13		Lý thuyết âm nhạc: Nhịp 3/4. Đọc nhạc: Bài số 3.	13	Đây chủ đề: Chào mùa xuân đến sang các tiết 19, 20, 21 và 22 cho phù hợp với thời gian đón Tết Nguyên đán.	
14	Chủ đề 4: Thiên nhiên tươi đẹp	Ôn đọc nhạc: Bài số 3. Hát: Em đi giữa biển vàng.	14		
15		TTÂN: Nhạc sĩ Bùi Đình Thảo và bài hát Sách bút thân yêu ơi!.	15		
16		Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo.	16		
17	Ôn tập và kiểm tra	Ôn tập và đánh giá cuối học kì 1.	17/18		
18					
19	Chủ đề 5: Chào mùa xuân đến	Hát: Duyên dáng mùa xuân.	19		
20		Ôn bài hát: Duyên dáng mùa xuân. Nhạc cụ: Nhạc cụ thể hiện tiết tấu và nhạc cụ giai điệu.	20		
21		TTÂN: Câu chuyện về bản xô-nát Ánh trăng.	21		
22		Tổ chức hoạt động vận dụng - sáng tạo.	22		
23	Chủ đề 6: Ước mơ tuổi thơ	Hát: Tuổi hồng ơi.	23		
24		Nhạc cụ: Nhạc cụ thể hiện tiết tấu hoặc nhạc cụ giai điệu.	24		
25		Ôn nhạc cụ: Thể hiện nhạc cụ gõ nhạc hoặc nhạc cụ giai điệu.	25		

		Nghe nhạc: Ngôi sao sáng.			
26		Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo.	26		
27	Chủ đề 7. Âm nhạc nước ngoài	Lý thuyết âm nhạc: Ôn tập. Đọc nhạc: Bài số 4.	27		
28		Ôn đọc nhạc: Bài số 4. Hát: Đất nước tươi đẹp sao.	28		
29		Ôn bài hát: Đất nước tươi đẹp sao. TTÂN: GT một số nhạc cụ gõ nước ngoài. Nghe nhạc: Vũ khúc Tây Ban Nha.	29		
30		Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo.	30		
31	Chủ đề 8: Khúc ca hè về	Hát: Khúc ca hè về.	31		
32		Ôn bài hát: Khúc ca hè về. Nghe nhạc: Khúc ca bốn mùa.	32		
33		Tổ chức hoạt động Vận dụng-Sáng tạo.	33		
34	Ôn tập và kiểm tra	Ôn tập cuối năm.	34		
35		Kiểm tra đánh giá cuối năm	35		

10. MĨ THUẬT

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

I. Mĩ thuật tạo hình

1. Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:

- Biết được mĩ thuật có ở xung quanh.
- Biết được một số đồ dùng, màu vẽ và vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo.
- Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc.

2. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:

- Đọc được tên một số màu trong thực hành, sáng tạo.
- Tạo được chấm bằng nhiều cách khác nhau, biết sử dụng chấm trong tạo hình và trang trí sản phẩm.
- Tạo được một số loại nét khác nhau, biết sử dụng nét để mô phỏng đối tượng.
- Tạo được hình, khối dạng cơ bản.
- Sử dụng được vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo.
- Sắp xếp được sản phẩm của cá nhân tạo thành sản phẩm nhóm học tập.
- Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, đất nặn, giấy màu,... trong thực hành, sáng tạo.

3. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:

- Trưng bày và nêu được tên sản phẩm, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của cá nhân, của bạn bè.
- Nêu được tên một số màu; bước đầu mô tả, chia sẻ được cảm nhận về hình ảnh chính ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

II. Mỹ thuật ứng dụng

1. Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:

- Nêu được tên một số công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo.
- Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu ở sản phẩm thủ công.

2. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:

- Biết cách sử dụng công cụ phù hợp với vật liệu và an toàn trong thực hành, sáng tạo.
- Thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm.
- Vận dụng được nét để tạo nên sản phẩm.
- Tạo được sản phẩm từ vật liệu dạng hình, khối
- Sử dụng được chấm, nét, màu sắc khác nhau để trang trí sản phẩm.

3. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:

- Trưng bày, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm.
- Biết chia sẻ ý định sử dụng sản phẩm và bảo quản một số đồ dùng học tập.

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC:

Cả năm: 35 tuần x 1 tiết/tuần = 35 tiết
Học kỳ I: 18 tuần x 1 tiết/tuần = 18 tiết
Học kỳ II: 17 tuần x 1 tiết/tuần = 17 tiết

Tuần Tháng	Chương trình và sách giáo khoa			Tiết	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
	Chủ đề / mạch nội dung	Tên bài học	Tiết học Thời lượng			
1	Chủ đề 1: Mỹ thuật trong nhà trường.	Tìm hiểu Mỹ thuật trong nhà trường.	2	1		
		Ôn:Trải nghiệm		2		
2	Chủ đề 2: Sáng tạo từ những chấm màu	Tiết 1: Tìm hiểu những chấm màu	8	3		
		Ôn:Trải nghiệm chấm trong mỹ thuật.		4		
3		Tiết 2:Tạo sản phẩm mỹ thuật.		5		
		Ôn: Trải nghiệm với những chấm màu.		6		
4		Tiết 3: Thảo luận .		7		
		Ôn: Sáng tạo sản phẩm từ những chấm màu.		8		
5		Tiết 4:Vận dụng.		9		
		Ôn: Dùng chấm màu trang trí đồ vật .		10		
6	Chủ đề 3: Nét vẽ của em.	Tiết 1: Tìm hiểu một số loại nét.	8	11		
		Ôn: Nét trong cuộc sống.		12		
7		Tiết 2:Tạo sản phẩm mỹ thuật.		13		
		Ôn: Tạo những nét vẽ.		14		
8		Tiết 3: Thảo luận .		15		

		Ôn: Tạo nét trang trí.		16		
9		Tiết 4:Vận dụng.		17		
		Ôn: Trải nghiệm với nét vẽ.		18		
10	Chủ đề 4: Sáng tạo từ những hình cơ bản.	Tiết 1: Tìm hiểu một số hình cơ bản.		19	Tiết 1:Tích hợp môn Toán: Làm quen với một số hình phẳng.Hình tam giác, hình vuông, hình tròn.	
		Ôn:Trải nghiệm.		20		
11		Tiết 2:Tạo sản phẩm mỹ thuật.		21		
		Ôn: Trang trí vật có dạng hình tam giác.		22		
12		Tiết 3: Thảo luận .	8	23		
		Ôn: Trang trí vật có dạng hình vuông.		24		
13		Tiết 4:Vận dụng.	25			
		Ôn: Trang trí vật có dạng hình tròn.	26			
14	Chủ đề 5: Màu cơ bản trong mỹ thuật.	Tiết 1:Tìm hiểu màu cơ bản.		27		
		Ôn: Trải nghiệm.		28		
15		Tiết 2:Tạo sản phẩm mỹ thuật.		29		
		Ôn: Trang trí đồ vật, sự vật.		30		
16		Tiết 3: Thảo luận .	8	31		
		Ôn: Trang trí đồ vật, sự vật.		32		
17		Tiết 4:Vận dụng.	33			
		Ôn: Trang trí đồ vật, sự vật.	34			
18		Trung bày sản phẩm cuối kỳ I	2	35		
		Đánh giá học kỳ I		36		
19	Chủ đề 6: Sáng tạo từ những khối cơ bản.	Tiết 1:Tìm hiểu một số dạng khối cơ bản.	8	37	Tiết 1:Tích hợp môn Toán: Làm quen với một số hình	
		Ôn: Trải nghiệm.		38		

20		Tiết 2:Tạo sản phẩm mỹ thuật.		39	khối.Khối hộp vuông, khối cầu, khối chóp nón.	
		Ôn: Trang trí đồ vật, sự vật.		40		
21		Tiết 3: Thảo luận .		41		
		Ôn: Trang trí đồ vật, sự vật.		42		
22		Tiết 4:Vận dụng.		43		
		Ôn: Trang trí đồ vật, sự vật.		44		
23	Chủ đề 7: Hoa quả.	Tiết 1:Tìm hiểu một số loài hoa, quả.	8	45	Tiết 1:Tích hợp giáo dục địa phương chủ đề 1: Trưng thu trên quê hương HP; chủ đề 2: Ngày Tết quê em.	
		Ôn: Trải nghiệm.		46		
24		Tiết 2:Tạo sản phẩm mỹ thuật.		47		
		Ôn: Trang trí .		48		
25		Tiết 3: Thảo luận .		49		
		Ôn: Trang trí .		50		
26		Tiết 4:Vận dụng.		51		
		Ôn: Hoàn thành, trưng bày sản phẩm.		52		
27	Chủ đề 8: Người thân của em.	Tiết 1:Tìm hiểu hình ảnh về người thân.	8	53		
		Ôn: Trải nghiệm.		54		
28		Tiết 2:Tạo sản phẩm mỹ thuật.		55		
		Ôn: Tạo hình về người thân của em.		56		
29		Tiết 3: Thảo luận .		57		
		Ôn: Trang trí bưu thiếp.		58		
30		Tiết 4:Vận dụng.		59		
		Ôn: Hoàn thành, trưng bày sản phẩm.		60		
31		Tiết 1:Tìm hiểu cảnh vật từ nhà đến trường.	8	61		

		Ôn: Trải nghiệm.		62		
32		Tiết 2:Tạo sản phẩm mỹ thuật.		63		
		Ôn: Hoạt động ở trường.		64		
33	Chủ đề 9: Em là học sinh lớp 1.	Tiết 3: Thảo luận .		65		
		Ôn: Tự chọn vật liệu tạo sản phẩm mỹ thuật.		66		
34		Tiết 4: Vận dụng.		67		
		Ôn: Hoàn thành, trưng bày sản phẩm.		68		
35		Trưng bày sản phẩm cuối kỳ II	2	69		
		Đánh giá học kỳ II		70		

11. MÔN TIẾNG ANH

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Giao tiếp rất đơn giản bằng tiếng Anh thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết , trong đó nhấn mạnh hai kỹ năng nghe và nói. Nghe hiểu được các đoạn hội thoại ngắn rất đơn giản về các chủ đề quen thuộc; Hỏi, trả lời các câu hỏi đơn giản về chủ đề đã học, trình bày được về một số chủ đề quen thuộc có sự trợ giúp; Đọc hiểu các đoạn văn ngắn; Viết các đoạn văn có gợi ý về các chủ đề quen thuộc.
- Thông qua môn Tiếng Anh, học sinh có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và nền văn hoá của một số nước nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh; biết tự hào, yêu quý và trân trọng ngôn ngữ và nền văn hoá của dân tộc mình; phát triển các năng lực chung và phẩm chất như yêu thương, tôn trọng bản thân, bạn bè, gia đình, môi trường, chăm chỉ và trung thực.
- Hình thành cách học tiếng Anh hiệu quả, tạo cơ sở cho việc học các ngoại ngữ khác trong tương lai.

Nội dung các bài học:

Unit 1: What's your address?	Review 1+ Short story	Review 2+ Short story	Review 3+ Short story
Unit 2: I always get up early. How about you?	Unit 6: How many lessons do you have today?	Unit 11: What's the matter with you ?	Unit 16: Where's the post office?
Unit 3: Where did you go on holiday?	Unit 7: How do you learn English?	Unit 12: Don't ride your bike too fast!	Unit 17: What would you like to eat?
Unit 4: Did you go to the party?	Unit 8: What are you doing?	Unit 13: What do you do in your free time?	Unit 18: What will the weather be like tomorrow?

Unit 5: Where will you be this weekend?	Unit 9: What did you see at the zoo?	Unit 14: What happened in the story?	Unit 19: Which place would you like to visit?
	Unit 10: When will sportsday be?	Unit 15: What would you like to be in the future?	Unit 20: Which one is more exciting, life in the city or life in the countryside?
			Review 4+ Short story

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC:

- Số tiết thực dạy: 6 tiết/bài học x 20 bài = 120 tiết
- Số tiết ôn tập: 3 tiết/bài x 4 bài = 12 tiết
- Số tiết kiểm tra: 2 tiết/bài x 4 bài kiểm tra = 8 tiết
- Tổng số tiết trong một năm học: = 140 tiết

Tuần	Chương trình và sách giáo khoa				Tiết học / Thời lượng	Nội dung điều chỉnh,bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề / Mạch nội dung	Tên bài học					
1	STARTER	Welcome	Lesson 1	Làm quen với chương trình SGK.....	1		
		Starter A. Back to school	Lesson 2	1. Let's sing	2		
				2. Let’s play			
				3. Write and share			
		Starter B. Last summer	Lesson 3	1. Let's play	3		
				2. Listen and match			
				3.Let’s talk			
		Starter C. Classroom intructions	Lesson 4	1. Let's chant	4		
				2. Listen and tick			
				3. Let’s play			

2	ME AND MY FRIENDS	Unit 1: All about me!	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	5		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	6		
				5. Read and complete			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	7		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and match	8		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			

3			Lesson 3	1. Listen and repeat	9		
				2. Circle, listen and check			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and circle	10		
				5. Let's write			
				6. Project			
			Lesson 1	1. Look, listen and repeat	11		
				2. Listen, point and say			

4	ME AND MY FRIENDS	Unit 2: Our homes		3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and number	12		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	13		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and cicle	14		
				5. Read and complete			
				6. Listen, comlete and sing			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	15		
				2. Circle, listen and check			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and tick True or False	16		
				5. Let's write			
				6. Project			
			Lesson 1	1. Look, listen and repeat	17		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
				4. Listen and tick			

5	ME AND MY FRIENDS	Unit 3: My foreign friends	Lesson 1	5. Read and complete	18		
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	19		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	20		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	21		
				2. Circle, listen and check			
				3. Let's chant			
6	ME AND MY FRIENDS	Unit 3: My foreign friends	Lesson 3	4. Read and complete	22		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Unit 4: Our free - time activities	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	23		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and number	24		
				5. Read and complete			

				6. Let's play			

7	ME AND MY FRIENDS		Lesson 2	1. Look, listen and repeat	25		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and tick	26		
				5. Read and complete			
				6. Listen, complete and sing.			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	27		
				2. Circle, listen and check			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and answer	28		
				5. Let's write			
				6. Project			
8		Unit 5: My future job	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	29		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and number	30		
				5. Read and complete			
				6. Listen, complete and sing			

			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	31		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and tick	32		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			

9	ME AND MY FRIENDS		Lesson 3	1. Listen and repeat	33		
				2. Circle, listen and check			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and circle	34		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Review 1	Lesson 1	1. Listen and circle a, b or c	35		
				2. Ask and answer			
			Lesson 2	3. Read and match	36		
				4. Read and complete			
				5. Let's write			
				1. Choose and write the correct words on the lines.			

10		Extension activities		2. Complete the table about jobs	37		
				3. Work in groups. Talk about what you want to be in the future. Say why			
	ME AND MY SCHOOL	Unit 6: Our school rooms	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	38		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick or cross	39		
				5. Read and complete			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	40		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			

11			Lesson 2	4. Listen and tick	41		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	42		
				2. Circle, listen and check			
				3. Let's chant			
				4. Read and tick True or False			

12	ME AND MY SCHOOL	Unit 7: Our school activities	Lesson 3	5. Let's write	43		
				6. Project			
			Lesson 1	1. Look, listen and repeat	44		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and number	45		
				5. Read and complete			
				6. Listen, complete and sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	46		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and tick	47		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	48		
				2. Circle, listen and check			
				3. Let's chant			

			Lesson 3	4. Read and circle	49		
				5. Let's write			

13	ME AND MY SCHOOL	Unit 8: In our classroom		6. Project			
			Lesson 1	1. Look, listen and repeat	50		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick or cross	51		
				5. Read and complete			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	52		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and tick	53		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
14			Lesson 3	1. Listen and repeat	54		
				2. Circle, listen and check			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and answer	55		
				5. Let's write			
				6. Project			
				1. Look, listen and repeat			

			Lesson 1	2. Listen, point and say	56		
				3. Let's talk			

15	ME AND MY SCHOOL	Unit 9: Our outdoor activities	Lesson 1	4. Listen and tick or cross	57		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	58		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and circle	59		
				5. Read and complete			
				6. Let's sing			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	60		
				2. Circle, listen and check			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and complete	61		
				5. Let's write			
				6. Project			
			Lesson 1	1. Look, listen and repeat	62		
				2. Listen, point and say			

16		Unit 10: Our school trip		3. Let's talk	63		
			Lesson 1	4. Listen and tick or cross			
				5. Read and circle			
				6. Listen, complete and sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	64		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			

17	ME AND MY SCHOOL		Lesson 2	4. Listen and tick	65		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	66		
				2. Circle, listen and check			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and circle	67		
				5. Let's write			
				6. Project			
		Review 2	Lesson 1	1. Listen and tick	68		
				2. Ask and answer			
Lesson 2	3. Read and match		69				
	4. Read and number						
	5. Let's write						
Extension activities		1. Write the activities in the correct places	70				
		2. Answer the questions about your last holiday					

				3. Board game. Roll a dice. Listen and answer			
		The first semester test			71		
		Correct the test			72		
19	ME AND MY FAMILY	Unit 11: Family time	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	73		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and match	74		
				5. Read and circle			
				6. Listen, complete and sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	75		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and circle	76		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	77		
				2. Listen and underline one more stressed word. Then repeat			
				3. Let's chant			
				4. Read and answer			

20		Unit 12: Our Tet holiday	Lesson 3	5. Let's write	78		
				6. Project			
			Lesson 1	1. Look, listen and repeat	79		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick	80		
				5. Read and complete			
				6. Let's sing			
21			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	81		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and number	82		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	83		
				2. Listen and underline one more stressed word. Then repeat			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and complete	84		
				5. Let's write			

	ME AND MY FAMILY			6. Project			
22		Unit 13: Our special days	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	85		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and tick or cross	86		
				5. Read and complete			
				6. Listen, complete and sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	87		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and tick	88		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
23			Lesson 3	1. Listen and repeat	89		
				2. Listen and underline one more stressed word. Then repeat			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and answer	90		
				5. Let's write			
				6. Project			

24	ME AND MY FAMILY	Unit 14: Staying healthy	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	91		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and match	92		
				5. Read and complete			
				6. Listen, complete and sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	93		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and circle	94		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	95		
				2. Listen and underline one more stressed word. Then repeat			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and circle	96		
				5. Let's write			
				6. Project			
				1. Look, listen and repeat			

25	ME AND MY FAMILY	Unit 15: Our health	Lesson 1	2. Listen, point and say	97		
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and number	98		
				5. Read and complete			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	99		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and tick	100		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
26	ME AND MY FAMILY	Unit 15: Our health	Lesson 3	1. Listen and repeat	101		
				2. Listen and underline one more stressed word. Then repeat			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and match	102		
				5. Let's write			
				6. Project			
			Lesson 1	1. Listen and circle a, b or c	103		
				2. Ask and answer			

27		Review 3	Lesson 2	3. Read and match	104		
				4. Read and tick True or False			
				5. Let's write			
		Extension activities		1. Look, read and colour	105		
				2. Look and write			
				3. Write and say			
	ME AND THE WORLD AROUND	Unit 16: Weather	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	106		
				2. Listen, point and say.			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and number	107		
				5. Read and complete			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	108		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and circle	109		
				5. Read complete			
				6. Let's play			
				1. Listen and repeat			

28			Lesson 3	2. Listen and repeat. Pay attention to the intonation	110		
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and complete	111		
				5. Let's write			
				6. Project			
			Lesson 1	1. Look, listen and repeat	112		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
29	ME AND THE	Unit 17: Stories for children	Lesson 1	4. Listen and circle	113		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	114		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and circle	115		
				5. Read and complete			
				6. Listen, complete and sing			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	116		
				2. Listen and repeat. Pay attention to the intonation			

30	WORLD AROUND			3. Let's chant	117		
			Lesson 3	4. Read and tick True or False			
				5. Let's write			
				6. Project			
		Unit 18: Means of transport	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	118		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and number	119		
				5. Read and complete			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	120		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and tick or cross	121		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	122		
				2. Listen and repeat. Pay attention to the intonation			
				3. Let's chant			

31	ME AND THE WORLD AROUND		Lesson 3	4. Read and answer	123		
				5. Let's write			
				6. Project			
32		Unit 19: Places of interest	Lesson 1	1. Look, listen and repeat	124		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and circle	125		
				5. Read and complete			
				6. Let's sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	126		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 2	4. Listen and circle	127		
				5. Read and complete			
				6. Let's play			
Lesson 3	1. Listen and repeat	128					
	2. Listen and repeat. Pay attention to the intonation						
	3. Let's chant						
				4. Read and complete			

33	ME AND THE WORLD AROUND	Unit 20: Our summer holidays	Lesson 3	5. Let's write	129		
				6. Project			
			Lesson 1	1. Look, listen and repeat	130		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
			Lesson 1	4. Listen and number	131		
				5. Read and complete.			
				6. Listen, complete and sing			
			Lesson 2	1. Look, listen and repeat	132		
				2. Listen, point and say			
				3. Let's talk			
34			Lesson 2	4. Listen and circle	133		
				5. Read and complete.			
				6. Let's play			
			Lesson 3	1. Listen and repeat	134		
				2. Listen and repeat. Pay attention to the intonation			
				3. Let's chant			
			Lesson 3	4. Read and tick True or False	135		
				5. Let's write			

				6. Project			
		Review 4	Lesson 1	1. Listen and tick	136		
				2. Ask and answer			
35	ME AND THE WORLD AROUND		Lesson 2	3. Read and match	137		
				4. Read and circle			
				5. Let's write			
		Extension activities		1. Do the quiz	138		
				2. Read and complete			
				3. Write and say			
		The second semester test			139		
		Correct the test			140		

12. MÔN TIN HỌC

A. Nội dung, yêu cầu cần đạt

- Nhận diện, phân biệt được hình dạng và chức năng của các thiết bị kỹ thuật số thông dụng; thực hiện được một số thao tác cơ bản với phần mềm hỗ trợ học tập, vui chơi, giải trí trên một số thiết bị kỹ thuật số quen thuộc.

- Nêu được sơ lược lí do cần bảo vệ và biết bảo vệ thông tin số hoá của cá nhân, biết và thực hiện được quyền sở hữu trí tuệ ở mức đơn giản. Ví dụ: Biết sản phẩm số (bài làm, tranh vẽ, bài thơ, video, chương trình máy tính,...) của mỗi người thuộc quyền sở hữu của người đó, không được sao chép khi không được phép. Biết bảo vệ sức khoẻ khi sử dụng thiết bị kỹ thuật số (thao tác đúng cách, bố trí thời gian vận động và nghỉ xen kẽ,...)

- Nhận biết và nêu được nhu cầu tìm kiếm thông tin từ nguồn dữ liệu số khi giải quyết công việc, tìm được thông tin trong máy tính và trên Internet theo hướng dẫn; biết sử dụng tài nguyên thông tin và kỹ thuật của ICT để giải quyết một số vấn đề phù hợp với lứa tuổi.

Chủ đề A. Máy tính và em

- Nêu được ví dụ máy tính giúp giải trí, học tập, tìm kiếm, trao đổi thông tin, hợp tác với bạn bè và tạo ra sản phẩm số theo ý tưởng của bản thân.

- Thể hiện được mong muốn biết sử dụng máy tính thành thạo để làm được nhiều việc hơn.

Chủ đề B. Mạng máy tính và Internet

Tìm được trên website cho trước những thông tin phù hợp và có ích cho nhiệm vụ đặt ra.

- Hợp tác, chia sẻ được thông tin với các bạn trong nhóm để hoàn thành công việc được giao.

Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin

Giải thích được sự cần thiết, tầm quan trọng của việc thu thập và tìm kiếm thông tin trong giải quyết vấn đề.

- Tìm kiếm và chọn được thông tin phù hợp với vấn đề cần giải quyết.

- Thể hiện được sự hợp tác với người khác để giải quyết vấn đề cụ thể.

Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số

Giải thích được một số khái niệm liên quan đến bản quyền nội dung thông tin.

- Nhận biết và giải thích sơ lược được một số vấn đề đạo đức và tính hợp lệ của việc truy cập nội dung, việc bảo mật thông tin.

- Thể hiện được sự tôn trọng tính riêng tư và bản quyền nội dung thông tin.

- Thể hiện được sự không đồng tình với hiện tượng sai trái, gian dối trong học tập và đời sống như xem thư riêng hay sao chép tệp của bạn khi chưa được sự đồng ý,...

Chủ đề E. Ứng dụng tin học

- Thực hiện thành thạo các thao tác chọn, xoá, sao chép, di chuyển một đoạn văn bản.

- Định dạng được kí tự để trình bày văn bản đẹp hơn: chọn kiểu, kích thước, màu sắc cho chữ.

- Đưa được hình ảnh vào trong văn bản một cách thành thạo.

Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính

- Nêu được ví dụ cụ thể mô tả các cấu trúc tuần tự, lặp, rẽ nhánh và sử dụng được các cấu trúc điều khiển này trong một số chương trình đơn giản.

- Sử dụng được biến nhớ và biểu thức trong một số chương trình đơn giản.

- Hợp tác được theo nhóm để viết kịch bản và chương trình thể hiện kịch bản.

- Chạy thử được chương trình.

B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC: Tổng số Tiết: 35 Tiết/ năm. Số tiết trên tuần: 1 tiết/ tuần

Tuần	Chương trình sách giáo khoa		Ghi chú

	Chủ đề/ Mạch ND	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng			Tích hợp/ Nội dung điều chỉnh bổ sung (nếu có)	
1	Chủ đề 1 Máy tính và em	Bài 1. Em có thể làm gì với máy tính? (Tiết 1)	1 Tiết	LT	1		
2		Bài 1. Em có thể làm gì với máy tính? (Tiết 2)	1 Tiết	TH	2		
3	Chủ đề 2 Mạng máy tính và Internet	Bài 2. Tìm kiếm thông tin trên website (Tiết 1)	1 Tiết	LT	3		
4		Bài 2. Tìm kiếm thông tin trên website (Tiết 2)	1 Tiết	TH	4		
5	Chủ đề 3 Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Bài 3. Tìm kiếm thông tin trong giải quyết vấn đề (Tiết 1)	1 Tiết	LT	5		
6		Bài 3. Tìm kiếm thông tin trong giải quyết vấn đề (Tiết 2)	1 Tiết	TH	6		
7		Bài 4. Cây thư mục (Tiết 1)	1 Tiết	LT	7		
8		Bài 4. Cây thư mục (Tiết 2)	1 Tiết	TH	8		
9	Chủ đề 4 Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	Bài 5. Bản quyền nội dung thông tin (Tiết 1)	1 Tiết	LT	9		
10		Bài 5. Bản quyền nội dung thông tin (Tiết 2)	1 Tiết	LT	10		
11	Chủ đề 5 Ứng dụng tin học	Bài 6. Định dạng kí tự và bố trí hình ảnh trong văn bản (Tiết 1)	1 Tiết	LT	11		
12		Bài 6. Định dạng kí tự và bố trí hình ảnh trong văn bản (Tiết 2)	1 Tiết	TH	12		
13		Bài 7. Thực hành soạn thảo văn bản (Tiết 1)	1 Tiết	TH	13		
14		Bài 7. Thực hành soạn thảo văn bản (Tiết 2)	1 Tiết	TH	14		
15		Bài 8B. Làm sản phẩm thủ công theo video hướng dẫn (Tiết 1)	1 Tiết	LT	15		
16		Bài 8B. Làm sản phẩm thủ công theo video hướng dẫn (Tiết 2)	1 Tiết	TH	16		
17		Ôn tập	1 Tiết	LT	17		
18		Kiểm tra cuối học kỳ I	1 Tiết	LT	18		
19		Bài 9B. Thực hành tạo đồ dùng gia đình theo video hướng dẫn	1 Tiết	TH	19		

20	Chủ đề 6 Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Bài 10. Cấu trúc tuần tự (Tiết 1)	1 Tiết	LT	20		
21		Bài 10. Cấu trúc tuần tự (Tiết 2)	1 Tiết	TH	21		
22		Bài 11. Cấu trúc lặp (Tiết 1)	1 Tiết	LT	22		
23		Bài 11. Cấu trúc lặp (Tiết 2)	1 Tiết	LT	23		
24		Bài 12. Thực hành sử dụng lệnh lặp (Tiết 1)	1 Tiết	TH	24		
25		Bài 12. Thực hành sử dụng lệnh lặp (Tiết 2)	1 Tiết	TH	25		
26		Bài 13. Cấu trúc rẽ nhánh (Tiết 1)	1 Tiết	LT	26		
27		Bài 13. Cấu trúc rẽ nhánh (Tiết 2)	1 Tiết	TH	27		
28		Bài 14. Sử dụng biến trong chương trình (Tiết 1)	1 Tiết	LT	28		
29		Bài 14. Sử dụng biến trong chương trình (Tiết 2)	1 Tiết	TH	29		
30		Bài 15. Sử dụng biểu thức trong chương trình (Tiết 1)	1 Tiết	LT	30		
31		Bài 15. Sử dụng biểu thức trong chương trình (Tiết 2)	1 Tiết	TH	31		
32		Bài 16. Từ kịch bản đến chương trình (Tiết 1)	1 Tiết	LT	32		
33		Bài 16. Từ kịch bản đến chương trình (Tiết 2)	1 Tiết	TH	33		
34		Ôn tập cuối học kỳ II	1 Tiết	LT	34		
35		Kiểm tra cuối học kỳ II	1 Tiết	LT	35		

